

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



**TUYỂN TẬP BÁO CÁO
HỘI THẢO KHOA HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ
AN NINH VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**



**TUYỂN TẬP BÁO CÁO
HỘI THẢO KHOA HỌC
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ
AN NINH VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

**NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI
HÀ NỘI - 12/2022**

BAN TỔ CHỨC

GS.TS Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng	Trưởng ban
PGS.TS Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng	Phó Trưởng ban
PGS.TS Đỗ Ngọc Anh	Trưởng phòng KHCN	Ủy viên
Đại tá.ThS Phạm Quốc Đảm	Trưởng khoa GDQP	Ủy viên
Thượng tá.ThS Trần Bắc Bộ	Phó Trưởng khoa GDQP	Ủy viên

BAN BIÊN TẬP

Đại tá.ThS Phạm Quốc Đảm	Trưởng ban
Thượng tá.ThS Trần Bắc Bộ	Ủy viên
GVC.TS Nguyễn Việt Nghĩa	Ủy viên
ThS Phạm Công Tú	Ủy viên

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo dục quốc phòng và an ninh là một trong những nhiệm vụ quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao phó cho các cơ sở giáo dục đại học. Thông qua Giáo dục quốc phòng và an ninh các thế hệ sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học có điều kiện tu dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện ý thức tổ chức kỉ luật, nề nếp, tác phong khoa học khi đang học tập trong nhà trường. Là cơ sở để nâng cao ý thức trách nhiệm và kỹ năng sống khi tốt nghiệp và tham gia các hoạt động xã hội sau khi ra trường. Giáo dục quốc phòng và an ninh còn là nhân tố quan trọng để rèn luyện phẩm chất đạo đức của sinh viên, củng cố và bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường sự đoàn kết của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong nhà trường. Do đó, làm tốt công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh là góp phần quan trọng trong đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý chất lượng cao có đủ năng lực, phẩm chất, sẵn sàng tham gia thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên mọi cương vị công tác.

Nắm bắt được yêu cầu đó, Trường Đại học Mở - Địa chất đã đưa hoạt động nghiên cứu chuyên sâu về Giáo dục quốc phòng và an ninh thành nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động của trường nhằm tăng cường và mở rộng hợp tác nghiên cứu, triển khai các hoạt động chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm, trao đổi học thuật có liên quan đến lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh trong và ngoài trường, từ đó nâng cao và phát huy năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ. Năm 2022, các hoạt động này được triển khai thành một Hội nghị khoa học cấp trường với chủ đề **“Giáo dục quốc phòng và an ninh gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường Đại học Mở - Địa chất trong tình hình mới”**. Mục đích của Hội nghị này là tạo ra môi trường bổ ích kết nối các nhà khoa học, các chuyên gia, giảng viên và sinh viên trong và ngoài trường có liên quan đến các chủ đề của Hội nghị nhằm trao đổi tri thức về lý luận và thực tiễn, các kết quả nghiên cứu, xu thế và thách thức mới đối với nghiên cứu và đào tạo Giáo dục quốc phòng và an ninh và các chủ đề khác có liên quan. Trên cơ sở đó, tạo ra sự kết nối, đề xuất và hợp tác, xây dựng các định hướng, chủ đề nghiên cứu mới phù hợp với hiện trạng, xu thế phát triển của Giáo dục quốc phòng và an ninh nói chung và của Trường Đại học Mở - Địa chất nói riêng.

Trong quá trình chuẩn bị Hội nghị, Ban Tổ chức đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các nhà khoa học, các giảng viên trong và ngoài trường. Hơn 30 báo cáo toàn văn được gửi đến Ban Tổ chức, trong đó 27 báo cáo đã được lựa chọn để đăng tải trong Tuyển tập Báo cáo Hội nghị sau quá trình phản biện nghiêm túc và có trách nhiệm của Hội đồng Biên tập.

Ban Tổ chức trân trọng cảm ơn các nhà khoa học, các chuyên gia và giảng viên đã quan tâm, gửi báo cáo và đăng ký tham gia hội nghị. Trân trọng cảm ơn Ban Khoa học, Ban Biên tập và các phản biện đã rất có trách nhiệm trong việc đọc, góp ý cho tác giả, lựa chọn kỹ lưỡng và biên tập để nâng cao chất lượng các báo cáo, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và góp phần vào thành công của Hội nghị này.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC

GS.TS Trần Thanh Hải

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	3
1. BÁO CÁO ĐỀ DẪN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	8
<i>Đại tá Phạm Quốc Đâm</i>	
2. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG TẠI ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI.....	13
<i>Đại tá Trương Văn Tâm</i>	
3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY	20
<i>Thượng tá Tạ Minh Tiến</i>	
4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY	30
<i>Đại tá Phạm Quốc Đâm</i>	
5. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở CÁC TRUNG TÂM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG CÔNG CUỘC “BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA”	37
<i>TS. Đặng Thị Thanh Tâm</i>	
6. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	43
<i>Thượng tá Trần Bắc Bộ</i>	
7. BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN Ở KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT HIỆN NAY	50
<i>Thượng tá Trần Thanh Hanh</i>	
8. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY	58
<i>Thượng tá Trần Văn Độ</i>	

9. MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ SINH VIÊN TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT66

Thượng tá Vũ Quang Hay

10. XÂY DỰNG NỀN NẾP CHÍNH QUY CHO SINH VIÊN TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT 74

Thượng tá Nguyễn Văn Phong

11. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG.....80

Đại tá Phạm Quốc Đảm

12. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT85

Thượng tá Trần Bắc Bộ

13. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT NHẪM ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ HIỆN NAY93

Đại tá Đỗ Kim Chiến

14. NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA SINH VIÊN THÔNG QUA MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH..... 101

Trung tá Ngô Văn Dương

15. PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT KHI HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẬP TRUNG..... 111

Thượng tá Trần Văn Độ

16. BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ SINH VIÊN TRONG HỌC TẬP GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY 116

Thượng tá Trần Thanh Hanh

17. MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁN BỘ, VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT VỀ LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN NĂM 2019 121

ThS. Phạm Công Tú

18. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT 130

TS. Trần Thị Phúc An, ThS. Nguyễn Thu Hương

19. ĐỊNH HƯỚNG NHẬN THỨC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT TRƯỚC SỰ CHỐNG PHÁ MỚI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG HIỆN NAY 137

Thượng úy Nghiêm Công Đĩnh

20. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁN BỘ, VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT VỀ LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2019 143

Lê Thị Định

21. MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO LỰC LƯỢNG TỰ VỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT VỀ ĐỐI TÁC, ĐỐI TƯỢNG CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI 152

ThS. Phạm Công Tú

22. PHÒNG CHỐNG “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYÊN HÓA” TRONG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY 159

Đại tá Phạm Quốc Đảm

23. PHÒNG, CHỐNG VÀ NGĂN CHẶN ÂM MƯU DIỄN BIẾN HÒA BÌNH CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI Ở NƯỚC TA THỜI GIAN QUA..... 166

Thượng tá Nguyễn Văn Phong

24. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HIỆN NAY 174

ThS. Trần Văn Tùng

25. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC..... 182

TS. Phạm Đình Tâm

26. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT 190

Thượng tá Hoàng Xuân Trường

BÁO CÁO ĐỀ DẪN
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đại tá Phạm Quốc Đam*

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho sinh viên là một bộ phận rất quan trọng của công tác Giáo dục quốc phòng toàn dân, là môn học chính khóa, môn học bắt buộc được pháp luật quy định nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện và xây dựng, hoàn thiện những phẩm chất của con người mới xã hội chủ nghĩa, học tập và nâng cao trình độ về kiến thức quốc phòng và an ninh là quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mỗi sinh viên.

Ngày 28/04/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 11/SL công bố Luật Nghĩa vụ quân sự. Ngày 28/12/1961, Hội đồng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 219/CP về việc huấn luyện quân sự cho quân nhân dự bị và dân quân tự vệ; trong đó Điều 3 quy định: *“Trong các trường đại học và các trường trung cấp chuyên nghiệp việc học tập quân sự phải đặt thành môn học chính”*.

Cùng với quá trình xây dựng đất nước, công tác GDQP&AN cho học sinh, sinh viên và các đối tượng khác được Đảng và Nhà nước ta hết sức chú trọng. Ngày 21/01/1980, Bộ Quốc phòng và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp ban hành Thông tư liên tịch số 107/LB-QP-ĐH về việc huấn luyện sĩ quan dự bị trong sinh viên các trường đại học và cao đẳng, nhằm bồi dưỡng cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học quân sự (lý thuyết và thực hành) để sau khi tốt nghiệp ra trường, khi cần thiết có thể hoàn thành tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc với cương vị người sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, qua đó đã đào tạo được hàng vạn sĩ quan dự bị, chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ trẻ sẵn sàng đáp ứng yêu cầu xây dựng, chiến đấu của lực lượng vũ trang.

Qua mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu thực tiễn của đất nước, nội dung huấn luyện quân sự phổ thông được phát triển thành môn học Giáo dục quốc phòng, nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân. Ngày 01/05/2001, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2001/NĐ-CP về Giáo dục quốc phòng xác định rõ vị trí, tính chất của công tác Giáo dục quốc phòng thuộc nội dung của nền giáo dục quốc gia, là nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa (XHCN). Đồng thời, Nghị định cũng quy

* Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất.

định: Giáo dục quốc phòng là môn học chính khoá trong các trường, lớp đào tạo bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trung học phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các trường chính trị, hành chính và đoàn thể.

Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới; môn học Giáo dục quốc phòng được chính thức đổi tên thành môn học GDQP&AN (lồng ghép kiến thức giáo dục an ninh trong Giáo dục quốc phòng). Ngày 10/07/2007, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/2007/NĐ-CP về GDQP&AN. Một lần nữa vị trí, tính chất của công tác GDQP&AN được xác định: “là bộ phận của nền giáo dục quốc dân, một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khoá trong chương trình giáo dục, đào tạo trung học phổ thông đến đại học và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể. Việc học tập, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh là quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức và của toàn dân. Kiến thức quốc phòng - an ninh tương ứng với chức danh cán bộ là một trong các tiêu chuẩn bắt buộc và là một trong những tiêu chí để xem xét, đề bạt, bổ nhiệm đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức các cấp, các ngành”. GDQP&AN đã thực sự đi vào cuộc sống, trở thành một nội dung quan trọng để công dân phát huy trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, ngày 19/06/2013, Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam đã ban hành Luật GDQP&AN số 30/2013/QH13, khẳng định cơ sở pháp lý và tầm quan trọng của công tác GDQP&AN trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều 4 của Luật GDQP&AN xác định mục tiêu: “Giáo dục cho công dân kiến thức về quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

Về tầm quan trọng của quốc phòng, an ninh, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần, bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên”¹. Phát triển kinh tế - xã hội tiếp tục là nhiệm vụ trung tâm, được ưu tiên, nhưng không coi nhẹ nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, bởi vì củng cố quốc phòng, an ninh là cơ sở trực tiếp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; ngược lại, kinh tế - xã hội phát triển, tiềm lực đất nước ngày càng vững mạnh sẽ là “phương thức hữu hiệu” để tăng cường tiềm lực, sức mạnh quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, sđd, tr.156-157.

Mục tiêu GDQP&AN, nhằm giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh, trang bị kỹ năng quân sự cơ bản, cần thiết cho sinh viên; rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong sinh hoạt, nề nếp, chế độ theo quy định của điều lệnh, điều lệ Quân đội nhân dân Việt Nam; đưa sinh viên vào môi trường sinh hoạt của Quân đội; đồng thời bảo đảm cho sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; qua đó để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc XNCN.

Cùng với sự phát triển của đất nước, công tác GDQP&AN có bước phát triển mới, ngày càng đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực. Thế nhưng, tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó đoán định. Chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, thực dụng, cường quyền nước lớn trong quan hệ quốc tế gia tăng. Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quốc phòng. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước những thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Tình hình đó làm cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN trong bối cảnh trên, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: *“Thực hiện tốt công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hành động của toàn dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, củng cố quốc phòng, an ninh. Khai thác mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh để xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội”*¹. Đại hội nhấn mạnh: *“Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, công chức và cho toàn dân, bảo đảm phù hợp với từng đối tượng. Chú trọng giáo dục, thống nhất, nâng cao nhận thức về đối tác và đối tượng; nắm vững đường lối, quan điểm, yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”*². Nội dung đổi mới, trước hết phải bám sát, cập nhật quan điểm, tư duy, phát triển mới về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng mà Đại hội XIII đã tổng kết. Trong đó, thống nhất, nâng cao nhận thức, tư duy, về đối tác, đối tượng; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh phi vũ trang; giữ vững độc lập, tự chủ trong điều kiện mở rộng hợp tác quốc tế; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh,...

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, sđd, tr.278.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, sđd, tr.159.

Có thể nói, GDQP&AN có một vai trò và ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục và nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức của con người đặc biệt là sinh viên - thế hệ trẻ, chủ nhân tương lai của đất nước. Trong thời kỳ mới, thời kỳ của cuộc cách mạng 4.0, việc nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiểu biết về kiến thức quốc phòng và an ninh là một nhiệm vụ thiết thực hơn bao giờ hết, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và sức mạnh dân tộc không ngừng được củng cố và lớn mạnh, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã xác định rõ mục tiêu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn tới, nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc: “*Chú trọng giáo dục phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”¹. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ GDQP&AN hiện nay, khoa Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Mở - Địa chất đã được xây dựng và phát triển không ngừng cùng với sự phát triển chung nhà trường. Hiện nay, khoa gồm 10 cán bộ giảng viên, trong đó có 08 sĩ quan biệt phái. Đội ngũ giảng viên 100% đều là sĩ quan được đào tạo cơ bản tại các trường trong Quân đội, tỉ lệ thạc sỹ 07 đồng chí (87,5%), kỹ sư 01 đồng chí (12,5%); Cấp thượng, đại tá 07 đ/c, thượng úy 01 đ/c. Trong đó, có nhiều đồng chí được đào tạo thêm kiến thức văn bằng 2 ở các trường ngoài Quân đội, được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, kiến thức, nội dung phương pháp giảng dạy GDQP&AN. Khoa Giáo dục quốc phòng có nhiệm vụ giảng dạy GDQP&AN cho sinh viên chính quy trong nhà trường, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4 và tham gia huấn luyện cho lực lượng tự vệ của nhà trường. Đồng thời, làm tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường về công tác quốc phòng, quân sự địa phương cũng như các nhiệm vụ khác theo quy định.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng luôn tự hào về truyền thống hơn 56 năm của Trường Đại học Mở - Địa chất, tự hào về kết quả mà nhà trường và của khoa đã đạt được về GDQP&AN trong những năm qua. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đó vẫn còn không ít tồn tại như: Nhận thức về vị trí, vai trò của môn học trong một bộ phận cán bộ và sinh viên chưa đầy đủ, phương pháp giảng dạy của giảng viên trong khoa được đổi mới chưa nhiều, chưa sát với yêu cầu phát triển của giáo dục và

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, sđd, tr.136.

đào tạo, việc rèn luyện lễ tiết, tác phong cho sinh viên có lúc chưa thực sự đồng đều và thống nhất, việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên chưa thường xuyên, chế độ chính sách cho giảng viên còn nhiều bất cập, điều kiện cơ sở vật chất bảo đảm cho môn học chưa thực sự đồng bộ.

Để góp phần làm rõ mối quan hệ và những đóng góp của GDQP&AN cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, khắc phục những tồn tại hạn chế để nâng cao chất lượng môn học GDQP&AN trong nhà trường, Trường Đại học Mở - Địa chất tổ chức Hội nghị khoa học “*GDQP&AN với phát triển bền vững*” với chủ đề “*GDQP&AN gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường Đại học Mở - Địa chất trong tình hình mới*”. Trong Hội nghị này, nhiều khía cạnh lý thú được thảo luận như: Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, chất lượng giảng dạy, học tập và quản lý sinh viên khi học GDQP&AN tập trung; Nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc; đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên của nhà trường,... sẽ được thảo luận. Hội nghị đã nhận được nhiều báo cáo tham luận, với sự tham gia của các nhà nghiên cứu, giảng viên từ nhiều học viện, nhà trường, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau trong và ngoài Quân đội. Đây sẽ là dịp để các nhà khoa học, giảng viên, nghiên cứu viên và các nhà quản lý giáo dục gặp mặt, trao đổi và nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của GDQP&AN với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đặc biệt là trong bối cảnh của hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra và tác động mạnh mẽ đến quốc phòng và an ninh trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN
KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG TẠI ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NHIỆM VỤ TRONG TÌNH HÌNH MỚI**

Đại tá Trương Văn Tâm*

Tóm tắt: Nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho các tầng lớp nhân dân, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức nói chung và học sinh, sinh viên nói riêng có vị trí, ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN). Đánh giá đúng đặc điểm, thực trạng, đề xuất đúng giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất giúp từng giảng viên và nhà trường có cách nhìn toàn diện về công tác GDQP&AN; từ đó nâng cao trách nhiệm trong tự học tập, nghiên cứu, tu dưỡng, rèn luyện; phấn đấu vươn lên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Từ khóa: Giáo dục quốc phòng và an ninh; sĩ quan biệt phái; giảng viên.

1. MỞ ĐẦU

Trong tình hình mới hiện nay, sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đòi hỏi Đảng, Nhà nước, nhân dân ta phải chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân (QPTD), nền an ninh nhân dân (ANND); xây dựng thế trận QPTD gắn với thế trận ANND vững chắc. Muốn vậy, cần tiến hành giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh (QP&AN) cho các tầng lớp nhân dân, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức nói chung và học sinh, sinh viên nói riêng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc, góp phần xây dựng lực lượng, tiềm lực và thế trận QP&AN, mà trước hết là tiềm lực chính trị - tinh thần, “thế trận lòng dân” vững chắc, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống, không để bị động, bất ngờ. Để thực hiện tốt yêu cầu, nhiệm vụ GDQP&AN cho sinh viên là một trong những khâu then chốt cần phải chăm lo xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN có phẩm chất, năng lực tốt, có số lượng đủ, chất lượng cao, có lực lượng dự trữ và có cơ cấu hợp lý, có khả năng phát triển liên tục, vững chắc. Đó là yêu cầu khách quan, vừa là vấn đề cơ bản lâu dài, vừa cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

* Ủy viên Thường vụ, Phó Chính ủy Binh chủng Pháo binh.

2. NỘI DUNG

2.1. Đặc điểm và thực trạng đội ngũ giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng ở Trường Đại học Mở - Địa chất

Đội ngũ giảng viên ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất là một bộ phận quan trọng, cơ bản cấu thành đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường, làm nhiệm vụ giảng dạy môn học GDQP&AN cho sinh viên chính quy của nhà trường; là lực lượng trí thức của Quân đội và của đất nước; giữ vai trò quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, góp phần trực tiếp vào sự nghiệp trồng người, xây dựng con người mới XHCN.

Thực hiện quyết định của Bộ Quốc phòng, Binh chủng Pháo binh đã cử sĩ quan biệt phái sang khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất làm nhiệm vụ giảng dạy môn học GDQP&AN, đồng thời làm tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường về công tác quân sự, quốc phòng¹. Thường vụ, Đảng ủy Binh chủng Pháo binh đã có các chủ trương, biện pháp lãnh đạo triển khai toàn diện công tác biệt phái sĩ quan, trong đó đã tập trung chỉ đạo các cơ quan chức năng của Binh chủng (trực tiếp là Cục Chính trị Binh chủng) phối hợp với Trường Đại học Mở - Địa chất (đơn vị sử dụng sĩ quan biệt phái) quản lý chặt chẽ, toàn diện và sử dụng có hiệu quả đối với đội ngũ sĩ quan biệt phái.

Trên cơ sở yêu cầu nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, Binh chủng thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhà trường đề nghị Bộ Quốc phòng điều động đủ cán bộ có chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giảng dạy GDQP&AN của nhà trường. Quá trình bổ nhiệm các chức danh Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa, giữa Binh chủng và Trường Đại học Mở - Địa chất đều có sự trao đổi, thống nhất trên cơ sở quy hoạch chung và tiêu chuẩn chức vụ của cán bộ trong Quân đội nhân dân Việt Nam và tiêu chuẩn các chức danh theo quy định của Trường Đại học Mở - Địa chất để tiến hành thực hiện quy trình bổ nhiệm. Cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm và hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chức trách được giao. Binh chủng đã chủ động phối hợp với Trường Đại học Mở - Địa chất tổ chức nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng quân sự cần thiết cho đội ngũ sĩ quan biệt phái của Binh chủng; thường xuyên cử cán bộ, giảng viên trong khoa đi đào tạo sau đại học tại Học viện Lục quân và các trường ngoài Quân đội; hằng năm đều cử cán bộ, giảng viên đi tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quân sự, quốc phòng tại các đơn vị của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội².

¹ Hiện nay, sĩ quan của Binh chủng biệt phái sang khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất là 08 đồng chí (Đại tá: 01; Thượng tá: 06, Thượng úy: 01).

² Có trên 80% giảng viên đi đào tạo sau đại học ở trong và ngoài Quân đội, 30% giảng viên đi thực tế lãnh đạo chỉ huy quản lý đơn vị ở cấp tiểu đoàn, 30% giảng viên đi đào tạo ngắn hạn và dài hạn chỉ huy tham mưu tại Học viện Lục quân.

Hiện nay, 100% giảng viên của khoa có trình độ đại học, cử nhân trở lên, trong đó, trình độ sau đại học là 07/08= 87,5%; trình độ nhận thức, mặt bằng kiến thức, trình độ năng lực ngày càng được nâng cao, phương pháp giảng dạy của giảng viên có nhiều chuyển biến tốt. Các giảng viên đã vận dụng phương pháp dạy học tích cực với việc sử dụng trang thiết bị dạy học hiện đại, 100% giảng viên lên lớp đều sử dụng thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho giảng dạy.

Trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, có khoảng 80% giảng viên có thể đảm nhiệm giảng dạy toàn bộ chương trình GDQP&AN với chất lượng cao, nhiều giảng viên có phương pháp giảng dạy tốt. Số giờ giảng bình quân của giảng viên đều đạt và vượt định mức giờ chuẩn theo quy định. Đội ngũ giảng viên thường xuyên hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; tỷ lệ giảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đạt 100%. Công tác nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên có nhiều chuyển biến tốt, đã gắn chặt công tác nghiên cứu khoa học với việc nâng cao chất lượng giảng dạy, nhất là tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đều đạt khá trở lên, tham gia viết bài và báo cáo tại Hội nghị khoa học nhà trường, viết bài và đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước được đánh giá cao. Tham gia giảng dạy tuần lễ công dân - sinh viên, giảng dạy cho các lớp bồi dưỡng kiến thức QP&AN cho các đối tượng là cán bộ, viên chức trong nhà trường, huấn luyện cho lực lượng tự vệ đạt chất lượng tốt. Hàng năm, có 100% giảng viên hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, trong đó có hơn 20% giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; không có giảng viên nào vi phạm kỷ luật phải xử lý; Chi bộ Giáo dục quốc phòng hàng năm đều đạt trong sạch vững mạnh.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ GDQP&AN và yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên trong tình hình mới, công tác xây dựng đội ngũ giảng viên trong khoa những năm qua vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định:

Kiến thức lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, phương pháp giảng dạy môn học GDQP&AN có mặt còn hạn chế đã tác động, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả giáo dục, bồi dưỡng kiến thức GDQP&AN cho sinh viên.

Năng lực tư duy, năng lực thực tiễn, nhất là vận dụng kiến thức thực tiễn vào trong bài giảng còn có những hạn chế nhất định, cập nhật tình hình thông tin còn chậm. Trước sự phát triển mới của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, việc nghiên cứu đưa những vấn đề mới vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học chưa nhiều.

Giảng viên trong khoa còn phải kiêm nhiệm nhiều chức danh như: Đại đội trưởng; thủ kho vũ khí, quân trang; là người trực tiếp quản lý, rèn luyện sinh viên học GDQP&AN tập trung tại cơ sở của nhà trường nên không có nhiều thời gian và gặp nhiều khó khăn trong việc học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ kiến thức về mọi mặt.

Chưa nhạy bén trong phát hiện và đấu tranh với những quan điểm sai trái trên mặt trận chính trị, tư tưởng và những hiện tượng tiêu cực trong nhà trường và ngoài xã hội.

2.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất

Để khắc phục những hạn chế, tồn tại trên và đáp ứng tốt được yêu cầu nhiệm vụ GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay, cần tiếp tục nghiên cứu, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và triển khai đồng bộ những giải pháp cơ bản sau:

2.2.1. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm trong cấp ủy, người chủ trì, cơ quan chức năng các cấp và mọi cán bộ, đảng viên đối với việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Đây là giải pháp có ý nghĩa quyết định đối với nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất. Để đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ GDQP&AN, đòi hỏi các cấp ủy, cơ quan chức năng và mọi cán bộ, đảng viên phải nhận thức sâu sắc vị trí vai trò và tầm quan trọng của đội ngũ giảng viên và yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN vững mạnh về mọi mặt.

Trước hết cần làm tốt việc giáo dục, quán triệt nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, nhiệm vụ chính trị của khoa và chức trách của giảng viên, nhằm tạo ra sự thống nhất cao cả về nhận thức và vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy khoa, của mọi cán bộ, đảng viên trong việc xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Binh chủng Pháo binh (trực tiếp là Cục Chính trị Binh chủng) để kịp thời phát hiện, uốn nắn những nhận thức và việc làm không đúng trong công tác xây dựng đội ngũ giảng viên trong khoa. Kiên quyết đấu tranh, khắc phục những hạn chế trong nhận thức như: xem nhẹ vị trí, vai trò của đội ngũ giảng viên và tầm quan trọng của công tác xây dựng đội ngũ giảng viên dẫn đến thiếu trách nhiệm, thiếu quan tâm đến công tác xây dựng đội ngũ giảng viên.

2.2.2. Tiến hành tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn và tuyển chọn đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất

Nâng cao chất lượng quy hoạch, tạo nguồn và tuyển chọn đội ngũ giảng viên là một khâu rất quan trọng trong xây dựng đội ngũ giảng viên, có liên quan chặt chẽ đến tất cả các khâu, các bước trong quy trình của công tác cán bộ. Vì vậy, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Binh chủng Pháo binh và Trường Đại học Mở - Địa chất trong việc điều động, cử cán bộ đi thực tế, đào tạo, bồi dưỡng và lựa chọn đề nghị Bộ Quốc phòng điều động sĩ quan biệt phái cho nhà trường.

Trong quy hoạch tổng thể đội ngũ giảng viên cần xác định rõ mục tiêu, yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, có kiến thức, trình độ cơ bản toàn diện và chuyên sâu về khoa học; tiếp cận kịp thời với khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại và phát triển kinh nghiệm truyền thống. Chú trọng trình độ học hàm, học vị, luôn bảo đảm từ 80 - 90% giảng viên có trình độ sau đại học. Bảo đảm cho giảng viên hoàn thành tốt chức trách được giao, có trên 90% giảng viên giảng dạy được tất cả các nội dung trong chương trình GDQP&AN theo quy định.

2.2.3. Kết hợp chặt chẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng với tự đào tạo, tự bồi dưỡng, rèn luyện của đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn hiện nay

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ thường xuyên trong công tác cán bộ của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Đảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu. Phải trọng nhân tài, trọng cán bộ, trọng mỗi một người có ích cho công việc chung của chúng ta”¹; Người còn chỉ thị: Học lý luận phải gắn với thực tiễn, tránh đào tạo chung chung học thuộc lòng,... Thực tiễn không ngừng biến đổi, lý luận càng phải được bổ sung, phát triển; cán bộ phải không ngừng học tập, nghiên cứu để nâng cao chất lượng trình độ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Kết hợp tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng với tự đào tạo, tự bồi dưỡng không những góp phần giải quyết được số lượng mà còn nâng cao được chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Vì vậy, khoa Giáo dục quốc phòng cần phối kết hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng để phân loại đội ngũ giảng viên. Trên cơ sở phân loại chất lượng và yêu cầu tiêu chuẩn của từng vị trí, chức danh giảng viên, cấp ủy chi bộ phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng và điều kiện khả năng của cơ quan, đơn vị.

Hàng năm, khoa đều cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng do nhà trường tổ chức, như: Năm 2020, có 03 cán bộ tham gia lớp Tiếng Anh của nhà trường nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ; 03 cán bộ tham gia học lớp cán bộ quản lý phòng, khoa, ban nhằm nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý. Năm 2021, có 04 cán bộ tham gia lớp Trung cấp lý luận - hành chính. Năm 2022, có 01 đồng chí đi đào tạo Cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Đà Lạt theo yêu cầu của công tác quy hoạch cán bộ trong nhà trường.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.313.

2.2.4. Không ngừng trau dồi, rèn luyện bản lĩnh, phẩm chất đạo đức, phương pháp tác phong công tác, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới

Bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng là yêu cầu cơ bản, là cái gốc của người cán bộ, đảng viên nói chung, giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng nói riêng. Đặc biệt, với đặc thù chịu sự quản lý của hai đơn vị Binh chủng Pháo binh và Trường Đại học Mô - Địa chất, đòi hỏi mỗi cán bộ, giảng viên trong khoa Giáo dục quốc phòng phải luôn có ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện, có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật cao. Phải thường xuyên xây dựng cho mình phương pháp, tác phong làm việc khoa học, sâu sát, cụ thể; không chủ quan, qua loa, đại khái. Luôn mang trong mình tâm thế của người sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam khi giảng dạy cho sinh viên; sáng ngời phẩm chất, truyền thống cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới.

2.2.5. Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng và bảo đảm chế độ, chính sách đối với đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh

Quản lý đội ngũ giảng viên là một khâu rất quan trọng, là cơ sở để tiến hành tốt các mặt công tác cán bộ, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có kế hoạch bố trí sử dụng cho phù hợp. Quản lý đội ngũ giảng viên phải chặt chẽ, toàn diện cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng của toàn đội ngũ và từng giảng viên, cần nắm vững tâm tư, tình cảm và nguyện vọng của giảng viên. Cùng với việc quản lý của tổ chức, cần nêu cao vai trò trách nhiệm trong thực hiện việc tự quản của từng giảng viên.

Thực hiện tốt chính sách đối với đội ngũ giảng viên sẽ tạo ra động lực để đội ngũ giảng viên gắn bó chặt chẽ với khoa và nhà trường, mang hết khả năng của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong điều kiện kinh tế, xã hội phát triển, nhu cầu về mọi mặt của xã hội ngày càng tăng thì việc quan tâm đảm bảo tốt mọi chế độ, tiêu chuẩn chính sách của Đảng, Nhà nước và Quân đội đối với đội ngũ giảng viên càng có ý nghĩa quan trọng và trở thành yêu cầu cấp thiết hiện nay. Có chính sách thù lao, khen thưởng, chính sách đãi ngộ thu hút nhân tài; tạo điều kiện để giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng hợp lý hoá gia đình, nhất là những đồng chí có hoàn cảnh khó khăn; tiếp tục thực hiện tốt chính sách bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế cho giảng viên, thân nhân giảng viên và các chính sách hiện hành đối với sĩ quan và hậu phương Quân đội.

3. KẾT LUẬN

Nhiệm vụ GDQP&AN cho sinh viên là một trong những nội dung quan trọng trong xây dựng nền QPTD, ANND, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng đội ngũ giảng viên ở khoa Giáo dục quốc phòng là vấn đề cơ bản, có ý nghĩa hết sức quan trọng, trực tiếp quyết định đến chất lượng GDQP&AN trong nhà trường. Vì vậy, cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ

chức, các lực lượng; thực hiện tốt công tác tư tưởng, tổ chức và chính sách. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ, chỉ huy các cấp, của các cơ quan chức năng và trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên trong khoa; đổi mới công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và quản lý đội ngũ giảng viên hợp lý; kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng đội ngũ giảng viên với xây dựng khoa Giáo dục quốc phòng vững mạnh toàn diện, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của Trường Đại học Mở - Địa chất và yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 11, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Tăng Liêm (2020), *Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh của Binh chủng Pháo binh thực hiện nhiệm vụ tại Trường Đại học Mở - Địa chất*, đề tài khoa học cấp trực thuộc Bộ, Binh chủng Pháo binh, Hà Nội.
3. Uông Thiện Hoàng (2020), *Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở các Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay*, luận án tiến sĩ, Học viện Chính trị, Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

*Thượng tá Tạ Minh Tiến**

Tóm tắt: *Nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho học sinh, sinh viên (HS, SV), đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là một tất yếu trong sự nghiệp cách mạng ở nước ta. Quá trình nâng cao chất lượng GDQP&AN cho HS, SV chịu sự tác động bởi đội ngũ giảng viên GDQP&AN; nội dung, chương trình GDQP&AN; cơ sở vật chất kỹ thuật bảo đảm cho môn học; tính tích cực, chủ động của người học. Để nâng cao chất lượng GDQP&AN cho HS, SV cần xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đổi mới nội dung, chương trình GDQP&AN theo hướng tích hợp kiến thức đa chuyên ngành; quan tâm đầu tư trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ GDQP&AN; xây dựng ý thức trách nhiệm cho HS, SV trong học tập quốc phòng và an ninh (QP&AN).*

Từ khoá: Chất lượng; học sinh, sinh viên; Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

GDQP&AN cho các đối tượng nói chung, HS, SV nói riêng là nhiệm vụ quan trọng nhằm hiện thực hoá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và luật pháp Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Kết quả GDQP&AN cho HS, SV chính là nhận thức và năng lực của họ trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCH).

Trong những năm qua, công tác GDQP&AN cho HS, SV đã được triển khai thực hiện nghiêm túc, ngày càng đi vào chiều sâu và đạt kết quả tích cực. Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay, sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc đứng trước cơ hội và thách thức đan xen: tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển đảo diễn biến phức tạp; cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ tới QP&AN của đất nước theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực; những thành tựu vượt trội của khoa học kỹ thuật tạo ra nhiều loại vũ khí công nghệ cao, làm xuất hiện các hình thái chiến tranh mới. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn ráo riết chống phá cách mạng nước ta với âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi,... Từ thực tế trên, việc nâng cao chất lượng GDQP&AN cho HS, SV đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là một việc làm cần thiết trong tình hình hiện nay.

* Trưởng ban Khoa học Quân sự, Trường Sĩ quan Pháo binh.

2. NỘI DUNG

2.1. Tính tất yếu của việc nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên

2.1.1. Xuất phát từ đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa

Quốc phòng là công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả dân tộc. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân là chủ trương chiến lược, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước, nhằm tăng cường sức mạnh phòng thủ, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong mọi tình huống. Đại hội XIII của Đảng xác định: “Giữ vững độc lập, tự chủ; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước”¹. Đây là quan điểm nhất quán, tạo cơ sở quan trọng cho Nhà nước, cả hệ thống chính trị, toàn dân và toàn quân xác định và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ củng cố QP&AN theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

QP&AN quan hệ chặt chẽ, thống nhất trong mục tiêu bảo vệ Tổ quốc XHCN. Việc xây dựng lực lượng và thế trận của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trước hết và trên hết phải bắt đầu từ việc xây dựng nhân tố con người, trong đó có đối tượng là HS, SV. Vì vậy, nâng cao chất lượng GDQP&AN cho HS, SV chính là một trong những khâu quan trọng nhằm chuẩn bị nhân tố con người cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt khác, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp; củng cố QP&AN, bảo vệ Tổ quốc XHCN là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam như Đại hội XIII đã khẳng định: “Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là nòng cốt”². Vì vậy, bên cạnh xây dựng lực lượng nòng cốt cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, cần phải quan tâm giáo dục QP&AN cho các lực lượng còn lại, trong đó có HS, SV.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.48.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, sdd, tr.138.

2.1.2. Xuất phát từ vị trí, vai trò của học sinh, sinh viên trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc

HS, SV là những người đang dần tiếp cận, làm chủ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Họ chính là những chủ nhân tương lai giàu trí tuệ, tài năng của nước nhà. Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, HS, SV có thể tham gia vào nhiều nhiệm vụ, nhiều lĩnh vực khác nhau. Họ vừa là lực lượng trực tiếp chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước, đồng thời cũng có thể là nhà hoạch định đường lối, chính sách, người chỉ huy quân sự tài giỏi trên chiến trường. Vì vậy, phát huy vị trí, vai trò của HS, SV trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc vừa là yêu cầu, vừa là biện pháp đối với nhiệm vụ xây dựng QP&AN trong tình hình hiện nay.

2.1.3. Xuất phát từ sự tác động mạnh mẽ của khoa học công nghệ đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động một cách mạnh mẽ, sâu sắc đến mọi lĩnh vực của QP&AN, tạo ra các hệ thống vũ khí, trang bị kỹ thuật (VKTBKT) thế hệ mới mang tính đột phá với những tính năng ưu việt, như: vũ khí năng lượng, gen sinh học, rô-bốt tác chiến,... làm xuất hiện các hình thái chiến tranh và phương thức tác chiến mới. Cuộc Cách mạng khoa học công nghệ 4.0 cũng làm thay đổi quan niệm về bảo vệ Tổ quốc như bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa và cả trên không gian mạng.

Đề thích ứng với phương thức tác chiến mới và làm chủ các loại vũ khí công nghệ cao, đòi hỏi người chiến sĩ không chỉ là người lính chiến đơn thuần, mà còn phải là những người có kiến thức về khoa học công nghệ. Không ai có thể đảm nhiệm vai trò kép đó tốt hơn đối tượng HS, SV - những người đang tiếp thu những tri thức khoa học công nghệ hiện đại dưới mái trường XHCN. Để những "kỹ sư công nghệ" trong tương lai này là người chiến sĩ giỏi trên chiến tuyến, các chủ thể tổ chức giáo dục cần thiết phải đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng GDQP&AN phù hợp đặc điểm, vị trí, vai trò của HS, SV đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.1.4. Xuất phát từ sự chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng hiện nay

Chống phá độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là mục tiêu xuyên suốt của các thế lực thù địch với những âm mưu, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Quá trình chống phá, chúng xác định lĩnh vực tư tưởng chính trị làm khâu đột phá, giữ vai trò quan trọng hàng đầu. Quá trình chống phá, đối tượng chúng ưa thích đó là HS, SV, những người giữ vai trò là tương lai của đất nước nhưng tuổi còn trẻ, vốn sống chưa nhiều, bản lĩnh và nhân quan chính trị còn hạn chế, chưa có khả năng phân biệt đúng, sai trước các quan điểm chính trị vốn dĩ rất phức tạp. Họ dễ bị kích động, lôi kéo vào

những hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước mà không nhận thức được hành vi sai trái của mình. Vì vậy, cần phải nâng cao chất lượng GDQP&AN cho đối tượng này để họ là những người công dân vừa "hồng", "vừa chuyên" của đất nước, có nhân quan chính trị sắc bén, có khả năng phát hiện và đấu tranh hiệu quả với những quan điểm sai trái, không bị xa ngã trước các thủ đoạn mua chuộc của các thế lực thù địch trong nỗ lực chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Đây cũng là lý do cần phải nâng cao chất lượng GDQP&AN cho đối tượng HS, SV trong cuộc đấu tranh tư tưởng của Đảng hiện nay.

2.2. Những nhân tố tác động đến chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên

2.2.1. Chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên phụ thuộc vào đội ngũ giảng viên giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh tại các cơ sở giáo dục

Chất lượng GDQP&AN cho HS, SV phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó đội ngũ giảng viên giảng dạy GDQP&AN là yếu tố giữ vai trò nòng cốt trực tiếp quyết định. Khi nói về vai trò của người thầy đối với sự nghiệp giáo dục, Hồ Chí Minh khẳng định: *“Nhiệm vụ của giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn - hóa”*¹. Trong phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội XIII và những năm tiếp theo, Đảng xác định: *“Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt”*².

Với trình độ chuyên môn và kỹ năng sư phạm của mình, những người giảng viên giảng dạy GDQP&AN được trang bị những tri thức cần thiết về khoa học quân sự, hình thành năng lực thực hành kỹ, chiến thuật chiến đấu cho HS, SV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Thông qua các buổi lên lớp tập trung của đội ngũ cán bộ, giảng viên, HS, SV được tiếp cận nguồn tri thức khoa học quân sự một cách trực tiếp, tập trung và hiệu quả nhất từ người thầy của mình để làm cơ sở cho quá trình hình thành năng lực chiến đấu. Cơ sở hình thành các kỹ năng kỹ, chiến thuật cho HS, SV cũng là các giờ huấn luyện thực hành của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Đội ngũ cán bộ giảng dạy GDQP&AN là những người chịu trách nhiệm từ mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp giảng dạy GDQP&AN cho HS, SV; họ cũng là người chịu trách nhiệm về trình độ nhận thức và năng lực thực hành của HS, SV sau mỗi khoá học, đợt học.

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.345.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.138.

Mặt khác, với phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của mình, đội ngũ cán bộ, giảng viên giảng dạy GDQP&AN còn là mẫu hình lý tưởng của lòng trung thành vô hạn với mục tiêu lý tưởng của Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân để các thế hệ HS, SV noi theo. Giáo dục nhân cách cho người học, không gì thiết thực bằng chính nhân cách của người thầy. Hồ Chủ tịch đã khẳng định: "*một tấm gương sống còn hơn một nghìn bài diễn văn tuyên truyền*"¹. Vì vậy, chất lượng GDQP&AN cho HS, SV chịu sự quy định chặt chẽ trước hết bởi đội ngũ giảng viên giảng dạy kiến thức GDQP&AN.

2.2.2. Chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên phụ thuộc vào chương trình, nội dung Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trong học tập GDQP&AN, việc lĩnh hội tri thức khoa học quân sự của HS, SV có thể bằng nhiều con đường khác nhau, trong đó thông qua hoạt động nhận thức được thực hiện bởi chương trình, nội dung GDQP&AN là con đường ngắn nhất, tập trung nhất, hiệu quả nhất, trực tiếp trang bị cho họ tri thức khoa học quân sự một cách đầy đủ và hệ thống. Giữa hoạt động GDQP&AN và tri thức khoa học quân sự của HS, SV có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đây là mối quan hệ giữa mục đích và phương tiện khi GDQP&AN là phương tiện để hướng tới mục đích là hình thành tri thức khoa học quân sự cho HS, SV. Chất lượng GDQP&AN càng cao, tính hiệu quả càng lớn thì tri thức khoa học quân sự của HS, SV càng phát triển và theo chiều ngược lại, tri thức khoa học quân sự được nâng cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tính hiệu quả của công tác GDQP&AN. Từ những vấn đề trên, có thể khẳng định kiến thức GDQP&AN của HS, SV gắn bó chặt chẽ và được trực tiếp quy định bởi nội dung, chương trình GDQP&AN của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nội dung, chương trình GDQP&AN tác động đến tri thức khoa học quân sự của HS, SV diễn ra theo hai chiều hướng hoặc là thúc đẩy, hoặc là kìm hãm quá trình hình thành các kiến thức về QP&AN của người học. Nếu chương trình, nội dung GDQP&AN cân đối, hài hòa; tri thức khoa học quân sự sát với đặc điểm nhiệm vụ của đối tượng HS, SV, phản ánh đúng điều kiện hoàn cảnh thực tiễn sẽ làm cho hàm lượng tri thức khoa học quân sự của HS, SV ngày càng cao, kiến thức về QP&AN của họ vì vậy ngày càng sâu sắc hơn và ngược lại, sự mất cân đối giữa hàm lượng tri thức khoa học quân sự với nội dung kiến thức khác sẽ kìm hãm sự hình thành, phát triển tri thức khoa học quân sự của HS, SV.

2.2.3. Chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên phụ thuộc vào cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh

Giữa cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ GDQP&AN và mức độ nhận thức, ý chí, tình cảm, tinh thần trách nhiệm của HS, SV trong quá trình học tập có mối quan hệ

¹ Hồ Chí Minh (1919 - 1924), "*Thư gửi đồng chí Pétrocốp, Tổng thư ký Ban Phương đông*", Toàn tập, tập 1, (1995), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.263-264.

chặt chẽ với nhau. Cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ GDQP&AN là nguồn gốc hình thành nhận thức, tình cảm, tinh thần trách nhiệm của HS, SV. Ngược lại, nhận thức, tình cảm, tinh thần trách nhiệm của HS, SV là điều kiện nâng cao cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ GDQP&AN. Vì vậy, quá trình GDQP&AN cho HS, SV, muốn nâng cao nhận thức, phát huy ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm cho họ trong quá trình học tập, các chủ thể quản lý giáo dục cần quan tâm chăm lo đến cơ sở vật chất, điều kiện học tập cho đối tượng này. Rõ ràng được học tập trong một môi trường có cơ sở vật chất đầy đủ, ở mỗi người học sẽ tự hình thành cho mình một tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác tương ứng trong học tập và ngược lại, nếu học tập trong một điều kiện thiếu thốn về cơ sở vật chất, điều đó khó có thể "kích hoạt" được ý thức trách nhiệm của mỗi người học, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tiếp thu kiến thức, làm nảy sinh tâm lý "buông tuông", một thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm đối với việc học tập trong GDQP&AN.

Mặt khác, cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ GDQP&AN ở đây còn là phương tiện, VKTBKT phục vụ nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu. Trong quá trình học tập, nếu HS, SV được thực hành với hệ thống VKTBKT đầy đủ sẽ giúp cho họ phát huy được phương pháp nhận thức trực quan để nâng cao hiệu quả luyện tập thực hành chiến đấu. Thực tế cho thấy, trong quá trình học tập, nếu người giảng viên chỉ dẫn điểm bắn trúng trên mục tiêu bằng mô hình cụ thể sẽ giúp cho HS, SV nhận thức một cách dễ dàng hơn rất nhiều so với việc nhận thức điểm bắn trúng đó trên mục tiêu trong trí tưởng tượng. Vì vậy, để nâng cao chất lượng GDQP&AN cho HS, SV cần chú ý đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật. Chăm lo cơ sở vật chất phục vụ GDQP&AN còn là điều kiện để phát huy tính tích cực chủ động của HS, SV trong học tập.

2.2.4. Chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên phụ thuộc vào tính tích cực chủ động của người học

Quá trình hình thành kiến thức QP&AN của HS, SV phụ thuộc vào cả điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, trong đó vai trò nhân tố chủ quan có ý nghĩa quyết định. Những tri thức khoa học quân sự và năng lực thực tiễn chiến đấu của HS, SV chỉ tồn tại bền vững và được củng cố, phát triển ở mỗi người khi họ thực sự mong muốn tiếp nhận, chuyển hoá nó thành nhu cầu, động cơ, mục đích của chính mình. Do đó, để hình thành kiến thức QP&AN, đòi hỏi HS, SV phải huy tính chủ động tối đa những nhân tố chủ quan nhằm chiếm lĩnh tri thức khoa học quân sự, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trong luyện tập để hình thành các kỹ năng chiến đấu cần thiết.

Chiếm lĩnh tri thức khoa học quân sự là một quá trình gian nan, vất vả, vì vậy, đòi hỏi rất lớn sự nỗ lực của HS, SV. Mặt khác, lĩnh vực hoạt động quân sự luôn tiềm

ấn những yếu tố ngẫu nhiên, biến động đầy bất ngờ. Vì thế, trong quá trình học tập, rèn luyện, HS, SV cần phải phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo, sự nỗ lực cố gắng, tự đặt ra những yêu cầu cao và quyết tâm thực hiện. Có như vậy, kết quả học tập mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp hiện nay.

2.3. Một số biện pháp nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong tình hình hiện nay

2.3.1. Xây dựng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Với hình thức, phương pháp GDQP&AN phổ biến trong các nhà trường hiện nay, đội ngũ giảng viên giảng dạy GDQP&AN vẫn là nhân tố cơ bản quyết định đến chất lượng GDQP&AN cho đối tượng HS, SV. Vì vậy, để nâng cao chất lượng GDQP&AN cho HS, SV cần phải xây dựng đội ngũ giảng viên giảng dạy GDQP&AN đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nội dung xây dựng trước hết cần tập trung vào phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống. Đội ngũ giảng viên GDQP&AN phải là những người có trình độ giác ngộ chính trị, có tinh thần trách nhiệm cao, nhân quan chính trị sắc bén; có khả năng phát hiện và đấu tranh hiệu quả với quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; có nhận thức tốt về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước mọi biến cố của thời cuộc; luôn vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giảng viên còn phải là những người có kiến thức về khoa học quân sự, tinh thông nghiệp vụ, thành thạo kỹ, chiến thuật; kỹ năng sư phạm tốt, có năng lực tổ chức huấn luyện và thực hành chỉ huy chiến đấu với các hình thức chiến thuật đa dạng, phức tạp.

Quá trình tuyển chọn đội ngũ giảng viên GDQP&AN cần sử dụng nguồn nhân lực từ các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp trong hệ thống nhà trường Quân đội. Những người được đào tạo một cách bài bản, chuyên nghiệp về kiến thức QP&AN. Có đầy đủ phẩm chất, năng lực, vốn thực tiễn quân sự để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Thường xuyên mở các lớp tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên để nâng cao trình độ kiến thức và năng lực thuộc lĩnh vực công tác của họ, có kế hoạch đưa đội ngũ giảng viên GDQP&AN đi đào tạo các lớp nâng cao ở các học viện, nhà trường trong và ngoài Quân đội. Chăm lo kịp thời chế độ chính sách, đáp ứng nguyện vọng chính đáng để đội ngũ giảng viên GDQP&AN an tâm công tác, chuyên tâm vào chức trách, nhiệm vụ của mình.

2.3.2. Đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng tích hợp kiến thức đa chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn

Thực tế cho thấy môi trường quân sự là một lĩnh vực hoạt động đòi hỏi cường độ vận động cao, tiêu tốn nhiều sức lực, rất dễ gây tâm lý chán nản cho người học. Vì vậy, cần thiết phải tạo ra sự lôi cuốn, hấp dẫn của môn học, khoá học đối với HS, SV là một đòi hỏi tất yếu của quá trình giảng dạy GDQP&AN. Một trong những biện pháp để đạt được điều đó chính là đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy GDQP&AN theo hướng tích hợp kiến thức đa chuyên ngành KHXH&NV. Việc tích hợp kiến thức các môn KHXH&NV vào quá trình GDQP&AN một mặt khắc phục sự nhàm chán của chương trình giáo dục, mặt khác đáp ứng được nhu cầu nhận thức của người học, giúp họ mở mang kiến thức, "học một biết mười".

Quá trình xây dựng nội dung, chương trình giảng dạy GDQP&AN, các chủ thể cần lồng ghép đan xen một lượng kiến thức nhất định các môn thuộc lĩnh vực KHXH&NV bên cạnh kiến thức khoa học quân sự. Những kiến thức đó sẽ góp phần vun đúc lòng tự tôn dân tộc, khơi dậy niềm tự hào của HS, SV về những truyền thống quý báu của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, qua đó góp phần xây dựng ý thức trách nhiệm đúng đắn đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, tạo sự say mê trong học tập cho HS, SV. Về hình thức, việc tích hợp kiến thức chuyên ngành KHXH&NV trong quá trình giảng dạy GDQP&AN phải được thực hiện một cách linh hoạt. Có thể được lồng ghép đan xen trong những giờ giảng, tiết giảng thuộc các môn khoa học quân sự, hoặc xây dựng thành một chuyên đề riêng một cách phù hợp với chương trình GDQP&AN. Cũng có thể là những câu chuyện chiến đấu, những tấm gương anh dũng trong lịch sử vệ quốc của dân tộc được kể trong giờ giải lao bởi đội ngũ giảng viên,...

2.3.3. Quan tâm đầu tư trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh

Kết quả giảng dạy GDQP&AN cho HS, SV không chỉ dừng lại ở việc họ nắm vững kiến thức cơ bản và thuần thục các động tác trong chiến đấu, mà còn là bản lĩnh trên chiến trường, sự vững vàng về tinh thần trước sự cam go, ác liệt của chiến tranh. *"Trong mọi cuộc chiến tranh, rốt cuộc thắng lợi đều tùy thuộc vào tinh thần của quân chúng đang đổ máu trên chiến trường"*¹ - V.I. Lê nin. Bản lĩnh chiến đấu và sự vững vàng về tinh thần của HS, SV chỉ có thể được hình thành thông qua môi trường hoạt động thực tiễn sát với tình huống chiến đấu với đầy đủ các yếu tố về địa hình, phương

¹ V.I. Lê nin - Toàn tập, tập 41, (1977), Nxb. Tiến bộ, tr.147.

tiện, VKTBKT. Mặt khác, trong hoạt động sư phạm, dạy học bằng mô hình, học cụ là hình thức hiệu quả, giúp cho người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động, trực tiếp. Chính vì vậy, để rèn luyện cho HS, SV có được phẩm chất trên, cần phải đưa họ vào môi trường sát với thực tiễn chiến tranh. Để có môi trường thực tiễn đó, các chủ thể giáo dục cần quan tâm đầu tư trang thiết bị, mô hình học cụ cho người học.

Quá trình đầu tư trang thiết bị, cần tập trung vào hệ thống VKTBKT theo nội dung học tập; mô hình học cụ trong huấn luyện; phần mềm mô phỏng, giả lập âm thanh; hệ thống công sự trận địa,... phải có phòng học cho các buổi học lý thuyết, phải có hệ thống thao trường chuyên dùng cho các buổi huấn luyện thực hành. Hệ thống trang thiết bị phục vụ học tập GDQP&AN phải đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với đặc điểm, nội dung, chương trình GDQP&AN. Kết hợp giữa đầu tư trang thiết bị thô sơ với hiện đại, giữa truyền thống với công nghệ, phù hợp với đường lối, phương thức chiến tranh nhân dân của Việt Nam.

2.3.4. Xây dựng ý thức trách nhiệm cho học sinh, sinh viên trong học tập Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mọi hoạt động của con người chỉ có kết quả bền vững khi được thực hiện với ý thức trách nhiệm cao nhất. Đối với HS, SV, ý thức trách nhiệm trong học tập GDQP&AN sẽ tạo cho họ tính tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong lĩnh hội kiến thức của chương trình học tập. Vì vậy, để nâng cao chất lượng giảng dạy GDQP&AN, chủ thể giáo dục phải chú ý và tiến hành trước một bước việc xây dựng ý thức trách nhiệm cho HS, SV trong học tập.

Để xây dựng ý thức trách nhiệm cho HS, SV trong học tập GDQP&AN, trước hết, phải khơi dậy ở họ niềm tự hào, lòng tự tôn dân tộc. Bên cạnh đó, phải làm cho họ thấy được mối quan hệ mật thiết giữa quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân đối với cộng đồng xã hội. Từ đó, kết hợp giữa việc đặt ra những yêu cầu cao trong học tập, huấn luyện với đáp ứng đầy đủ nhu cầu chính đáng của họ.

Xây dựng ý thức trách nhiệm cho HS, SV còn phải giáo dục cho họ thấy được năng lực chiến đấu của mỗi người không chỉ là sức mạnh để chiến thắng kẻ thù, mà còn là phương thức sinh tồn của chính mình khi xung trận. Kiến thức càng vững chắc, hành động càng táo bạo, quyết đoán, thuận thực bao nhiêu thì khả năng sống sót trước bom đạn quân thù càng cao bấy nhiêu và ngược lại, bản lĩnh non kém, sự nhu nhược, hành động lúng túng, thiếu quyết đoán của mỗi cá nhân không chỉ ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho kẻ thù tấn công mình. Vì vậy, cần phải khơi dậy ý thức trách nhiệm đối với chính bản thân HS, SV thông qua xây dựng ý thức trách nhiệm của họ trong học tập GDQP&AN.

3. KẾT LUẬN

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó có lực lượng đông đảo HS, SV trên cả nước.

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp vẻ vang đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng là phải thường xuyên quan tâm chăm lo đến công tác GDQP&AN cho mọi đối tượng. HS, SV là những người trẻ, khỏe, có trình độ, kiến thức khoa học, nhiệt huyết với công việc, sống có mục đích, lý tưởng, đang dần tiếp cận và làm chủ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.

GDQP&AN cho HS, SV là một chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước nhằm thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, nâng cao chất lượng GDQP&AN cho HS, SV là trách nhiệm trước hết của các cơ quan quản lý giáo dục, đội ngũ giảng viên ở các cơ sở giáo dục, đào tạo hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.345.
3. Hồ Chí Minh (1919-1924), “*Thư gửi đồng chí Pêtorốp, Tổng thư ký Ban Phương đông*”, Toàn tập, tập 1, (1995), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.263.
4. *V.I. Lê nin - Toàn tập*, tập 41, (1977), Nxb. Tiến bộ, Hà Nội, tr.147.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY

Đại tá Phạm Quốc Đảm*

Tóm tắt: *Giáo dục quốc phòng và an ninh có vai trò quan trọng trong việc giáo dục kiến thức quốc phòng và an ninh cho sinh viên nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và truyền thống yêu nước của dân tộc ta. Trong bài báo này, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở khoa Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay. Các giải pháp này cũng giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.*

Từ khóa: Chất lượng, giảng dạy, sinh viên, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. MỞ ĐẦU

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Đối với nước ta, các thế lực thù địch vẫn luôn tìm mọi cách chống phá, chủ yếu bằng chiến lược “diễn biến hoà bình”, nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Việt Nam, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc nước Việt Nam XHCN, chúng ta cần xây dựng một thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, trong đó sinh viên trên cả nước là một lực lượng đông đảo, có đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, có tiềm năng sáng tạo, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại và là chủ nhân tương lai của đất nước. Do đó, nâng cao chất lượng giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) là “... nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương”¹. GDQP&AN được tiến hành “bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng”.

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hành động của toàn dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, củng cố quốc phòng, an ninh. Khai thác mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh để xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội”². Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/02/2007 của Bộ Chính trị về tăng

* Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

¹ Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

² Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới đã xác định: “*Giáo dục quốc phòng, an ninh là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân*”¹. Vì vậy, đội ngũ giảng viên ở khoa cần phải có những giải pháp phù hợp với từng đối tượng người học, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN trong nhà trường.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng giảng dạy ở khoa Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Để giảng dạy tốt môn học GDQP&AN, trước hết, đội ngũ giảng viên phải có kiến thức sâu rộng; việc có ý thức tự trau dồi, tích lũy kiến thức qua việc tự học, tự nghiên cứu, nhằm làm giàu tri thức phục vụ chuyên môn phải được coi trọng. Ngoài ra, việc cập nhật thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng đóng vai trò hết sức quan trọng, giúp cho giảng viên có nhiều kiến thức mới, phong phú. Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ GDQP&AN của nhà trường hiện nay còn bộc lộ một số hạn chế như: chưa thật sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên và đầu tư đúng mức cho công tác này; chưa thực hiện tốt chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết theo quy định dẫn đến việc quản lý, chỉ đạo chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao; công tác đào tạo, quy hoạch đội ngũ chưa có chiều sâu, cán bộ còn thiếu nên giảng viên phải kiêm nhiệm thêm nhiều việc; phương pháp giảng dạy chưa thật sự đổi mới, việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy còn nhiều hạn chế, không đồng bộ; công tác kiểm, tra giám sát còn mang tính hình thức. Nhận thức về vị trí, vai trò của môn học trong một bộ phận cán bộ và sinh viên chưa đầy đủ, phương pháp giảng dạy của giảng viên trong khoa được đổi mới chưa nhiều, chưa sát với yêu cầu phát triển của giáo dục và đào tạo, việc rèn luyện lễ tiết, tác phong cho sinh viên có lúc chưa thực sự đồng đều, việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn chưa được thường xuyên, chế độ chính sách cho giảng viên còn nhiều bất cập, điều kiện cơ sở vật chất bảo đảm cho môn học chưa thực sự đồng bộ.

Bên cạnh đó, một phận không nhỏ sinh viên còn thờ ơ, lười học tập, ngại khó khăn gian khổ, lười rèn luyện, có biểu hiện học lấy lệ, qua loa bởi cho đây là môn học điều kiện. Do đó, nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN sẽ góp phần nhân lên những giá trị tốt đẹp, tiến bộ của sinh viên, đồng thời khắc phục được những hạn chế về lập trường, tư tưởng nhận thức về chính trị giúp các em sống có trách nhiệm hơn với cộng đồng và Tổ quốc Việt Nam XHCN.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.278.

Như vậy, để nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN, không chỉ tác động vào ý thức trách nhiệm của sinh viên với tư cách là chủ thể quan trọng nhất, mà còn phải quan tâm chú trọng đầu tư trang thiết bị dạy học và đào tạo đội ngũ giảng viên đủ số lượng, bảo đảm chất lượng đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng, hiệu quả môn học để tương xứng với vị trí, vai trò quan trọng của môn học. Đồng thời, tranh thủ sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường mà đội ngũ giảng viên tham mưu đề xuất kịp thời những vấn đề có liên quan đến chuyên môn để Đảng ủy, Ban Giám hiệu có hướng điều chỉnh phù hợp với thực tiễn hiện nay.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy ở khoa Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Mở - Địa chất

2.2.1. Tăng cường sự lãnh chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

Công tác GDQP&AN đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả, từng bước đi vào nề nếp. Thường xuyên đổi mới nội dung, xây dựng hệ thống các chuyên đề phù hợp với đối tượng; bổ sung những chuyên đề mới theo nội dung, chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khoa Giáo dục quốc phòng được củng cố và kiện toàn, phát huy tốt trách nhiệm làm tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ GDQP&AN. Thông qua GDQP&AN đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong cán bộ, sinh viên về nhận thức và trách nhiệm đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân trong nhà trường.

Thường xuyên chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt nhiệm vụ chính trị của nhà trường và chức trách, nhiệm vụ, vị trí vai trò của giảng viên GDQP&AN. Đây là yếu tố trực tiếp chi phối đến quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên phục vụ cho việc giảng dạy. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở nhà trường hiện nay đúng hướng và đạt hiệu quả thiết thực đòi hỏi Đảng ủy, Ban Giám hiệu, đội ngũ cán bộ quản lý các phòng, khoa, bộ môn cần nhận thức đúng đắn nhiệm vụ chính trị của nhà trường và chức trách của đội ngũ giảng viên GDQP&AN trong giai đoạn hiện nay.

Cần tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Bản thân mỗi cán bộ, giảng viên là đảng viên phải nhận thức đúng đắn việc xây dựng phẩm chất, đạo đức lối sống, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, đề cao tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, tính kỉ luật, dân chủ trong

tập thể. Trong công việc, cán bộ, giảng viên phải là tấm gương cho sinh viên học tập, thể hiện rõ thái độ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước tập thể. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của đội ngũ giảng viên GDQP&AN thường xuyên sẽ đảm bảo cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN thực hiện đúng nhiệm vụ giảng dạy được phân công.

Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị xác định: “*Giáo dục quốc phòng, an ninh là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, việc phổ cập và tăng cường giáo dục quốc phòng là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương*”¹. Đây là giải pháp cơ bản, là cơ sở, tiền đề, có ý nghĩa quyết định đối với việc nâng cao chất lượng GDQP&AN. Bởi vì, trong mọi hoạt động của con người, nhận thức đúng bao giờ cũng là cơ sở, tiền đề, hướng dẫn chỉ đạo hành động, phát huy trách nhiệm, động cơ thái độ, nâng cao ý chí quyết tâm của chủ thể và lực lượng trong quá trình nâng cao chất lượng giảng dạy ở khoa có tính đặc thù như môn học GDQP&AN trong giai đoạn hiện nay.

2.2.2. Xây dựng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh đảm bảo về số lượng và chất lượng

Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, GDQP&AN nói riêng, đội ngũ giảng viên là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng giảng dạy của môn học. Do đó, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo nhằm chuẩn hóa đội ngũ giảng viên GDQP&AN là vấn đề cấp thiết hiện nay. Căn cứ vào tình hình thực tế của đội ngũ giảng viên mà có những kế hoạch, lộ trình đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp. Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy. Vì vậy, phát triển đội ngũ giảng viên GDQP&AN là một yêu cầu tất yếu, khách quan, là yếu tố cơ bản trong hoạt động dạy - học, quyết định đến chất lượng, hiệu quả việc thực hiện chương trình môn học.

Luật GDQP&AN quy định tiêu chuẩn giáo viên, giảng viên giảng dạy GDQP&AN: “*Giáo viên, giảng viên GDQP&AN phải có trình độ cử nhân GDQP&AN trở lên; đối với người đã có trình độ cử nhân trở lên chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP&AN*”². Luật đã thể hiện rõ những quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong nhiệm vụ GDQP&AN, đặc biệt yêu cầu về nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy.

¹ Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

² Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13.*

Đội ngũ giảng viên GDQP&AN là lực lượng nòng cốt, số lượng, chất lượng giảng viên đóng vai trò quyết định chất lượng của môn học. Vì vậy, phải chủ động, xây dựng, hoàn thiện cơ cấu, tổ chức, biên chế đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên trong khoa cả trước mắt và lâu dài theo hướng “chuẩn hóa, trẻ hóa”, bảo đảm cân đối về cơ cấu độ tuổi, trình độ học vấn và kinh nghiệm giảng dạy để có thể kế thừa vững chắc, trong đó chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu để phù hợp với sự phát triển của nhà trường. Phải xây dựng hệ thống kỹ năng sư phạm cần thiết như: thiết kế bài giảng, tổ chức điều khiển, định hướng hoạt động, giải quyết các tình huống sư phạm,... và thường xuyên tiến hành tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên. Mặt khác, tăng cường hoạt động phương pháp, duy trì dự giờ, bình giảng, hội giảng để đội ngũ giảng viên trong khoa học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, thảo luận phương pháp giảng dạy để từng bước nâng cao năng lực và phương pháp sư phạm; đồng thời động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để đội ngũ giảng viên học tập, nghiên cứu, cập nhật kiến thức, thông tin mới về quốc phòng và an ninh để không ngừng nâng cao trình độ về mọi mặt.

2.2.3. Đổi mới tư duy, phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển toàn diện năng lực cho sinh viên giai đoạn hiện nay

GDQP&AN là môn học đặc thù nên có phần lí thuyết và có phần thực hành, vừa giáo dục tư tưởng nâng cao nhận thức ý thức quốc phòng, vừa rèn luyện các chế độ theo quy định của Quân đội. Do vậy, sinh viên sau khi tiếp cận với kiến thức đòi hỏi phải biết vận dụng những kiến thức đó vào thực tế. Theo quan điểm giáo dục hiện đại, lí thuyết phát triển năng lực thể hiện được ưu thế trước những yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam. Việc dạy học theo định hướng phát triển toàn diện năng lực thực hiện không chỉ chú ý đến việc tích cực hoá người học về mặt trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện cho họ những năng lực giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn, những tình huống nghề nghiệp, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra.

Hiện nay, giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển toàn diện thì năng lực đang trở thành xu thế phổ biến trên thế giới, nên đội ngũ giảng viên GDQP&AN cần quan tâm đến việc đào tạo con người biết vận dụng kiến thức, kĩ năng, thái độ vào giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn, cung cấp cho họ những năng lực cần thiết, phù hợp. Do đó, mỗi giảng viên trước hết là phải là những tấm gương mẫu mực, thực hiện đúng giờ giấc theo quy định, trang phục nghiêm túc, đúng quy định, tác phong, động tác phải đúng và chuẩn mực. Đặt công tác giáo dục về ý thức trách nhiệm, nề nếp chính quy trong học tập là ưu tiên hàng đầu trong giảng dạy môn học này. Mặt khác, đối với giảng viên GDQP&AN, công việc giảng dạy phải gắn liền với rèn luyện, học đi đôi với hành để không ngừng tích lũy kiến thức, trau dồi tư duy, nâng cao trình độ chuyên

môn, góp phần tìm ra những hình thức, biện pháp thích hợp để truyền đạt tri thức tới người học. Tổ chức các hoạt động giảng dạy phải kết hợp với các hoạt động ngoại khóa, phải luôn luôn đổi mới, phong phú, đa dạng tạo kích thích hứng thú cho sinh viên. Để dự báo năng lực học tập, tự giáo dục, tự rèn luyện của sinh viên, năng lực giảng dạy của giảng viên, từ đó điều chỉnh, đổi mới phương pháp học tập cho sinh viên và phương pháp giảng dạy của giảng viên; tạo hứng thú cho sinh viên thông qua nhiều hoạt động, trong đó có việc ứng dụng công nghệ thông tin vào từng nội dung bài giảng của môn học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy trở nên vô cùng phong phú và đa dạng, có hiệu quả cao trong việc tạo hứng thú cho sinh viên khi tiếp cận môn học. Song song với sử dụng công nghệ thông tin, giảng viên nên kết hợp trình chiếu các thước phim tư liệu có liên quan đến bài học và các loại tranh, ảnh được trang bị ngay tại phòng truyền thống hay (phòng học chức năng) điều này nhằm kích thích tính tò mò, thích thú, tìm hiểu của sinh viên đối với môn học. Ngoài ra, giảng viên tạo hứng thú cho sinh viên thông qua các hình thức khác như: cho sinh viên tham quan thực tế nơi ăn, ở và truyền thống của các đơn vị trong Quân đội, tổ chức các buổi hội thao quốc phòng, tổ chức trò chơi, hoạt động ngoại khóa để sinh viên có điều kiện giải trí, rèn luyện thể lực tăng cường sức khỏe, thể hiện tốt năng lực của mình; đồng thời, giảng viên cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp kiểm tra, đánh giá, việc phải đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá quá trình học tập của sinh viên, giảng viên phải tạo ra được cơ chế buộc sinh viên phải tham gia tích cực học tập lý thuyết, rèn luyện kỹ năng thực hành, chủ động nghiên cứu tham khảo tài liệu, chủ động nắm bắt nội dung môn học, từ đó sinh viên hiểu sâu hơn nữa kiến thức đã được trang bị để hướng tới việc sinh viên có ý thức tự học tập, tự rèn luyện. Việc kiểm tra, đánh giá đối với sinh viên phải đa dạng, hài hòa, toàn diện mới kích thích được sự tự kiểm tra và tự đánh giá mình qua quá trình học tập cũng như rèn luyện của bản thân sinh viên.

2.2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy

Một trong những vấn đề góp phần quan trọng, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN là cơ sở vật chất, các phương tiện hỗ trợ cho quá trình dạy và học.

Hiện nay, những điều kiện nêu trên mới chỉ dừng lại ở mức độ đáp ứng được một phần yêu cầu với môn học. Để có sự đồng bộ, thống nhất thì cần trang bị phòng truyền thống để trưng bày những hình ảnh tư liệu, mô hình có tính mô phạm tiếp nối những tư liệu mà các em đã được trang bị ở trung học. Ngoài ra, hệ thống ăn, ở tập trung, sân tập, trang phục, trang bị đầy đủ các loại vũ khí, lựu đạn mô hình để phục vụ giảng dạy đối với môn học có tính đặc thù như GDQP&AN cần phải được đảm bảo. Đồng thời, trang bị thêm những phương tiện cần thiết nhất, bổ sung các loại giáo trình,

sách báo, tài liệu tham khảo trong hệ thống thư viện là vô cùng cần thiết; đặc biệt là các loại tài liệu tham khảo phải được cập nhật thường xuyên, đảm bảo việc khai thác thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cùng với đó, tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy để tăng tính hấp dẫn của môn học.

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, để nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN trong nhà trường cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp; trong đó, xây dựng, kiện toàn đội ngũ giảng viên GDQP&AN đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ, có chất lượng chuyên môn nghiệp vụ được coi là trọng tâm. Thực tế cho thấy, nghiên cứu về giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học là một vấn đề lớn, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, trí tuệ tập thể. Nên có thể khẳng định, môn học GDQP&AN có vai trò, ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức cách mạng của mỗi sinh viên trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, trong điều kiện đất nước hội nhập và phát triển, việc nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiểu biết về kiến thức quốc phòng và an ninh cho sinh viên là một nhiệm vụ thiết thực hơn bao giờ hết. Vì vậy, việc giảng dạy môn học GDQP&AN là một nhiệm vụ quan trọng và rất có ý nghĩa, giúp sinh viên ý thức đoàn kết dân tộc và không ngừng phấn đấu học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng an ninh năm học 2022-2023.*
3. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
5. Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13.*

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở CÁC TRUNG TÂM, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG CÔNG CUỘC BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA*

TS. Đặng Thị Thanh Trâm*

Tóm tắt: Trên cơ sở phân tích tầm quan trọng của nội dung chương trình và đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các môn Giáo dục quốc phòng an ninh cho sinh viên các trung tâm và trường đại học, cao đẳng, bài viết đã chỉ ra những vấn đề đáng quan tâm về chất lượng của đội ngũ này và đề xuất những giải pháp để đội ngũ này phát huy vai trò của mình trong việc tham gia hữu hiệu, thiết thực vào công cuộc “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” theo tinh thần của Đại hội XIII. Đây chính là những điểm đóng góp của bài viết.

Từ khóa: Bảo vệ Tổ quốc từ sớm từ xa, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh, vai trò.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong Chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa theo tinh thần của Đại hội XIII, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là của toàn quân, toàn dân và của cả hệ thống chính trị. Tùy từng vị trí, công việc, lứa tuổi mà trách nhiệm đó to, nhỏ khác nhau. Trong lực lượng đông đảo đó, đội ngũ giảng viên giảng dạy môn Giáo dục quốc phòng an ninh tại các trung tâm và cơ sở giáo dục cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò của việc dạy - học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong cuộc cuộc bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) là học phần đặc thù, bắt buộc, được giảng dạy theo chương trình tại hầu hết các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam. Học phần gồm hai mảng lý luận và thực hành. Trong đó, phần lý luận trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, Quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

với quốc phòng - an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trong bối cảnh mới, học phần lý thuyết còn cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. Học phần thực hành trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết như chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần; Các chế độ, nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Đặt trong tình hình thế giới, khu vực đang có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, thì vai trò của việc dạy - học môn GDQP&AN cho sinh viên càng trở nên cấp thiết.

Mục đích của GDQP&AN được xác định tại Điều 4 của Luật GDQP&AN năm 2013 là: “*Giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”¹. Những nội dung giảng dạy của học phần GDQP&AN có ý nghĩa quyết định nhất trong việc *kiến tạo một lực lượng người trẻ* đáp ứng yêu cầu cung cấp lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc khi có yêu cầu. Có thể nói, trong bối cảnh hiện nay, khi tình hình quốc tế, khu vực có những diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, tác động đến tình hình an ninh, an toàn trên mọi phương diện trong nước thì lực lượng dự bị này có vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc “từ xa, từ sớm” cả bên trong lẫn bên ngoài. Dĩ nhiên, từ nội dung chương trình, mục tiêu, yêu cầu của môn học đưa vào quá trình giảng dạy cho đến khâu cuối cùng không dễ dàng đạt được, nó phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: học liệu, cơ sở vật chất, sân bãi, vũ khí, trang bị kỹ thuật, thiết bị dạy học quân dụng, chuyên dùng phục vụ dạy và học môn; khu ăn ở và đặc biệt phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của người thầy.

¹ Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13*.

Trên thực tế, giảng viên giảng dạy các học phần GDQP&AN cho sinh viên ở các trung tâm và các trường đại học, cao đẳng hiện nay phần nhiều là sĩ quan biệt phái nên khi đảm nhiệm công việc giảng dạy, họ mang trên mình hai vai trò: sĩ quan Quân đội và giảng viên đại học. Trong vai trò một quân nhân, họ là lực lượng nòng cốt, đứng ở vị trí tuyến đầu, sẵn sàng tham gia các hoạt động tác chiến bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống từ mặt trận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch đến nhiều mặt trận trên thực địa để bảo vệ an ninh, an toàn cho nhân dân, cho Tổ quốc. Trong vai trò giảng viên, toàn bộ các yếu tố từ thể chất, tác phong, tri thức, đạo đức, phẩm chất, kỹ năng, tinh thần, thái độ của một quân nhân đều được phản chiếu đến người học khi họ đứng trên bục giảng hoặc khi ở thao trường huấn luyện. Khi học các môn GDQP&AN, sinh viên phải ở tập trung trong khu ký túc xá trong khoảng thời gian 01 tháng và giảng viên phải tham gia quản lý sinh viên ngoài giờ học chính thức với nhiều hoạt động phong phú không kém phần phức tạp. Ở hoàn cảnh này, giảng viên GDQP&AN có vai trò như người thân quản lý, chăm lo cho sinh viên. Với những vai trò này, đội ngũ giảng viên môn GDQP&AN tại các trung tâm, trường học giữ vị trí quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết định trực tiếp trong việc bảo vệ Tổ quốc và trong công tác giáo dục, đào tạo, huấn luyện học sinh, sinh viên cả về lý luận, kỹ năng và tinh thần, thái độ trong việc thực hiện trách nhiệm của công dân tham gia bảo vệ Tổ quốc.

2.2. Thực trạng đội ngũ giảng viên ở các trường đại học và trung tâm giảng dạy giáo dục quốc phòng an và ninh hiện nay

Học phần GDQP&AN, người thầy giảng dạy các môn học này giữ vai trò quyết định nhất trong việc đào tạo ra một lực lượng người trẻ có sức khỏe, có trình độ tri thức, có kỹ năng, kỹ thuật quân sự tham gia vào công cuộc bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Trong những năm qua, đội ngũ giáo viên, giảng viên GDQP&AN đã từng bước được chuẩn hóa, chất lượng không ngừng được nâng lên, nhất là ở các cơ sở đào tạo trong Quân đội, đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng công tác này. Tuy vậy, nếu nhìn từ xa, từ sớm, do tính chất đặc thù nên công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng gặp nhiều khó khăn, cơ cấu đội ngũ còn nhiều bất cập; trình độ, năng lực, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy không đồng đều; chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên cũng đang tồn tại những vấn đề cần sớm được giải quyết.

Thực tế hiện nay, đội ngũ giảng viên ở các trường đại học tham gia đào tạo giáo viên GDQP&AN phần lớn là sĩ quan Quân đội biệt phái. Theo thống kê năm 2016, số lượng giảng viên chỉ đạt 61,34% so với biên chế; số giảng viên có trình độ sau đại học thấp (trình độ thạc sĩ đạt 26%; trình độ tiến sĩ đạt 2,74%)¹. Năm rõ thực trạng này, Chính phủ đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm xây dựng, phát triển, từng bước

¹ Dẫn theo Đại tá, TS. Phan Xuân Dũng “Đào tạo, tuyển dụng giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh - những vấn đề đặt ra”, <http://tapchiquptd.vn/sites/print.aspx?newid=11399>

chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 607/QĐ-TTg, ngày 24-4-2014 về phê duyệt Đề án “Đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP&AN cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020”. Mục tiêu của Đề án là: “Đến năm 2020, bảo đảm đào tạo đáp ứng được 90% nhu cầu giáo viên và 70% nhu cầu giảng viên GDQP&AN giảng dạy ở các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học”¹. Thực tế khảo sát tại các trường đại học đang đào tạo giáo viên GDQP&AN cho thấy, với lưu lượng đào tạo trong các năm qua thì đến năm 2020 mới có khoảng 4.300 sinh viên tốt nghiệp, đạt gần một nửa tổng số sinh viên theo Đề án. Như vậy, số lượng đào tạo chưa đạt mục tiêu đã xác định và chưa đáp ứng nhu cầu thực tế. Còn về chất lượng, nghiên cứu chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thấy, nội dung lý thuyết chiếm 67,2%; phần thực hành chiếm 32,8%. Khảo sát chương trình, nội dung đào tạo cụ thể tại các trường đại học thì sự chênh lệch giữa lý thuyết và thực hành cũng rất lớn (lý thuyết từ 63,72% - 65,43%; thực hành chỉ từ 34,57% - 36,28%), thậm chí có môn học chỉ thuần túy kiến thức lý luận mà không có phần thực hành. Hệ quả là học viên tốt nghiệp ra trường khi tiếp xúc với thực tế không tránh khỏi lúng túng, hạn chế trong tư duy lý luận và hành động. Ngoài vấn đề chuyên môn, trình độ, vấn đề suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của đội ngũ đảng viên, giảng viên GDQP&AN này cũng cần sớm chú ý nhất là trong thời gian gần đây, trên các phương tiện truyền thông đưa tin về giảng viên GDQP&AN ở cơ sở giáo dục đại học có những hành vi vi phạm về đạo đức, lối sống đáng lên án trong quá trình giảng dạy cho sinh viên.

Như vậy, đứng trước yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong bối cảnh mới, chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN cũng đặt ra những vấn đề rất đáng được quan tâm và sớm phải được giải quyết.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh nhằm phát huy vai trò trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa

Từ thực trạng chất lượng đội ngũ giảng viên, giáo viên như trên, để thực hiện thắng lợi quan điểm của Đảng về bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, cần triển khai hệ thống giải pháp đồng bộ như: tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở đối với công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động tư tưởng, giáo dục nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và toàn dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị

¹ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-607-QĐ-TTg-2014-Dao-cao-giao-vien-giang-vien-quoc-phong-an-ninh-trung-hoc-trung-cap-2020-227566.aspx>

học tập để người học được thực hành nhiều hơn. Đảm bảo chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên; làm tốt công tác quy hoạch, kiện toàn đội ngũ giáo viên, giảng viên có đủ số lượng, đạt chuẩn chất lượng, xây dựng biên chế cơ hữu và có chính sách ưu tiên tuyển dụng hợp lý; chú trọng bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ giảng viên, nhất là sĩ quan biệt phái ở các cơ sở đào tạo. Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực có những biến động khôn lường, diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo. Hoạt động tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo, nhất là trên khu vực Biển Đông tiếp tục diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Vấn đề đối tác, đối tượng chuyên hóa mau lẹ, khó đoán định. Các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh hoạt động “diễn biến hòa bình”, kích động ly khai, bạo loạn lật đổ; thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, “phi chính trị hóa” Quân đội với nhiều thủ đoạn tinh vi, tất cả tình hình này gây ra nhiều khó khăn, phức tạp cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, càng đòi hỏi phải không ngừng đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh phù hợp với từng đối tượng và tình hình thực tiễn.

Phát huy tinh thần tiên phong, xung kích của Quân đội nhân dân, của người đảng viên, những người thầy mang màu xanh quân phục phải tích cực các hoạt động tự trau dồi, tự nâng cao năng lực để đáp ứng yêu cầu của công việc.

Trước hết, đó là việc thường xuyên bổ sung, cập nhật quan điểm, tư duy, nhận thức mới của Đảng về quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc, nhất là quan điểm Đại hội XIII; Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Chiến lược Quốc phòng Việt Nam; Chiến lược Quân sự Việt Nam; Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng và các chiến lược chuyên ngành mới được ban hành.

Đồng thời, giảng viên GDQP&AN còn phải cập nhật kịp thời sự phát triển của khoa học, công nghệ quân sự tiên tiến, các loại vũ khí, trang bị hiện đại, những tư tưởng, học thuyết quân sự, phương thức tác chiến mới trên thế giới hiện nay; vạch trần âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đề cao tinh thần cảnh giác, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Đó là việc nỗ lực không ngừng đổi mới phương pháp dạy học *theo hướng hiện đại*. Trong tương lai, hoạt động dạy - học sẽ ngày càng được hỗ trợ, ứng dụng nhiều thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến. Theo đó, phương pháp dạy - học môn học GDQP&AN dù mang tính đặc thù cao cũng phải đổi mới, phát huy ưu thế của phương tiện dạy học hiện đại; chuyển từ truyền thụ một chiều là chủ yếu như hiện nay sang dạy - học tích cực, tiếp cận năng lực người học. Điều đó đòi hỏi giảng viên không bó buộc trong lượng kiến thức ở giáo trình, tài liệu mà phải biết khai thác, sử dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mô phỏng, hình ảnh, âm thanh vào bài giảng điện tử. Phương pháp này giúp người học được trải nghiệm bài giảng trực quan, sinh động; có cơ hội trình bày quan điểm, ý kiến của mình, kích thích sự say mê, sáng tạo trong học tập.

Ngoài việc nâng cao trình độ chuyên môn, các giảng viên *GDQP&AN* phải ra sức giữ gìn và phát huy truyền thống, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” trong bối cảnh mới. Đạo đức, phẩm chất tốt đẹp của người quân nhân được phản chiếu qua người thầy luôn được sinh viên, các bạn trẻ yêu mến, trân trọng và nó có sự lan tỏa mạnh mẽ đối với họ. Vì thế, các cơ sở giáo dục và bản thân đội ngũ giảng viên giảng dạy các môn *GDQP&AN* càng phải chú trọng rèn giũa, giữ gìn.

3. KẾT LUẬN

Trong tổng thể các lực lượng tham gia bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giảng viên giảng dạy các môn *GDQP&AN* giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Họ không chỉ là lực lượng sẵn sàng, trực tiếp bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống, trên mọi lĩnh vực mà họ còn trực tiếp đào tạo, huấn luyện một lực lượng người trẻ rất quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ sớm từ xa, đó là sinh viên, nguồn nhân lực bổ sung cho nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Để hoàn thành sứ mệnh cao cả đó, cần hệ giải pháp đồng thời giữa các bộ, từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở, song sự tự giác, tự soi, tự sửa, tự nâng cao bản thân của đội ngũ giảng viên *GDQP&AN* tại các trung tâm, trường học cả về chuyên môn, trình độ, kỹ thuật và phẩm chất, đạo đức có ý nghĩa quyết định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy - một số vấn đề lý luận và thực tiễn, phát hành ngày 28/06/2022, <http://hdll.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/bao-ve-to-quoc-tu-som-tu-xa;-giu-nuoc-tu-khi-nuoc-chua-nguy---mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien.html>
2. Đại tá, TS. Phan Xuân Dũng “Đào tạo, tuyển dụng giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh - những vấn đề đặt ra”, <http://tapchiquptd.vn/sites/print.aspx?newid>
3. Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13*.
4. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh - tiền đề quan trọng để bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, <https://www.bqllang.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop/11606-tang-cuong-giao-duc-boi-duong-kien-thuc-quoc-phong-va-an-ninh-tien-de-quan-trong-de-bao-ve-to-quoc-tu-som-tu-xa.html>
5. Thủ tướng Chính phủ (2014), Quyết định số 607/QĐ-TTg, ngày 24/04/2014, Phê duyệt Đề án “Đào tạo giáo viên, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020”.

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Thượng tá Trần Bắc Bộ*

Tóm tắt: *Đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện nhiệm vụ giảng dạy GDQP&AN và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, công tác xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN vẫn còn một số hạn chế, khó khăn như về cơ cấu, tổ chức, năng lực chuyên môn chưa bắt kịp với sự phát triển hiện nay. Bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN như cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng nhà trường và các đơn vị chức năng; thực hiện tốt công tác quy hoạch, công tác đào tạo, bồi dưỡng, công tác quản lý đội ngũ giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng GDQP&AN cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong điều kiện hiện nay.*

Từ khóa: Chất lượng, giảng viên, Giáo dục quốc phòng và an ninh, xây dựng

1. MỞ ĐẦU

Để thực hiện nhiệm vụ GDQP&AN cho sinh viên, Đảng và Nhà nước đã quan tâm đến xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Công tác xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN được thể hiện cụ thể trong các văn bản pháp luật. Theo Luật GDQP&AN năm 2013, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật GDQP&AN, đội ngũ giảng viên GDQP&AN là những người có bằng cử nhân GDQP&AN trở lên hoặc là cán bộ Quân đội, công an có bằng tốt nghiệp đại học trở lên hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP&AN và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Trong đó, đối với đội ngũ giảng viên GDQP&AN là sĩ quan Quân đội biệt phái tại các cơ sở giáo dục đại học thực hiện nhiệm vụ theo Nghị định số 165/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định sĩ quan biệt phái có nhiệm vụ tham mưu với nhà trường nơi sĩ quan đến biệt phái thực hiện công tác quản lý về GDQP&AN; nghiên cứu khoa học, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và thực hiện giảng dạy môn học GDQP&AN; tham gia phối hợp thực hiện các công tác quân sự khác.

Như vậy, xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN có bản lĩnh chính trị, cơ cấu tổ chức chặt chẽ, chuyên môn nghiệp vụ tốt có vai trò quan trọng quyết định đến chất lượng GDQP&AN cho sinh viên nói riêng và mục tiêu của giáo dục và đào tạo nói chung ở các cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, việc xây dựng đội ngũ giảng viên

* Phó Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

GDQP&AN vẫn còn một số bất cập, khó khăn như: về số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở một số cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; về cơ cấu, phẩm chất, năng lực và nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên GDQP&AN vẫn còn một số hạn chế nhất định. Do đó, để nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN, cần phải đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phù hợp gắn với một cơ sở giáo dục đại học cụ thể, góp phần nâng cao chất lượng GDQP&AN cho sinh viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng xây dựng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất là những sĩ quan thuộc Binh chủng Pháo binh biệt phái công tác tại Trường Đại học Mở - Địa chất, thực hiện nhiệm vụ trực tiếp giảng dạy GDQP&AN cho sinh viên, nghiên cứu khoa học, tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất được biên chế thành khoa Giáo dục quốc phòng (GDQP) bao gồm: Chi bộ GDQP, Công đoàn khoa và hai bộ môn là: Bộ môn Đường lối quân sự, Bộ môn Kỹ thuật quân sự; số lượng cán bộ, giảng viên khoa GDQP gồm 08 đồng chí sĩ quan biệt phái (trong đó có: 01 đại tá, 06 thượng tá, 01 thượng úy) và 02 đồng chí là chuyên viên và nhân viên văn phòng. Đội ngũ giảng viên GDQP&AN tuổi quân, tuổi đời, cấp bậc quân hàm cao, nhiều kinh nghiệm, được đào tạo cơ bản ở bậc đại học trong các nhà trường trong và ngoài Quân đội là cơ sở quan trọng để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Trong những năm qua, công tác xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất có nhiều chuyên biến tích cực, chất lượng đội ngũ giảng viên từng bước được nâng cao, đáp ứng ngày càng tốt hơn mục tiêu, yêu cầu GDQP&AN và nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

Tuy nhiên, chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất vẫn còn bộc lộ những hạn chế, khó khăn nhất định như: đội ngũ giảng viên có thời điểm còn thiếu do một số giảng viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, giảng viên đến tuổi nghỉ chế độ chưa có người bổ sung, số lượng sinh viên tuyển sinh của nhà trường tăng lên,... Mặt khác, trình độ, năng lực của một số giảng viên có mặt chưa thực sự ngang tầm với nhiệm vụ giáo dục đào tạo trong giai đoạn mới; kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm, nghiên cứu khoa học gặp rất nhiều khó khăn; công tác tham mưu cho có lúc chưa bắt kịp với sự thay đổi của xã hội,... điều đó cũng ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ giảng viên.

Do đó, để nâng cao chất lượng GDQP&AN và nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN, cần tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN có đủ phẩm chất, năng lực; số lượng đủ, chất lượng cao ngang tầm với nhiệm vụ là vấn đề hết sức quan trọng hiện nay. Từ những đánh giá trên, tác giả đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất.

2.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh

2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu Trường Đại học Mở - Địa chất, chỉ huy khoa Giáo dục quốc phòng về công tác xây dựng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh theo nguyên tắc tập trung dân chủ

Đây là giải pháp thể hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, là cơ sở vững chắc để đảm bảo cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN phát triển đúng hướng. Do đó, công tác cán bộ nói chung và công tác xây dựng đội ngũ giảng viên nói riêng nhất thiết phải đặt dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Mở - Địa chất và Chi ủy, khoa GDQP theo phạm vi chức trách được phân công, phân cấp.

Nội dung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN phải toàn diện trên tất cả các mặt, tập trung vào lãnh đạo hoàn thiện cơ cấu tổ chức, biên chế đội ngũ giảng viên GDQP&AN, cả trước mắt và lâu dài theo hướng “chuẩn hóa, trẻ hóa”, đảm bảo cân đối về cơ cấu độ tuổi, trình độ học vấn và kinh nghiệm quản lý, giảng dạy để có sự kế thừa vững chắc, trong đó chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu, phù hợp với sự phát triển của khoa và nhà trường. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên như: xây dựng kế hoạch và triển khai nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ quản lý và giảng viên; triển khai nhiệm vụ tập huấn về nội dung, chương trình, phương pháp quản lý và giảng dạy cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên; triển khai nhiệm vụ quản lý và kiểm tra, giám sát đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy nhà trường về công tác cán bộ, tập thể chi bộ, cấp ủy khoa GDQP cần xác định rõ phương hướng, yêu cầu công tác xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN và quyết nghị chủ trương, biện pháp xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN theo đúng quyền hạn, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Mọi nội dung công tác xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN từ việc quy hoạch đến việc đánh giá bố trí, sử dụng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và chính sách về cán bộ, giảng viên nhất thiết phải do tập thể cấp ủy, khoa GDQP và Đảng ủy nhà trường xem xét quyết định theo đúng thẩm quyền và theo đa số.

2.2.2. Thực hiện tốt công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên ở khoa Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Mở - Địa chất

Việc xây dựng quy hoạch phải nắm vững và căn cứ vào hướng dẫn của cấp trên, tiêu chuẩn cán bộ, nhiệm vụ chính trị của khoa GDQP và các bộ môn; đánh giá đúng thực trạng, dự báo sự phát triển của đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Xây dựng quy hoạch đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ, làm thận trọng, cần khảo sát đánh giá cụ thể lớp đương nhiệm, xác định bước phát triển cho từng chức danh, phát hiện thăm dò, tuyển chọn nguồn kế cận, dự bị, xác định rõ bước đi cần thiết cho quy hoạch,... phải phối hợp cho được dự kiến của cấp trên, sự chỉ đạo của cấp uỷ và đề xuất của cơ quan chức năng. Việc thảo luận và thông qua quy hoạch phải thật sự dân chủ, công khai, đi tới sự nhất trí trong tập thể cấp uỷ.

Xây dựng quy hoạch phải gắn liền với điều hành thực hiện quy hoạch, để bảo đảm tính pháp lý, quy hoạch phải gắn với nhiệm kỳ đại hội của Đảng bộ Trường, Chi bộ GDQP, có sự phê chuẩn và giám sát của Đảng uỷ nhà trường trong điều hành thực hiện quy hoạch. Để quy hoạch có tính hiệu quả cao và chủ động bồi dưỡng tạo nguồn các lớp giảng viên GDQP&AN, cần tập trung vào:

Xây dựng quy hoạch tổng thể đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất:

Trên cơ sở tính toán khoa học, dự báo, đón đầu sự phát triển của tình hình mà quy hoạch tổng thể đội ngũ giảng viên GDQP&AN, nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của khoa GDQP cả trước mắt và lâu dài. Quy hoạch phải nhằm mục đích bảo đảm cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ giảng viên.

Cần xác định quy hoạch có cơ cấu hợp lý, đồng bộ tạo điều kiện để các thành phần trong đội ngũ giảng viên GDQP&AN bổ sung hỗ trợ cho nhau phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ GDQP&AN và nghiên cứu khoa học.

Quy hoạch chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Trong quy hoạch tổng thể đội ngũ giảng viên cần xác định rõ mục tiêu, yêu cầu nâng cao chất lượng toàn diện đội ngũ giảng viên GDQP&AN; có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, có ý chí trách nhiệm cao, quyết tâm thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có kiến thức, trình độ cơ bản toàn diện và chuyên sâu về khoa học; có tầm tư duy; có tiềm năng trí tuệ, tiếp cận kịp thời với khoa học công nghệ và phát triển kinh nghiệm truyền thống. Chú trọng trình độ học hàm, học vị luôn bảo đảm từ 80-90% giảng viên có trình độ sau đại học, bảo đảm cho giảng viên hoàn thành tốt chức trách được giao, có trên 90% giảng viên giảng dạy được tất cả các nội dung, chương trình.

Quy hoạch tạo nguồn cán bộ chủ trì khoa, bộ môn ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất:

Cùng với quy hoạch tổng thể, cần thường xuyên chăm lo xây dựng và thực hiện có hiệu quả quy hoạch tạo nguồn cán bộ khoa, bộ môn. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt được của quy hoạch tạo nguồn cán bộ chủ trì là hình thành được những lớp kế cận, lớp dự bị, những tập thể lãnh đạo, chỉ huy đoàn kết thống nhất, bổ sung được cho nhau, bảo đảm tình kế thừa, sự phát triển liên tục, vững chắc của đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Phải thường xuyên quán triệt, giữ vững nguyên tắc tổ chức của đảng, gắn quy hoạch sắp xếp cán bộ chủ trì với việc kiện toàn cấp uỷ, quy hoạch gắn với nhiệm kỳ đại hội của Đảng bộ Trường và Chi bộ GDQP. Xây dựng quy hoạch phải trên cơ sở tiêu chí về chất lượng, phải bảo đảm cán bộ chủ trì khoa, bộ môn thật sự kiên định, vững vàng, có đủ bản lĩnh, trình độ học vấn, học hàm, học vị và năng lực trí tuệ, nhất là kiến thức về GDQP&AN. Phẩm chất và năng lực của cán bộ khoa, bộ môn phải đảm bảo để giải quyết những tình huống phức tạp ảnh hưởng đến nhiệm vụ GDQP&AN và nghiên cứu khoa học. Để làm tốt quy hoạch cán bộ chủ trì cần phải đánh giá đúng đội ngũ giảng viên để lựa chọn nguồn, tập trung bồi dưỡng nguồn thông qua các biện pháp đi đào tạo, bồi dưỡng và đi thực tế cả lớp đương chức, nguồn kế cận và nguồn dự bị.

2.2.3. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, năng lực cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN là phải tích cực gửi đi đào tạo cơ bản tập trung tại các học viện, nhà trường trong, ngoài Quân đội, chú trọng đào tạo thạc sĩ. Với những giảng viên không đủ điều kiện đi đào tạo dài hạn thì xem xét lựa chọn đưa đi đào tạo ngắn hạn hoặc gửi đi học các lớp ngắn hạn tại các học viện, nhà trường trong, ngoài Quân đội.

Các hình thức đào tạo, bồi dưỡng tập trung cho việc bổ túc kiến thức cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ, bồi dưỡng các chuyên đề, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong đó, bồi dưỡng trình độ chuyên môn là nội dung rất quan trọng, trực tiếp nâng cao đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tư duy nhận thức và thực tiễn cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giảng viên GDQP&AN cần phải kết hợp chặt chẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng với công tác chính sách để động viên tinh thần và tạo điều kiện về vật chất cho giảng viên yên tâm học tập. Chú trọng quan tâm

tới những giảng viên đi đào tạo sau đại học. Trong mỗi học kỳ, năm học, trong mỗi nhiệm vụ được giao phải thường xuyên sơ, tổng kết rút kinh nghiệm, có chính sách khen thưởng xứng đáng với những thành tích xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng và cả trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên.

2.2.4. Thực hiện tốt công tác quản lý đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất

Quản lý đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất là một khâu rất quan trọng, là cơ sở để tiến hành tốt các mặt. Quản lý tốt giúp cho cấp ủy, người chỉ huy đánh giá đúng thực trạng của đội ngũ cán bộ là cơ sở để giáo dục, rèn luyện giảng viên, là cơ sở để xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có kế hoạch bố trí sử dụng cho phù hợp.

Nhà trường, các phòng ban chức năng, khoa GDQP và các bộ môn cần phải quản lý chặt chẽ mọi mặt đội ngũ giảng viên GDQP&AN, đặc biệt coi trọng quản lý cả về tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, năng lực chuyên môn, phương pháp, tác phong công tác, phương pháp giảng dạy, quan hệ xã hội, sức khỏe và các mối quan hệ xã hội của giảng viên; cần tìm hiểu nắm vững cả tâm tư, tình cảm, nguyện vọng và tình hình gia đình của từng giảng viên,... nhất là trong điều kiện hiện nay do sự tác động của tình hình thế giới, khu vực, âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, sự tác động bởi mặt trái của cơ chế thị trường và những tiêu cực của xã hội cần phải chú trọng quản lý về đạo đức, lối sống và các mối quan hệ xã hội của giảng viên.

Biện pháp là đội ngũ cán bộ khoa, bộ môn phát huy vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý và chịu trách nhiệm mọi mặt trong khoa, bộ môn. Duy trì thực hiện nghiêm giờ giấc, chế độ, nề nếp làm việc, quy định về giờ giấc làm việc hành chính; đồng thời kết hợp chặt chẽ với địa phương trong quản lý giảng viên ngoài giờ hành chính. Thông qua quá trình hoạt động thực tiễn và sinh hoạt hàng ngày của giảng viên để nắm chắc điểm mạnh, điểm yếu của họ; thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị mà đánh giá về tư cách, phẩm chất và năng lực của giảng viên. Thông qua những đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình trong tổ đảng, Chi bộ, lắng nghe ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và quần chúng để đánh giá uy tín của giảng viên. Thông qua chế độ nhận xét cán bộ, nhận xét đảng viên hàng năm, kết hợp chặt chẽ quản lý cán bộ với quản lý đảng viên là giảng viên GDQP&AN,... tạo nên sự thống nhất trong đánh giá phân loại cán bộ, đảng viên theo đúng quan điểm nguyên tắc của Đảng. Trên cơ sở quản lý chặt chẽ, nắm vững tình hình mọi mặt đội ngũ giảng viên GDQP&AN để có kế hoạch bồi dưỡng, giáo dục, rèn luyện đội ngũ giảng viên cho phù hợp.

3. KẾT LUẬN

Để thực hiện được mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ GDQP&AN cho sinh viên ở Trường Đại học Mở - Địa chất, một trong những khâu then chốt là phải chăm lo xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN có phẩm chất, năng lực tốt, có số lượng đủ, chất lượng cao, có cơ cấu hợp lý, có khả năng phát triển liên tục vững chắc. Tuy nhiên, công tác xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất còn một số hạn chế như: về số lượng, cơ cấu, về phẩm chất và năng lực của đội ngũ giảng viên so với yêu cầu, nhiệm vụ GDQP&AN và nghiên cứu khoa học. Do đó, để xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, của cấp ủy, chỉ huy khoa GDQP; sự phối hợp chặt chẽ giữa khoa GDQP với các cơ quan chức năng trong nhà trường và trách nhiệm của mọi cán bộ, đảng viên trong khoa; tích cực đổi mới công tác quy hoạch, tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng và quản lý đội ngũ giảng viên GDQP&AN; coi trọng kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN với xây dựng khoa GDQP phát triển vững mạnh toàn diện; nâng cao trách nhiệm tự học tập, tự bồi dưỡng về phẩm chất, nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ giảng viên. Đồng thời, tranh thủ sự chỉ đạo, giúp đỡ của các cơ quan chức năng của Binh chủng Pháo binh trong việc điều động, bổ sung cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng và làm công tác chính sách đối với giảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2003), *Nghị định số 165/2003/NĐ-CP, ngày 22/12/2003 về biệt phái sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.*
2. Chính phủ (2014), *Nghị định số 13/2014/NĐ-CP, ngày 25/02/2014 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.*
3. Chu Hoàng Mậu (2015), “*Trung tâm Giáo dục quốc phòng Thái Nguyên với việc xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên Giáo dục quốc phòng - an ninh*”, Tạp chí Quốc phòng toàn dân.
4. Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13.*
5. Tổng cục Chính trị (2000), *Xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới*, Nxb. Quân đội nhân dân.

BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN Ở KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY

*Thượng tá Trần Thanh Hanh**

Tóm tắt: *Dạy học trực tuyến là phương thức học thông qua máy vi tính, điện thoại thông minh nối mạng đối với một máy chủ ở nơi khác. Dạy học trực tuyến là hoạt động nhằm hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp tại nhà. Mô hình dạy này là một trong những giải pháp tối ưu có khả năng đáp ứng nhu cầu cấp thiết trong học tập, giảng dạy và thuận lợi trong đào tạo nhiều cấp học. Bài viết sẽ tập trung nêu lên một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến ở khoa Giáo dục quốc phòng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay.*

Từ khóa: Dạy học trực tuyến, biện pháp, chất lượng dạy học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) là điều kiện thuận lợi và có sự ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động giáo dục và đào tạo, dạy và học trực tuyến trở thành xu thế đào tạo trong thời kì mới. Đặc biệt trước những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 thì dạy học trực tuyến là lựa chọn tối ưu nhất của các trường nói chung và dạy học ở khoa Giáo dục quốc phòng nói riêng. Trong thời gian vừa qua trước tình hình phức tạp của dịch bệnh Covid-19, khoa Giáo dục quốc phòng đã thích ứng nhanh và tổ chức giảng dạy trực tuyến các nội dung lý thuyết của môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN). Xác định môn học GDQP&AN là môn học đặc thù, khi học tập sinh viên phải ăn, ở, sinh hoạt và học tập trung nên khi chuyển đổi hình thức dạy học cũng gặp không ít khó khăn; đây không phải là hình thức dạy phổ biến khi chưa có dịch bệnh, hơn nữa dạy học trực tuyến ở khoa Giáo dục quốc phòng là hình thức giảng dạy mới, chưa có tiền lệ. Chính vì vậy khi chuyển đổi sang hình thức dạy học trực tuyến sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo GDQP&AN. Do đó, nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay là yêu cầu quan trọng và hết sức cần thiết.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. NỘI DUNG

2.1. Đánh giá ưu điểm, hạn chế khi dạy học trực tuyến ở khoa Giáo dục quốc phòng

2.1.1. Ưu điểm

So với dạy học truyền thống, dạy học trực tuyến có nhiều ưu điểm như: Sinh viên không phải đến trường, có thể học ngay tại nhà, đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch Covid-19; Giảng viên có thể phát huy hiệu quả của việc sử dụng hình ảnh, âm thanh và video để truyền đạt nội dung học tập đến người học giúp bài học thêm hấp dẫn và sinh động. Ngoài ra, giảng viên còn có thể quản lý sinh viên trong quá trình tham gia học tập bằng trực tiếp trên lớp qua theo dõi màn hình và qua phần mềm điểm danh tự động; Sinh viên có thể truy cập nguồn tài liệu học tập tại bất kỳ nơi đâu như ở nhà, nơi làm việc hay các địa điểm mạng internet công cộng và vào bất kỳ thời gian nào thích hợp khi người học bố trí được thời gian nghiên cứu, tự học.

Khi sử dụng phần mềm dạy học trực tuyến như Zoom, Microsoft Teams, TranS, Skype,... cho phép nhiều sinh viên tham gia trong một lớp học và đồng thời có thể bố trí được nhiều giảng viên dạy cùng một lúc trong một khóa học, đặc biệt hơn sinh viên không phải tập trung, hạn chế được dịch bệnh; tự chủ động trong ăn, ở, sinh hoạt hàng ngày của cá nhân và nhà trường, hạn chế được công tác bảo đảm,...).

2.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, dạy học trực tuyến cũng có những hạn chế nhất định, cụ thể như:

- Học trực tuyến sinh viên không được đến học tập trung ở trường, nên ngoài giờ lên lớp sinh viên không được tham gia các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm và đặc biệt là không được rèn luyện trong môi trường Quân đội theo các chế độ, nề nếp trong ngày, trong tuần góp phần rèn luyện sinh viên có tác phong Quân đội, tính kỷ luật và một số kỹ năng cần thiết khác,...

- Hệ thống cơ sở vật chất, kỹ thuật về CNTT, các ứng dụng phần mềm dạy học có thời điểm chưa đáp ứng được việc kết nối, chất lượng hình ảnh, âm thanh không ổn định còn xảy ra. Đặc biệt là, đối với các sinh viên ở một số địa bàn vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn về phương tiện, thiết bị đảm bảo cho việc học, sóng internet còn yếu,... Trình độ sử dụng CNTT và việc ứng dụng các phần mềm cơ bản trong quá trình dạy và học ở một số ít giảng viên, sinh viên còn hạn chế và lúng túng lúc ban đầu. Thực tế trong thời gian dạy học trực tuyến vừa qua, hạn chế này đã bộc lộ như: trong quá trình dạy học có những lúc vì điều kiện mạng không đảm bảo, sinh viên không vào lớp đúng giờ, hoặc có khi đang học thì bị treo máy, bị thoát ra làm gián

đoạn việc dạy và học. Một số ít giảng viên chưa sử dụng thành thạo các ứng dụng dạy học nên cảm thấy áp lực, dạy học chưa mang lại hiệu quả tích cực. Sinh viên chưa tự giác, tích cực, còn biểu hiện học cho có, học đối phó, có khi chỉ vào điểm danh xong rồi ngồi làm việc riêng.

- Môi trường dạy và học trực tuyến cũng làm giảm sự tương tác giữa người dạy và người học: Học trực tuyến qua mạng ít nhiều cũng làm giảm khả năng truyền đạt với lòng say mê nhiệt huyết của giảng viên đến sinh viên; sinh viên không có nhiều cơ hội học hỏi trao đổi thông tin với bạn bè, không kích thích được sự chủ động và sáng tạo của sinh viên.

- Việc dạy học trực tuyến cũng dễ làm nảy sinh ra các vấn đề liên quan đến an ninh quốc phòng, an ninh mạng, các hiện tượng phản cảm, nhạy cảm cũng như các vấn đề về sở hữu trí tuệ,...

- Đối với nội dung thực hành quân sự như: Điều lệnh đội ngũ có súng, kỹ thuật bắn súng, ném lựu đạn và chiến thuật,... sinh viên phải sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật để học tập và luyện tập nên việc học trực tuyến không thể thực hiện được. Mặt khác, hiện nay phân học thực hành vẫn chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép giảng dạy trực tuyến, đây là nội dung khó khăn nhất đối với khoa Giáo dục quốc phòng trong giai đoạn dịch bệnh đang diễn ra.

2.2. Một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến ở khoa Giáo dục quốc phòng hiện nay

2.2.1. Đối với khoa Giáo dục quốc phòng

Thứ nhất, cần đảm bảo hạ tầng CNTT phục vụ hoạt động dạy học trực tuyến

Việc đảm bảo hạ tầng CNTT rất quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể tới tiến độ, chất lượng học tập. Hạ tầng máy chủ, mạng internet, tốc độ đường truyền, băng thông và hệ thống các phần mềm có đáp ứng khả năng truy cập, lưu trữ các nguồn tài nguyên học tập, các dữ liệu phục vụ giảng dạy và học tập hay không sẽ đóng vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng dạy học khi triển khai hình thức dạy học này. Nếu hạ tầng công nghệ được đảm bảo, thông suốt, quá trình dạy và học trực tuyến với sự hỗ trợ của công nghệ truyền thông đa phương tiện, những bài giảng có tích hợp text, hình ảnh minh họa, âm thanh sẽ làm tăng thêm tính hấp dẫn, thuyết phục của bài học. Thông qua đó, người học được sự hỗ trợ nhanh chóng và đầy đủ từ đa dạng kênh, hệ thống tài liệu được lưu trữ trên hệ thống giúp người học có thể truy xuất các thông tin hỗ trợ quá trình học nhanh chóng và đầy đủ. Bên cạnh đó, các chức năng trò chuyện, tương tác với sinh viên, giảng viên và quản trị viên hệ thống giúp người học giải quyết được những thắc mắc một cách nhanh chóng nhất.

Thứ hai, chủ động đề xuất các biện pháp bảo đảm nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến đối với Ban Giám hiệu nhà trường

Đội ngũ cán bộ, giảng viên trong khoa Giáo dục quốc phòng thường xuyên nắm chắc những bất cập trong quá trình dạy học trực tuyến mà vượt quá thẩm quyền của khoa thì chủ động đề xuất các biện pháp để Ban Giám hiệu nhà trường giúp đỡ, ví dụ như quản lý việc sử dụng có hiệu quả hạ tầng CNTT, thực hiện tính bảo mật, bảo trì hệ thống các thiết bị phần cứng, phần mềm để việc sử dụng ổn định, an toàn, hiệu quả, đảm bảo triển khai việc dạy và học trực tuyến được thông suốt; xây dựng đội ngũ cán bộ quản trị và phát triển phần mềm có trình độ chuyên nghiệp để nghiên cứu, phát triển nâng cấp hệ thống; định kỳ tổ chức đánh giá việc khai thác, sử dụng hệ thống thiết bị phần cứng, phần mềm để kịp thời có giải pháp sử dụng hiệu quả hơn, phù hợp với sự phát triển của CNTT và duy trì nguồn kinh phí hợp lý để bảo trì, đầu tư nâng cấp chất lượng hệ thống.

Thứ ba, tổ chức tốt các hội nghị trao đổi, rút kinh nghiệm về công tác dạy học trực tuyến

Đây là nội dung rất quan trọng không chỉ đối với mỗi khoa giảng dạy mà còn rất có ý nghĩa và hữu ích đối với cá nhân từng giảng viên. Sau mỗi buổi dạy học trực tuyến hoặc định kỳ, phải tổ chức tốt hội nghị trao đổi, rút kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau về phương pháp giảng dạy, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình dạy học trực tuyến và phương pháp tốt nhất khi quản lý lớp học trực tuyến nhằm nâng cao trình độ, phương pháp dạy học trực tuyến của giảng viên, đồng thời nâng cao chất lượng dạy học môn GDQP&AN. Không những trao đổi, rút kinh nghiệm trong nội bộ khoa Giáo dục quốc phòng mà còn mở rộng học hỏi thêm ở các khoa khác trong nhà trường về cách thức dạy học trực tuyến.

2.2.2. Đối với đội ngũ giảng viên

Một là, tích cực học tập nghiên cứu, sử dụng thành thạo CNTT và các thiết bị hỗ trợ

Giáo dục trong thời đại 4.0 chắc chắn không thể thiếu sự hỗ trợ của CNTT. Thành thạo CNTT chính là yêu cầu cần có đối với giảng viên ở thời điểm hiện tại và trong tương lai. Để có giờ dạy học trực tuyến hiệu quả cao, giảng viên phải thực sự làm chủ được các công cụ, thiết bị công nghệ. Bởi lẽ môi trường tương tác trên nền tảng online khác xa với hình thức dạy học truyền thống. Với tư cách là người dạy, giảng viên cần biết sử dụng các phần mềm để tạo ra một giờ học thú vị, thu hút và tương tác một cách tự nhiên nhất có thể. Ngoài ra, nắm vững các kiến thức về công nghệ cũng giúp bạn khắc phục được những sự cố phát sinh trong quá trình dạy học trực tuyến.

Trong dạy học trực tuyến đòi hỏi giảng viên phải có kỹ năng sử dụng công nghệ thành thạo. Nếu như giảng viên giảng dạy theo hình thức truyền thống chỉ cần am hiểu nắm bắt sử dụng công nghệ ở một mức tối thiểu nào đó là có thể hoàn thành nhiệm vụ, giảng viên dạy học trực tuyến phải có kiến thức và kỹ năng về sử dụng công nghệ khá thuần thục (ít nhất là với hệ thống vận hành hiện tại, với ứng dụng dạy học đang được sử dụng ở khoa Giáo dục quốc phòng), phải tạo được môi trường tương tác giữa giảng viên với sinh viên.

Vì vậy, để việc dạy học trực tuyến có hiệu quả, giảng viên phải tăng cường trau dồi kỹ năng sử dụng, ứng dụng, tích hợp CNTT trong sử dụng, xây dựng, thiết kế bài giảng, chương trình và có kỹ năng tương tác với người học thông qua các thiết bị công nghệ. Giảng viên cần tích cực nghiên cứu, tìm hiểu về ứng dụng được sử dụng trong giảng dạy để sử dụng thành thạo. Khi gặp khó khăn vướng mắc cần trao đổi ngay với đội ngũ cán bộ CNTT hoặc tìm kiếm sự hỗ trợ từ bạn bè, đồng nghiệp.

Hai là, đổi mới phương pháp tương tác giữa giảng viên với sinh viên

Khi giảng dạy trực tiếp thì hỏi đáp, tranh luận, thậm chí chỉ qua ngôn ngữ hình thể,... đều là những cách tương tác, việc tương tác không chỉ gắn với bài học mà còn với một người thầy có tính hình mẫu cao với học trò, rộng hơn là tương tác giữa người với người, làm nảy sinh tình cảm, sự gắn bó và các mối liên hệ khác. Nhưng ở lớp dạy trực tuyến, các cách tương tác đó có thể không còn được phát huy mà đòi hỏi có những cách trao đổi, tác động qua lại kiểu khác. Chẳng hạn, tích cực sử dụng các công cụ bình luận (comment) nếu cách giảng cho phép bình luận trực tiếp; quan tâm nhiều hơn đến các chia sẻ trong nhóm, nhất là với những ý kiến có liên quan đến bài giảng, đến phương pháp giảng; mạnh dạn trao đổi qua email hoặc các hình thức chia sẻ ý kiến khác,... Ở vai trò chủ động, người thầy nên thực sự tạo điều kiện và tích cực thực hiện việc tương tác, để ít nhất cũng lắng nghe được sự phản hồi của người học như thế nào, sau nữa là tạo sự gắn kết, gần gũi giữa thầy và trò một cách tích cực, qua đó cũng tạo ra sự hứng khởi và động lực cho người học.

Đồng thời, vì tương tác giao tiếp trong dạy học trực tuyến là gián tiếp, chủ yếu thông qua “bàn phím” và “màn hình”, sinh viên rất khó hiểu được ý tưởng cũng như cảm xúc của giảng viên khi trao đổi cùng họ nên giảng viên cần có tính kiên trì và khả năng đọc suy nghĩ, cảm xúc của người học. Giảng viên cần có sự sáng tạo và linh hoạt trong cách diễn đạt ngôn từ, hướng tới sự truyền đạt hiệu quả ý tưởng, khơi dậy cảm xúc cho người học để thiết kế bài học, xây dựng kịch bản trong từng bài giảng một cách hợp lý, khoa học nhất.

Ba là, phát huy tính chủ động, tích cực của giảng viên trong quá trình chuẩn bị và thực hành dạy học trực tuyến

Đây là những yếu tố rất quan trọng không thể thiếu của giảng viên nhằm nâng cao chất lượng dạy học trực tuyến, đặc biệt đó là nội dung lần đầu tiên được sử dụng trong khoa Giáo dục quốc phòng. Giảng viên phải chủ động, tích cực đầu tư thời gian, trí tuệ, công sức làm tốt công tác chuẩn bị mọi mặt trước giờ lên lớp, hạn chế thấp nhất những sai sót khi dạy học trực tuyến. Trong quá trình thực hành giảng dạy, ngoài việc truyền đạt những kiến thức của nội dung bài giảng thì cần quan tâm đến sinh viên nhiều hơn mới có thể nắm bắt được thực lực của sinh viên và có điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho các em. Chính vì vậy, tính chủ động, tích cực là yếu tố không thể thiếu để giúp giảng viên xây dựng được cách dạy học trực tuyến hiệu quả.

Phát huy tính chủ động, tích cực của người giảng viên là yêu cầu đòi hỏi quan trọng, cần thiết đối với mỗi người giảng viên khi dạy học trực tiếp, tuy nhiên yêu cầu này trong dạy học trực tuyến lại càng phải cao hơn. Bản thân giảng viên cần phải có đề cương bài giảng được soạn đầy đủ, cụ thể, đúng quy cách, trình tự nội dung của bài học để làm cơ sở, nền tảng cho việc theo dõi, lĩnh hội kiến thức của sinh viên. Bài giảng này nên được gửi trước để người học xem trước, nắm sơ bộ nội dung và nhất là chuẩn bị các câu hỏi trao đổi. Quá trình thực hành dạy học giảng viên cần quan tâm nhiều hơn đến việc nắm bắt kiến thức bài học của người học, bởi trên thực tế khó đánh giá được sự theo dõi, nhận thức của sinh viên như trên lớp dạy trực tiếp.

Bốn là, giảng viên cần làm tốt việc kiểm soát nội dung giảng dạy trong bài học

Để làm tốt vấn đề này thì trước tiên giảng viên phải tiến hành nghiên cứu tài liệu, viết bài giảng đầy đủ, chi tiết, cụ thể, có lý luận và dẫn chứng chứng minh làm rõ nội dung, tiếp theo cần phải tự thực luyện nắm chắc các nội dung bài giảng. Bài giảng phải được thông qua từ tổ bộ môn đến khoa Giáo dục quốc phòng, kịp thời phát hiện những thiếu sót để tiếp tục chấn chỉnh, hạn chế thấp nhất những lỗi sai khi thực hành bài giảng. Thực tế chúng ta thấy khi giảng dạy trực tiếp nếu có vấn đề gì sai sót thì giảng viên có thể sửa và đính chính được ngay, nhưng chúng ta thấy khi giảng dạy trực tuyến thì âm thanh, hình ảnh nội dung giảng của giảng viên khi lên lớp có thể đã được sinh viên ghi âm, ghi hình lại và chia sẻ trên các phương tiện thông tin, mạng xã hội với tốc độ nhanh chóng, lúc phát hiện muốn sửa và đính chính nội dung là vấn đề khó. Do vậy, việc kiểm soát nội dung giảng dạy phải được từng giảng viên quán triệt một cách sâu sắc vấn đề này và phải tuyệt đối trung thành với nội dung bài giảng đã được thông qua, kể cả các nội dung phim tài liệu, phim huấn luyện khi cho sinh viên xem hỗ trợ, tham khảo (bài giảng phải được thông qua tổ bộ môn, thông qua khoa,...); không được đưa những nội dung sai quan điểm đường lối của Đảng, những nội dung quan điểm cá nhân của giảng viên vào bài giảng.

Năm là, thực hiện tốt công tác quản lý lớp học trong quá trình giảng dạy

Với môn học đặc thù là GDQP&AN, ngoài việc sinh viên tiếp thu nội dung kiến thức môn học thì việc duy trì lớp học mang tính thống nhất và kỷ luật phải được quan tâm. Ở dạy học trực tuyến cũng đặt ra nhiều vấn đề cho công tác quản lý lớp của giảng viên trong điều kiện lớp học thi đông, ảnh hưởng của đường truyền, thiết bị giảng dạy và ý thức của sinh viên,...

Để quản lý tốt lớp học, nâng cao ý thức tự giác của sinh viên cần làm chú ý một số nội dung sau:

- Buổi học đầu tiên phải dành thời gian điểm danh sinh viên và kiểm tra thẻ sinh viên một cách chính xác nhất trong điều kiện có thể (thẻ sinh viên, CCCD,...) để làm dữ liệu so sánh với các buổi học sau, tránh tình trạng học hộ, điểm danh hộ; các buổi học sau có thể điểm danh đột xuất hoặc sau khi kết thúc buổi học; giảng viên phải ghi âm, ghi hình và lưu lại các buổi học để làm căn cứ khi có sinh viên vi phạm nội quy.

- Tăng cường tương tác, vấn đáp với sinh viên, một mặt kiểm tra kiến thức, mặt khác là kiểm tra sinh viên có trên lớp học không. Qua quá trình giảng dạy thì một số giảng viên cũng đã phát hiện sinh viên chỉ vào lớp học lúc đầu giờ, sau đó vẫn để máy tính (điện thoại) nhưng đã không có mặt tham gia học tập liên tục mà đi làm việc khác, cá biệt có sinh viên còn lấy một ảnh chân dung hoặc quay video chân dung của mình sau đó gán vào màn hình, nếu giảng viên không kiểm tra kỹ thì sẽ không phát hiện được hiện tượng này.

- Sau mỗi buổi học giảng viên xuất phần mềm điểm danh, theo dõi quá trình học tập xem sinh viên có mặt trên lớp học không, và tham gia học bao nhiêu thời gian trong buổi học đó (thời gian vào lớp, thời gian ra khỏi lớp học, tổng thời gian tham gia học đều thể hiện trên phần mềm) để có những biện pháp nhắc nhở, phê bình, kiểm điểm kịp thời những sinh viên hay vào muộn, nghỉ sớm góp phần nâng cao ý thức tự giác cho sinh viên.

- Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ kiêm chức trong quá trình quản lý lớp học: Trong một lớp học thì ngay từ đầu khóa học, phòng Đào tạo Đại học, khoa Giáo dục quốc phòng đã biên chế các trung đội, các tiểu đội và cán bộ kiêm chức là trung đội trưởng, tiểu đội trưởng. Trong chức trách nhiệm vụ có gắn trách nhiệm của cán bộ để giúp cho giảng viên trong quản lý quân số, nếu trong tiểu đội, trung đội có sinh viên vi phạm các quy định thì tiểu đội trưởng, trung đội trưởng cũng phải chịu trách nhiệm.

- Phối hợp chặt chẽ với các nhà trường liên kết và đặc biệt là phụ huynh sinh viên trong quá trình quản lý việc học tập của sinh viên. Trong danh sách lớp học cần có đầy đủ thông tin về sinh viên, cán bộ lớp, giảng viên chủ nhiệm lớp và phụ huynh của sinh viên để khi cần thiết có thể liên lạc được ngay (ví dụ buổi học ngày hôm đó có sinh viên vắng mặt, có thể liên lạc với gia đình nắm thông tin một cách chính xác, kịp thời nhất vì học trực tuyến đại đa số sinh viên đang ở tại gia đình,...).

3. KẾT LUẬN

Có thể khẳng định, dạy và học trực tuyến là xu thế tất yếu là một phương pháp tối ưu, quan trọng vì có tính tiết kiệm và tính khả thi cao trong bối cảnh tình hình dịch diễn biến phức tạp. Nhưng để hoạt động này thực sự có chất lượng, hiệu quả, cần có sự thay đổi tích cực và thích nghi dần, như là một cách làm quen từ phía các cơ sở giáo dục, người dạy và người học. Việc làm quen với hình thức dạy học trực tuyến trong thời gian đầu không tránh khỏi những vướng mắc, lúng túng và có những hạn chế nhất định. Để dạy và học trực tuyến đảm bảo được chất lượng hơn nữa thì quá trình dạy học đòi hỏi phải có sự nỗ lực cao từ phía nhà trường, đội ngũ giảng viên và sự nỗ lực của mỗi sinh viên. Do vậy, cần phải thực hiện nhiều biện pháp thiết thực, hiệu quả trong quá trình dạy học trực tuyến của đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên của nhà trường. Nếu làm được như vậy, chắc chắn chất lượng giáo dục đào tạo môn học GDQP&AN ở khoa Giáo dục quốc phòng ngày một nâng cao, đáp ứng được với yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện trong giáo dục và đào tạo và đồng thời thích ứng với điều kiện dịch bệnh trong tình hình hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam;
2. Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2015), *Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGD-BLĐTBXH, ngày 05/11/2015 quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh; liên kết Giáo dục quốc phòng và an ninh của các cơ sở giáo dục đại học*;
3. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Tài liệu hướng dẫn sử dụng an toàn các phần mềm, công cụ dạy, học trực tuyến*, Cục An toàn thông tin.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY MÔN ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY

*Thượng tá Trần Văn Độ**

Tóm tắt: Để nâng cao chất lượng dạy học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay cần phải kết hợp và thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau như giáo dục nhận thức rõ ý thức trách nhiệm của cả giảng viên và sinh viên, để làm tốt công tác chuẩn bị trước dạy học, đổi mới cải tiến phương tiện dạy học,... Trong đó đổi mới phương pháp giảng dạy là một biện pháp giữ vai trò quyết định đến chất lượng dạy, học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường.

Từ khóa: Chất lượng, phương pháp giảng dạy, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để nâng cao chất lượng dạy học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay cần phải kết hợp và thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp khác nhau như giáo dục nhận thức rõ ý thức trách nhiệm của giảng viên (GV) và sinh viên (SV) khi tham gia học môn học này. Để làm tốt công tác chuẩn bị trước khi dạy học, đổi mới cải tiến phương tiện dạy học,... trong đó việc đổi mới phương pháp giảng dạy là một biện pháp giữ vai trò quyết định đến chất lượng dạy học của môn học này.

Giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay nhằm giúp SV nhà trường sau khi nghe giảng tiếp tục nghiên cứu, phát triển tư duy khoa học, sáng tạo trong việc tìm kiếm kiến thức mới. Đồng thời, giúp SV nắm vững, củng cố hệ thống kiến thức lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng về các lĩnh vực quốc phòng; sự đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo trong chiến tranh cách mạng và những bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bài giảng môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN có nhiều dạng khác nhau, nhưng nhìn chung có nhiệm vụ cung cấp tư liệu để khôi phục sự kiện; làm rõ đường lối chiến lược, sách lược quân sự, phương pháp, hình thức tiến hành chiến tranh cách mạng ở mỗi thời kỳ, giai đoạn; dựng lại phong trào đấu tranh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng; kinh nghiệm lãnh đạo, xây dựng Quân đội qua mỗi thời kỳ, giai đoạn cách mạng và truyền thống đoàn kết chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam anh hùng qua các giai đoạn lịch sử dựng nước và giữ nước.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. NỘI DUNG

2.1. Tính cấp thiết của việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Việc giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng góp phần trang bị cho SV Trường Đại học Mở - Địa chất những kiến thức về quá trình lãnh đạo trong các cuộc chiến tranh của Đảng. Tuy nhiên, việc giảng dạy ở một số thời điểm còn chưa đáp ứng kịp với tình hình mới; nội dung bài giảng còn mang nặng tính thuyết trình lý thuyết theo kiểu xuôi chiều, cấu trúc chương trình còn gò bó, cứng nhắc theo một nội dung nhất định, chưa giải đáp được những vấn đề thực tiễn đặt ra; bài giảng còn nhiều điểm yếu về chất lượng nội dung, chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Việc nghiên cứu ứng dụng phương pháp giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN còn thiếu tính hệ thống, chưa vận dụng đồng bộ như mang nặng tính nhồi nhét, không chú trọng đến thực tiễn, không chú trọng việc kích thích tính tích cực nhận thức của SV và chưa cập nhật thông tin, chưa vận dụng những thành tựu mới của công nghệ thông tin vào quá trình dạy học. Đó là những hạn chế cần khắc phục để nâng cao chất lượng của môn học theo yêu cầu mới. Do vậy, đổi mới phương pháp giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN ở Trường Đại học Mở - Địa chất là yêu cầu khách quan vừa cấp bách trước mắt, vừa là vấn đề cơ bản lâu dài để nâng cao chất lượng môn học GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Một trong những vấn đề quan trọng cần đổi mới, đó là đổi mới nội dung, phương pháp giảng bài môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN ở Trường Đại học Mở - Địa chất là phải bảo đảm được mục tiêu nâng cao nhận thức về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, củng cố niềm tin; cổ vũ đi tới hành động, ý thức bảo vệ Tổ quốc của SV. Để thực hiện tốt mục tiêu đó, cần bảo đảm được ba yêu cầu:

- Bài giảng phải bảo đảm được yêu cầu cả về nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.

- Bài giảng phải đảm bảo đủ và đúng những kiến thức cơ bản về Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng, phù hợp với tư tưởng chỉ đạo, yêu cầu của chủ đề bài giảng. Đồng thời, bài giảng còn phải cung cấp cho SV những thông tin mới, những kiến thức cập nhật và phải thể hiện được tính Đảng, tính lý luận gắn với thực tiễn, có tính giáo dục cao.

- Giảng bài cần thể hiện được nhiều phương pháp khoa học khác nhau gồm ba dạng chủ yếu: về một thời kỳ lịch sử; về kinh nghiệm hoặc bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh của Đảng; những đúc kết kinh nghiệm, tinh hoa của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Mỗi bài giảng có những yêu cầu cụ thể khác nhau.

Bài giảng về một thời kỳ lịch sử thường được kết cấu thành ba phần: hoàn cảnh lịch sử (đặc điểm tình hình); chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng trong chiến tranh; kết quả, ý nghĩa, kinh nghiệm lịch sử để lại. Do đó, đòi hỏi phải làm rõ được hoàn cảnh lịch sử thế giới, trong nước và thời kỳ lịch sử đó có liên quan đến đường lối, chủ trương, phương thức tiến hành chiến tranh; làm rõ sự chỉ đạo của Đảng và phong trào cách mạng của quần chúng thực hiện chủ trương, nhiệm vụ mà Đảng đã vạch ra; kết quả, ý nghĩa, kinh nghiệm rút ra của thời kỳ lịch sử đó, rút ra những vấn đề có thể vận dụng cho hiện tại. Phương pháp sử dụng để giảng dạy bài giảng này là từ quy nạp và diễn dịch, giải thích và chứng minh; kết hợp hai phương pháp này là chủ yếu. Đồng thời, sử dụng phương pháp thông báo kết hợp nêu vấn đề để giảng dạy có hiệu quả.

Bài giảng về một chuyên đề về đường lối quốc phòng và an ninh, dạng bài này có tính khái quát cao. Giảng bài loại này phải làm rõ nguồn gốc, nội dung của vấn đề cần trình bày, những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra yêu cầu nghiên cứu chuyên đề; qua trình phát triển nhận thức của Đảng về vấn đề trong chuyên đề đó; vấn đề rút ra từ lịch sử có thể vận dụng cho hiện tại. Phương pháp chủ yếu là giải thích, chứng minh quy nạp, diễn dịch là quan trọng.

Ngoài ra, với một số đối tượng còn có dạng thứ tư là giới thiệu các vấn đề liên quan đến thực tế trong giai đoạn hiện nay. Dạng bài này khi chuẩn bị giảng dạy GV phải có kiến thức sâu, am hiểu rộng và căn cứ vào đối tượng được học để trình bày.

Giảng bài là khoa học về sự giao tiếp trực tiếp giữa người nói với người nghe, là nghệ thuật chuyên tải nội dung đã chuẩn bị trong bài giảng tới SV đạt kết quả cao nhất. Do vậy, kỹ năng, phương pháp giảng bài có ý nghĩa quyết định đến kết quả nội dung bài giảng của người GV.

2.2. Một số yêu cầu trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Từ thực tế giảng dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN ở khoa Giáo dục quốc phòng Trường Đại học Mở - Địa chất, quá trình giảng bài không nhất nhất một phương pháp nào mà cần kết hợp sử dụng nhiều phương pháp. Trong đó, sử dụng phương pháp thuyết trình, thông báo kết hợp với phương pháp đàm thoại, nêu vấn đề, thực hiện phương pháp diễn dịch với quy nạp, giải thích và chứng minh

bằng phim, hình ảnh thực tế vẫn là phương pháp chủ yếu nhằm tăng cường tính tích cực của SV. Để thực hiện được mục tiêu, yêu cầu đó, cần đổi mới phương pháp giảng dạy, trước hết tập trung thực hiện tốt một số yêu cầu sau đây:

2.2.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy thuyết trình, thông báo

Trong dạy học, thuyết trình là phương pháp GV dùng lời nói để trình bày, mô tả, giải thích các nội dung bài giảng cho SV nhận thức đúng đắn vấn đề. Để phương pháp thuyết trình đạt được hiệu quả, trước hết người GV phải nắm vững yêu cầu về ngôn ngữ, văn phong bài giảng, về sử dụng tư liệu thực tế và sử dụng kênh phi ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ để trình bày bài giảng.

Ngôn ngữ là phương tiện chủ yếu của GV, là yếu tố cực kỳ quan trọng để thực hiện và nâng cao chất lượng bài giảng. Người GV phải có ngôn ngữ phong phú để trình bày chính xác những khái niệm, sự vật hiện tượng và những sự kiện lịch sử, những quan điểm đường lối và chính sách của Đảng qua các giai đoạn chiến tranh. Tiêu chuẩn cơ bản của ngôn ngữ tốt là tính chính xác, tính đúng đắn, tính thẩm mỹ.

Tính chính xác: đó là sự thống nhất giữa nội dung thông tin, những tư liệu sự kiện, những quan điểm, tư tưởng, đường lối chính sách của Đảng đã được khẳng định và sự diễn đạt bằng những phương tiện ngôn ngữ các nội dung đó. Tính chính xác đòi hỏi GV phải có từ ngữ chính xác về mức độ, khách quan nội dung của vấn đề, sự kiện lịch sử, quá trình lịch sử một cách trung thành, làm nổi bật vấn đề GV trình bày.

Tính đúng đắn: ngôn ngữ GV sử dụng phải được mọi người thừa nhận và được coi là mẫu mực vì phù hợp với chuẩn mực của ngôn ngữ.

Tính thẩm mỹ: đó là vẻ đẹp và sự hấp dẫn của lời nói, làm tăng sự thích thú cho SV trên cơ sở những ngôn từ có chọn lọc được sử dụng đúng đắn, chính xác, phù hợp, văn hoá mà không hoa mỹ một cách cầu kỳ, quá mức cần thiết, không phù hợp với đối tượng. Có được tiêu chuẩn lời nói đẹp, GV mới diễn tả ý tưởng của mình một cách chân thành, sáng sủa, chính xác và có sức thuyết phục SV. Không sử dụng tiếng đệm, tiếng láy, tiếng tục vào bài giảng, nhịp độ nói vừa phải, không nhanh quá hoặc chậm quá. Tùy theo số lượng SV và không gian của hội trường để nói với cường độ âm thanh vừa phải. Không dùng ngữ điệu đều đều mà phải nhấn giọng, hạ giọng cho phù hợp.

Trong giảng bài theo phương pháp thuyết trình cần sử dụng tư liệu thực tế trong bài giảng để chứng minh, làm rõ một luận điểm nào đó, thể hiện tính thống nhất giữa lý luận với thực tiễn, làm tăng tính cụ thể trong nội dung giảng bài, làm cho bài giảng thêm sinh động, hấp dẫn và thuyết phục SV. Tư liệu thực tế phải đảm bảo tính chính xác, chân thực, khách quan, phù hợp với chủ đề, trình độ SV. Khi sử dụng tư liệu, dẫn chứng thực tiễn để minh họa cho bài giảng, GV cần bám sát bài giảng kết hợp một

cách nhuần nhuyễn, tránh vận dụng một cách cứng nhắc, gượng ép. Tư liệu thực tế chỉ có sức thuyết phục khi nó gần gũi, chính xác, rõ ràng đã được kiểm nghiệm trong thực tế cuộc sống, phù hợp với đối tượng và những thang bậc giá trị chung của toàn xã hội. Điều cần chú ý là không sử dụng tư liệu lặp đi, lặp lại trong một bài giảng hoặc ở một đối tượng mà mình tham gia giảng dạy.

Ưu thế của phương pháp thuyết trình là sử dụng kênh phi ngôn ngữ, đó là cử chỉ, điệu bộ, nét mặt của người GV. Nếu biết sử dụng tốt, kênh phi ngôn ngữ không chỉ là sự bổ sung mà còn làm nhân lên hiệu quả của bài giảng. Yêu cầu của kênh phi ngôn ngữ là phải tự nhiên, hợp lý, gắn với nội dung, hợp với từng loại đối tượng, bối cảnh bài giảng. Người GV nên tránh "biểu diễn, diễn kịch" khi giảng bài làm cho tác dụng truyền thụ kiến thức bị hạn chế, gây phản cảm cho SV. GV phải thể hiện sự tin tưởng với những điều đã khẳng định, phê phán các quan điểm phản diện với thái độ kiên quyết, khách quan.

2.2.2. Thực hiện tốt phương pháp diễn dịch và quy nạp, giải thích và chứng minh hoặc kết hợp hai phương pháp

Phương pháp diễn dịch là xuất phát từ một luận điểm, một sự kiện lịch sử, người GV dùng sử liệu, tư liệu thực tế để làm sáng tỏ luận điểm, sự kiện đó. Đây là phương pháp diễn giải dễ thực hiện, có thể áp dụng phổ biến cho mọi đối tượng, nhưng cuối cùng phải chốt lại luận điểm chung.

Phương pháp quy nạp là từ nhiều sự kiện, hiện tượng lịch sử có tính riêng lẻ, sau khi đã phân tích dưới nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau để nêu lên luận điểm, luận đề, nhận định có tính tổng hợp, tinh khái quát cao. Phương pháp này đòi hỏi người GV phải biết lựa chọn sự kiện lịch sử tiêu biểu để phân tích, thống nhất quan điểm đánh giá, nhận định.

Trong một bài giảng có thể vận dụng từng phương pháp để giảng dạy ở các phần khác nhau, cũng có thể kết hợp cả hai phương pháp giải thích, chứng minh và diễn dịch, quy nạp trong một bài giảng. Chú ý đến bố cục bài giảng cho cân xứng, tránh sa đà vào một nội dung.

Trong quá trình giảng phải nắm thông tin ngược của SV là rất cần thiết để từ đó mà điều chỉnh nội dung, phương pháp cho phù hợp, tránh rơi vào trạng thái bị động. Khi trình bày bài giảng, GV phải bao quát giảng đường, quản lý buổi giảng, theo dõi SV đang tiếp thu bài của mình như thế nào để chủ động điều chỉnh bài giảng. Trong quá trình nghe giảng, SV có thể mệt mỏi do khách quan (thời tiết, tiếng ồn,...), GV có thể sử dụng một số thủ thuật để thay đổi không khí hội trường, giảng đường, tạo sự chú ý SV như: dùng âm điệu ngôn ngữ biểu cảm, phương tiện trực quan, tạo không khí sôi nổi nếu thấy cần thiết.

2.2.3. Kết hợp thuyết trình, thông báo với thuyết trình nêu vấn đề

Dạy học nêu vấn đề được xem là một kiểu dạy học có sử dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Trong dạy học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN, dạy học nêu vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng. Thực hiện phương pháp này bằng cách GV nêu ra các vấn đề học tập đưa SV vào tình huống có vấn đề tự mình phải giải quyết theo ý định sự phạm đã định. Bản chất của phương pháp thuyết trình nêu vấn đề là trình bày các sự kiện hình thành các mâu thuẫn để SV tìm cách trả lời các mâu thuẫn đó, điều này sẽ rèn luyện cho SV tư duy sáng tạo. Để tạo ra tình huống có vấn đề trong quá trình dạy môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN ở Trường Đại học Mở - Địa chất, thông thường tập trung các vấn đề sau:

- Đặt SV đứng trước các sự kiện, hiện tượng của lịch sử để SV phải vận dụng kiến thức lịch sử về mặt lý luận để giải thích bản chất các sự kiện, hiện tượng đó.

- Đặt SV vào tình huống phải lựa chọn, luận giải, chứng minh tính đúng đắn, chính xác của các quan điểm, trường phái khác nhau trong lịch sử, buộc SV phải đưa ra chính kiến của mình.

- Đưa ra những chủ trương, đường lối Đảng lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng qua các thời kỳ của lịch sử, từ đó SV rút ra những kinh nghiệm quý báu có ý nghĩa vận dụng trong giai đoạn mới.

Giảng bài môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN theo phương pháp thuyết trình nêu vấn đề phải được kết hợp với phương pháp khác, phải biết gợi mở, điều khiển tư duy của SV theo các vấn đề của bài giảng thì bài giảng mới đạt hiệu quả cao.

2.2.4. Kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp đàm thoại trong dạy học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam

Đàm thoại là phương pháp hỏi đáp giữa GV và SV nhằm trang bị kiến thức mới, củng cố, mở rộng và kiểm tra kiến thức đã học của SV. Đây là phương pháp GV tổ chức cho SV học tập thông qua sử dụng hệ thống câu hỏi và trả lời. Đàm thoại có ưu thế là tạo cơ hội cho SV tham gia cùng khám phá tri thức với GV, khắc phục được tình trạng thụ động, tác động một chiều trong dạy học. Muốn phát huy ưu thế của phương pháp này trong dạy học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN cần phối hợp với phương pháp khác, đặc biệt là phương pháp thuyết trình.

Khi thuyết trình, GV không cần liệt kê chi tiết mọi nội dung của bài giảng, phải làm rõ tính cách mạng và khoa học của đường lối, chiến lược, sách lược của Đảng, GV không thể trình bày nguyên xi mọi vấn đề của đường lối, cũng như diễn tả chi tiết mọi

phong trào cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà phải trên cơ sở giáo trình, sách giáo khoa đã được biên soạn, GV chỉ cần chọn những vấn đề cốt lõi, những sự kiện điển hình, trọng tâm, trọng điểm để trình bày cho SV để từ đó GV thiết kế thành những bài tập dưới dạng câu hỏi gợi vấn đề cho SV suy nghĩ và đàm thoại. Nội dung đàm thoại không nên quan niệm là vấn đề giản đơn mà phải được chuẩn bị công phu, phù hợp với bài học, trình độ của đối tượng. Đàm thoại bằng nhiều cách như nêu câu hỏi ngắn, những gợi ý diễn ra trong buổi giảng cho SV trả lời nhanh, GV kết luận ngay tại lớp, có thể lồng ghép với các buổi thảo luận để GV kết luận những vấn đề đặt ra. Cách tốt nhất là trong quá trình thuyết trình, GV lựa chọn một số nội dung thích hợp thiết kế thành những câu hỏi để SV suy nghĩ và đàm thoại vào buổi học tiếp theo.

Tổ chức đàm thoại có thể đàm thoại với cá nhân, đàm thoại theo nhóm hoặc đàm thoại theo tập thể lớp. Đàm thoại với cá nhân là cách thức GV trao đổi, đàm thoại với từng SV trong phòng học về các vấn đề học tập; đàm thoại theo nhóm là cách thức GV trao đổi với từng nhóm SV trong buổi giảng về vấn đề học tập. Có thể chia thành nhiều nhóm từ 3 đến 5 SV một nhóm. GV nêu câu hỏi cho từng nhóm, các nhóm thảo luận trong thời gian quy định, sau đó đại diện nhóm phát biểu ý kiến của mình, các nhóm khác bổ sung, tranh luận, cuối cùng GV kết luận từng vấn đề theo yêu cầu đặt ra.

Kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp đàm thoại sẽ phát huy được vai trò của cả GV và SV. Sự kết hợp này sẽ hạn chế được thuyết trình mang tính độc thoại, áp đặt tri thức diễn ra từ đầu đến cuối buổi giảng của GV. Đây cũng là điều kiện rất tốt để SV thể hiện tính năng động, sáng tạo trong nhận thức của mình về những vấn đề của nội dung bài học, cũng như liên hệ được với thực tiễn đang đặt ra. Kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp đàm thoại còn là điều kiện để GV nắm được thực chất nhận thức của SV để điều chỉnh phương pháp giảng cho phù hợp. Chú ý khi đặt câu hỏi cho SV đàm thoại, tranh luận phải đi từ dễ đến khó, các vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau phải được kết luận rõ ràng, căn cứ vào tình hình cụ thể để kết luận không nên kéo dài, chất lượng buổi giảng không cao.

Kết hợp phương pháp thuyết trình với phương pháp đàm thoại vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật đòi hỏi tính năng động sáng tạo của mỗi GV và sự nỗ lực vươn lên của mỗi SV. Để sự kết hợp đó trở thành nề nếp, đòi hỏi phải kiên trì phấn đấu thực hiện của từng GV, SV trong từng bài giảng của môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN.

3. KẾT LUẬN

Giảng bài không chỉ là một khoa học mà còn là nghệ thuật, người GV không chỉ nắm vững kiến thức của bài giảng mà còn phải biết sử dụng những phương pháp phù hợp với từng nội dung, từng đối tượng, trong từng tiết giảng, bài giảng. Giảng bài giữ vị trí quan trọng trong dạy học. SV tiếp thu bài được hay không? nông hay sâu, phụ thuộc rất nhiều đến phương pháp giảng dạy của GV trong bộ môn Đường lối quân sự. Để nâng cao chất lượng dạy học môn Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCSVN ở Trường Đại học Mở - Địa chất đòi hỏi GV trong bộ môn Đường lối quân sự phải có quá trình rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm, nhiệt tình, trách nhiệm và say mê nghề nghiệp mới có bài giảng đáp ứng yêu cầu về nội dung và phương pháp đề ra ở Trường Đại học Mở - Địa chất đạt chất lượng cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
3. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 7*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ SINH VIÊN TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Thượng tá Vũ Quang Hay*

Tóm tắt: Công tác quản lý, giáo dục và rèn luyện sinh viên là một hoạt động có tổ chức, có mục đích bằng những nội dung, hình thức, biện pháp tác động đến người học nhằm hình thành, phát triển ở người học đầy đủ phẩm chất, nhân cách, trình độ, năng lực, tác phong công tác của sinh viên theo đúng yêu cầu mục tiêu, đào tạo. Quản lý, giáo dục và rèn luyện sinh viên bao gồm nhiều nội dung trong đó tập trung chủ yếu vào xây dựng phẩm chất, lối sống, tác phong của sinh viên trong môi trường Quân đội. Từ đó, xây dựng cho sinh viên ý thức tập thể, tính tự giác trong việc chấp hành những quy định trong quá trình học tập, sinh hoạt, ăn, ở tập trung tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh của nhà trường. Bài viết đã chỉ ra những khó khăn, bất cập của công tác quản lý sinh viên và đề xuất một số biện pháp nhằm khắc phục những khó khăn đảm bảo cho công tác quản lý sinh viên đạt hiệu quả cao.

Từ khóa: Quản lý, giáo dục, sinh viên, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. MỞ ĐẦU

Thực hiện hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh GDQP&AN¹, từ học kỳ 2 năm học 2021-2022 Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tổ chức giảng dạy môn học GDQP&AN theo hình thức tập trung tại cơ sở GDQP&AN của nhà trường. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, khoa Giáo dục quốc phòng đã tích cực phối hợp với các phòng, ban trong nhà trường chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giảng đường, thao trường, bãi tập và cơ sở vật chất khác phục vụ cho việc học tập, sinh hoạt, ăn, ở tập trung và tổ chức các hoạt động khác cho sinh viên (SV) tại cơ sở GDQP&AN theo đúng quy định.

Qua thực tế trực tiếp tham gia quản lý, giảng dạy và rèn luyện SV tại cơ sở GDQP&AN, bên cạnh những thuận lợi cũng có những khó khăn, phức tạp nảy sinh, ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng công tác quản lý SV, tác giả đề xuất một số biện pháp tăng cường công tác quản lý SV nhằm nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV của nhà trường.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Công văn số 5785/BGDĐT-GDQPAN, ngày 16/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh.

2. NỘI DUNG

2.1. Hiện trạng khu ăn, ở, học tập của sinh viên tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh của nhà trường và những khó khăn trong công tác quản lý

Cơ sở GDQP&AN của Trường Đại học Mở - Địa chất được bố trí cạnh khu Ký túc xá SV và sát với khu tập thể cán bộ, viên chức của nhà trường thuộc phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm. Đây là khu vực đông dân cư với nhiều hoạt động kinh doanh nhỏ, lẻ; các khu giảng đường, khu thực tập, thể thao; khu vực ăn, ở sát gần nhau song không khép kín và bị xen kẽ bởi nhiều hoạt động của cư dân trong khu tập thể, của SV học các môn học khác,... ảnh hưởng đáng kể đến công tác quản lý, rèn luyện SV trong quá trình học tập tại cơ sở.

Khu vực nhà ở cho SV được bố trí tại tòa nhà D4 (5 tầng), gồm 45 phòng ở, có thể sắp xếp về chỗ ở cho 360 SV. Mỗi phòng có diện tích khoảng 30m², sắp xếp 04-05 giường tầng, 02 tủ đựng đồ cá nhân, 04 quạt treo tường và đầy đủ quân tư trang phục vụ sinh hoạt và học tập, rèn luyện của SV. Năm học 2021-2022, số SV tăng hơn so với các năm học trước, mỗi đợt học khoảng 350-360 SV; mặt khác, việc bố trí SV ở 5 tầng gây khó khăn cho SV di chuyển khi cần tập trung nhanh, cũng như việc kiểm soát, quản lý SV của cán bộ quản lý SV - Đại đội trưởng (ĐĐT).

Về phòng ở của ĐĐT, được bố trí 01 phòng trực và 01 phòng nghỉ cho 03 ĐĐT và cán bộ giảng dạy, huấn luyện, diện tích phòng nhỏ, khá chật hẹp.

Trong điều kiện thời tiết trong học kỳ mùa hè khắc nghiệt, nắng mưa thất thường, nhiệt độ cao và học kỳ mùa đông nhiệt độ xuống thấp sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và tâm lý của thầy và trò.

Về khu giảng đường, thao trường, bãi tập, được bố trí liên hoàn theo trục dọc từ sân tổ chức các hoạt động ngoại khóa đến sân chào cờ, học điều lệnh đội ngũ, thuận tiện cho việc xoay vòng đổi tập. Giảng đường chuyên dùng GDQP&AN được bố trí tại phòng G202, G206 được sắp xếp một số mô hình, học cụ như: bản đồ; vũ khí bộ binh, lựu đạn,... Tuy nhiên, chưa được trang bị đầy đủ những trang thiết bị học tập hiện đại như: tủ mô hình, sa bàn, bài bản tự động,...

Khu vực nhà bếp, khu vực nhà ăn, được sửa chữa, nâng cấp đảm bảo phục vụ cho 300-360SV ăn uống cùng thời điểm. Định mức tiền ăn 65.000 đồng/SV/ngày theo tiêu chuẩn suất ăn chiến sĩ bộ binh của Bộ Quốc phòng. Nhà bếp, nhà ăn đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm, tuy nhiên, giá cả lương thực, thực phẩm hiện nay không ngừng leo thang thì với định mức tiền ăn như vậy sẽ có những hạn chế nhất định trong việc đảm bảo chất lượng các bữa ăn của SV.

Việc tổ chức dạy và học GDQP&AN tại cơ sở Hà Nội tạo điều kiện thuận lợi cho cả thầy và trò trong việc tiết kiệm chi phí đi lại, giúp thầy và trò chủ động hơn trong việc bố trí, sắp xếp công việc, an toàn hơn so với việc phải học tại cơ sở Lạng Sơn. Tuy nhiên, việc học GDQP&AN tại Hà Nội cũng khiến nhiều SV đang có nhà ở, phòng trọ tại các quận nội, ngoại thành Hà Nội có tâm lý không muốn vào ở tập trung, muốn tranh thủ về nhà, đi lại tự do, tùy tiện, xem nhẹ việc chấp hành kỷ luật của cơ sở GDQP&AN. Bên cạnh đó, quận Bắc Từ Liêm là một quận mới được thành lập, các tốc độ đô thị hóa cao, các hoạt động xây dựng, kinh doanh, buôn bán phát triển, trong khi công tác quản lý đô thị, quản lý xã hội và an ninh trật tự chưa chặt chẽ tương xứng. Cơ sở GDQP&AN của nhà trường nằm sát khu dân cư khiến SV có thể dễ dàng tiếp xúc với những tệ nạn xã hội như: mua bán, sử dụng ma túy, cờ bạc,...

Đánh giá chung, cơ sở GDQP&AN của nhà trường về cơ bản đáp ứng được những điều kiện tối thiểu theo quy định. Tuy nhiên, do hiện trạng quy mô khu ăn, ở, học tập còn chật chội, lại không độc lập, khép kín, sát khu dân cư; diện tích mỗi phòng ở lại chật, hẹp; điều kiện sinh hoạt chưa được trang bị đầy đủ; điều kiện học tập cũng chưa được tối ưu nên việc quản lý SV của đội ngũ cán bộ gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến chất lượng dạy - học của cả thầy và trò khi học GDQP&AN tập trung.

2.2. Một số biện pháp nâng cao chất lượng quản lý sinh viên tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh của nhà trường

2.2.1. Tăng cường giáo dục, quán triệt việc thực hiện các nội quy khi học tập tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mục tiêu cao nhất của công tác GDQP&AN cho SV không chỉ trang bị cho SV những nhận thức cơ bản về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ Tổ quốc trên mọi lĩnh vực từ sớm, từ xa mà còn rèn luyện cho SV có phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong của một quân nhân sẵn sàng đứng trong lực lượng vũ trang chính quy trong tình huống cấp thiết. Do đó, SV phải được rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp, tinh thần sẵn sàng nhận nhiệm vụ và có tính đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau.

Để thực hiện được mục tiêu này, trong các giờ học lý thuyết trên giảng đường, các cuộc họp giao ban và kênh truyền thông tin bằng mạng xã hội như: zalo, facebook,... ĐĐT quán triệt đầy đủ các quy định của nhà trường về công tác quản lý SV¹, quy định cụ thể việc chấp hành của SV trong học tập; sinh hoạt; hoạt động ngoại khóa; quy định mang mặc lễ tiết tác phong, ngày nghỉ, giờ ngủ, nghỉ; quy định trong

¹ Trường Đại học Mô - Địa chất (2022), *Quyết định số 31/QĐ-MĐC, ngày 19/01/2022 về việc ban hành quy định về công tác quản lý sinh viên học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Mô - Địa chất.*

quá trình ra ngoài cơ sở hết sức cụ thể, chặt chẽ về: đối tượng đi, đăng ký, lý do đi, gia đình xác nhận, địa điểm đi, thành phần quân số, thời gian đi và về; mang mặc lễ tiết tác phong; xưng hô chào hỏi với nhân dân khi đi đường,... quy định SV nghỉ ngơi tại cơ sở; tổ chức thực hiện các hoạt động giải trí lành mạnh như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông,... quy định trong báo động kiểm tra quân số thường xuyên và đột xuất.

Công tác tuyên truyền, giáo dục được tiến hành nghiêm túc, cụ thể, kiểm tra quá trình thực hiện sát sao nên hiệu quả của việc chấp hành, tuân thủ các quy định, nội quy của SV tại cơ sở GDQP&AN ngày càng được nâng lên rõ rệt.

2.2.2. Nâng cao kỹ năng quản lý của đội ngũ cán bộ trung đội trưởng, tiểu đội trưởng trong việc chấp hành các chế độ trong ngày, trong tuần tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trong thời gian tham gia học GDQP&AN tập trung, SV được bố trí theo các đại đội; hỗ trợ các ĐĐT trong công tác quản lý SV tại cơ sở là đội ngũ cán bộ kiêm chức (trung đội trưởng, tiểu đội trưởng). Đây là những SV được lựa chọn trong số cán bộ các lớp chuyên ngành, bộ đội xuất ngũ,... đội ngũ cán bộ kiêm chức có vai trò rất quan trọng trong việc quản lý SV tại cơ sở, đặc biệt là trong điều kiện khu vực ăn, ở chưa khép kín, có nhiều yếu tố gây khó khăn cho công tác quản lý SV. Khi SV vào cơ sở GDQP&AN học tập, các ĐĐT xây dựng và tổ chức đội ngũ cán bộ các cấp và bồi dưỡng kỹ năng, trình độ quản lý, chỉ huy, duy trì các nề nếp, chế độ trong ngày, trong tuần cho đội ngũ đội ngũ cán bộ kiêm chức.

Trong quá trình học tập tại cơ sở, SV phải thực hiện nhiều chế độ, nhiều hoạt động trong ngày như trong môi trường Quân đội, như: thức dậy, thể dục, kiểm tra sáng, ăn uống, học tập, điểm danh, điểm quân số, ngủ nghỉ,... Các hoạt động, các chế độ này được thực hiện trong thời gian 04 tuần, ngay từ khi SV đến tập trung tại cơ sở.

Chế độ thức dậy là chế độ rèn cho SV tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương. Trực ban phát tín hiệu báo thức dưới sự đôn đốc của chỉ huy các cấp, SV nhanh chóng rời khỏi phòng, ra sân tập trung. Chế độ này đã được đội ngũ cán bộ kiêm chức hướng dẫn quán triệt và luyện tập từ những ngày đầu vào học tập, qua từng ngày, công tác tổ chức duy trì chế độ một cách nghiêm túc của cán bộ quản lý các cấp và sự chấp hành tự giác của SV. Việc quản lý chế độ này là công tác kiểm tra quân số, giám sát thời gian báo thức, kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh những tập thể, cá nhân chấp hành chưa nghiêm túc.

Chế độ thể dục là chế độ trong ngày nhằm rèn luyện nâng cao thể lực, đồng thời giúp SV làm quen và tập thành thạo các bài thể dục của Quân đội. Những ngày đầu đội ngũ cán bộ kiêm chức hướng dẫn cho SV học từ một đến hai bài thể dục, sau đó thực luyện và được duy trì vào tất cả các buổi sáng trong tuần. Thời gian tập là 20

phút, đội ngũ cán bộ kiêm chức thống nhất mang mặc; duy trì và quản lý SV khi tập thể dục; kiểm tra quân số, giám sát quá trình tập, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời các cá nhân tập chưa tốt.

Chế độ kiểm tra sáng là chế độ nhằm kiểm tra nội vụ vệ sinh, lễ tiết tác phong của SV, rèn luyện cho SV tính cụ thể, tỉ mỉ, tác phong nghiêm túc, chần chừ. đội ngũ cán bộ kiêm chức tiến hành hướng dẫn cách gấp chăn màn, quần áo; sắp xếp nội vụ trong phòng. đội ngũ cán bộ kiêm chức duy trì cho SV thực luyện sau đó duy trì nghiêm túc qua từng ngày. Thông qua kiểm tra hàng ngày để quản lý kết quả thực hiện của SV, đồng thời đánh giá chất lượng, chấn chỉnh kịp thời và có hình thức tập luyện bổ sung vào thời gian ngoài giờ, vào buổi trưa để nâng cao ý thức chấp hành của SV.

Chế độ ăn uống là chế độ bắt buộc SV phải thực hiện, thông qua thực hiện chế độ này gắn kết mọi thành viên trong tiểu đội, giúp các thành viên trong tiểu đội biết chia sẻ, quan tâm lẫn nhau. Trong những ngày đầu, đội ngũ cán bộ kiêm chức phải luôn quan tâm sâu sát, tập trung SV trước khi đi ăn, kiểm tra quân số, kiểm tra việc mang mặc lễ tiết tác phong, chấn chỉnh kịp thời các cá nhân chấp hành chưa tốt. đội ngũ cán bộ kiêm chức luôn nhắc nhở ý thức của SV khi đi trong hàng, khi vào nhà ăn phải giữ gìn trật tự khi ăn, phân công lực lượng trực nhật, vệ sinh sau khi ăn.

Chế độ học tập, đội ngũ cán bộ kiêm chức phổ biến lịch học, phân công SV làm tốt công tác chuẩn bị. Trong quá trình học tập, đội ngũ cán bộ kiêm chức phải nắm chắc quân số tham gia, quân số vắng, lý do vắng; duy trì kỷ luật trong quá trình học tập cả trên giảng đường và ngoài thao trường, bãi tập. Phải luôn quan sát, chấn chỉnh kịp thời những hiện tượng SV làm việc riêng, nói chuyện, không tập trung chú ý nghe giảng.

Chế độ điểm danh, điểm quân số là chế độ trong tuần, trong ngày rất quan trọng nhằm quản lý, giám sát SV chặt chẽ, mọi lúc, mọi nơi. Hàng ngày, tiến hành điểm quân số trước khi đi ngủ, trong tuần điểm danh vào tối chủ Nhật; trong quá trình quản lý SV, nếu thấy có hiện tượng đi lại tự do có thể tiến hành điểm quân số bất thường. Thông qua điểm danh, điểm quân số nhắc nhở, chấn chỉnh SV chấp hành đúng chế độ.

Chế độ ngủ nghỉ là chế độ bắt buộc, phải duy trì nghiêm túc để bảo đảm sức khỏe cho SV trong suốt quá trình tham gia học tập trung GDQP&AN. Trước khi thực hiện chế độ này, đội ngũ cán bộ kiêm chức quán triệt và hướng dẫn thật cụ thể, tỉ mỉ việc sắp đặt bên trong phòng trước khi ngủ nghỉ, đến giờ tắt đèn đi ngủ không được làm việc riêng, không ồn ào, không đi lại tự do, không tổ chức ăn đêm, uống rượu bia,... Đồng thời, khi SV ngủ nghỉ, đội ngũ cán bộ kiêm chức tăng cường công tác kiểm tra giám sát thường xuyên, phân công lực lượng đi tuần tra, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

Thực tiễn cho thấy, nếu công tác đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung đội, tiểu đội thành thạo các công việc liên quan đến quản lý, rèn luyện SV, nắm chắc chế độ, kỷ luật, có tác phong đĩnh đạc, có tinh thần trách nhiệm thì công tác quản lý SV tại cơ sở sẽ vào nề nếp, quy củ, hạn chế thấp nhất tình trạng SV vi phạm kỷ luật, vi phạm các quy định của cơ sở, chất lượng học tập sẽ được nâng lên và ngược lại. Biện pháp này được xem là quan trọng nhất trong việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý SV tại cơ sở GDQP&AN của nhà trường.

2.2.3. Tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên trong ngày nghỉ, giờ nghỉ để quản lý sinh viên chặt chẽ, khoa học

Với mục tiêu vừa để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục tính đoàn kết, tinh thần tập thể cho SV vừa giúp SV phát triển các kỹ năng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống, tăng cường sức khỏe thể chất, cũng như mang đến những kinh nghiệm bổ ích và quý giá cho cuộc sống, việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa là hết sức cần thiết. Hoạt động ngoại khóa bao gồm các hoạt động thể thao, như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, đá cầu, hoặc các trò chơi như: nhảy bao bố, cướp cờ, bịt mắt bắt dê,... Để các hoạt động này diễn ra lành mạnh, an toàn, đòi hỏi các ĐĐT phải có những kỹ năng, hiểu biết như: nắm được tâm lý, sở thích, khả năng của SV trong đại đội, từ đó đề xuất hình thức, cách thức, thời gian tổ chức cho phù hợp. Thông qua các hoạt động này, SV có được những trải nghiệm, vui vẻ, hào hứng, tăng sự gắn kết, trưởng thành, có những kỷ niệm đẹp về quãng thời gian học tập đầy bổ ích và ý nghĩa.

2.2.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sinh viên chấp hành nội quy của cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trong quá trình học tập tại cơ sở, SV được quán triệt các nội quy, chế độ trong ngày, trong tuần và có sự quản lý của các ĐĐT, tuy nhiên, việc SV lần đầu được học tập, ăn, ở tập trung với số lượng đông sẽ không tránh khỏi lơ đãng; tác phong vẫn theo nề nếp thường nhật; hơn nữa, các đội ngũ cán bộ kiêm chức là SV họ có thể tích cực hơn các SV khác song chưa chuyên nghiệp. Vì thế, trong vai trò người quản lý, giảng viên phải đến từng tầng, từng phòng nắm bắt tình hình của SV; từ đó điều chỉnh, rút kinh nghiệm công tác quản lý SV trong các đợt tiếp theo. Thông qua các hoạt động hàng ngày để nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng và tư tưởng của SV, động viên, hướng dẫn và trực tiếp xử lý các tình huống nảy sinh của SV như: ốm đau, mâu thuẫn, xung đột, hình ảnh sĩ quan Quân đội nhân dân, người thầy mặc áo lính càng trở nên gần gũi, đáng kính, đáng mến hơn; những bài học về sự tận tâm, tận tụy vì Tổ quốc, vì nhân dân của người thầy càng thêm phần thuyết phục.

Hoạt động giám sát còn có thể thông qua việc tăng cường báo động, kiểm tra quân số đột xuất, bất thường trong các ngày nghỉ, giờ nghỉ. Thông qua đó, vừa nắm được tình hình quân số, vừa điều chỉnh cách thức quản lý cho phù hợp.

2.2.5. Tăng cường đầu tư, mua sắm các trang thiết bị cho cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh

Căn cứ vào những đánh giá hiện trạng cơ sở GDQP&AN của nhà trường về cơ bản đã được đầu tư, nâng cấp bảo đảm được điều kiện tối thiểu, tuy nhiên vẫn còn có những hạn chế, khó khăn cho công tác quản lý SV khi học tại cơ sở GDQP&AN của đội ngũ cán bộ, giảng viên từ đó ảnh hưởng nhất định đến chất lượng dạy và học.

Để đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy và học môn GDQP&AN, ngoài các biện pháp nêu trên thì việc tiếp tục cải tạo, nâng cấp và bổ sung các thiết bị dạy và học, các trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cho khu ăn, ở, học tập của cơ sở GDQP&AN là rất cần thiết. Tại khu giảng đường, bổ sung thiết bị giảng dạy hiện đại cho các phòng học chuyên dùng; xây dựng khu thao trường chiến thuật, bắn súng, ném lựu đạn; cải tạo, nâng cấp, lắp điều hòa, bình nóng lạnh trong các phòng ăn, ở, nơi sinh hoạt để đảm bảo sự thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, đảm bảo sức khỏe cho SV và giảng viên. Một cơ sở đào tạo uy tín, có đầy đủ trang thiết bị, SV hài lòng từ đó góp phần tạo nên uy tín, xây đắp thương hiệu cho nhà trường và từ đây có thể phát triển thêm các dịch vụ về quân sự khác.

2.2.6. Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng trong quá trình học tập trung Giáo dục quốc phòng và an ninh

Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng là bước đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác quản lý SV của người chỉ huy, từ đó nâng cao ý thức cho SV trong việc chấp hành. ĐĐT đánh giá nhận xét trong giao ban, trong chào cờ hàng tuần, trong điểm danh, điểm quân số về việc chấp hành các chế độ, các hoạt động ngoại khóa của SV; nhận xét mạnh, yếu, biểu dương các cá nhân, tập thể chấp hành nghiêm trong học tập, công tác; nhắc nhở, chấn chỉnh những vi phạm của SV; tổ chức rút kinh nghiệm đôi với các tập thể, cá nhân trong chấp hành kỷ luật tại cơ sở GDQP&AN. Các cấp tổ chức triển khai viết bản kiểm điểm, sinh hoạt từ cấp tiểu đội, đến trung đội, đại đội nếu SV vi phạm kỷ luật, giám sát chặt chẽ việc xử lý sai phạm để răn đe, giáo dục SV, kịp thời trong những ngày công tác tiếp theo. Tiến hành xử phạt bằng các hình thức lấy tập thể rèn cá nhân, như: trực nhật, dọn vệ sinh khu vực công cộng, báo động hành quân rèn luyện, sinh hoạt tập thể rút kinh nghiệm,...

Thông qua việc biểu dương, khen thưởng và xử lý kỷ luật kịp thời của ĐĐT sẽ đánh giá đúng, công bằng trong quá trình học tập, rèn luyện đồng thời là động lực thúc đẩy SV có hướng phấn đấu trong học tập, công tác. Bên cạnh đó, thông qua việc xử lý kỉ luật những SV vi phạm kỉ luật là cơ sở để SV khác không mắc phải.

3. KẾT LUẬN

Công tác quản lý SV khi học GDQP&AN tập trung là vấn đề khó khăn, phức tạp và đang là vấn đề được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường quan tâm. Tăng cường công tác quản lý sẽ góp phần nâng cao chất lượng GDQP&AN nói chung, cụ thể là công tác quản lý SV tại cơ sở nói riêng, đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý SV phải sâu sát, gần gũi với SV, tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời nắm bắt tư tưởng, giải quyết thấu đáo tâm tư, nguyện vọng của SV; liên hệ thường xuyên và phối hợp chặt chẽ với các phòng, khoa, ban trong trường để quản lý, giáo dục SV; đồng thời, phải gắn trách nhiệm của cán bộ, giảng viên trong công tác giáo dục, quản lý SV; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục với kiên quyết xử lý, kịp thời, đúng quy định đối với những trường hợp vi phạm. Không ngừng chăm lo, quan tâm thiết thực đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ quản lý và SV trong cơ sở để tăng cường hiệu quả công tác quản lý, nâng cao chất lượng GDQP&AN trong nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Công văn số 5785/BGDĐT-GDQPAN, ngày 16/12/2021 về việc tổ chức giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh.*

XÂY DỰNG NỀN NẾP CHÍNH QUY CHO SINH VIÊN TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Thượng tá Nguyễn Văn Phong*

Tóm tắt: Xây dựng nề nếp chính quy trong học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh được xác định là một trong những nội dung quan trọng của môn học. Ý thức được điều đó, trong những năm qua cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã không ngừng đổi mới về nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức quản lý và rèn luyện nếp sống chính quy cho sinh viên. Những kết quả đạt được trong xây dựng nề nếp chính quy cho sinh viên đã góp phần không nhỏ vào mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của nhà trường. Bài viết đánh giá thực trạng công tác xây dựng nề nếp chính quy, chấp hành kỷ luật, pháp luật của sinh viên tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh trong thời gian qua, từ đó tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng nề nếp chính quy ở cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay.

Từ khóa: Xây dựng nề nếp chính quy, nơi ăn ở, nội vụ vệ sinh, học tập.

1. MỞ ĐẦU

Việc duy trì các chế độ trong ngày, tuần nơi ăn ở tập trung của cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) là một trong những nội dung hết sức quan trọng trong xây dựng nề nếp chính quy; nhằm rèn luyện cho sinh viên có nếp sống khoa học, tự giác chấp hành các chế độ, đồng thời xây dựng nếp sống kỷ luật theo thời gian biểu quy định, sống hòa đồng vào tập thể góp phần xây dựng mối đoàn kết trong toàn đơn vị; tạo nên một đơn vị có nếp sống khoa học, giờ nào việc nấy theo chế độ quy định, với cơ sở khang trang sạch đẹp thể hiện sự chính quy, nề nếp, cảnh quan môi trường rèn luyện, học tập, sinh hoạt cho sinh viên vẫn thể hiện được sự nghiêm túc; là nơi sinh viên làm quen với nề nếp của người chiến sỹ trong Quân đội, chấp hành các chế độ trong ngày, trong tuần một cách thống nhất thể hiện nếp sống chính quy trong tất cả các nội dung chương trình của khóa học.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng xây dựng nề nếp chính quy tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Trong thời gian qua, được chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, cùng với sự nỗ lực cố gắng của cán bộ giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng đã hoàn thiện đầy đủ những điều kiện đảm bảo tổ chức giảng dạy GDQP&AN tại cơ

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

sở GDQP&AN Trường Đại học Mở - Địa chất, trình các cấp có thẩm quyền cho phép nhà trường, khoa Giáo dục quốc phòng được phép tự chủ giảng dạy môn GDQP&AN tại khu B, Trường Đại học Mở - Địa chất.

Qua các đợt huấn luyện tập trung tại cơ sở GDQP&AN, sinh viên đã chấp hành tốt các quy định thực hiện đầy đủ các chế độ quy định ăn ở tập trung. Sau mỗi đợt học, các em đã có tác phong, giờ giấc và ý thức trách nhiệm hơn trong thực hiện nhiệm vụ học tập, ý thức trách nhiệm về nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được nâng lên rõ rệt. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả được, trong thời gian qua, công tác xây dựng nề nếp, chính quy, chấp hành kỷ luật, pháp luật của sinh viên tại cơ sở còn những hạn chế như việc dự báo tình hình, phát hiện, phòng ngừa và ngăn chặn các hiện tượng vi phạm kỷ luật ở cơ sở chưa chủ động, nhạy bén, kịp thời; sự chuyển biến trong chấp hành kỷ luật của sinh viên chưa thực sự vững chắc. Công tác quản lý, giáo dục sinh viên chấp hành kỷ luật ở các đại đội còn thụ động, thiếu những biện pháp cụ thể, chưa hiệu quả, còn biểu hiện nặng nề mệnh lệnh hành chính, sự vụ, thiếu chiều sâu, tính giáo dục thuyết phục chưa cao. Việc nắm và thực hiện chức trách, chế độ công tác của một số cán bộ kiêm chức chưa nghiêm túc, vi phạm kỷ luật vẫn còn xảy ra với tính chất, mức độ khác nhau. Ý thức học tập, rèn luyện của một bộ phận sinh viên chưa cao, chấp hành chưa nghiêm các quy định của nhà trường, cá biệt còn sinh viên vi phạm kỷ luật phải xử lý làm ảnh hưởng đến uy tín, chất lượng đào tạo. Công tác duy trì thực hiện chế độ, nề nếp chính quy ở cơ sở chưa được thường xuyên, chất lượng chưa cao. Trình độ, năng lực quản lý sinh viên, quản lý cơ sở vật chất, vũ khí trang bị của một số cán bộ, nhất là cán bộ kiêm chức còn hạn chế.

Thực tế, cơ sở GDQP&AN Trường Đại học Mở - Địa chất không giống như các đơn vị Quân đội chính quy nên không thể duy trì đúng các chế độ trong ngày, trong tuần như quy định của Quân đội, mà nhà trường phải quy định sao cho phù hợp, có một số công việc trong ngày không thể thực hiện đối với sinh viên như: chế độ bảo quản vũ khí, tăng gia, đọc báo, coi truyền hình,... Lãnh đạo trực chỉ huy cần phải đôn đốc, cán bộ quản lý các cấp phải theo bám đơn vị, sâu sát trong kiểm tra, chấn chỉnh sai sót đặc biệt phải có các quy định, quy chế cụ thể, rõ ràng, phân nhiệm đến từng cá nhân. Như vậy, chúng ta có thêm được những cơ sở thực tiễn đó là: công tác quản lý khóa học GDQP&AN hiện nay đã được quan tâm nhưng chưa thực sự tốt; muốn quản lý tốt thì phải có kế hoạch cụ thể và phải tuân thủ thực hiện nghiêm túc. Những hạn chế, khuyết điểm đó đã ảnh hưởng đến chất lượng của môn học GDQP&AN, ảnh hưởng đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ của cơ sở.

Hiện nay, việc duy trì các công việc trong ngày như: báo thức, tập thể dục, kiểm tra sáng, học tập, ngủ nghỉ là tương đối tốt, được cán bộ quản lý quan tâm theo bám, đôn đốc. Bên cạnh đó, việc thực hiện chế độ đọc báo, nghe đài, xem thời sự chưa thực hiện thường xuyên; việc ăn uống của sinh viên đã được tổ chức theo đội hình nhưng

vẫn còn rất lộn xộn; chế độ thể thao còn mang tính tự phát, chế độ tăng gia không thực hiện được do thời gian học quá ngắn; đầu tháng chỉ chào cờ mà chưa thực hiện duyệt đội ngũ; công việc lau chùi, bảo quản vũ khí cũng chưa được thực hiện thường xuyên. Như vậy, nghiên cứu cho thấy công tác quản lý, rèn luyện nề nếp chính quy trong các khóa học GDQP&AN hiện nay đã được quan tâm nhưng chưa thực sự tốt và thiếu sự nhất quán trong tổ chức, thực hiện.

Trên tinh thần chỉ đạo của các cấp, nhằm kịp thời đề ra các chế độ, chỉ tiêu, biện pháp và các quy định cụ thể trong xây dựng nề nếp chính quy tại cơ sở GDQP&AN, tác giả đưa ra các giải pháp để tổ chức duy trì các chế độ trong ngày, trong tuần đi vào thống nhất, khoa học phù hợp với cơ sở GDQP&AN của nhà trường.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng nề nếp chính quy tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường đại học Mở - Địa chất hiện nay

2.2.1. Phát huy sức mạnh của cấp ủy đảng các cấp trong tổ chức thực hiện nề nếp chính quy tại cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trong thời gian qua, được sự chỉ đạo của cấp ủy đảng các cấp, đặc biệt là sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường và các phòng, ban chức năng đã quan tâm chỉ đạo sát sao trong việc tổ chức xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nơi ăn ở tại cơ sở GDQP&AN theo quy định của các cấp có thẩm quyền trong xây dựng hạ tầng, cơ sở vật chất của cơ sở GDQP&AN; coi đây là một nhiệm vụ quan trọng của nhà trường. Để nâng cao chất lượng hoàn thành nội dung chương trình của khóa học cho sinh viên, nhà trường cần đầu tư, sửa chữa, cải tạo các phòng ở để đảm bảo điều kiện tối thiểu giúp cho sinh viên thực hiện tốt chế độ, nề nếp chính quy, bố trí giảng đường chuyên dùng và thao trường, bãi tập phù hợp phục vụ cho huấn luyện GDQP&AN. Đây là cơ sở cho việc xây dựng nếp sống chính quy cho sinh viên khi học GDQP&AN, đáp ứng với yêu cầu khi tổ chức giảng dạy môn GDQP&AN tập trung. Đây cũng chính là điều kiện thuận lợi để tổ chức huấn luyện theo đúng kế hoạch, xây dựng cho sinh viên có nơi để rèn luyện, hoàn thiện mình hơn trong việc tích lũy kiến thức trở thành cán bộ trong tương lai góp phần tích cực vào nhiệm vụ xây dựng tinh thần, bản lĩnh trách nhiệm của các chủ nhân tương lai của đất nước trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. GDQP&AN cho sinh viên là xây dựng, vun đắp và trau dồi kiến thức, truyền thống yêu nước để thế hệ trẻ có đầy đủ phẩm chất, năng lực gánh vác các công việc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Nhà trường cần đầu tư xây dựng khu vực thao trường, bãi tập đảm bảo cho việc huấn luyện các nội dung thực hành theo chương trình đào tạo chuyên môn, xây dựng giảng đường chuyên dùng khang trang, vị trí học tập, huấn luyện rộng rãi, thoáng mát đáp ứng với từng nội dung và thống nhất cho các đợt học của sinh viên. Bên cạnh đó,

khu vực ăn ở tập trung và khu vực thể thao phải đồng bộ để việc tổ chức các hoạt động đạt hiệu quả và có chất lượng cao giúp cho sinh viên rèn luyện, nâng cao sức khỏe phục vụ cho huấn luyện thực hành, rèn luyện nếp sống chính quy trong cơ sở.

2.2.2. Phát huy vai trò trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trong duy trì, thực hiện các chế độ, nếp sống chính quy, các giảng viên trên cương vị là các Đại đội trưởng vận dụng các kiến thức trong quản lý bộ đội ở các đơn vị và các đặc điểm của sinh viên để áp dụng nề nếp, chế độ của Quân đội vào thực hiện tại cơ sở GDQP&AN cho phù hợp; vừa duy trì nghiêm các chế độ theo quy định, vừa tạo ra không khí vui tươi, đầm ấm, gần gũi giúp cho sinh viên nhanh chóng hòa nhập với môi trường Quân đội. Việc duy trì các chế độ được các Đại đội trưởng vận dụng sáng tạo, sát với thực tế của sinh viên mới nhập học. Sinh viên đang quen nếp sống tự do kết hợp với sự quản lý của gia đình và xã hội nên khi gắn với kỷ luật, chế độ, quy định của Quân đội sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc hòa nhập. Vì vậy, các giảng viên phải làm tốt công tác quán triệt, huấn luyện, hướng dẫn và uốn nắn kịp thời để sinh viên hiểu và nắm chắc ý nghĩa, tác dụng của các chế độ quy định từ đó xây dựng ý thức tự giác, trách nhiệm trong chấp hành các chế độ, nề nếp chính quy. Bên cạnh đó, các cán bộ, giảng viên cần sát sao từng công việc cụ thể, hướng dẫn từng công việc, hành động cụ thể để từng bước đưa sinh viên vào các chế độ ăn, ở tập trung theo quy định.

Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ kiêm chức - sinh viên là nhiệm vụ trọng yếu trong việc duy trì các chế độ, nề nếp. Cán bộ kiêm chức là lực lượng quan trọng trong việc nêu gương thực hiện và tổ chức duy trì các chế độ, nên khi thực hiện nội dung này cán bộ quản lý và các giảng viên phải tuyển chọn đội ngũ cán bộ kiêm chức bằng kinh nghiệm của mình để hướng dẫn, bồi dưỡng và trao quyền cho cán bộ kiêm chức thực hiện và duy trì đơn vị chấp hành tốt các chế độ quy định.

Trong quá trình thực hiện, các Đại đội trưởng thường xuyên bám sát, nắm bắt, uốn nắn và giúp đỡ đội ngũ cán bộ kiêm chức trong thực hiện duy trì nề nếp chính quy với mục đích giúp cho đội ngũ cán bộ kiêm chức vững vàng, tự tin trong việc chỉ huy, duy trì các chế độ nếp sống chính quy tại cơ sở GDQP&AN.

2.2.3. Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng, quán triệt cho đội ngũ cán bộ kiêm chức nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm xây dựng nề nếp chính quy tại cơ sở

Đối với đội ngũ cán bộ Đại đội trưởng, trước khi vào năm học, lãnh đạo, chỉ huy khoa đã tổ chức giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, giảng viên trên cơ sở kế hoạch đã được phân công của nhà trường để làm công tác chuẩn bị, kiểm tra các điều kiện đảm bảo cho việc giảng dạy tổ chức ăn ở tập trung. Đối với các nội dung thực hành phải bảo đảm cơ sở vật chất cho việc tổ chức huấn luyện, rèn luyện, nơi ăn ở tập

trung được cán bộ, giảng viên chuẩn bị chu đáo, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho sinh viên khi tham gia học tập.

Đối với hệ thống cán bộ kiêm chức từ tiêu đội trưởng, trung đội trưởng, đại đội phó được tuyển chọn trên cơ sở lớp trưởng, lớp phó và bí thư chi đoàn để biên chế. Hệ thống cán bộ sau khi được lựa chọn, được phân công các chức vụ phù hợp để phát huy hiệu quả trong công việc. Đại đội trưởng giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận theo phân cấp cho phù hợp, đồng thời bồi dưỡng kiến thức cơ bản để cán bộ kiêm chức hiểu và nắm chắc nhiệm vụ mà mình được giao. Đây là nội dung hết sức quan trọng trong hệ thống cán bộ kiêm chức, nhằm giúp cho người chỉ huy thực hiện các công việc trong huấn luyện, đặc biệt trong duy trì các chế độ nếp sống chính quy. Đây là lực lượng gương mẫu thực hiện các chế độ, là hạt nhân, nòng cốt, là cánh tay nối dài của công tác chỉ huy các cấp nhằm duy trì đơn vị thực hiện đầy đủ có nề nếp các chế độ trong ngày, trong tuần và trong học tập, huấn luyện cũng như các công việc khác.

Thường xuyên quán triệt giao nhiệm vụ, phổ biến, giáo dục các chế độ trong ngày, trong tuần để toàn thể sinh viên trong đợt học hiểu, nắm chắc và thực hiện thống nhất trong toàn đơn vị. Đây là nội dung thống nhất về các quy định trong thực hiện các chế độ xây dựng nề nếp chính quy trong toàn đơn vị, bảo đảm mọi cán bộ, sinh viên thống nhất thực hiện các chế độ, nề nếp theo quy định. Đây là cơ sở để sinh viên nhận thức, tự giác chấp hành chế độ, nề nếp góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh, toàn diện về mọi mặt.

2.2.4. Tăng cường công tác quản lý kỷ luật, duy trì và thực hiện nghiêm túc chế độ, nề nếp chính quy trong cơ sở

Để công tác quản lý và duy trì kỷ luật được tốt, cần có kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện kết hợp với việc duy trì quản lý kỷ luật, xây dựng nề nếp chính quy thường xuyên, nghiêm túc trong cơ sở. Quán triệt cho cán bộ, giảng viên và sinh viên thực hiện đúng chức trách quy định tại cơ sở GDQP&AN theo đúng nhiệm vụ và chức trách mà mình đảm nhiệm, mọi chế độ trong ngày, trong tuần phải được duy trì nghiêm túc. Thông qua việc thực hiện đúng chức trách, nề nếp, chế độ, điều lệnh trong hoạt động, sinh hoạt hằng ngày để rèn luyện tính thống nhất, tính kỷ luật, nêu cao tinh thần tự giác cho mỗi cán bộ, giảng viên và sinh viên; chống tư tưởng tự do, vô tổ chức, vô kỷ luật, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện chế độ trong ngày, trong tuần để kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân chấp hành tốt các chế độ quy định. Bên cạnh đó, phân công những sinh viên gương mẫu trong chấp hành các chế độ, thực hiện tốt các công việc giúp đỡ những sinh viên chưa thực hiện làm được để cùng nhau thực hiện tốt các chế độ, nề nếp chính quy tại cơ sở GDQP&AN.

3. KẾT LUẬN

Công tác xây dựng nề nếp chính quy trong cơ sở GDQP&AN là một trong các điều kiện để cơ sở hoàn thành tốt các nhiệm vụ GDQP&AN được giao. Việc rèn luyện cho sinh viên chấp hành các chế độ trong ngày, trong tuần là một phần quan trọng trong nội dung dạy, học GDQP&AN. Việc xây dựng nếp sống chính quy trong cơ sở GDQP&AN chính là rèn luyện nếp sống văn minh, lịch sự, xây dựng môi trường trong sạch lành mạnh, đoàn kết, vui tươi, thống nhất góp phần nâng cao chất lượng môn học GDQP&AN trong Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (2015), *Thông tư liên tịch số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH, ngày 18/09/2015 quy định về tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học.*
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*
3. Khoa Giáo dục quốc phòng (2022), *Báo cáo tại Hội nghị Cán bộ, viên chức khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất.*

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

Đại tá Phạm Quốc Đảm*

Tóm tắt: Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo”¹ và “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”². Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) cho sinh viên là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước ta, có vai trò quan trọng trong chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, đổi mới hoạt động GDQP&AN cho sinh viên theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là đòi hỏi cấp thiết hiện nay.

Từ khóa: Sinh viên; đổi mới; Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm qua, công tác GDQP&AN có bước phát triển mới, ngày càng đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực. Thế nhưng, tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động phức tạp, khó đoán định. Chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, thực dụng, cường quyền nước lớn trong quan hệ quốc tế gia tăng. Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quốc phòng. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo diễn ra căng thẳng, phức tạp, quyết liệt hơn. Hòa bình, ổn định, tự do an ninh, an toàn hàng hải, hàng không trên Biển Đông đứng trước những thách thức lớn, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Tình hình đó làm cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Để bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh trên, Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hành động của toàn dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, củng cố quốc phòng, an ninh. Khai thác mọi nguồn lực, tiềm năng, thế mạnh để xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội”³.

* Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tr.221, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, sđd, tr.232.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, sđd, tr.278.

2. NỘI DUNG

2.1. Một vài nét khái quát về khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất

Khoa Giáo dục quốc phòng (GDQP), Trường Đại học Mở - Địa chất được thành lập theo Quyết định số 1363/QĐ ngày 20/12/1982 của Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo). Khoa được giao nhiệm vụ GDQP&AN cho sinh viên theo chương trình, kế hoạch giảng dạy các học phần theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Mở - Địa chất. Thực hiện nhiệm vụ này, thời gian qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn song dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường và sự nỗ lực của lãnh đạo, chỉ huy khoa và đội ngũ cán bộ, giảng viên, công tác giảng dạy, quản lý hoạt động học tập môn GDQP&AN của nhà trường đã từng bước đi vào nề nếp; thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hướng dẫn của các bộ, ban, ngành chức năng. Theo đó, nội dung, chương trình và giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu cũng như các điều kiện đảm bảo cho môn học đã được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu đòi hỏi tình hình mới; chương trình môn học GDQP&AN của nhà trường đã thể hiện được mục tiêu, nội dung kiến thức và kỹ năng, phương pháp, hình thức thi, kiểm tra, cấu trúc tổng thể và thời lượng các học phần, tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành đã điều chỉnh tương đối hợp lý; thông qua quá trình học tập, sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của môn học và cảm thấy yêu thích môn học hơn. Từ đó, xây dựng cho mình thế giới quan, phương pháp luận về chiến tranh, Quân đội và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đặc biệt là, mỗi sinh viên đã nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân. Kết quả học tập, rèn luyện hằng năm của sinh viên, có 100% đạt yêu cầu, trong đó có trên 72% đạt khá, giỏi.

Tuy nhiên, hoạt động GDQP&AN của nhà trường còn tồn tại một số bất cập, như: Hoạt động GDQP&AN đặt ra yêu cầu ngày càng cao, lưu lượng sinh viên cũng có biến động dẫn đến khó khăn trong chủ động bảo đảm sinh hoạt của sinh viên. Bên cạnh đó, khi đại dịch Covid-19 bùng phát, ảnh hưởng lớn đến chương trình, nội dung, thời gian. Một số cán bộ quản lý, giảng viên kinh nghiệm thực tiễn ít, chưa cập nhật công nghệ mới trong giảng dạy, phương pháp thuyết trình một chiều còn diễn ra,... Một bộ phận sinh viên chưa nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của môn học nên chỉ học khi chuẩn bị thi, kiểm tra.

2.3. Một số giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Để đổi mới căn bản, toàn diện GDQP&AN cho sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất đạt chất lượng, hiệu quả, đáp ứng chủ trương Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, cần thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

2.3.1. Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng tham gia đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học

Thực tiễn cho thấy, khi cấp ủy, chỉ huy các cấp, trực tiếp là cấp ủy, chỉ huy khoa GDQP và đội ngũ giảng viên có nhận thức đúng, có sự đồng thuận cao, xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chương trình, kế hoạch đúng và trúng, thì hoạt động đổi mới hoạt động GDQP&AN sẽ đạt kết quả tốt; ngược lại, hoạt động này sẽ khó đạt hiệu quả cao. Vì vậy, phải tập trung giáo dục, quán triệt các chủ trương, quan điểm của Đảng về công tác giáo dục, đào tạo như: Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ Quân đội, Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng, an ninh trong tình hình mới”, Luật GDQP&AN. Cùng với đó, phải làm cho mọi sinh viên nhận thức rõ việc học tập môn học GDQP&AN là nội dung quan trọng, yêu cầu bắt buộc. Đồng thời, khắc phục tình trạng coi nhẹ môn học hoặc cho rằng đó chỉ là “môn học phụ”, không cần thiết. Bên cạnh đó, tích cực bồi dưỡng cho sinh viên có kỹ năng tự học, tự rèn, tự quản lý học tập, biết xác định mục tiêu, xây dựng kế hoạch, quản lý thời gian, phương pháp học tập,... Trong quá trình lên lớp, giảng viên cần kết hợp chặt chẽ giữa việc truyền thụ tri thức với bồi dưỡng phương pháp tự học, tự quản lý cho sinh viên; coi tri thức, kỹ năng tự học, tự quản lý của sinh viên là một mục tiêu quan trọng của quá trình dạy học.

2.3.2. Thường xuyên phát triển chương trình, nội dung, tài liệu giảng dạy tạo cơ sở cho đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học

Đây là nội dung có ý nghĩa hết sức quan trọng, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng đổi mới hoạt động GDQP&AN cho sinh viên. Thực tiễn chứng minh rằng, nhiệm vụ GDQP&AN, mục tiêu đào tạo luôn vận động và phát triển không ngừng. Điều đó đặt ra cho cấp ủy các cấp, nhất là cấp ủy, chỉ huy khoa GDQP phải chú trọng xây dựng kế hoạch phát triển chương trình, lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy GDQP&AN phù hợp với từng đối tượng sinh viên và gắn lý thuyết và thực

hành, lý luận với thực tiễn. Trên cơ sở chương trình GDQP&AN dành cho sinh viên đại học, cao đẳng theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình GDQP&AN; Thông tư số 08/2015/TT-BLĐT BXH, cần chủ động tổng hợp, cập nhật các nội dung về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh,... đưa vào nội dung chương trình bảo đảm thực hiện thống nhất, sát với thực tiễn; kết hợp liên hệ thực tiễn tình hình thế giới, đất nước và ngành, nghề đào tạo để minh chứng cho cơ sở lý luận. Về nội dung, cần chú trọng bảo đảm cân đối giữa kiến thức giới thiệu của giảng viên lên lớp với bố trí thời gian trao đổi, thảo luận, thực hành hợp lý để kịp thời giải quyết những vướng mắc của sinh viên. Cần bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên sử dụng nhuần nhuyễn các phương pháp giảng dạy tích cực gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Đồng thời, cần phân bổ lại thời gian môn học theo hướng tăng thời gian huấn luyện kỹ năng thực hành, các hoạt động hỗ trợ, nhất là tham quan, học tập tại các đơn vị Quân đội.

2.3.3. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục quốc phòng và an ninh

Do quy mô đào tạo, lưu lượng sinh viên ngày càng tăng, cán bộ nghỉ hưu, luân chuyển nhiều, trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, giảng viên ít được bổ sung. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, cần đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu, vị trí việc làm, thực hiện đa dạng hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên; lựa chọn cán bộ, giảng viên trẻ cử đi đào tạo sau đại học và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh. Hằng năm, cùng với cử cán bộ, giảng viên tham gia các lớp tập huấn của Vụ GDQP&AN (Bộ Giáo dục và Đào tạo), phải đẩy mạnh bồi dưỡng tại chỗ thông qua các hoạt động như: dự giờ, bình giảng, hội giảng; phân công cán bộ, giảng viên có trình độ, kinh nghiệm kèm cặp, bồi dưỡng giảng viên trẻ; duy trì nề nếp hội thi giảng viên giỏi,... Qua đó, bồi dưỡng, nâng cao năng lực toàn diện cả về kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ cán bộ, giảng viên. Cùng với đó, phải khuyến khích, động viên và có quy chế về công tác nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu đề tài các cấp, thiết thực phục vụ đổi mới hoạt động giảng dạy, quản lý, rèn luyện sinh viên.

2.3.4. Tăng cường đầu tư bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục quốc phòng và an ninh

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và đặc thù môn học, cần tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ, tiến tới chuẩn hóa, hiện đại hóa hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các mặt bảo đảm khác, cho sinh viên thực sự được trải nghiệm môi trường quân sự. Trước mắt, cần xây dựng lộ trình, kế hoạch đảm bảo nguồn lực, xây dựng hệ thống

đường truyền tích hợp, liên kết thông minh, trường bản ảo, thư viện điện tử và nâng cấp các phòng học chuyên dùng, phòng máy tính, trang thiết bị hiện đại, bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Đặc biệt, cần chủ động phối hợp với cơ quan chức năng của Binh chủng Pháo binh, Ban Chỉ huy quân sự quận Bắc Từ Liêm bảo đảm tốt trang thiết bị, mô hình học cụ, vật chất bảo đảm cho giảng dạy và huấn luyện GDQP&AN cho sinh viên. Chủ động xây dựng các phần mềm tiện ích có kết nối internet phục vụ giảng dạy trực tuyến trong điều kiện dịch Covid-19 bùng phát phức tạp, tạo thuận lợi cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, kiểm tra, thi để phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học.

3. KẾT LUẬN

GDQP&AN góp phần khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Nâng cao chất lượng GDQP&AN là một chủ trương đúng đắn, nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trong nền quốc phòng toàn dân vững mạnh được Đại hội XIII của Đảng khẳng định. Điều đó đặt ra và đòi hỏi phải quán triệt, thực hiện nghiêm túc chủ trương này nhằm đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Vì thế, cần tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc quan điểm, chủ trương của Đảng về GDQP&AN mà Đại hội XIII đã đề ra bằng tổng thể nội dung, giải pháp, trong đó có các giải pháp đề xuất trên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*
2. Chính phủ (2003), *Nghị định số 165/2003/NĐ-CP, ngày 22/12/2003 về biệt phái sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.*
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, tr.232, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội.*

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở KHOA GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Thượng tá Trần Bắc Bộ*

Tóm tắt: Thực tiễn cho thấy hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết, là cơ sở để thực hiện phương pháp giảng dạy, giúp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Bài viết chia sẻ quan điểm của tác giả về những kết quả đạt được và những khó khăn, hạn chế trong hoạt động nghiên cứu khoa học ở khoa Giáo dục quốc phòng. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản để góp phần vào việc thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Chất lượng hoạt động, khoa học và công nghệ, khoa giáo dục quốc phòng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, bất cứ một cơ sở giáo dục đại học nào cũng đều có hai nhiệm vụ chính và quan trọng nhất đó là hoạt động giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ (NCKH&CN). Đây là hai hoạt động có mối quan hệ hữu cơ, hai nhiệm vụ cơ bản chiến lược của mỗi nhà trường, trong đó việc đẩy mạnh hoạt động NCKH&CN của đội ngũ giảng viên là một trong những biện pháp quan trọng, bắt buộc, cần thiết để hướng đến nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Do vậy, có thể khẳng định rằng, cùng với hoạt động giảng dạy, hoạt động NCKH&CN là thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất là một cơ sở giáo dục đại học phát triển theo hướng: “Đại học định hướng nghiên cứu đạt trình độ tiên tiến trong khu vực”. Do đó, bên cạnh hoạt động giáo dục và đào tạo thì hoạt động NCKH&CN giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong xu hướng phát triển của nhà trường. Theo đó, các đơn vị thuộc nhà trường cần phải tích cực tham gia các hoạt động NCKH&CN phù hợp với khả năng và điều kiện của đơn vị mình.

* Phó Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Khoa Giáo dục quốc phòng (GDQP) là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Mở - Địa chất, có nhiệm vụ giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) và tham gia các hoạt động NCKH&CN. Các hoạt động NCKH&CN mà khoa GDQP thực hiện hàng năm như: đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; báo cáo, bài báo khoa học; hoạt động sinh hoạt học thuật (seminar),... Trên cơ sở các nội dung của hoạt động NCKH&CN nhà trường triển khai, khoa GDQP đã tổ chức quán triệt và triển khai cho từng giảng viên đăng ký tham gia các nội dung nghiên cứu khoa học cụ thể. Qua thực tế cho thấy, việc tham gia các hoạt động NCKH&CN đội ngũ giảng viên khoa GDQP đã đạt được một số thành tựu, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN. Tuy nhiên, bên cạnh đó, hoạt động NCKH&CN cũng còn tồn tại một số khó khăn và hạn chế như: việc tham gia các đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học không đều; số lượng hoạt động sinh hoạt học thuật có thời điểm ít; chất lượng báo cáo, bài báo khoa học còn thấp,... một số giảng viên còn ngại tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Từ những vấn đề trên, bài viết đi sâu làm rõ thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động NCKH&CN ở khoa GDQP.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng hoạt động khoa học và công nghệ ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất

Trong nhiều năm qua, hoạt động NCKH&CN ở khoa GDQP, Trường Đại học Mở - Địa chất luôn được cấp ủy, chỉ huy khoa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cho các bộ môn và từng cán bộ, giảng viên tham gia vào các hoạt động NCKH&CN cụ thể đạt kết quả cao. Trong báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động NCKH&CN 05 năm (2017-2022), với số lượng cán bộ, viên chức bình quân là 10 người, trong đó có 08 giảng viên; khoa GDQP đã có 04 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu, 45 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành, 30 báo cáo khoa học tham gia tại các hội nghị trong nước, tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động sinh hoạt học thuật sôi nổi. Số liệu cụ thể được thể hiện ở bảng tổng hợp dưới đây:

**Bảng tổng hợp kết quả hoạt động NCKH&CN của khoa GDQP
từ năm 2017 đến năm 2022**

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Đề tài/nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở	Đề tài	04	
2	Đề tài NCKH của sinh viên	Đề tài	01	
3	Tổ chức Hội nghị, hội thảo khoa học	Hội nghị/hội thảo	01	Đang tổ chức
4	Bài báo khoa học trong nước	Bài	45	
5	Báo cáo hội nghị trong nước	Bài	30	
6	Sinh hoạt học thuật (Seminar)	Báo cáo	60	

Các đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài Quân đội, các báo cáo khoa học tham gia tại các hội thảo khoa học với mục đích nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên GDQP&AN, nâng cao chất lượng quản lý, giảng dạy sinh viên, đổi mới phương pháp giảng dạy,... Các hoạt động NCKH&CN ở khoa GDQP khi nghiệm thu đều đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ, được nhà trường đánh giá cao.

Thông qua hoạt động NCKH&CN mỗi cán bộ, giảng viên khoa GDQP không những tiếp thu được thông tin mới mà còn tiếp cận được với những phương pháp, tư duy mới. Từ đó, chủ động sáng tạo, cải tiến và đổi mới nội dung cũng như phương pháp giảng dạy. Chất lượng từng bài giảng, từng giờ lên lớp qua đó cũng được nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được về hoạt động NCKH&CN ở khoa GDQP, so với tiêu chí trong Quy định hoạt động NCKH&CN của Trường Đại học Mở - Địa chất thì hoạt động NCKH&CN của cán bộ, giảng viên khoa GDQP vẫn còn một số khó khăn, bất cập, hạn chế như: do tính đặc thù về môn giảng dạy, khối lượng giảng dạy lớn, giảng viên khoa GDQP chưa chủ động đăng ký tham gia các đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đăng ký báo cáo học thuật. Các đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, thường dựa trên các mô hình đã được nghiên cứu từ trước, hoặc chưa xuất phát từ nhu cầu thực tế của chính bản thân cán bộ, giảng viên, hoặc nhu cầu của môn học. Khi trình bày vấn đề nghiên cứu, tác giả thường mắc một số lỗi như: phạm vi nghiên cứu rộng, nặng tính lý thuyết, đối tượng nghiên cứu không rõ ràng, mục đích nghiên cứu không cụ thể, dùng từ ngữ chuyên môn chưa chính xác. Một số bài báo khoa học, báo cáo học thuật còn đề cập đến những vấn đề chung chung, chất lượng và hàm lượng khoa học thấp, chưa đi sâu vào làm rõ những vấn đề cấp thiết của khoa hiện nay như: xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên; nâng cao chất lượng bài giảng; nâng cao chất lượng quản lý sinh viên trong điều kiện tự chủ môn học GDQP&AN.

Một số cán bộ, giảng viên còn ngại tham gia các hoạt động NCKH&CN như tham gia làm đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, tham gia hoạt động sinh hoạt học thuật ở các bộ môn. Bởi vì, thực tế tham gia hoạt động NCKH&CN vừa tốn nhiều thời gian, công sức, trong khi thu nhập lại quá ít, thậm chí không có, trong khi đó, thu nhập dựa vào giảng dạy lại khá cao. Do đó, cán bộ, giảng viên tập trung vào hoạt động giảng dạy nhiều hơn là tham gia nghiên cứu khoa học. Mặt khác, một số cán bộ, giảng viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ, tin học nên trong quá trình tham khảo tài liệu và triển khai các nội dung phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học trên máy tính gặp nhiều khó khăn.

Để khắc phục các khó khăn, hạn chế trong hoạt động nghiên cứu khoa học nêu trên, tác giả đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động NCKH&CN ở khoa GDQP, Trường Đại học Mở - Địa chất.

2.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất

2.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, giảng viên về vị trí tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất

Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, ban chức năng tăng cường tuyên truyền, phổ biến chiến lược phát triển nhà trường nói chung và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ nói riêng, quán triệt cho cán bộ, giảng viên các quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động NCKH&CN cũng như các quy định, quy chế khác liên quan đến hoạt động này để cán bộ, giảng viên nhà trường nói chung và cán bộ, giảng viên khoa GDQP có định hướng hoạt động, có ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ NCKH&CN bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy của người giảng viên.

Theo đó, lãnh đạo, chỉ huy khoa GDQP bám sát vào kế hoạch hoạt động NCKH&CN của nhà trường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về hoạt động NCKH&CN cho cán bộ, giảng viên trong khoa bằng nhiều hình thức khác nhau như: thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt khoa, bộ môn và kết hợp với công đoàn khoa, với các bộ môn làm cho mọi thành viên trong khoa hiểu sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động NCKH&CN đối cá nhân người cán bộ, giảng viên, đối với sự phát triển của khoa và nhà trường.

2.2.2. Tăng cường tổ chức các hội nghị, hội thảo và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác trong khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất

Đây là giải pháp phong phú hoá hình thức sinh hoạt khoa học, tạo ra môi trường khoa học sinh động, mở ra nhiều kênh trao đổi thông tin, tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên học tập lẫn nhau, tham gia hoạt động NCKH&CN tốt hơn. Các nội dung cần thực hiện là:

Đối với các hội nghị, hội thảo khoa học cần chú trọng khâu chuẩn bị nội dung thật kỹ, có chiều sâu. Tiểu ban phụ trách nội dung có thể đặt hàng cho một số chuyên gia viết bài, phân biện và đóng góp các ý kiến quan trọng. Vấn đề đặt ra trong các hội nghị, hội thảo khoa học nên có tính chất mở để thu hút được nhiều người tham gia và sau khi hội thảo kết thúc mọi người vẫn tiếp tục quan tâm thảo luận, giải quyết vấn đề.

Hàng năm, theo kế hoạch của nhà trường, khoa GDQP tiến hành tổ chức tổng kết hoạt động NCKH&CN, thảo luận những vấn đề mới trong hoạt động NCKH&CN, vấn đề nảy sinh trong hoạt động GDQP&AN, từ đó đưa ra phương hướng hoạt động NCKH&CN cho năm tiếp theo; chú trọng giải quyết những vướng mắc của cán bộ, giảng viên khi tham gia hoạt động NCKH&CN, nhất là các ý kiến có tính cải tiến, sáng tạo trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động NCKH&CN.

Trên cơ sở quy định và kế hoạch hoạt động NCKH&CN của nhà trường, lãnh đạo, chỉ huy khoa GDQP triển khai cho cán bộ, giảng viên tham gia viết các bài báo, báo cáo khoa học, đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hàng năm, đăng ký báo cáo sinh hoạt học thuật theo từng học kỳ. Mọi cán bộ, giảng viên đều phải chủ động đăng ký tham gia các hoạt động NCKH&CN dưới nhiều hình thức, đảm bảo ít nhất là 600 giờ trong một năm học, theo định mức thời gian làm việc dành cho hoạt động NCKH&CN của giảng viên khoa GDQP.

Chỉ huy khoa GDQP phân công cán bộ, giảng viên tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài trường; tổ chức đi học tập, giao lưu về hoạt động NCKH&CN với các đơn vị bạn và các trường, các cơ sở đào tạo khác; quản lý tốt công tác tự học tập, bồi dưỡng hằng năm của cán bộ, giảng viên, gắn công tác này với hoạt động NCKH&CN của họ.

2.2.3. Xây dựng cơ chế thi đua trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ở khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mở - Địa chất

Trường Đại học Mở - Địa chất đã ban hành các văn bản quy định về đánh giá cán bộ, viên chức trong năm học, trong đó tiêu chí quan trọng là kết quả nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm của cán bộ, viên chức trong Trường. Từ kết quả

hoạt động nghiên cứu khoa học của từng cá nhân, đơn vị để nhà trường có căn cứ đánh giá thành tích, thực hiện khen thưởng như: tặng giấy khen, tiền thưởng, tiêu chuẩn để bình xét thi đua,... Đối với những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ hoạt động NCKH&CN được giao sẽ bị phê bình, xử lý theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở đánh giá của nhà trường về kết quả hoạt động NCKH&CN tập thể, cá nhân, khoa GDQP đề nghị nhà trường khen thưởng những cán bộ, giảng viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động NCKH&CN, có kết quả nghiên cứu nổi bật hay công bố bài báo khoa học xuất sắc,... tạo động lực, niềm say mê nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh thúc đẩy hoạt động NCKH&CN trong khoa. Đồng thời, cũng có các hình thức phê bình, kỷ luật nghiêm đối với những cá nhân và tập thể chưa hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hoàn thành chậm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học có chất lượng thấp do thiếu nỗ lực hay vì các nguyên nhân chủ quan của tác giả.

2.2.4. Phát huy tính tích cực, chủ động trong hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của cán bộ, giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng

Để thực hiện tốt hoạt động NCKH&CN ở khoa GDQP, đòi hỏi mỗi cán bộ, giảng viên cần tích cực, sáng tạo trong quá trình nghiên cứu thực tế, nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế - xã hội của đất nước. Các tác giả cần lựa chọn những chủ đề phù hợp với chương trình môn học đang đảm nhiệm, tập trung vào những vấn đề mới phát sinh, từ đó, đề xuất những giải pháp có tính khả thi, góp phần xử lý có hiệu quả những hạn chế, khó khăn đang diễn ra trong bộ môn, khoa và nhà trường.

Cán bộ, giảng viên cũng cần chủ động đầu tư vật chất, công sức, thời gian và nuôi dưỡng lòng say mê nghiên cứu khoa học theo định hướng hợp lý; liên tục bám sát thực tế, tìm ra hướng đề tài sát thực tế, hữu ích. Trau dồi kinh nghiệm để không ngừng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và tự tạo động lực nghiên cứu bên trong nhằm đạt được nhiều thành công hơn trong hoạt động NCKH&CN.

Cần tổ chức tốt quá trình thực hiện đề tài, chất lọc kết quả từ các đề tài nghiên cứu khoa học, hệ thống hóa, bổ sung làm phong phú thêm bài giảng. Thành lập nhóm nghiên cứu khoa học, hội đồng khoa học trong khoa để các cán bộ, giảng viên có kinh nghiệm về hoạt động NCKH&CN giúp đỡ các cán bộ, giảng viên trẻ tham gia cùng thực hiện đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Chủ động phối hợp với ở các bộ môn, các khoa khác trong nhà trường hoặc phối hợp Phòng Khoa học quân sự, Binh chủng Pháo binh và các đơn vị liên quan khác để cùng nhau nghiên cứu các công trình, vấn đề liên quan đến hoạt động NCKH&CN của khoa và nhà trường.

Trong quá trình tham gia các hoạt động NCKH&CN, cán bộ, giảng viên cần chủ động khai thác thông tin chính thống trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, internet,...) để có thông tin đa chiều, rộng lớn đã được chọn lọc, phân tích. Đây là nguồn thông tin quan trọng giúp tác giả có thêm nguồn dữ liệu bổ sung, phục vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang là xu hướng phổ biến như hiện nay, với vai trò quan trọng của tri thức khoa học, việc đẩy mạnh hoạt động NCKH&CN trong các cơ sở giáo dục đại học lại càng có ý nghĩa thiết thực. Hoạt động NCKH&CN của Trường Đại học Mở - Địa chất hiệu quả sẽ góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược phát triển Trường trong tương lai. Để đáp ứng được mục tiêu trên, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, giảng viên toàn Trường nói chung và giảng viên khoa GDQP nói riêng phải tích cực chủ động tham gia các hoạt động NCKH&CN hiệu quả. Đây là một hoạt động rất quan trọng trong việc biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên; cũng là cơ sở cần thiết để tiến hành đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Trên cơ sở những đánh giá về thực trạng, để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH&CN ở khoa GDQP, tác giả đề xuất một số giải pháp như: tích cực tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm vị trí, vai trò của nghiên cứu khoa học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên; cán bộ, giảng viên tích cực chủ động học tập, nghiên cứu nâng cao nhận thức, kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo yêu cầu chung của khoa GDQP và nhà trường; mạnh dạn đề xuất các ý tưởng mới, nội dung, phương pháp mới thông qua các đề tài/nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và các hoạt động NCKH&CN khác do nhà trường triển khai; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ cơ chế thi đua của nhà trường về hoạt động NCKH&CN,... từng bước nâng cao chất lượng hoạt động NCKH&CN góp phần xây dựng khoa GDQP ngày càng phát triển bền vững, khẳng định vị thế của khoa với Trường Đại học Mở - Địa chất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW (Khóa XI), ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT*, ngày 30/5/2011 ban hành *Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT*, ngày 27/7/2020 ban hành *Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học*.

4. Trường Đại học Mở - Địa chất (2020), *Quyết định số 1171/QĐ-MĐC*, ngày 12/11/2020 ban hành *Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ*.

5. Trường Đại học Mở - Địa chất (2021), *Quyết định số 210/QĐ-MĐC*, ngày 26/3/2021 ban hành *Quy định chế độ làm việc đối với viên chức giảng viên*.

6. Trường Đại học Mở - Địa chất (2021), *Quyết định số 768/QĐ-MĐC*, ngày 15/9/2021 ban hành *Quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ*.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT NHẪM ĐÁP ỨNG NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

Đại tá Đỗ Kim Chiến*

Tóm tắt: Trong bài báo này, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất đáp ứng nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn hiện nay. Những giải pháp này có thể coi là ưu tiên của các trường đại học khác trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

Từ khóa: Chất lượng, đội ngũ giảng viên, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. MỞ ĐẦU

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khóa trong chương trình giáo dục và đào tạo từ trung học phổ thông đến đại học. Môn học GDQP&AN có vị trí, vai trò quan trọng trong việc giáo dục cho công dân những kiến thức về quốc phòng và an ninh nhằm phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào dân tộc nên việc nâng cao chất lượng môn học cho học sinh, sinh viên (SV) là yêu cầu cấp thiết.

Hiện nay, chất lượng SV Trường Đại học Mỏ - Địa chất không ngừng nâng lên; đồng thời nội dung, nhiệm vụ GDQP&AN cho SV trong tình hình mới ngày càng đa dạng, phức tạp. Vì vậy, cần có những định hướng, giải pháp cơ bản để không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN nói chung, đội ngũ giảng viên GDQP&AN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất nói riêng, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng chất lượng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Khoa Giáo dục quốc phòng (GDQP) Trường Đại học Mỏ - Địa chất có 08 giảng viên, thực hiện nhiệm vụ giảng dạy cho khoảng 2.500 SV đại học, cao đẳng mỗi năm. Về chất lượng giảng dạy GDQP&AN của đội ngũ giảng viên hiện nay cần được xem xét và đánh giá đúng thực trạng chất lượng giảng dạy, từ đó tìm ra giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ này. Nhất là trong điều kiện đang thực hiện đề án tự chủ GDQP&AN tập trung cho SV nhà trường theo quy định chung.

* Nguyên Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Tìm hiểu thực trạng chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất, chúng tôi tiến hành khảo sát, điều tra đánh giá chất lượng giảng dạy của toàn thể đội ngũ giảng viên. Chủ thể đánh giá chất lượng giảng dạy của đội ngũ này là 500 SV (gồm SV đại học chính quy khóa 65 và khóa 66) của Trường Đại học Mở - Địa chất thông qua 6 nội dung: giảng viên có phương pháp dạy học phù hợp; giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng; giảng viên vận dụng linh hoạt các thiết bị, phương tiện dạy học; giảng viên truyền đạt kiến thức dễ hiểu, dễ tiếp thu bài học; giảng viên tạo được hứng thú trong giờ học; giảng viên đánh giá kết quả học tập công khai, công bằng, khách quan. Ý kiến đánh giá của mỗi nội dung chia làm 4 bậc: chưa đạt, đạt, khá, giỏi. Kết quả thu được thể hiện ở bảng sau:

**Kết quả khảo sát chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDQP&AN
ở Trường Đại học Mở - Địa chất**

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả tổng hợp ý kiến			
		Chưa đạt	Đạt	Khá	Giỏi
1	GV có phương pháp dạy học phù hợp	82	248	121	49
2	GV có kiến thức chuyên môn vững vàng	51	249	128	72
3	GV vận dụng linh hoạt các thiết bị, phương tiện dạy học	100	220	130	50
4	GV truyền đạt kiến thức dễ hiểu, dễ tiếp thu bài học	110	230	120	40
5	GV tạo được hứng thú trong giờ học	70	250	150	30
6	GV đánh giá kết quả học tập công khai, công bằng, khách quan	30	180	210	80
Tổng hợp:		443	1.377	859	321

Kết quả trên cho thấy: chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDQP&AN của nhà trường có 443 ý kiến đánh giá chưa đạt, 1.377 ý kiến đánh giá đạt, 859 ý kiến đánh giá khá, và 321 ý kiến đánh giá giỏi. Nhóm ý kiến đánh giá chất lượng giảng dạy đạt và khá chiếm 2.236 ý kiến chiếm tỉ lệ rất cao. Tuy nhiên, vẫn có nhiều ý kiến đánh giá chưa đạt; trong đó, nội dung *giảng viên vận dụng linh hoạt các thiết bị, phương tiện dạy học* và *giảng viên truyền đạt kiến thức dễ hiểu, dễ tiếp thu bài học* còn tỉ lệ chưa đạt cao (210 ý kiến), còn nhóm đánh giá dạy giỏi chiếm tỉ lệ nhỏ. Qua kết quả khảo sát, nhìn chung chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDQP&AN của nhà trường là đạt yêu cầu.

Trong những năm qua, đội ngũ giảng viên GDQP&AN của nhà trường đã đạt được nhiều kết quả tốt trong giảng dạy, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức ngày càng được nâng lên, tích cực tham gia huấn luyện hội thao quốc phòng, huấn luyện lực lượng tự vệ và hoàn thành nhiệm vụ GDQP&AN góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, thực trạng chất lượng của đội ngũ giảng viên GDQP&AN của nhà trường còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế: sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường chưa được thường xuyên; một số cán bộ nhà trường chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của GDQP&AN, chưa thật sự tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ giảng viên GDQP&AN làm tốt nhiệm vụ; hệ thống giáo trình, tài liệu, học cụ chưa được trang bị tốt nên việc dạy - học cũng bị ảnh hưởng. Hơn nữa, đội ngũ giảng viên GDQP&AN chưa thực sự chủ động, tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện, trau dồi bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng để nâng cao chất lượng đội ngũ; chưa kịp thời nắm bắt những thông tin thời sự về tình hình quân sự, quốc phòng ở địa phương; còn gặp nhiều khó khăn về nguồn tài liệu phục vụ nghiên cứu, giảng dạy cũng như tài liệu cho SV học tập; trang thiết bị, phương tiện hỗ trợ giảng dạy còn thiếu, chưa đồng bộ.

Những khó khăn, hạn chế trên đã ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, cần có những giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN của nhà trường.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất

2.2.1. Với Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường

- Tăng cường quan tâm, lãnh đạo xây dựng chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

Nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên là nội dung trọng tâm trong phương hướng, nhiệm vụ xây dựng, phát triển của nhà trường. Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường cần quan tâm định hướng xây dựng khoa thành một đơn vị vững mạnh, đủ năng lực giảng dạy GDQP&AN cho SV, cũng như giảng dạy GDQP&AN cho SV các đơn vị giáo dục trên địa bàn, hướng đến thành lập Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Mở - Địa chất. Để thực hiện được nội dung này, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường cần có quy hoạch xây dựng chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN, quy hoạch xây dựng nguồn giảng viên đảm bảo đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

Cần xây dựng kế hoạch cho giảng viên GDQP&AN học tập nâng cao trình độ chuyên môn về chính trị và quân sự để tăng tỉ lệ giảng viên có trình độ sau đại học tham gia giảng dạy, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và đổi mới phương pháp dạy học; nâng cao trình độ lí luận chính trị cho giảng viên qua các lớp bồi dưỡng trung cấp, cao cấp lí luận chính trị, thường xuyên nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN; tích cực chỉ đạo phối hợp giữa khoa GDQP với các phòng chức

năng, các khoa trong Trường để hoàn thành tốt nhiệm vụ, nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên; tăng cường mua sắm trang thiết bị phục vụ giảng dạy GDQP&AN tập trung.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, lãnh đạo, chỉ huy khoa đã chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao chất lượng giảng dạy cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong khoa. Ngay từ những năm 2000, khoa đã xây dựng kế hoạch đào tạo có lộ trình, có chọn lọc, ưu tiên các giảng viên được xếp vào quy hoạch đào tạo nguồn. Hiện nay, 100% giảng viên có trình độ đại học trở lên, nhiều đồng chí có 02 bằng đại học (01 bằng về quân sự và 01 bằng về chuyên môn khác).

Hiện nay, khoa đã phối hợp chặt chẽ với Binh chủng Pháo binh và Trường Đại học Mỏ - Địa chất thường xuyên cử giảng viên đi đào tạo tại các trường trong và ngoài Quân đội để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu giảng dạy ngày càng cao của giáo dục và đào tạo, trong đó: năm 2010 có 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ; năm 2013 có 01 giảng viên có trình độ thạc sĩ; năm 2015 có 01 giảng viên có trình độ thạc sĩ; năm 2016 có 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ; năm 2022 có 01 giảng viên có trình độ thạc sĩ. Như vậy, đội ngũ giảng viên trong khoa có hơn 80% giảng viên có trình độ thạc sĩ.

- Thực hiện cơ chế quản lý, chế độ phù hợp để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với Binh chủng Pháo binh tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN được học tập nâng cao trình độ chuyên môn bằng nguồn ngân sách Nhà nước. Tham mưu cho cấp có thẩm quyền về đề án thành lập Trung tâm GDQP&AN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất nhằm nâng tính chủ động, tạo ra cơ chế phù hợp trong quản lý và đào tạo SV học GDQP&AN, góp phần phát huy vai trò ngày càng quan trọng của đội ngũ giảng viên. Thường xuyên bổ sung số lượng cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN đảm bảo đủ chuẩn theo quy định để duy trì chất lượng.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra hoạt động GDQP&AN cũng như chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

Hiện nay, đội ngũ giảng viên GDQP&AN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đang làm tốt nhiệm vụ GDQP&AN cho SV. Tuy nhiên, để hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ này, trong giai đoạn mới, đội ngũ giảng viên của nhà trường cần có sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu trong việc đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài; tạo cơ chế, chế độ phù hợp cho đội ngũ giảng viên; thường xuyên kiểm tra chất lượng đội ngũ giảng viên, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn mới.

2.2.2. Với đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh

- Tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

Đây là giải pháp chính để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ GDQP&AN trong tình hình mới, theo Luật GDQP&AN (2013) đã quy định rõ về trình độ chuyên môn của giảng viên GDQP&AN là: “*Giáo viên, giảng viên GDQP&AN phải có bằng cử nhân GDQP&AN trở lên; trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP&AN,... Giáo viên, giảng viên GDQP&AN được bồi dưỡng, tập huấn định kì tại trường của lực lượng vũ trang nhân dân, trung tâm GDQP&AN*”.¹ Luật GDQP&AN đã khẳng định tính pháp lý là đội ngũ giảng viên GDQP&AN nói chung, đội ngũ giảng viên khoa GDQP Trường Đại học Mở - Địa chất nói riêng, phải tự nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ sư phạm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Cần tích cực, chủ động và có lộ trình học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đặc thù của môn học GDQP&AN có hai lĩnh vực lý luận và kỹ năng thực hành nên cần có sự chuyên môn cao, nghiên cứu chuyên sâu vào nội dung lý luận của môn học; bộ phận còn lại hướng vào nội dung kỹ năng quân sự sẽ nâng cao chuyên môn cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN; cần tranh thủ điều kiện tự học, tham gia tập huấn nâng cao nghiệp vụ sư phạm, tiếp tục học tập, nghiên cứu các văn bản, quy định về môn GDQP&AN để hoàn chỉnh xây dựng chương trình môn GDQP&AN cho phù hợp; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống ngân hàng đề thi tự luận môn học để áp dụng vào kiểm tra, thi kết thúc học phần; nghiên cứu khoa học được xem là nhiệm vụ bắt buộc đối với đội ngũ giảng viên GDQP&AN để góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Về trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giảng viên khoa GDQP nhà trường hiện nay là cơ bản đạt yêu cầu, chất lượng giảng dạy là khá tốt. Song, để đáp ứng nhiệm vụ trong tình hình mới, cần tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là nội dung cần tích cực bồi dưỡng, sẽ góp phần hoàn thành nhiệm vụ ngày càng tốt hơn.

- Tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong dạy học.

Đổi mới phương pháp dạy học là khâu đột phá nâng cao chất lượng dạy học GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất. Đội ngũ giảng viên cần triển khai nhiều giải pháp đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, với quan điểm “lấy người học là trung tâm”. Cần đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh

¹ Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nxb. Hồng Đức.

giá SV, sử dụng nhiều biện pháp, hình thức để tác động đến nhận thức của SV hình thành nhân cách, con người mới biết nhận thức về mục tiêu ý nghĩa của môn học GDQP&AN, thấy được vai trò của bản thân đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đổi mới phương pháp dạy học môn GDQP&AN là nội dung quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV. Để đạt hiệu quả cao, cần nghiên cứu biên soạn giáo án phù hợp với chương trình, với đối tượng dạy học; sử dụng phương pháp dạy học tích cực, hiện đại; vận dụng linh hoạt các hình thức phương pháp dạy học là vấn đề cốt lõi có tính chất quyết định nâng cao chất lượng GDQP&AN của đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất.

- Không ngừng trau dồi bản lĩnh chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn hiện nay, góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên GDQP&AN của Trường Đại học Mở - Địa chất.

Để thực hiện tốt yêu cầu này, cần tập trung vào đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; thường xuyên bồi dưỡng kiến thức lí luận chính trị; thực hiện tốt tự phê bình và phê bình; phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chức trách của người đảng viên. Nếu thực hiện tốt các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

- Tích cực tu dưỡng nâng cao đạo đức cách mạng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn hiện nay.

Nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN Trường Đại học Mở - Địa chất là bồi dưỡng lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân; nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, yêu quý và gắn bó với quê hương, đất nước, sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Giảng viên cần có lối sống khiêm tốn, giản dị, đoàn kết với mọi người, với đồng chí, đồng nghiệp, trung thực, thẳng thắn, tích cực tự phê bình và phê bình. Để nâng cao chất lượng của đội ngũ giảng viên GDQP&AN Trường Đại học Mở - Địa chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn hiện nay, bản thân đội ngũ giảng viên GDQP&AN phải không ngừng hoàn thiện mình để đáp ứng những yêu cầu, thách thức mới.

2.2.3. Với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Binh chủng Pháo binh

- Tăng cường phối hợp với Ban Giám hiệu nhà trường, chỉ đạo khoa GDQP để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và Binh chủng Pháo binh cần tích cực, phối hợp chặt chẽ đối với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Đại học Mở - Địa chất trong công tác chỉ đạo khoa GDQP thực hiện nhiệm vụ GDQP&AN cho SV và xây dựng chất lượng đội

ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường cần tích cực tham mưu, đề xuất tạo điều kiện thuận lợi để khoa GDQP phát triển toàn diện, nâng cao chất lượng đội ngũ. Hội đồng GDQP&AN Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội cần tăng cường chỉ đạo các đơn vị lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn và các đơn vị có liên quan tích cực giúp đỡ, hỗ trợ cho đội ngũ giảng viên khoa GDQP nhà trường hoàn thành nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ các thiết bị, phương tiện dạy học như: Súng AK luyện tập, máy bắn tập, bản đồ quân sự, đạn thật và trường bắn để thực hành bắn đạn thật; tạo điều kiện thuận lợi cho SV được tham quan thực tế: bảo tàng quân sự, doanh trại Quân đội, giúp nhà trường hoàn thành chương trình giảng dạy.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất.

Theo kết quả kiểm tra của Hội đồng GDQP&AN Trung ương và Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá năng lực giảng dạy của đội ngũ giảng viên GDQP&AN Trường Đại học Mở - Địa chất năm 2021 đạt loại khá, kết quả này đã góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đào tạo của nhà trường. Định kỳ, hàng năm Đảng ủy Trường Đại học Mở - Địa chất đều tham gia nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, sĩ quan biệt phái thuộc biên chế khoa GDQP. Đặc biệt, trong nhận xét, đánh giá sĩ quan biệt phái đến kỳ hạn nâng lương, đề bạt quân hàm và bổ nhiệm các chức vụ. Các nhận xét, đánh giá đã phản ánh đúng tình hình diễn biến tư tưởng, thái độ chính trị; phẩm chất đạo đức cách mạng; thực trạng, khả năng sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành nhiệm vụ, chức trách được giao; mức độ tham gia, đóng góp xây dựng đơn vị và các phong trào chung của nhà trường.

Quá trình phối hợp giữa Trường Đại học Mở - Địa chất và Binh chủng Pháo binh trong quản lý, sử dụng sĩ quan biệt phái hết sức chặt chẽ, chu đáo, nhịp nhàng, đúng nguyên tắc và có chiều sâu trong bồi dưỡng cán bộ, giảng viên.

Đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN thông qua thực tế giảng dạy, để kịp thời chỉ đạo khắc phục những sai sót, phát huy những ưu điểm để xây dựng chất lượng đội ngũ ngày càng tốt hơn.

- Tăng cường tổ chức hội thảo khoa học, tập huấn bổ sung kiến thức quốc phòng và an ninh cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN của Trường Đại học Mở - Địa chất.

Đây là nội dung quan trọng để tìm ra những phương hướng, giải pháp củng cố, phát triển nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Trước yêu cầu nhiệm vụ GDQP&AN ngày càng cao, cần nâng cao chất lượng chuyên môn, phẩm chất chính trị, đạo đức cho đội ngũ giảng viên GDQP-AN của nhà trường để có đủ khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. KẾT LUẬN

Nhiệm vụ GDQP&AN cho SV nói chung, SV Trường Đại học Mở - Địa chất nói riêng đã được Đảng và Nhà nước chỉ rõ trong các nghị quyết, chỉ thị, văn bản quy phạm pháp luật, các đạo luật, thể hiện tầm quan trọng của GDQP&AN đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để thực hiện nhiệm vụ này, đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở khoa GDQP Trường Đại học Mở - Địa chất có vai trò to lớn, ảnh hưởng đến việc hình thành kiến thức quốc phòng và an ninh cho SV trong nhà trường; đến ý thức tự giác thực hiện nghĩa vụ công dân của SV trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong điều kiện mới, nhiệm vụ GDQP&AN sẽ ngày càng khó khăn, nặng nề hơn; nếu đội ngũ giảng viên GDQP&AN không tự nhận thức nâng cao chất lượng sẽ không hoàn thành nhiệm vụ. Vì vậy, cần vận dụng tốt những giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*
2. Chính phủ (2003), *Nghị định số 165/2003/NĐ-CP, ngày 22/12/2003 về biệt phái sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.*
3. Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục Quốc phòng và an ninh*, Nxb. Hồng Đức.

**NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC
VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA SINH VIÊN
THÔNG QUA MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

*Trung tá Ngô Văn Dương**

Tóm tắt: Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, đòi hỏi phải quy tụ, huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân trong đó có lực lượng sinh viên. Theo tiến trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta hết sức coi trọng công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), đưa vào nghị quyết lãnh đạo và được thể chế hóa thành luật, chỉ thị, quy định, tổ chức thực hiện nhằm trang bị những tri thức cơ bản nhất về đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho các chủ thể. Đối với sinh viên, ý thức bảo vệ Tổ quốc chủ yếu được hình thành trong quá trình học tập GDQP&AN. Bài viết tập trung làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng và đề xuất một số giải pháp cơ bản nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN) của sinh viên thông qua môn học GDQP&AN.

Từ khóa: An ninh, bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, sinh viên, ý thức.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh viên là lực lượng đông đảo trong thanh niên Việt Nam, có sức khỏe, sức trẻ, xung kích, sáng tạo, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Trong những năm qua, ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên được các cấp, các ngành hết sức quan tâm. Hiện nay, GDQP&AN là môn học chính khóa của sinh viên ở các cơ sở giáo dục đại học; trung tâm Giáo dục quốc phòng (khoa Giáo dục quốc phòng) đã được thành lập ở một số cơ sở giáo dục đại học, bước đầu đáp ứng yêu cầu giảng dạy môn GDQP&AN cho sinh viên. Thông qua học tập, đa số sinh viên có nhận thức đúng đắn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; nhận thức rõ ý thức trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, biết giữ gìn, phát huy truyền thống lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc, tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng, đường lối, chiến lược, sách lược bảo vệ Tổ quốc hiện nay, từ đó xây dựng cho mình động cơ học tập, rèn luyện đúng đắn. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn không ít sinh viên nhận thức chưa đầy đủ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, mơ hồ, mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù, bị kẻ địch kích động, lôi kéo. Một số sinh viên chưa ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước hiện nay, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đang đặt ra những yêu cầu mới với không ít khó khăn, thử thách. Do vậy, nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là vấn đề cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

* Giảng viên, khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Trường Sĩ quan Pháo binh.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số vấn đề lý luận và thực trạng ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của sinh viên

2.1.1. Một số vấn đề lý luận về ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của sinh viên

Ý thức bảo vệ Tổ quốc là một loại hình của ý thức xã hội, được hình thành, phát triển và ngày càng hoàn thiện gắn liền với quá trình hình thành, xây dựng, phát triển của hiện thực đất nước. Ý thức bảo vệ Tổ quốc phản ánh nội dung, yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên cả hai phương diện tự nhiên lịch sử và chính trị xã hội. Trong chủ nghĩa tư bản, ý thức bảo vệ Tổ quốc được xây dựng trên quan điểm lập trường của giai cấp tư sản nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế, chính trị của giai cấp tư sản; còn ý thức bảo vệ Tổ quốc XHCN được hình thành ngay từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền, thiết lập chuyên chính vô sản, bắt đầu sự nghiệp xây dựng đồng thời cũng là quá trình tiến hành sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Ý thức bảo vệ Tổ quốc còn thể hiện ở tư duy về bảo vệ Tổ quốc của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trước những thời cơ và thách thức của bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước đặt ra. Từ những vấn đề trên, có thể quan niệm ý thức bảo vệ Tổ quốc là một loại hình của ý thức xã hội phản ánh yêu cầu khách quan của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; là sự giác ngộ về nghĩa vụ, trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Tổ quốc Việt Nam XHCN là một thực thể bao gồm toàn bộ các yếu tố địa lý, lãnh thổ, dân cư, các giá trị văn hóa lịch sử, lợi ích,... và chế độ XHCN ở Việt Nam. Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay bao gồm những yếu tố tự nhiên - lịch sử và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; thể chế chính trị XHCN; nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; nhân dân lao động được làm chủ xã hội. Như vậy, có thể hiểu ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là sự giác ngộ về nghĩa vụ và trách nhiệm của sinh viên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc được biểu hiện bằng hành vi thực tế sẵn sàng chống lại những lực cản đối với nền độc lập dân tộc và công cuộc phát triển đất nước hiện nay theo định hướng XHCN. Ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là tổng hòa tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, trong đó:

Tri thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là sản phẩm của quá trình nhận thức, là sự hiểu biết của họ về thực tiễn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, bao gồm: Sự hiểu biết về bảo vệ mặt tự nhiên - lịch sử và chính trị - xã hội của Tổ quốc Việt Nam XHCN; tính tất yếu khách quan, mục tiêu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong điều kiện mới; những giá trị tiêu biểu truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc; tính năng, tác dụng, cấu tạo, cách sử dụng vũ khí,

trang bị kỹ thuật; các thao tác, hành động chiến đấu cá nhân, hiệp đồng chiến đấu cấp tổ, tiểu đội,... Tri thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên còn bao gồm sự hiểu biết về đối tượng của cách mạng Việt Nam, đối tượng tác chiến của Quân đội và tình hình địch trong từng phương án chiến đấu được tham gia.

Tình cảm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là những rung động biểu hiện thái độ của họ đối với quốc gia, dân tộc, chế độ XHCN và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; thái độ đối với tập thể; thái độ đối với nhiệm vụ được giao; thái độ đối với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã, đang và sẽ chống phá cách mạng Việt Nam. Yếu tố tình cảm trong cấu trúc ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên được biểu hiện ở các trạng thái: yêu - ghét; vui - buồn; bi quan - lạc quan,... Biểu hiện tình cảm bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là: lòng yêu quê hương, đất nước, yêu chế độ XHCN; đoàn kết, gắn bó chặt chẽ với tập thể; thương yêu, giúp đỡ mọi người; giữ gìn, bảo vệ của công; tinh thần cảnh giác cách mạng cao, lòng căm thù giặc sâu sắc,...

Niềm tin bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là sự thừa nhận tính đúng đắn, sự cần thiết và khả năng tất thắng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; là sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, khả năng hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của bản thân; tin tưởng vào tính năng, tác dụng của vũ khí, trang bị và các hình thức chiến thuật, phương án tác chiến được huấn luyện. Đồng thời, niềm tin bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên gắn liền với tinh thần cảnh giác trước những luận điệu chống phá, xuyên tạc, lôi kéo, dụ dỗ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Niềm tin có vai trò rất quan trọng, làm cho sinh viên sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, thử thách, thậm chí hy sinh tính mạng vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Có tin tưởng thì lúc ra thực hành mới vững chắc, hăng hái, lúc gặp khó khăn mới kiên quyết, hy sinh”*.

Ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên là sự cố gắng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Ý chí bảo vệ Tổ quốc của sinh viên được hình thành trên cơ sở sự hiểu biết, tình cảm, niềm tin đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của Đảng, nhân dân và thực tiễn giáo dục, huấn luyện, rèn luyện của sinh viên. Ý chí quyết tâm cao tạo nên tâm thế sẵn sàng nhận và hoàn thành nhiệm vụ của sinh viên. Ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên biểu hiện ở tinh thần chủ động, tự giác, sáng tạo, tự lực, tự cường khắc phục khó khăn để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ; tinh thần cảnh giác và đấu tranh không khoan nhượng, không chịu khuất phục trước âm mưu, thủ đoạn lôi kéo, dụ dỗ, chống phá của các thế lực thù địch.

Các yếu tố cơ bản cấu thành ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại với nhau. Trong đó, tri thức là phương thức tồn tại chủ yếu của ý thức, là cơ sở hình thành tình cảm, niềm tin, ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên. Ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên không phải là một hằng số, một đại lượng cố định, bất biến mà có sự vận động, phát triển theo sự vận động, phát triển của thực tiễn thực hiện nhiệm vụ. Ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên vận động, phát triển qua nhiều giai đoạn tương ứng với sự vận động, phát triển nội dung, chương trình giáo dục ở từng giai đoạn.

2.1.2. Thực trạng ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của sinh viên hiện nay

Thực tiễn cho thấy, ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của đại bộ phận sinh viên ngày càng đầy đủ và sâu sắc hơn. Trước khi học tập môn GDQP&AN, đa số sinh viên đã có hiểu biết bước đầu về chế độ xã hội XHCN ở nước ta, tính tất yếu, mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nghĩa vụ, trách nhiệm của sinh viên đối với Tổ quốc. Trong thời gian học tập môn GDQP&AN, ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên dần được hình thành, củng cố, phát triển, mang tính toàn diện và sâu sắc hơn. Khi hoàn thành chương trình học tập môn GDQP&AN, ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên đã có sự tiến bộ vượt bậc so với khi mới học tập.

Như vậy, khi mới học tập môn GDQP&AN, ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên mới chủ yếu ở trình độ trực quan, cảm tính, tản mạn, chưa toàn diện, sâu sắc. Trong quá trình học tập môn GDQP&AN, thông qua sự giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện toàn diện của các chủ thể, ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên không ngừng được gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Sự hiểu biết của sinh viên không dừng lại ở mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN mà còn được mở rộng đến những đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng; tính tất yếu khách quan phải bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN - một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta; hiểu biết về đối tượng tác chiến, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Sự hiểu biết ấy không chỉ phát triển về chiều rộng mà còn phát triển về chiều sâu. Sinh viên còn nhận thức được sự phát triển của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới, sự chuyển hóa đối tác và đối tượng,...

Mặc dù vậy, sự chuyển biến ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của một bộ phận sinh viên còn chậm, chưa toàn diện, sâu sắc. Hạn chế này phản ánh sự chuyển biến ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của một bộ phận sinh viên còn chậm, phiến diện, chưa có chiều sâu. Nhận thức của bộ phận này về nhiệm vụ bảo vệ Tổ

quốc Việt Nam XHCN chủ yếu là bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; sự am hiểu về chế độ XHCN ở nước ta, tính tất yếu, khách quan phải bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN chưa đầy đủ, nhận thức còn ở trình độ trực quan, cảm tính, chưa đạt đến trình độ nhận thức khoa học, tri thức lý luận. Nhận thức của một bộ phận sinh viên về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới chưa sâu sắc; nhận diện về kẻ thù, nhất là chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chưa đầy đủ, toàn diện, còn giản đơn, chưa đúng thực chất của vấn đề.

2.2. Một số giải pháp góp phần nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của sinh viên thông qua môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh hiện nay

Nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên không phải việc làm một sớm, một chiều có thể thực hiện được mà cần có một chính sách căn cơ, lâu dài, kiên trì, bền bỉ mới thành. Trong phạm vi bài viết, tác giả đề xuất một số giải pháp chính góp phần nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc của sinh viên thông qua môn học GDQP&AN hiện nay.

2.2.1. Tăng cường giáo dục chính trị, tạo chuyển biến mạnh về nhận thức và hành động của sinh viên thông qua môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

Đây là một trong những giải pháp quan trọng, vừa cơ bản, vừa cấp bách hiện nay nhằm hình thành, củng cố, nâng cao lập trường, quan điểm về bảo vệ Tổ quốc theo hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, mà trực tiếp là đường lối quân sự, tư duy bảo vệ Tổ quốc của Đảng, vun đắp, bồi dưỡng truyền thống yêu nước, nhân văn của dân tộc. Đây cũng là giải pháp giúp sinh viên nắm được những vấn đề, chiến lược, sách lược của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, lệch lạc, phai nhạt mục tiêu lý tưởng XHCN, đề cao chủ nghĩa dân tộc cực đoan, đồng nhất đối tượng và đối tác khi hội nhập kinh tế quốc tế của một bộ phận sinh viên hiện nay. Để tạo chuyển biến mạnh về nhận thức chính trị của sinh viên, cần hướng vào các nội dung như tập trung quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, tư tưởng của Đảng về bảo vệ Tổ quốc, nhấn mạnh nội dung bảo vệ Tổ quốc không chỉ về mặt địa lý, tự nhiên mà còn phải giữ vững chế độ chính trị, sự nghiệp cách mạng trong điều kiện hội nhập. Ngoài ra, cần tập trung làm rõ âm mưu, thủ đoạn và các hoạt động chống phá của kẻ thù. Sinh viên là một đối tượng quan trọng trong chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Vì vậy, trong nội dung giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên cần phải chỉ rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, vạch rõ biểu hiện đa dạng, tính chất thâm hiểm của sự chống phá. Trong giáo dục chính trị, tư tưởng cần phải chỉ rõ sự chống phá của kẻ thù luôn hiện hữu trong cuộc sống, nhất là trên những phương tiện thông tin đại chúng, internet, ấn phẩm văn hóa, thậm chí trên

các diễn đàn khi không có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Chỉ có như vậy, họ mới thấy rõ đối tượng của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chứ không phải là sản phẩm của sự tưởng tượng, duy ý chí. Cùng với những nội dung trên, cần giáo dục, bồi dưỡng, vun đắp giá trị truyền thống của dân tộc, của các thế hệ sinh viên. Trong giáo dục truyền thống, cần hướng vào xây dựng ý thức trách nhiệm cộng đồng, gắn chặt chẽ nhận thức với hành động hàng ngày như: tình yêu quê hương, khơi dậy ý thức, lòng tự tôn dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa hiện đại nhưng không xô bồ, học đòi, bắt chước,...

2.2.2. Đổi mới nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện sinh viên đáp ứng yêu cầu nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của sinh viên hiện nay

Các chủ thể giáo dục, huấn luyện, rèn luyện tiến hành biên soạn, chuẩn bị nội dung theo hướng vừa trang bị, mở rộng tri thức, vừa hình thành, củng cố, phát triển tình cảm, niềm tin, ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên. Bên cạnh đó, cần phân tích, luận giải, làm sâu sắc hơn tính tất yếu khách quan phải bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nội dung về chế độ XHCN ở Việt Nam trong các bài học, giúp sinh viên nắm được một số đặc trưng cơ bản, có tình cảm yêu mến, niềm tin vào chế độ XHCN ở Việt Nam mà nhân dân ta đang xây dựng, từ đó có ý chí quyết tâm bảo vệ chế độ XHCN. Đây là nội dung cần phải có trong tri thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên. Lựa chọn, chất lọc những nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện phù hợp với trình độ của sinh viên. Nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện phải bảo đảm ngắn gọn, thiết thực, dễ nhớ, dễ hiểu, tránh sử dụng ngôn ngữ biểu đạt với dung lượng dài, trừu tượng, nặng tính lý luận. Tùy từng đối tượng sinh viên để xây dựng nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện cho phù hợp.

Trước khi xác định, chuẩn bị nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện sinh viên, các chủ thể GDQP&AN thường xuyên quán triệt, thực hiện nghiêm túc phương châm, phương hướng, nguyên tắc, các mối kết hợp trong công tác GDQP&AN. Nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện phải luôn giữ vững tính đảng, tính khoa học và tính chiến đấu, bảo đảm lý luận liên hệ với thực tiễn, giáo dục chính trị phải gắn liền với nâng cao nhận thức và định hướng chính trị tư tưởng, hướng dẫn hành động cho sinh viên.

Biên soạn tài liệu, giáo trình, giáo án giáo dục, huấn luyện, rèn luyện phải bám sát sự phát triển của thực tiễn. Kết cấu nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện sinh viên phải bảo đảm tính hệ thống, logic: bảo đảm từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ hiện tượng tới bản chất, phù hợp với trình độ học vấn, khả năng tiếp nhận của từng đối tượng sinh viên cụ thể. Thường xuyên bổ sung tư liệu, cập nhật thông tin vào nội dung giáo dục, huấn luyện, rèn luyện sinh viên.

2.2.3. Đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục, huấn luyện, rèn luyện sinh viên đáp ứng yêu cầu nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa của sinh viên hiện nay

Trước hết, trong chuẩn bị và thực hành giảng bài, giảng viên GDQP&AN cần chủ động quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc hướng dẫn về chuẩn bị, thông qua và phê duyệt bài giảng chính trị; nắm chắc chủ đề bài giảng, khả năng tiếp nhận, trình độ học vấn của sinh viên trong từng khóa; chủ động nghiên cứu tài liệu, xử lý thông tin phục vụ bài giảng. Trong soạn bài giảng và giảng bài, ngoài nội dung của chủ đề bài giảng đã được quy định cần phải phát triển, mở rộng những nội dung liên quan đến tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên. Sử dụng kết hợp các phương pháp giảng bài, thuyết trình kết hợp với phân tích, giảng giải, nêu vấn đề để sinh viên dân chủ tranh luận, thảo luận, tạo ra sự lôi cuốn, hấp dẫn, kích thích tính tích cực, sáng tạo của người học. Sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học hiện đại được trang bị, sử dụng ngôn ngữ biểu đạt dễ nhớ, dễ hiểu.

Đối với hình thức thảo luận, trước khi tổ chức thảo luận, giảng viên bố trí thời gian thích hợp để sinh viên tự kiểm tra lại bút ký, tự nắm lại nội dung bài giảng dưới sự duy trì của các tổ trưởng tổ học tập. Phát huy dân chủ trong thảo luận, tranh luận, tạo bầu không khí thoải mái, tránh lối giáo dục áp đặt, một chiều, kích thích tính chủ động, tích cực, sáng tạo của sinh viên trong học tập. Thông qua thảo luận, giảng viên chủ động nắm lượng tri thức tiếp thu được của sinh viên sau chủ đề bài giảng, làm cơ sở để thống nhất nhận thức, bổ sung tri thức còn thiếu hụt xung quanh nội dung bài giảng, giúp sinh viên phân biệt rõ đúng - sai, giá trị - phản giá trị, góp phần củng cố, nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin, ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đáp ứng yêu cầu đặt ra. Sử dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra trong học tập của sinh viên để kiểm soát được chất lượng, hiệu quả nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên.

Giảng viên giảng dạy GDQP&AN phải đề cao trách nhiệm, chủ động chuẩn bị, tổng hợp tin tức chính thống, thu thập tài liệu, xử lý, chọn lọc thông tin để giảng giải cho sinh viên. Sử dụng các phương pháp thuyết trình, diễn giải, quy nạp trên cơ sở giữ vững tính đảng, tính giai cấp, tính chiến đấu và định hướng chính trị, tư tưởng cho sinh viên. Tránh sa đà vào những thông tin vụn vặt, không chính thống, chưa rõ ràng hoặc đưa ra những đánh giá, nhận định chủ quan, áp đặt. Giảng dạy những nội dung này phải vừa bảo đảm cung cấp, cập nhật thông tin, vừa liên hệ vận dụng để góp phần củng cố nâng cao nhận thức, tình cảm, niềm tin, ý chí bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên và hướng dẫn hành động cho họ.

Đối với công tác quản lý sinh viên học tập GDQP&AN, cần chú trọng khâu quản lý kỷ luật, bảo đảm tốt đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên, duy trì nghiêm túc nề nếp, chế độ ngày, tuần, bảo đảm về nội dung và thời gian theo quy định. Đặc biệt, cần tổ chức cho sinh viên thực hiện nghiêm chế độ đọc báo, nghe đài, xem truyền hình hàng ngày, giúp họ cập nhật tình hình chính trị, kinh tế, xã hội thế giới, khu vực, trong nước; tình hình địa bàn, hoạt động của nhà trường, nhất là những sự kiện chính trị nổi bật, các chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, Quân đội có liên quan. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, quán triệt và thực hành dân chủ rộng rãi. Cán bộ quản lý sinh viên phải đồng hành cùng sinh viên trong thực hiện “bốn cùng” (cùng ăn; cùng ở; cùng học tập, làm việc và cùng chia sẻ), có tác phong sâu sát, cởi mở, tôn trọng, chân thành, lắng nghe ý kiến của sinh viên; chủ động tạo bầu không khí dân chủ, bình đẳng, đoàn kết thống nhất trong sinh hoạt; tạo tâm lý thoải mái, tự tin để sinh viên mạnh dạn trình bày tâm tư, nguyện vọng, nhất là những thắc mắc, kiến nghị; thông qua giải quyết các vấn đề về tâm tư, nguyện vọng, thắc mắc, kiến nghị để tuyên truyền, giáo dục, động viên, khích lệ sinh viên tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện, thúc đẩy nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên hiện nay.

2.2.4. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần; tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên khi học Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trong thời gian sinh viên học tập môn GDQP&AN thì một mặt công tác quan trọng cần được quan tâm thường xuyên đó là chăm lo, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên. Bởi, thời gian học tập tập trung của sinh viên không dài (khoảng một tháng) nên dễ có tư tưởng tạm bợ, qua loa, đại khái trong tổ chức ăn, ở, sinh hoạt; thời gian ngắn, cộng với môi trường ăn ở tập trung dễ phát sinh nhiều vấn đề phức tạp. Mặt khác, nếu đời sống vật chất, tinh thần thiếu thốn, không đáp ứng được điều kiện, nhu cầu cho học tập, sinh hoạt, công tác thì cơ hội cho sinh viên tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội cũng sẽ rất hạn chế. Vì vậy, việc chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên có ý nghĩa quan trọng góp phần hình thành, phát triển ý thức chính trị, ý thức bảo vệ Tổ quốc của sinh viên. Đó còn là động lực cho sinh viên vươn lên trong học tập, rèn luyện, cảm nhận được tính ưu việt của chế độ, cái mà họ đang tham gia xây dựng và bảo vệ. Để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho sinh viên, trước hết, Đảng, Nhà nước cần có giải pháp mang tính căn cơ và lâu dài; cần phải có cơ chế, chính sách để động viên các nguồn lực của toàn dân tham gia, góp phần thiết thực thực hiện xã hội hóa giáo dục; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm nơi ăn, ở của sinh viên bảo đảm chính quy, xanh, sạch, đẹp; cần xây dựng những khu vui chơi, câu lạc bộ đa dạng về loại hình, phù hợp với các đối tượng sinh viên.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đời sống vật chất thì một mặt quan trọng không kém đó là nâng cao đời sống tinh thần của sinh viên. Bởi, hình thành, phát triển nhân cách của sinh viên có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau, nhưng căn bản nhất là qua tổ chức các hoạt động sống và giao lưu. Sau những giờ huấn luyện miệt mài, cường độ cao thì đây là lúc sinh viên được nghỉ ngơi, thư giãn, có cơ hội giao lưu, tăng thêm tình đoàn kết, tin tưởng, yêu mến, gắn bó với tập thể. Những việc làm đó sẽ góp phần rất lớn vào nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc cho sinh viên. Qua khảo sát công tác tổ chức học tập GDQP&AN của một số trường đại học nhận thấy, tuy đã có nhiều cố gắng, song số lượng hoạt động còn ít, chất lượng hoạt động chưa cao, mới chỉ dừng lại ở một số hoạt động như tổ chức giao lưu văn nghệ, thể thao trong phạm vi hẹp. Vì vậy, để nâng cao chất lượng hoạt động này thì trước hết, trong tổng thể kết cấu chương trình học môn GDQP&AN cần thiết phải dành ra thời lượng phù hợp để sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa; cần phát triển nhiều mô hình, hình thức hoạt động văn hóa tinh thần như: sáng tác, biểu diễn nghệ thuật, giao lưu, các cuộc thi tìm hiểu, hội sách, hội báo, thi đấu thể thao, tham quan di tích lịch sử văn hóa để nâng cao hiểu biết về lịch sử, truyền thống dựng nước, giữ nước của dân tộc; mở lớp tuyên truyền pháp luật, đường lối chính sách của Đảng, thăm hỏi tặng quà gia đình thương binh, liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng, phong trào về nguồn, du khảo về chiến trường xưa,... Đó là cách thiết thực góp phần xây dựng tình yêu đất nước, gắn bó với cộng đồng dân tộc, ý chí vun đắp, phát triển nền văn hóa dân tộc, ý thức bảo vệ Tổ quốc mà sinh viên đang hướng tới. Những hoạt động này không chỉ tạo ra các hình thức sinh hoạt lành mạnh, hấp dẫn, bổ ích mà còn góp phần quan trọng vào việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc, nâng cao lòng tự hào dân tộc, trách nhiệm của sinh viên với đất nước.

3. KẾT LUẬN

Ý thức bảo vệ Tổ quốc là một loại hình đặc thù của ý thức xã hội được hình thành, phát triển gắn liền với quá trình hoàn thiện nhân cách trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Đối với sinh viên, ý thức bảo vệ Tổ quốc được biểu hiện ở sự giác ngộ tính tất yếu, nhận thức đúng về mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên chủ yếu hình thành thông qua học tập môn GDQP&AN. Để nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên thông qua môn học này cần phải tiến hành đồng bộ các giải pháp cơ bản trên, trong đó đổi mới nội dung, hình thức giáo dục, huấn luyện, rèn luyện sinh viên là giải pháp quan trọng, mang tính đột phá, phải tiến hành thường xuyên, liên tục; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa là giải pháp quan trọng, mang tính kết hợp, nhằm gia tăng hiệu quả của hoạt động; song, tăng cường giáo dục chính trị, tạo chuyển biến mạnh về nhận thức và hành động của sinh viên là giải pháp mang tính cốt lõi, có ý nghĩa quyết định đến nâng cao ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN của sinh viên hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam (2021), *Báo cáo Tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2020-2021*.
2. C.Mác và Ph.Ăngghen (1844), “*Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*”, *C.Mác và Ph.Ăngghen toàn tập*, tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (2017), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ XI*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (1950), “*Nói chuyện tại Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất về công tác huấn luyện và học tập*”, *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
5. V.I. Lê nin (1914), “*Điểm sách*”, *V.I. Lê nin Toàn tập*, tập 25, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
6. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển Tiếng Việt 2003*, Nxb. Đà Nẵng, Hà Nội - Đà Nẵng.

**PHÁT HUY TÍNH TÍCH CỰC, CHỦ ĐỘNG
CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHI HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TẬP TRUNG**

*Thượng tá Trần Văn Độ**

Tóm tắt: Trong những năm qua, cơ sở Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) của Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Để đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như trong từng giai đoạn cụ thể, khoa Giáo dục quốc phòng luôn chủ động trong khâu chuẩn bị từ nội dung giảng dạy đến các điều kiện cơ sở vật chất. Nhờ đó, qua mỗi năm, cơ sở đã có thêm nhiều thành tích và kinh nghiệm trong việc rèn luyện, giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, quốc phòng, an ninh cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất khi học GDQP&AN tập trung.

Từ khóa: Giải pháp, sinh viên, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tính tích cực, chủ động học tập có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên (SV). Trong dạy - học, tích cực hóa hoạt động học tập của người học là một hướng đổi mới đã được đông đảo các nhà nghiên cứu, nhà lý luận và các thầy, cô giáo quan tâm. Tính tích cực học tập là trạng thái hoạt động của người học được đặc trưng bởi khát vọng học tập, sự cố gắng với nghị lực cao trong quá trình nắm vững tri thức của bản thân. Vấn đề phát huy tính tích cực học tập của người học đặt ra trong bối cảnh ngành giáo dục đang đang đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, việc nghiên cứu và tìm ra các biện pháp nhằm nâng cao tính tích cực học tập của SV không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm của cơ sở đào tạo mà còn là nhiệm vụ quan trọng của từng giảng viên khi tham gia công tác giảng dạy kiến thức quốc phòng và an ninh cho sinh viên tại cơ sở GDQP&AN của nhà trường.

Trong những năm qua, khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Để đáp ứng nhu cầu trước mắt cũng như trong từng giai đoạn cụ thể, khoa luôn chủ động trong khâu chuẩn bị từ nội dung giảng dạy đến điều kiện cơ sở vật chất. Nhờ đó, qua mỗi năm, cơ sở đều có thêm thành tích và kinh nghiệm trong việc rèn luyện, giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, quốc phòng, an ninh cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất khi học GDQP&AN tập trung.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng, nội dung, giải pháp kích thích tính tích cực, chủ động học tập của sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất khi tham gia học Giáo dục quốc phòng tập trung

Thực trạng phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên trong học tập môn học GDQP&AN.

Thực tế giảng dạy môn học GDQP&AN tại cơ sở của nhà trường chưa phát huy hết tính tích cực, chủ động của SV. Đa số giảng viên vẫn chú trọng đến việc truyền thụ kiến thức theo phương pháp thuyết trình xen kẽ hỏi - đáp. Một số giảng viên cố gắng sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực, nhưng vẫn chưa đủ kích thích tính tích cực, chủ động, sáng tạo, sự hứng thú đối với đa số sinh viên nên dẫn đến kết quả học tập môn học GDQP&AN chưa cao.

Những hạn chế trên, trước hết là do kiến thức quốc phòng và an ninh có tính khái quát, trừu tượng thiên về lý luận, không sát thực tế chuyên ngành đào tạo của các em SV, khối lượng kiến thức lớn, thời gian học tập ít nên không tạo hứng thú cho sinh viên trong quá trình học tập. Thứ hai, SV chưa có thái độ, động cơ học tập đúng đắn, SV học để đối phó với thi cử nhiều hơn là học để hiểu biết và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, vào công tác sau này, nhiều SV còn xem nhẹ, không mấy coi trọng nội dung môn học GDQP&AN cho nên không tập trung học, không ghi chép bài, không nghiên cứu trước nội dung kiến thức và đến khi thi mới học. Đa số sinh viên chỉ mong muốn đủ điểm để không phải học lại nên đã tác động rất lớn đến ý thức, thái độ, động cơ học tập của SV với môn học này. Thứ ba, phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa phong phú, chưa áp dụng hình thức dạy - học tích cực vào quá trình giảng dạy, đánh giá kết quả học tập dẫn đến SV còn thụ động, ít hứng thú trong học tập.

2.2. Một số biện pháp phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất khi học Giáo dục quốc phòng tập trung

2.2.1. Kích thích nhu cầu, khơi gợi tính hứng thú học tập cho sinh viên đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thông qua tất cả các giai đoạn của tiết dạy

Môn học GDQP&AN là môn học đặc thù, có nội dung về lý thuyết và thực hành, lý thuyết có đặc điểm là trừu tượng, thiên về lý luận, vừa “khô” và “khó” nên SV dễ nhàm chán, từ đó đòi hỏi giảng viên phải kích thích nhu cầu, kêu gọi hứng thú học tập cho SV. Việc kích thích nhu cầu, kêu gọi hứng thú khám phá tri thức cho SV cần phải được thực hiện và duy trì trong tất cả các giai đoạn của tiết giảng. Từ khâu tiếp xúc đầu tiên đến đặt vấn đề vào bài, tổ chức lĩnh hội tri thức mới đến kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV.

Khâu tiếp xúc tâm lý, tạo không khí vui vẻ, cởi mở giữa người dạy và người học rất quan trọng trong việc kêu gọi hứng thú học tập cho SV. Để tạo không khí thân thiện thì vào đầu giờ học, giảng viên cần có những câu hỏi tiếp xúc tâm lý, tạo không khí thoải mái, gần gũi, thân thiện, cởi mở, biết lắng nghe, là điều kiện để kích thích nhu cầu, hứng thú học tập của SV. Sự khen ngợi, khuyến khích đúng lúc, đúng chỗ của giảng viên sẽ giúp SV có cơ hội phát triển những tiềm năng của mình. Việc tạo không khí thoải mái, gần gũi, thân thiện, cởi mở, biết lắng nghe trong giờ học là rất quan trọng, quyết định đến mức độ hứng thú của cả thầy và trò trong quá trình dạy - học.

Nhu cầu hứng thú học tập của SV còn phụ thuộc rất lớn vào việc đặt vấn đề đề vào bài của giảng viên. Với cách đặt vấn đề hấp dẫn sẽ quyết định phần lớn sự thành công của tiết dạy và nó kích thích được nhu cầu, kêu gọi được hứng thú học tập trong SV. Cách thức tổ chức, lĩnh hội tri thức mới một cách khoa học giúp SV dễ tiếp thu bài học, tích cực tham gia giờ học. Khi giảng bài, giảng viên phải làm rõ trọng tâm và mối quan hệ logic nội tại của mạch kiến thức bài học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giảng viên và SV, chuẩn bị hệ thống câu hỏi phát huy trí, lực và phù hợp với khả năng tiếp thu của SV, nhất là đối với bài dài, bài khó, nhiều kiến thức mới. Giảng viên cần sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, phương tiện trực quan, phương tiện nghe, nhìn, tư liệu, phim ảnh, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin vào quá trình dạy học để tạo hứng thú học tập cho SV. Ngoài ra, giảng viên cần đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá. Định hướng đổi mới phương pháp dạy học là hướng tới việc hình thành năng lực người học, bởi vậy, trong đánh giá SV không nên dừng lại ở điểm số các bài kiểm tra thường xuyên và định kỳ mà nên dựa vào quá trình học tập của SV như về tinh thần, thái độ, kỹ năng, kết quả tham gia các hoạt động dạy - học.

2.2.2. Giảng viên cần giúp sinh viên hình thành động cơ, thái độ học tập đúng đắn

Động cơ và thái độ học tập đúng đắn quyết định đến phần lớn kết quả học tập của SV. Muốn giáo dục, hình thành động cơ học tập đúng đắn cho SV thì giảng viên cần phải hiểu được động cơ học tập của SV. Phát hiện động cơ học tập của SV trong quá trình tổ chức hoạt động dạy - học, giao tiếp sư phạm bằng cách quan sát các biểu hiện về nhu cầu, hứng thú, thái độ học tập. Từ đó, có biện pháp uốn nắn động cơ nhận thức và động cơ nghề nghiệp đúng đắn cho SV. Chủ động phát huy vai trò tích cực, tự giác của SV trong quá trình tham gia học tập môn học GDQP&AN. Đây là giải pháp có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, hiệu quả của SV hiện nay. Bởi vì, SV là chủ thể của quá trình nhận thức, trực tiếp lĩnh hội, chuyển hóa tri thức chính trị thành nhận thức, tình cảm, niềm tin, ý chí quyết tâm, chuyển hoạt động dạy - học thành tự học. Để phát huy tốt vai trò, tính tích cực tự giác của SV, giảng viên cần phải thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao tinh thần yêu nước, tinh thần sẵn

sàng thực hiện nhiệm vụ nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc; làm cho SV hiểu rõ vai trò của môn học GDQP&AN trong sự nghiệp cách mạng mới; động viên, khen thưởng kịp thời, tạo khí thế và động cơ thi đua học tập và thi đua rèn luyện, khơi dậy tinh thần ham học, phát huy tối đa tính tích cực tự giác học tập và rèn luyện lễ tiết, tác phong của SV, qua đó hạn chế được những tiêu cực, thụ động trong quá trình lĩnh hội kiến thức quốc phòng và an ninh. Bên cạnh đó, khoa cần chủ động và duy trì việc thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ người học và các đơn vị trong nhà trường để kịp thời rút kinh nghiệm, điều chỉnh các hoạt động để chất lượng dạy - học ngày càng được nâng lên đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2.2.3. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy - học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của sinh viên

Đẩy mạnh đổi mới, nội dung, phương pháp, nâng cao chất lượng dạy - học. Do tính đặc thù của môn học GDQP&AN thường “khô cứng”, người học dễ nhàm chán, nên cần đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình gắn với đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cho giảng viên, phương pháp học tập của SV theo hướng thiết thực, hiệu quả phù hợp với đối tượng SV và sự phát triển của nhiệm vụ quốc phòng và an ninh. Trên cơ sở chương trình quy định, cần chủ động nghiên cứu, điều chỉnh bổ sung nội dung mới, số liệu mới. Bên cạnh đó, cần hết sức tránh việc lợi dụng “đổi mới” nội dung, chương trình để cho SV “học tủ” một số nội dung kiến thức quốc phòng và an ninh để đối phó với công tác kiểm tra, thanh tra, hoặc lấy “thành tích” trong các cuộc thi, kiểm tra, đánh giá kết quả.

Bên cạnh việc đổi mới nội dung chương trình, cần đẩy mạnh đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tư duy, sáng tạo của người học. Theo đó, trước hết cần nâng cao chất lượng soạn giáo án, ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu, trao đổi, cập nhật, khai thác thông tin, tư liệu trong biên soạn giáo án điện tử, mô phỏng các tình huống chiến đấu và đưa cách hình ảnh, thông tin mới về hoạt động quốc phòng và an ninh vào bài giảng, tạo sự sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn người học qua từng chuyên đề, khắc phục lối truyền thụ một chiều theo kiểu đọc thoại, tăng tính đối thoại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, rèn luyện SV khả năng tư duy độc lập, vận dụng những kiến thức vào thực hành, thông qua thực hành để tiếp thu kiến thức lý thuyết. Cần xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động ngoại khóa với nhiều nội dung đa dạng, phong phú trong thời gian SV học tập trung tại cơ sở như: Tham quan đơn vị Quân đội, thăm quan bảo tàng, di tích lịch sử, nói chuyện truyền thống, hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao và các hoạt động xã hội khác,... nhằm giúp cho SV tiếp thu kiến thức từ thực tế, gắn học đi đôi với hành, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả của môn học GDQP&AN.

Cần tăng cường hoạt động tự học của SV bởi vì, hoạt động dạy - học không chỉ diễn ra trong lớp học mà còn diễn ra bên ngoài lớp học thông qua các hoạt động tự học. Giảng viên cần giao nhiệm vụ tự học cho SV một cách đầy đủ, rõ ràng với yêu cầu từ dễ đến khó. Khi giao nhiệm vụ học tập, giảng viên cần hướng dẫn tài liệu học tập cho SV và nêu rõ phần nào cần đọc kỹ, phần nào tham khảo. Giảng viên cũng cần tăng cường kiểm tra công việc tự học của SV để có thể nhận được thông tin phản hồi từ phía SV, từ đó đề ra các biện pháp điều chỉnh kịp thời, nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng học tập của SV.

3. KẾT LUẬN

Hoạt động học tập là hoạt động có ý thức, hoạt động này chỉ thực sự có hiệu quả khi người học ý thức được việc học của mình. Ý thức học tập, tính tích cực học tập của người học là yếu tố chủ quan trong chính bản thân mỗi người học nhưng lại chịu sự ảnh hưởng và chi phối của rất nhiều yếu tố bên ngoài, trong đó những tác động từ yếu tố giảng viên có tính chất quyết định. Để làm được điều đó giảng viên cần kích thích nhu cầu, khơi dậy hứng thú học tập cho SV, giúp SV hình thành động cơ, thái độ học tập đúng đắn, đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học theo hướng tích cực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Bảo (1995), *Phát huy tính tích cực, tính tự lực của học sinh trong quá trình dạy học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo viên.
3. Thái Duy Tuyên (2008), *Phương pháp dạy học truyền thống và đổi mới*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ SINH VIÊN TRONG HỌC TẬP GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY

*Thượng tá Trần Thanh Hanh**

Tóm tắt: Công tác quản lý sinh viên trong học tập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, chủ yếu góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện nguồn nhân lực ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Ý thức được điều đó, trong những năm qua nhà trường đã không ngừng đổi mới nội dung, hình thức tổ chức quản lý sinh viên đối với nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh. Những kết quả đạt được trong công tác quản lý sinh viên của nhà trường đã góp phần không nhỏ vào mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự phát triển kinh tế, xã hội; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: Quản lý sinh viên, biện pháp, chất lượng quản lý, Đại học Mỏ - Địa chất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Dạy học môn GDQP&AN ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất có mục tiêu, chuẩn đầu ra là trang bị những kiến thức về quốc phòng và an ninh, hình thành các phẩm chất về quân sự cho sinh viên, đồng thời rèn luyện tác phong và những kỹ năng quân sự cần thiết, sát với thực tiễn chiến tranh. Với tính chất, đặc điểm, yêu cầu thực tiễn về đổi mới chương trình GDQP&AN cho các đối tượng là sinh viên nhà trường đáp ứng yêu cầu mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đòi hỏi quản lý sinh viên trong quá trình học tập môn GDQP&AN phải khoa học, chặt chẽ, phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục hiện nay, phát huy tính tự giác, tích cực cũng như năng lực của người học. Nếu quản lý tốt sẽ góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

Chính vì vậy, nâng cao chất lượng quản lý sinh viên trong quá trình học tập môn GDQP&AN ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện nay là yêu cầu cấp thiết, rất quan trọng, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện cho thế hệ trẻ tu dưỡng phẩm chất đạo đức và rèn luyện năng lực thực tế để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. NỘI DUNG

2.1. Những kết quả đạt được và một số hạn chế đối với công tác quản lý sinh viên trong Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất

2.1.1. Những kết quả đạt được đối với công tác quản lý sinh viên trong Giáo dục quốc phòng và an ninh

Trong những năm gần đây công tác giảng dạy môn GDQP&AN cho sinh viên trong Trường Đại học Mở - Địa chất được thực hiện theo hướng dẫn số 2589/BGDĐT-GDQPAN ngày 14/06/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường tổ chức, quản lý sinh viên tại các cơ sở giáo dục, đào tạo GDQP&AN đã góp phần quan trọng giúp cho sinh viên nắm được quan điểm của Đảng, kiến thức quốc phòng và an ninh, xây dựng lòng yêu nước, niềm tin cho sinh viên đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hiện nay, Trường Đại học Mở - Địa chất đã có các điều kiện nhân lực và cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng dạy học GDQP&AN. Tổ chức tốt việc tiếp nhận và dạy học, bố trí nơi ăn, ở, bãi tập chu đáo trong suốt quá trình tổ chức học tập tại trường; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên có trình độ đạt chuẩn luôn phát huy tốt tinh thần trách nhiệm trong tổ chức, quản lý, dạy học theo đúng chương trình đã quy định. Đã từng bước khắc phục cơ bản hiện tượng dạy chay, học chay; các mô hình, phương tiện, trang thiết bị đảm bảo cho dạy học, tạo hứng khởi cho người học. Công tác quản lý sinh viên được tiến hành chặt chẽ theo hướng tiếp cận môi trường rèn luyện trong Quân đội, làm cho sinh viên thấy được sự cần thiết, xác định thái độ học tập, rèn luyện tốt để đáp ứng yêu cầu của môn học và sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc nếu có chiến tranh xảy ra. Kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên đã phản ánh đầy đủ sự cố gắng và nỗ lực của thầy và trò trong quá trình dạy và học môn GDQP&AN.

1.2.2. Một số hạn chế đối với công tác quản lý sinh viên trong Giáo dục quốc phòng và an ninh

Bên cạnh các mặt tích cực đã đạt được, công tác quản lý sinh viên trong quá trình học tập môn GDQP&AN cũng còn hạn chế như công tác giáo dục tuyên truyền, phổ biến các quy định, nội quy đến sinh viên chưa đầy đủ; công tác quản lý của đội ngũ cán bộ còn những hạn chế nhất định; việc duy trì các chế độ, nề nếp sinh hoạt trong ngày, tuần có nội dung chưa nghiêm túc; công tác kiểm tra của đội ngũ cán bộ quản lý có thời điểm chưa được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ; việc phát hiện và chấn chỉnh, giải quyết dứt điểm các khâu yếu, điểm yếu còn chưa kịp thời. Ý thức học tập, rèn luyện của một bộ phận sinh viên chưa cao, chưa chấp hành nghiêm các quy định của nhà trường, cá biệt còn sinh viên vi phạm kỷ luật phải xử lý làm ảnh hưởng đến uy tín, chất lượng đào tạo.

2.2. Một số biện pháp nâng cao chất lượng quản lý sinh viên trong Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất

Trong thời gian tiếp theo, để nâng cao chất lượng quản lý sinh viên trong học tập môn GDQP&AN cần tập trung thực hiện tốt các biện pháp sau đây:

Một là, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng động cơ đúng đắn, ý thức trách nhiệm cao cho toàn bộ sinh viên của nhà trường. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, bởi vì nhận thức là cơ sở của hành động; nhận thức đúng sẽ giúp cho mỗi cán bộ, đảng viên có hành động đúng đắn. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “*Tư tưởng đúng thì hành động mới khỏi sai lầm và mới làm tròn nhiệm vụ cách mạng được*”¹. Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường và các phòng, khoa, ban trong Trường phải tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức về kỷ luật và ý thức chấp hành kỷ luật cho toàn bộ sinh viên, qua đó giúp họ có sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động về chấp hành kỷ luật, nội quy, quy định trong quá trình thực hiện công tác GDQP&AN.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức Đảng; phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng trong nâng cao chất lượng quản lý sinh viên trong học tập môn GDQP&AN. Các cấp ủy, tổ chức Đảng là chủ thể trực tiếp lãnh đạo công tác GDQP&AN cho sinh viên. Thực tiễn cho thấy cấp ủy, tổ chức Đảng nào có năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu cao sẽ thực hiện tốt công tác trên và ngược lại. Do đó, cấp ủy, chi bộ phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác GDQP&AN chặt chẽ trong tất cả các khâu, các bước. Sự chuẩn xác, mẫu mực trong duy trì thực hiện các thủ tục, nguyên tắc, chế độ, nề nếp sinh hoạt và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng là yêu cầu cấp bách hiện nay, trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng quản lý sinh viên trong học tập môn GDQP&AN cho sinh viên. Các cấp ủy, chi bộ phải thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Nêu cao tính Đảng, tính chiến đấu trong sinh hoạt; khắc phục triệt để tình trạng nể nang, ngại va chạm trong đấu tranh phê bình; gắn đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo sự chuyển biến cơ bản, toàn diện, vững chắc chất lượng xây dựng nề nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật, khắc phục dứt điểm các khâu yếu, mặt yếu, không có vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, hạn chế thấp nhất các vụ vi phạm kỷ luật thông thường trong quá trình GDQP&AN.

Ba là, trên cơ sở điều lệnh, điều lệ, kỷ luật Quân đội, tập trung rà soát, điều chỉnh quy định, quy chế, tổ chức quản lý, rèn luyện phù hợp với lứa tuổi, tâm sinh lý của sinh viên, tạo thuận lợi để nâng cao chất lượng quản lý sinh viên trong học tập

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.360.

môn GDQP&AN. Làm tốt công tác phổ biến quy chế, quy định, nội quy đến mọi đối tượng sinh viên. Đây là nội dung quan trọng nhằm thống nhất nhận thức xây dựng ý thức, trách nhiệm của sinh viên trong suốt quá trình học tập

Bốn là, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác của sinh viên trong GDQP&AN. Phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác, tự rèn luyện là yếu tố suy đến cùng, trực tiếp quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác GDQP&AN cho sinh viên. Mỗi sinh viên cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ về việc chấp hành kỷ luật GDQP&AN là tự giác, nghiêm minh. Qua đó, xác định cho mình động cơ đúng đắn, hành vi, thái độ tích cực; luôn nghiêm khắc với bản thân, nêu cao tinh thần “tự soi, tự sửa”, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau cùng chấp hành nghiêm kỷ luật, quy định. Luôn khiêm tốn, lắng nghe, tiếp thu sự đóng góp của tập thể và bạn bè, nhằm kịp thời điều chỉnh bản thân, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm. Tránh biểu hiện thoả mãn, dừng lại, buông thả, vô cảm, ngại khó, ngại khổ làm ảnh hưởng đến tập thể.

Năm là, duy trì nghiêm nề nếp, chế độ ngày, tuần, tháng theo điều lệnh Quân đội. Đồng thời, cần chủ động giáo dục, trang bị kỹ năng sống cho sinh viên, phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, rèn luyện. Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện những vấn đề mới, những hạn chế trong nội quy, quy định quản lý, rèn luyện sinh viên, những biểu hiện chấp hành quy định không nghiêm, từ đó có các nội dung, biện pháp để bổ sung, theo dõi, khắc phục, chấn chỉnh kịp thời. Tổ chức các nhóm học tập, phân công cán bộ phụ trách thường xuyên trao đổi, nắm tình hình tạo không khí dân chủ trong công tác quản lý, rèn luyện. Làm tốt công tác phục vụ, đảm bảo đủ về cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt, học tập để sinh viên yên tâm học tập, rèn luyện. Duy trì và tổ chức thực hiện phong trào thi đua rộng khắp trong khóa học, đợt học, phát huy tốt khả năng của mỗi cán bộ, sinh viên trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao, kịp thời biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến trong quá trình học tập môn GDQP&AN.

3. KẾT LUẬN

Nhiệm vụ GDQP&AN trong những năm qua đã được Đảng, Nhà nước ta đặc biệt coi trọng, thể hiện trong chủ trương, đường lối lãnh đạo, định hướng công tác GDQP&AN trong tình hình mới và đã được quy định bằng hệ thống các văn bản pháp luật. Đối với sinh viên, ngoài việc nâng cao nhận thức về quốc phòng, GDQP&AN góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng, cần hình thành ý thức quốc phòng đúng đắn, nâng cao trách nhiệm công dân cho sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Cần giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, nếp sống tập thể, cùng với các hoạt động khác, góp phần đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, công tác quản lý sinh viên trong học tập môn

GDQP&AN cần chú trọng đi sâu quản lý nội dung, phương pháp và chất lượng học tập của sinh viên để tìm ra những biện pháp thiết thực, hiệu quả nhất, góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên ở Trường Đại học Mở - Địa chất. Thực hiện tốt nhiệm vụ GDQP&AN là thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước vào cuộc sống, thắp sáng ngọn lửa truyền thống “Dựng nước đi đôi với giữ nước” của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.360.
2. Ngô Quang Thắng (2016), *Biện pháp quản lý hoạt động học tập của sinh viên Trường Sĩ quan Tăng Thiết giáp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Tạp chí Giáo dục, số 400.
3. Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục Quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
4. Quốc hội (2020), *Luật Giáo dục năm 2019*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁN BỘ, VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT VỀ LUẬT LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN NĂM 2019

*ThS. Phạm Công Tú**

Tóm tắt: Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019 quy định về xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên; chế độ chính sách; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên. Bài viết khái quát thực trạng nhận thức của cán bộ, viên chức Trường Đại học Mỏ - Địa chất về Luật Lực lượng dự bị động viên và đề xuất một số giải pháp giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, viên chức về Luật Lực lượng dự bị động viên.

Từ khóa: Cán bộ, viên chức; lực lượng dự bị động viên; giáo dục.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lực lượng dự bị động viên (DBĐV) là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam. Xây dựng lực lượng DBĐV là một biện pháp hữu hiệu để duy trì tiềm lực quân sự, bảo đảm sự răn đe, ngăn chặn chiến tranh và là yếu tố quyết định đến sự thắng lợi của cuộc chiến tranh. Xây dựng lực lượng dự bị được nhiều nước trên thế giới thực hiện với mục đích tinh giảm biên chế Quân đội thời bình, tiến hành xây dựng lực lượng dự bị bảo đảm nguồn nhân lực bổ sung, mở rộng lực lượng Quân đội khi chuyển đất nước sang trạng thái chiến tranh. Việc xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong tình hình mới đòi hỏi tổ chức xây dựng các đơn vị DBĐV có chất lượng toàn diện, chú trọng nâng cao chất lượng về chính trị, không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu (SSCD) và chiến đấu của quân nhân dự bị (QNDB); quản lý và huấn luyện chặt chẽ, bảo đảm vũ khí trang bị, vật chất, hậu cần để sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ trong mọi tình huống diễn ra trên địa bàn và kịp thời bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội theo yêu cầu. Luật Lực lượng DBĐV được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019, thay thế cho Pháp lệnh về lực lượng DBĐV năm 1996 là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng lực lượng DBĐV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhằm nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế, xã hội, các đơn vị Quân đội trong xây dựng lực lượng DBĐV, kịp thời bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Trong những năm qua, Trường Đại học Mở - Địa chất đã thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý QNDB; động viên QNDB đi huấn luyện; tuyển chọn sĩ quan dự bị (SQDB),... Tuy nhiên, một số cán bộ, viên chức (CBVC) nhận thức chưa đầy đủ, chưa đúng về các nội dung cơ bản của Luật Lực lượng DBĐV; chưa nắm vững về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm tham gia lực lượng DBĐV, đặc biệt là những điểm mới của Luật Lực lượng DBĐV,... một phần do công tác giáo dục tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lực lượng DBĐV chưa cụ thể, chưa thực sự hiệu quả, một phần do ý thức của CBVC. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng nhận thức của CBVC về Luật Lực lượng DBĐV và đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những mặt hạn chế, tồn tại góp phần nâng cao nhận thức cho CBVC về Luật Lực lượng DBĐV có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc.

2. NỘI DUNG

2.1. Sự cần thiết ban hành Luật Lực lượng dự bị động viên

2.1.1. Cơ sở lý luận

Từ năm 1996 đến nay, Đảng ta đã ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị với nhiều chủ trương, quan điểm mới về lực lượng DBĐV cần phải được thể chế hóa, như: Chỉ thị số 16-CT/TW, ngày 05/10/2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ (DQTV) và lực lượng DBĐV; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, đã có sự phát triển về phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) nhân dân nói chung và lực lượng DBĐV nói riêng và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định mục tiêu bảo vệ Tổ quốc và khẳng định: “Xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, DQTV rộng khắp, chủ động chuẩn bị lực lượng và các kế hoạch, phương án tác chiến cụ thể, khoa học, đủ khả năng bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia trong mọi tình huống”¹.

Hiến pháp năm 2013 có nhiều quy định mới về bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, về xây dựng lực lượng DBĐV; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và một số quy định khác liên quan đến lực lượng DBĐV. Trong khi đó, Pháp lệnh chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để phù hợp với Hiến pháp năm 2013: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”²; mặt khác, một số nội dung của Pháp lệnh về lực

¹ Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI);

² Điều 14, Hiến pháp năm 2013.

lượng DBĐV chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định liên quan đến lực lượng DBĐV, như: Luật Quốc phòng; Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; Luật Nghĩa vụ quân sự (NVQS); Luật DQTV; nhiều nội dung đang được điều chỉnh ở văn bản quy phạm pháp luật tính pháp lý chưa cao, chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ; quá trình thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc, chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Công tác xây dựng lực lượng DBĐV vẫn còn những hạn chế, bất cập và đã được chỉ ra trong tổng kết 20 năm thực hiện Pháp lệnh về lực lượng DBĐV (1996-2016) như: Thực hiện chế độ, nề nếp đăng ký, quản lý lực lượng DBĐV ở nhiều địa phương còn mang tính hình thức, chất lượng chưa cao; việc triển khai đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân chưa thực sự hiệu quả, các chủ phương tiện chưa tự giác chấp hành việc đăng ký, quản lý của cơ quan quân sự địa phương, việc xử lý vi phạm chưa nghiêm. Thực tiễn đòi hỏi, huy động lực lượng DBĐV tham gia phòng, chống, khắc phục hậu quả do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm; tuy nhiên, nội dung này chưa được quy định trong Pháp lệnh. Việc bảo đảm doanh trại, thao trường, bãi tập phục vụ cho huấn luyện tập trung của các đơn vị DBĐV gặp nhiều khó khăn; phần lớn các đơn vị bộ đội địa phương chưa có doanh trại, thao trường, bãi tập để tổ chức huấn luyện; một số đơn vị phải ở nhờ hội trường ủy ban, trường học để làm nơi ăn, nghỉ cho QNDB trong thời gian huấn luyện hoặc sáng đi tối về,... do đó chưa kết hợp được giữa công tác huấn luyện với rèn luyện kỷ luật, xây dựng nề nếp chính quy, ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện của đơn vị DBĐV. Chế độ, chính sách đối với QNDB quy định trong Pháp lệnh không phù hợp với thực tế mặt bằng thu nhập chung của xã hội, chưa bảo đảm tính công bằng giữa các đối tượng được hưởng trong cùng hoàn cảnh, cùng điều kiện và chưa đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành. Mặt khác, Pháp lệnh chưa quy định cụ thể chế độ, chính sách đối với người được huy động phục vụ nhiệm vụ xây dựng và huy động lực lượng DBĐV; chưa quy định chế độ, chính sách đối với chủ phương tiện khi có phương tiện được huy động.

Từ thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới trong những năm gần đây và dự báo chiến tranh trong tương lai, ngoài chiến tranh truyền thống còn xuất hiện chiến tranh ủy nhiệm, phi quy ước, chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng và việc sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, an ninh phi truyền thống sẽ được sử dụng là chủ yếu, ngay từ đầu và trong suốt cuộc chiến tranh. Mặt khác, thế giới đã và đang có nhiều thay đổi khó lường về phương thức, quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, môi trường, lực lượng và thủ đoạn tác chiến để tiến hành chiến tranh. Nhằm chủ động ngăn ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi và đối phó thắng lợi trong mọi tình huống, đánh bại mọi hình thức chiến tranh xâm

lược nếu xảy ra, đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Pháp lệnh nâng thành Luật Lực lượng DBĐV tạo hành lang pháp lý đầy đủ và cao hơn nhằm đáp ứng sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2.2. Nội dung quy định mới của Luật Lực lượng dự bị động viên

Luật Lực lượng DBĐV đã kế thừa Pháp lệnh về lực lượng DBĐV năm 1996, song đã bổ sung và quy định rõ các nội dung sau:

- Phạm vi điều chỉnh: Luật Lực lượng DBĐV xác định các vấn đề Luật điều chỉnh “quy định về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; chế độ, chính sách; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV”¹; so với Pháp lệnh, đây là điều luật mới được bổ sung, bảo đảm kỹ thuật xây dựng văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Nội dung quy định tại điều này xác định đối tượng mà các quy định của Luật tác động là cơ quan, tổ chức, cá nhân; nội dung điều luật đã liệt kê cụ thể các đối tượng áp dụng.

- Bổ sung quy định bảo đảm quyền về tài sản của tổ chức, công dân đối với phương tiện kỹ thuật dự bị² phù hợp với Hiến pháp năm 2013 về quyền về tài sản và thống nhất quy định pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản; chủ phương tiện kỹ thuật dự bị được bồi thường thiệt hại trong các trường hợp cụ thể theo quy định.

- Quy định đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị³ giao cho cơ quan chức năng Nhà nước thực hiện trên cơ sở cung cấp thông tin của cơ quan đăng ký quyền sở hữu. Quy định đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật dự bị như trên không ảnh hưởng quyền tài sản của công dân, tổ chức, tránh phiền hà đến chủ phương tiện có phương tiện kỹ thuật dự bị thuộc diện đăng ký, quản lý, không ảnh hưởng đến hoạt động, kinh doanh.

- Bổ sung quy định về cơ sở huấn luyện cấp tỉnh đối với các địa phương⁴. Thực tiễn quy định cơ sở huấn luyện DBĐV cấp tỉnh đối với địa phương nhằm quản lý và huấn luyện, kết hợp giữa huấn luyện với rèn luyện kỷ luật, xây dựng nề nếp chính quy, ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện của đơn vị dự bị động viên. Giải quyết cơ bản điểm yếu mọi mặt trong huấn luyện các đơn vị DBĐV do địa phương xây dựng góp phần nâng cao chất lượng các đơn vị DBĐV theo yêu cầu xây dựng các đơn vị DBĐV trong tình hình mới. Đảm bảo “các đơn vị DBĐV phải được quản lý, huấn luyện chặt chẽ, có trình độ chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu huy động, mở rộng lực lượng thường trực của Quân đội trong mọi tình huống”⁵.

¹ Điều 1, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

² Điều 6, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

³ Điều 13, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

⁴ Điều 22, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

⁵ Kết luận số 41-KL/TW, ngày 31/3/2009 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 16-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên.

- Bổ sung quy định các trường hợp được huy động lực lượng DBĐV, như: Khi thi hành lệnh thiết quân luật; khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; để phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm¹. Việc bổ sung quy định như trên phù hợp với thực tiễn đòi hỏi, đồng thời phù hợp, thống nhất với quy định của Luật Quốc phòng về sử dụng LLVT nhân dân.

- Bổ sung quy định về chế độ, chính sách, như: Quân nhân dự bị được hưởng phụ cấp khi đã xếp vào đơn vị DBĐV; đối với người vận hành, điều khiển phương tiện kỹ thuật dự bị trong thời gian được huy động². Nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Phù hợp với các yếu tố đặc thù của lực lượng DBĐV, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; nhằm bảo đảm đời sống của lực lượng DBĐV phù hợp với tính chất hoạt động; đồng thời, góp phần tạo sức hút để huy động cho nhiệm vụ xây dựng lực lượng DBĐV, thống nhất với quy định pháp luật hiện hành; nâng cao trách nhiệm của các đối tượng được sắp xếp vào đơn vị DBĐV, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, góp phần xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Bổ sung trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng, huy động lực lượng DBĐV³. Quy định cụ thể trách nhiệm của quan, tổ chức, doanh nghiệp phải tạo điều kiện để quân nhân dự bị đi làm nhiệm vụ và tiếp nhận lại họ, bảo đảm việc làm, không làm ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích khác của QNDB.

2.3. Thực trạng nhận thức của cán bộ, viên chức Trường Đại học Mở - Địa chất về Luật Lực lượng dự bị động viên

Tổng số CBVC hiện nay của nhà trường là 711 người, trong đó CBVC có độ tuổi thực hiện Luật Lực lượng DBĐV chiếm số đông: 381 người = 53,6 % (nam từ đủ 18 đến hết 45 tuổi: 268 người, nữ từ đủ 18 đến hết 40 tuổi: 113 người). Đây là nguồn dự bị có chất lượng cao sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong những năm qua, nhà trường đã làm tốt công tác xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, như: đăng ký, quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng và tình hình biến động của đội ngũ CBVC là QNDB, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội; động viên QNDB đi huấn luyện tại các đơn vị DBĐV; tuyển chọn nam sinh viên tốt nghiệp đại học đi đào tạo SQDB; tiếp nhận, quản lý và giới thiệu về địa phương nam

¹ Điều 24, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

² Điều 29, 30, 31, 32, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

³ Điều 40, Luật Lực lượng dự bị động viên năm 2019.

sinh viên thực hiện di chuyển NVQS trong thời gian theo học tại Trường; tổ chức tuyên truyền Luật Lực lượng DBĐV cho CBVC, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm cho CBVC về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay.

Đa số CBVC có nhận thức sâu sắc về nghĩa vụ tham gia lực lượng DBĐV; nhận thức đúng về việc xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; về chế độ chính sách; về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, tích cực tham gia huấn luyện lực lượng DBĐV, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác giáo dục tuyên truyền, phổ biến Luật Lực lượng DBĐV trong nhà trường vẫn còn một số hạn chế, khó khăn như: Một số CBVC nhận thức chưa đúng và chưa thống nhất về nghĩa vụ tham gia lực lượng DBĐV; về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV; về chế độ chính sách; về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ; những điểm mới của Luật Lực lượng DBĐV; chưa tích cực tham gia huấn luyện, chấp hành kỷ luật chưa nghiêm, vẫn còn tình trạng trốn tránh.

Một số lãnh đạo đơn vị còn chưa tạo điều kiện thuận lợi cho CBVC trong đơn vị tham gia lực lượng DBĐV, đi tập trung huấn luyện đơn vị DBĐV; còn coi đó là công việc riêng của Ban Chỉ huy quân sự Trường và khoa Giáo dục quốc phòng.

Nguyên nhân của những vấn đề trên là do hạn chế trong nhận thức của một số CBVC về Luật Lực lượng DBĐV; trong quá trình học tập chính trị, pháp luật còn lơ là, chưa tập trung nghiên cứu Luật Lực lượng DBĐV; đa số CBVC trong độ tuổi thực hiện Luật Lực lượng DBĐV là CBVC trẻ mới xây dựng gia đình, có con nhỏ,... nên thường có tâm lý ngại đi huấn luyện, ngại khó khăn, vất vả, gò bó.

Từ những đánh giá trên, vấn đề đặt ra là cần phải có những giải pháp quán triệt, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức cho CBVC nhà trường về những nội dung cơ bản của Luật Lực lượng DBĐV.

2.4. Một số giải pháp nâng cao nhận thức cho cán bộ, viên chức Trường Đại học Mở - Địa chất về Luật Lực lượng dự bị động viên

2.4.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu về công tác quán triệt, giáo dục cho cán bộ, viên chức về Luật Lực lượng dự bị động viên

Đây là giải pháp quan trọng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám hiệu đối với công tác quốc phòng, quân sự địa phương (QSDP) nói chung và công tác quán triệt, giáo dục cho CBVC về Luật Lực lượng dự bị động viên nói riêng.

Định kỳ hằng năm, Đảng ủy, Ban Giám hiệu ra Nghị quyết lãnh đạo công tác quốc phòng, QSDP, trong đó có công tác xây dựng, huy động lực lượng DBĐV như:

Đăng ký, quản lý QNDB, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội; động viên QNDB đi huấn luyện; tuyển chọn, đào tạo SQDB; tiếp nhận, quản lý và giới thiệu di chuyển NVQS cho nam sinh viên; tuyên truyền, giáo dục Luật Lực lượng DBĐV góp phần nâng cao nhận thức cho CBVC về công tác xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, ý thức trách nhiệm xã hội hiện nay. Thực tế cho thấy, ở đâu, khi nào cấp ủy, chính quyền cơ sở quan tâm và Ban Chỉ huy quân sự cơ sở thực hiện tốt chức năng và trách nhiệm đối với công tác xây dựng, huy động lực lượng DBĐV thì ở đó, khi đó lực lượng DBĐV được xây dựng có chất lượng toàn diện, có trình độ SSCĐ và chiến đấu cao, được quản lý chặt chẽ, bảo đảm sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ trong mọi tình huống, sẵn sàng bổ sung cho lực lượng thường trực của Quân đội và ngược lại.

2.4.2. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về Luật Lực lượng dự bị động viên góp phần giáo dục toàn diện, thể hiện ý thức trách nhiệm của cán bộ, viên chức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay

Đây là giải pháp, là nội dung có vai trò hết sức quan trọng, bởi công tác tuyên truyền chỉ đạt được hiệu quả như mong muốn khi CBVC đã nhận thức đầy đủ, nhận thức đúng và tự giác chấp hành Luật Lực lượng DBĐV. Nội dung tuyên truyền giáo dục cần tập trung vào các văn bản pháp luật liên quan đến công tác xây dựng, huy động lực lượng DBĐV như: Luật Quốc phòng, Luật NVQS, Luật DQTV, Luật Lực lượng DBĐV, Nghị định 78/2020/NĐ-CP ngày 06/7/2020 của Chính phủ về SQDB Quân đội nhân dân Việt Nam; Nghị định số 79/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong đó, tập trung tuyên truyền, giáo dục cho CBVC trong độ tuổi nhận thức đầy đủ việc thực hiện Luật Lực lượng DBĐV là vinh dự, tự hào của tuổi trẻ; đồng thời là trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt khác, cần tiếp tục đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục Luật Lực lượng DBĐV; cần kết hợp giữa tuyên truyền, giáo dục thường xuyên với tuyên truyền, giáo dục có trọng tâm, trọng điểm, nhất là trước và trong mỗi đợt tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; tuyển chọn nam sinh viên đi đào tạo SQDB; ngày Hội quốc phòng toàn dân,... đối với nam CBVC. Trong công tác tuyên truyền, giáo dục, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của nhà trường, đơn vị, trong đó coi trọng tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình, facebook, website,...); lồng ghép nội dung tuyên truyền, giáo dục Luật Lực lượng DBĐV vào các buổi học nghị quyết, học tập chính trị, các đợt huấn luyện DQTV, DBĐV, các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các CBVC. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò

trách nhiệm của các tổ chức Công đoàn, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên,... tạo nên sức mạnh tổng hợp nhằm thực hiện tốt hơn công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về xây dựng, huy động lực lượng DBĐV cho CBVC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình hiện nay. Qua đó định hướng hành động tích cực, xây dựng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, sẵn sàng tham gia vào LLVT, tham gia lực lượng DBĐV, thực hiện Luật NVQS, tham gia huấn luyện và đào tạo SQDB để đóng góp công sức vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới.

2.4.3. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng dự bị động viên

Phát huy kết quả đã đạt được, trong thực hiện công tác quốc phòng, QSDP, Ban CHQS Trường cùng với khoa Giáo dục quốc phòng và các phòng, khoa, ban, các tổ chức đoàn thể trong Trường phối hợp triển khai và thực hiện đồng bộ, nhịp nhàng, hiệu quả công tác xây dựng lực lượng DBĐV.

Tổ chức quán triệt, triển khai các nhiệm vụ, các mảng công việc, theo dõi, chỉ đạo sát sao trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về công tác xây dựng lực lượng DBĐV, như: đăng ký, quản lý CBVC là QNDB, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội; động viên QNDB đi tập huấn, huấn luyện; tuyển chọn, đào tạo SQDB; tiếp nhận, quản lý và giới thiệu di chuyển NVQS,... Đối với việc đăng ký, quản lý QNDB, Ban CHQS Trường cần phối hợp chặt chẽ với Phòng Tổ chức - Cán bộ nắm chắc số lượng, chất lượng và tình hình biến động của QNDB.

Việc tuyển chọn nam sinh viên tốt nghiệp đại học đi đào tạo SQDB: Hàng năm, tuyển chọn đủ số lượng sinh viên theo chỉ tiêu và đảm bảo chất lượng, tổ chức đưa sinh viên đi đào tạo SQDB tại trường quân sự; thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên và giữ mối quan hệ công tác với đơn vị đào tạo SQDB; luôn quan tâm đến việc thực hiện chế độ, chính sách đối với nam sinh viên được tuyển chọn đi đào tạo SQDB để kịp thời động viên các em tích cực học tập, rèn luyện; quá trình đăng ký, quản lý, tuyển chọn nam sinh viên năm cuối ở các khoa chuyên môn cần được tiến hành nghiêm túc, chặt chẽ từ các khâu: tổ chức đăng ký, lập danh sách sơ tuyển tại các lớp, các chuyên ngành, các khoa. Kết hợp chặt chẽ giữa tinh thần tự nguyện của sinh viên với nghĩa vụ của nam công dân trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Đối với công tác tiếp nhận di chuyển NVQS cho nam sinh viên nhập học, hàng năm Ban CHQS Trường phối hợp với khoa Giáo dục quốc phòng cử cán bộ trực tiếp đón tiếp, hướng dẫn nam sinh viên hoàn thành thủ tục di chuyển NVQS về Trường. Đồng thời, giới thiệu di chuyển NVQS cho nam sinh viên ra trường, thôi học về nơi cư trú theo đúng quy định.

Nhà trường cần tăng cường việc đôn đốc, kiểm tra, kịp thời uốn nắn những khâu, những mảng công việc còn chậm, yếu; kiên quyết xử lý những trường hợp thiếu nghiêm túc trong thực hiện nhiệm vụ. Định kỳ tổng kết, rút kinh nghiệm, phát huy những mặt tích cực, tiến bộ, khắc phục hạn chế, tồn tại nhằm xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, có chất lượng cao làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, QSDP góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

3. KẾT LUẬN

Việc nắm chắc nội dung cơ bản của Luật Lực lượng DBĐV năm 2019, quy định về xây dựng, huy động tiếp nhận lực lượng DBĐV, đặc biệt một số nội dung mới trong Luật sẽ góp phần thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Luật Lực lượng DBĐV, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo, quản lý, điều hành, quản lý của Nhà nước; tổ chức triển khai, thực hiện đồng bộ xây dựng lực lượng DBĐV hùng hậu, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng, *Thông tư số 85/2020/TT-BQP, ngày 30/6/2020 quy định thẩm quyền lập kế hoạch huy động, tiếp nhận, thông báo quyết định, lệnh huy động, tập trung vận chuyển, giao nhận lực lượng dự bị động viên.*
2. Chính phủ, *Nghị định số 03/2020/NĐ-CP, ngày 03/7/2020 quy định việc huy động lực lượng dự bị động viên khi chưa đến mức tổng động viên hoặc động viên cục bộ.*
3. Chính phủ, *Nghị định số 78/2020/NĐ-CP, ngày 06/7/2020 về sĩ quan dự bị Quân đội nhân dân Việt Nam.*
4. Chính phủ, *Nghị định số 79/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng dự bị động viên.*
5. Chính phủ, *Nghị định số 92/2020/NĐ-CP, ngày 17/8/2020 quy định cơ sở huấn luyện dự bị động viên cấp tỉnh.*
6. Quốc hội, *Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14.*

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

*TS. Trần Thị Phúc An, ThS. Nguyễn Thu Hương**

Tóm tắt: Bài viết làm rõ những tác động (cả tích cực và tiêu cực) của đại dịch Covid-19 đến sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Từ đó, đề xuất một số giải pháp cơ bản để hạn chế những tác động tiêu cực của đại dịch nhằm giúp sinh viên hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập trong bối cảnh đại dịch có những diễn biến phức tạp.

Từ khóa: Đại dịch Covid-19, sinh viên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, tác động.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam, trong đó có giáo dục và đào tạo. Trong đợt dịch đầu tiên (khoảng tháng 3 đến tháng 4 năm 2020), tất cả các trường học buộc phải đóng cửa và toàn bộ học sinh, sinh viên phải nghỉ học để phòng dịch theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Chính phủ. Theo thống kê, đến tháng 4/2020, tất cả 63 tỉnh, thành đã cho học sinh, sinh viên nghỉ ở nhà. Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh, Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần thực hiện các đợt giãn cách xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố hoặc thậm chí trên quy mô toàn quốc. Trong bối cảnh đó, nhằm phòng ngừa sự lây lan của dịch bệnh Covid-19; vừa duy trì chất lượng dạy học và hoàn thành chương trình đúng tiến độ, đảm bảo việc học tập của sinh viên, nhiều trường đại học trong đó có Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã áp dụng việc dạy học bằng hình thức trực tuyến (online) nhằm giảm bớt việc tập trung đông người, hạn chế dịch bệnh lây lan trong cộng đồng. Có thể nói, việc chuyển đổi sang hình thức học trực tuyến đã tạo ra nhiều khó khăn, thách thức đối với các nhà quản lý giáo dục, đối với người dạy và người học. Đồng thời, nó cũng là cơ hội để các chủ thể tham gia giáo dục tích cực tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào hoạt động dạy và học.

2. NỘI DUNG

2.1. Một vài nét khái quát về sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Trường Đại học Mỏ - Địa chất hiện là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên - Môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác. Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2045 xác định sứ mạng của Trường là “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng

* Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức - công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế”¹. Trong những năm gần đây, quy mô đào tạo của nhà trường tương đối ổn định. Điều đó được cụ thể hóa ở bảng sau:

**Số lượng sinh viên chính quy trong 4 năm học 2017-2018; 2018-2019;
2019-2020; 2020-2021**

TT	Khoa	2017-2018			2018-2019			2019-2020			2020-2021		
		LT	CĐ	ĐH	LT	CĐ	ĐH	LT	CĐ	ĐH	LT	CĐ	ĐH
1	CNTT	18	37	1.949	11	30	2.456	8	19	2.585	6	17	2.948
2	Cơ điện	25	92	2.613	31	69	2.525	44	31	2.293	15	21	2.128
3	Dầu khí	4	0	1.952	4	0	1.592	12	0	1.050	12	0	785
4	KHKT Địa chất	70	27	964	36	26	675	31	8	441	28	4	324
5	KT và QTKD	194	25	1.968	116	26	2.278	113	12	2.221	140	8	2.759
6	Mỏ	52	58	1.236	29	50	930	12	24	583	11	23	480
7	Môi trường	0	4	699	0	4	573	1	2	352	2	2	263
8	Trắc địa - BĐ&QLDD	193	37	1.293	93	41	985	53	25	706	57	20	620
9	Xây dựng	111	26	1.076	43	28	919	32	13	692	28	11	590
	Tổng	667	306	13.750	363	274	12.933	306	134	10.923	298	106	10.897

(Nguồn: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Báo cáo tại Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức lần thứ 46 (2019); 47 (2020); 48 (2021)).

Như vậy, năm học 2017-2018, có tổng số 14.723 sinh viên; năm học 2018-2019 có 13.570 sinh viên; năm học 2019-2020 có 11.363 sinh viên và năm học 2020-2021 có 11.301 sinh viên. Phần lớn sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất xuất thân từ nông thôn, có ý thức tìm hiểu và thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định nhà trường; nhiều sinh viên đã có những suy nghĩ, hành động tích cực, có những ý kiến mang tính xây dựng, góp phần cải tiến, nâng cao hiệu quả trong học tập và tổ chức. Sinh viên nhiệt tình tham gia các phong trào chung của tập thể, của cộng đồng; không có biểu hiện bi quan, chán nản hoặc chây ì trong việc chấp hành các quy định của nhà trường. Sinh viên nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình đối với xã hội, đối với nhà trường, góp phần vào sự ổn định để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 trong đợt dịch thứ nhất, dưới sự hướng dẫn của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường, nhiều bạn

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Mỏ - Địa chất (2021), *Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

sinh viên đã tình nguyện tham gia vào công tác truyền thông như thiết lập và dựng các banner, infographic để tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch cho cán bộ và sinh viên nhà trường khi đến làm việc, công tác; tham gia hỗ trợ nhà trường trong việc dọn dẹp vệ sinh xung quanh khuôn viên Trường và địa bàn dân cư, phun thuốc khử khuẩn khu vực trường học, giảng đường, phòng học,... Qua khảo sát, 1.249 sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất về việc tham gia các hoạt động xã hội ở địa phương trong thời gian học trực tuyến thì có 28,3% sinh viên tham gia hỗ trợ mua thực phẩm, thuốc men cho những gia đình bị cách ly vì Covid-19; 37,6% sinh viên tham gia tuyên truyền cách phòng dịch tại địa phương; 19,2% sinh viên tham gia trực chốt, hỗ trợ cho cán bộ y tế và số còn lại tham gia các hoạt động khác. Đặc biệt, có 15 bạn sinh viên chuyên ngành Lọc hóa dầu đã cùng các giảng viên trẻ của khoa Dầu khí tham gia pha chế sản xuất hơn 7.000 chai nước rửa tay an toàn để sẵn sàng tặng miễn phí cho các bạn sinh viên khi quay trở lại học tập.

Tuy nhiên, còn một số sinh viên chưa thật sự tích cực trong việc tham gia học tập, vì vậy, kết quả học tập chưa cao. Một số sinh viên chưa có nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của việc tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tình nguyện, các câu lạc bộ học thuật, chưa có ý chí vươn lên để khắc phục khó khăn. Trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, một bộ phận sinh viên trở nên ỷ lại vào các thông tin có sẵn trên mạng, chây lười trong việc nghiên cứu, tìm hiểu, sáng tạo trong học tập. Khi đại dịch xảy ra, một số sinh viên tỏ ra lúng túng trong việc học trực tuyến, bị quan, chán nản khi không được tham gia các hoạt động ngoài trời,...

2.2. Đại dịch Covid-19 và những tác động của nó đến sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất

Dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi-rút Cô-rô-na (Covid-19) khởi phát tại thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, miền trung Trung Quốc. Ngày 31/12/2019, Trung Quốc chính thức thông báo với Tổ chức Y tế thế giới (WHO) về bùng phát dịch. Ngày 31/01/2020, WHO tuyên bố tình trạng khẩn cấp toàn cầu đối với dịch viêm phổi cấp do vi-rút Cô-rô-na chủng mới gây ra. Kể từ khi được phát hiện đến nay, Covid-19 đã lây lan ra trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ với tốc độ nhanh chóng. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và sự phối hợp chặt chẽ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, văn bản để tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương thực hiện quyết liệt, đồng bộ, linh hoạt các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thích ứng với tình hình.

Trong bối cảnh các biện pháp phong tỏa, giãn cách xã hội được thực hiện để ứng phó với làn sóng lây lan của đại dịch, giải pháp lựa chọn được đưa ra đối với dạy và học là tiếp cận từ xa, trực tuyến và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Vì thế, ngay trong đợt dịch thứ nhất (22/01/2020-22/07/2020), Trường Đại học Mở - Địa chất đã ban hành Thông báo số 45/TB-MĐC ngày 13/02/2020 về việc chuyển đổi hình thức học do dịch nCoV. Do đó, thay vì sinh viên đến lớp học trực tiếp theo hình thức truyền thống thì nay chuyển sang hình thức học online kể từ ngày 17/02/2020 qua phần mềm MSTeams.

Qua khảo sát, 1.249 sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất, trong đó có 678 sinh viên năm thứ nhất (K66) chiếm 54,3%; 285 sinh viên năm thứ 2 (K65) chiếm 22,8%; 237 sinh viên năm thứ 3 (K64) chiếm gần 19% và số còn lại 3,9% là sinh viên năm cuối về việc học trực tuyến của sinh viên thì có tới 98% số sinh viên được hỏi đồng tình với giải pháp học trực tuyến thay cho học trực tiếp khi dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp. Đây là hình thức học tập hoàn toàn mới đối với sinh viên, đặc biệt là sinh viên chính quy tập trung của Trường. Do vậy, bên cạnh những thuận lợi nhất định thì sinh viên gặp không ít khó khăn.

Trong quá trình học trực tuyến trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất cũng gặp phải những khó khăn nhất định như: Sinh viên phải tự tìm kiếm tài liệu học tập, chủ động phát huy năng lực tư duy của bản thân, hướng đến mục tiêu “tự nghiên cứu vấn đề”; nhiều sinh viên khi yêu cầu các thao tác trong quá trình trao đổi bài, nộp bài kiểm tra hoặc bài thi kết thúc học phần còn nhiều lúng túng; khả năng tiếp cận giáo dục qua công nghệ thông tin của sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất không đồng đều; công tác thực tập môn học, thực tập tốt nghiệp, các học phần thực hành hay bảo vệ đồ án tốt nghiệp bị thay đổi, điều chỉnh,...

Sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất phần lớn xuất thân từ các gia đình ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế. Vì thế, khi chuyển môi trường học tập (từ học tập ở Trường sang học tập tại nhà), nhiều sinh viên gặp khó khăn bởi không gian học tập không đảm bảo như chật, hẹp về diện tích; nhiều động bởi tiếng ồn và không khí sinh hoạt gia đình; nề nếp học tập, sinh hoạt bị đảo lộn. Qua khảo sát, có tới 74,3% sinh viên lựa chọn đáp án gặp khó khăn do đường truyền internet không ổn định; 20,6% sinh viên lựa chọn đáp án là không có phòng riêng (không gian yên tĩnh khi học tập) và 5,1% là gặp khó khăn khác.

Bên cạnh đó, sinh viên cũng gặp những khó khăn có liên quan đến thời khóa biểu, đăng ký môn học, thời gian thi kết thúc học phần chiếm 18,2%; khó khăn trong việc tra cứu các thông tin liên quan đến môn học qua Thư viện điện tử của nhà trường chiếm 31,4% và 50,4%; sinh viên cho rằng mình không gặp khó khăn gì từ phía nhà

trường. Trong quá trình học trực tuyến sinh viên cũng có những băn khoăn nhất định như: Giảm sự hứng thú trong quá trình học tập; không có cơ hội để được trao đổi với giảng viên và các bạn sinh viên khác; bố mẹ thấy ở nhà nên thường xuyên bắt làm việc nhà, không có thời gian cho học tập; điểm số không được như mong muốn,... Trả lời cho câu hỏi: Trong quá trình học trực tuyến, bạn có gặp vấn đề gì về tâm lý hay không? Có đến 36,7% chọn câu trả lời “Mất ngủ hoặc ngủ quá nhiều”; 38,9% chọn đáp án “Không tập trung trong quá trình học tập”; 17,3% nói “Ngại tiếp xúc với những người khác (kể cả người thân trong gia đình)” và 21,9% chọn đáp án “Tính tình trở nên cáu gắt, buồn rầu, lo lắng không rõ lý do”. Như vậy, việc học trực tuyến kéo dài khiến thời gian tiếp xúc với các thiết bị công nghệ ngày càng tăng, gây nên nhiều tác hại về sức khỏe thể chất và tinh thần của học sinh.

Đối với một số sinh viên có điều kiện kinh tế khó khăn thì việc học học online ở nhà khiến cho các em không thể đi làm thêm để có kinh phí trang trải cho sinh hoạt, đóng học phí,... Có tới 92,5% nguồn kinh phí là do bố mẹ chu cấp, trong điều kiện dịch bệnh, nhiều lao động (cha mẹ sinh viên) mất việc làm hoặc phải nghỉ ở nhà do giãn cách xã hội, chỉ số ít sinh viên kiếm được học bổng do khả năng và chăm chỉ dùi mài với giờ học online. Khi dịch bệnh xảy ra, đa số sinh viên đều trở về sống với gia đình ở nông thôn chiếm 71,9%, còn 28,1% là sống ở thành thị. Khi đại dịch xảy ra sự dịch chuyển chỗ ở (từ nhà trọ hay ký túc xá về nhà) đã gây nên hiện tượng “đứt quãng” về môi trường sống và học tập, nhiều em sinh viên về quê dịp nghỉ lễ 30/04/2021 và 01/05/2021 và triển khai học online ngay sau kỳ nghỉ lễ (do đợt dịch thứ tư xuất hiện và sinh viên học online kéo dài từ ngày 27/04/2021 đến ngày 14/02/2022 đối với sinh viên khóa cuối và đến 04/05/2022 đối với sinh viên các khóa còn lại) nên đã không mang laptop và tài liệu học tập về nhà, làm ảnh hưởng đến chất lượng và sự nghiêm túc học tập của sinh viên.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức thì sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất cũng có một số thuận lợi nhất định như:

Căn cứ vào kết quả khảo sát sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất về những yếu tố ảnh hưởng đến việc học tập trực tuyến cho thấy, các phương tiện học online của sinh viên khá phong phú với 28,9% sử dụng laptop; 22,7% smartphone; 46,1% kết hợp cả laptop và smartphone, số còn lại học bằng phương tiện hỗ trợ khác.

Mỗi câu hỏi sinh viên có thể chọn nhiều đáp án do đó khi trả lời cho câu hỏi: Các bạn có thuận lợi gì khi học tập trực tuyến? Có 58,1% trả lời là sự nhiệt tình giảng dạy của giảng viên; 32,4% là sự ủng hộ của gia đình; 28,6% là sự hỗ trợ tối đa của nhà trường, còn khoảng 9% chọn đáp án khác. Đa số sinh viên cho rằng trong thời kỳ học trực tuyến đã nhận được sự hỗ trợ của nhà trường về các thông tin có liên quan

đến môn học, thời khóa biểu, lịch học và lịch thi; được hỗ trợ kinh phí để mua các gói mạng như 3G, 4G; tạo điều kiện cho học và thi vào đợt khác nếu gặp các vấn đề về mạng internet. Bên cạnh đó, sinh viên cũng nhận được sự ủng hộ từ phía gia đình. Có 31,9% sinh viên được hỏi chọn câu trả lời là “Không yêu cầu làm việc nhà trong thời gian học”; 36,9% sinh viên chọn câu trả lời là “Tạo điều kiện cho bạn có không gian yên tĩnh” 12,3% sinh viên chọn đáp án “Yêu cầu bạn vừa học vừa làm các công việc khác vì thấy bạn ở nhà”; 24,7% sinh viên chọn đáp án “Mua cho bạn các phương tiện cần thiết cho việc học trực tuyến” và một số ít chọn đáp án khác.

Như vậy, trong thời gian học trực tuyến, sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất đã nhận được sự hỗ trợ khá lớn từ phía gia đình, nhà trường và các thầy, cô trực tiếp tham gia giảng dạy. Đó chính là nguồn động lực lớn giúp các em vượt qua những khó khăn mà dịch bệnh mang lại.

2.3. Một số giải pháp nhằm hạn chế những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đến việc học tập của sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất

Trước tình hình trên, việc đưa ra một số giải pháp cơ bản để giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đến sinh viên là bài toán cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Mở - Địa chất trong bối cảnh hiện nay.

Một là, nhà trường cần tiến hành đẩy mạnh quá trình số hóa, xây dựng các phần mềm quản lý đào tạo để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên và sinh viên tra cứu thời khóa biểu, lịch học, lịch thi, đăng ký môn học; đồng bộ cơ sở vật chất về điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin thư viện số; tổ chức các khóa tập huấn cho giảng viên và sinh viên về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học và các vấn đề khác liên quan đến đạo đức người dạy, người học; xây dựng và củng cố hệ thống tài liệu tham khảo, giáo trình của các môn học bằng hình thức số hóa trên nền tảng thư viện số nhằm cung cấp đầy đủ tài liệu cho sinh viên trong quá trình học tập.

Hai là, giảng viên cần chuẩn bị tinh thần chủ động, linh hoạt và tích cực dẫn dắt sinh viên trong các lớp học trực tuyến; cung cấp cho sinh viên những tài liệu số có liên quan đến môn học; luôn đặt ra nhiều tình huống và câu hỏi gợi mở cho sinh viên thảo luận để thúc đẩy tinh thần tương tác và xây dựng của người học; đa dạng hóa phương pháp giảng bài để tạo hứng thú học tập cho sinh viên. Đồng thời, tìm kiếm những giải pháp tối ưu trong quá trình kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học trực tuyến; xây dựng một cơ chế kiểm tra, đánh giá bằng những hình thức đa dạng, phù hợp để sinh viên tăng cường tinh thần tự giác học tập, tự giác rèn luyện.

Ba là, tự giáo dục là một quá trình tự thân, vậy nên nó đòi hỏi sinh viên phải có một nghị lực, ý chí quyết tâm cao để chiến thắng được chính bản thân mình, không gục ngã trước những khó khăn trong quá trình học trực tuyến để hạn chế những tác động tiêu cực của đại dịch. Tích cực tự nghiên cứu, học hỏi để hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập của mình.

Bốn là, trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội và học tập trực tuyến, sinh viên không được tiếp xúc với bạn bè, thiếu không gian học tập, giải trí và các hoạt động xã hội, thể thao. Vì thế, khi sinh viên trở lại học tập trực tiếp, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Trường, khoa cần kịp thời tổ chức các chương trình giao lưu tư vấn về các vấn đề sức khỏe tâm lý, tâm thần; các buổi trao đổi về kỹ năng sống tích cực nhằm tạo ra các môi trường, điều kiện thuận lợi, phong phú, lành mạnh trên tất cả các lĩnh vực để sinh viên có thể tham gia, thể hiện năng lực và phấn đấu rèn luyện. Mặt khác, cần tuyên truyền, khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động cộng đồng như chiến dịch mùa hè xanh, thanh niên xung kích, các câu lạc bộ của các khoa, của Trường để khắc phục và giảm thiểu hậu quả tâm thần do đại dịch gây ra.

3. KẾT LUẬN

Những tác động của đại dịch Covid-19 đến sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất là rất lớn. Tuy nhiên, với sự cố gắng, nỗ lực của nhà trường, các nhà giáo và sự “đồng hành” của sinh viên, gia đình sinh viên trong việc kết hợp giữa phòng, chống dịch Covid-19 với nhiệm vụ học tập mà trong hơn hai năm học vừa qua Trường Đại học Mở - Địa chất đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Mở - Địa chất (2021), *Chiến lược phát triển Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
2. TS Lê Thị Mai Hoa (2021), *Dạy học trực tuyến để ứng phó với dịch Covid-19*, *Tạp chí Tuyên giáo*, số tháng 9.
3. Trường Đại học Mở - Địa chất (2019), *Báo cáo tại Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức Trường lần thứ 46*, Hà Nội.
4. Trường Đại học Mở - Địa chất (2020), *Báo cáo tại Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức Trường lần thứ 47*, Hà Nội.
5. Trường Đại học Mở - Địa chất (2021), *Báo cáo tại Hội nghị đại biểu cán bộ viên chức Trường lần thứ 48*, Hà Nội.

ĐỊNH HƯỚNG NHẬN THỨC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT TRƯỚC SỰ CHỐNG PHÁ MỚI CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG HIỆN NAY

*Thượng úy Nghiêm Công Đĩnh**

Tóm tắt: *Internet, mạng xã hội đang phát triển rất mạnh mẽ, đem lại nhiều lợi ích trong đời sống. Song bên cạnh đó, các thể lực thù địch cũng lợi dụng không gian mạng để phát tán thông tin sai trái hòng thực hiện âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam. Sinh viên là một trong những trọng tâm mà các thể lực thù địch, phản động hướng tới¹. Nghiên cứu này góp phần giúp định hướng nhận thức cho sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất trước sự chống phá mới của các thể lực thù địch trên không gian mạng hiện nay.*

Từ khóa: Sinh viên, giáo dục sinh viên, không gian mạng.

1. MỞ ĐẦU

Internet, mạng xã hội đang phát triển rất mạnh mẽ với nội dung phong phú và cách thức sử dụng dễ dàng, tốc độ kết nối nhanh, phạm vi chia sẻ rộng đã đem lại những lợi ích thiết yếu trong đời sống xã hội, tạo ra môi trường cung cấp, chia sẻ, trao đổi, khai thác sử dụng thông tin và thâm nhập vào cuộc sống của mọi người trên khắp thế giới. Song, internet, mạng xã hội cũng có những mặt trái tác động tiêu cực kìm hãm sự phát triển của xã hội, nhất là chi phối đến lập trường tư tưởng và khả năng xử lý thông tin của người sử dụng còn có sự bất cập, hạn chế. Đây cũng là công cụ hàng đầu để các thể lực thù địch lợi dụng tiến hành phá hoại tư tưởng, làm nhiễu loạn thông tin, hướng lái dư luận theo hướng tiêu cực, trong đó mục tiêu trọng yếu là xuyên tạc phủ nhận nền tảng tư tưởng, mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chúng thường tập trung các chiến dịch tuyên truyền kích động, xuyên tạc một cách ồ ạt vào những dịp diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước, như trước thềm các kỳ Đại hội Đảng, bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Các thể lực thù địch, phản động xuyên tạc, bịa đặt về công tác nhân sự Đại hội, bịa đặt về nguyên tắc tổ chức của Đảng nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, ngăn cản quyền bầu cử của công dân,... Do đó, việc định hướng nhận thức cho thế hệ trẻ nói chung và sinh viên ở Trường Đại học Mỏ - Địa chất nói riêng trước sự chống phá mới của các thể lực thù địch trên không gian mạng hiện nay là vô cùng quan trọng, cần có những giải pháp cụ thể, trọng tâm để sinh viên nhận thức và hành động đúng.

* *Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.*

¹ Trung tá.ThS Hoàng Xuân Trường (2020), *Biện pháp giáo dục sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất phòng, chống tác động của thông tin sai trái trên không gian mạng hiện nay*, Tạp chí *Dạy và học ngày nay*, Số 03/2020.

2. NỘI DUNG

2.1. Thủ đoạn chống phá mới của các thế lực thù địch trên không gian mạng hiện nay

Theo thống kê từ WeareSocial và Hootsuite, người dùng Việt Nam dành trung bình tới 6 giờ 42 phút mỗi ngày để tham gia các hoạt động liên quan tới mạng internet, 94% người dùng internet Việt Nam lên mạng hàng ngày.¹ Vì vậy, không gian mạng được các thế lực phản động, thù địch lựa chọn là chiến trường mới trong kỷ nguyên thông tin hiện nay bởi tính truyền tải nhanh, gần như tức thì. Các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị đã triệt để lợi dụng internet và các trang mạng xã hội để tán phát các tin, bài, videoclip có nội dung chống phá Đảng, Nhà nước với sự gia tăng cả về cấp độ, mật độ, tần suất và lưu lượng tin, bài; bằng những chiêu thức, thủ đoạn hết sức tinh vi, thâm hiểm nhằm thu hút sự quan tâm, theo dõi của cộng đồng mạng. Những thủ đoạn chúng thường dùng trên mạng xã hội như: tung tin thất thiệt, lừa bịp, mị dân, thật giả lẫn lộn,... làm cho một bộ phận cư dân mạng mất phương hướng, lầm tưởng đó là sự thật, dẫn đến hoài nghi, thiếu niềm tin với Đảng, Nhà nước và chế độ ta, nghe theo lời kích động để tụ tập đông người, gây rối, chống người thi hành công vụ, hủy hoại tài sản của Nhà nước và công dân. Thủ đoạn của chúng là rất nguy hiểm, nổi lên một số hiện tượng sau:

Làm mới thông tin cũ, bịa đặt thông tin mới để chống phá Đảng, Nhà nước là thủ đoạn được chúng tiến hành thường xuyên, bài bản. Ví dụ như đối với Quân đội, chúng dùng thông tin cũ được lựa chọn để “làm mới” và “thông tin mới được lựa chọn để bịa đặt” thường là những đoạn videoclip hoặc hình ảnh có liên quan đến mối quan hệ cán bộ với chiến sĩ, cán bộ được cho là “hành hung chiến sĩ”, “chiến sĩ cũ đánh chiến sĩ mới”, các vấn đề liên quan đến dân chủ trong Quân đội, quan hệ quân dân.v.v. do chúng tạo dựng lên. Thời điểm tán phát để “làm mới” hoặc bịa đặt thường là trước mùa tuyển chọn, giao nhận quân, quá trình huấn luyện chiến sĩ mới, trước các sự kiện chính trị của đất nước, Quân đội,... Mục đích của việc tán phát các thông tin, hình ảnh, đoạn videoclip không thuần túy chỉ là sự phản ánh một vụ việc, một con người cụ thể, mà đằng sau đó là âm mưu và sự toan tính hết sức thâm độc của các thế lực thù địch. Chúng muốn đánh vào tâm lý lo lắng, sợ hãi trong nhân dân và thanh niên không muốn nhập ngũ vì sợ vào Quân đội sẽ bị “đánh đập tàn bạo”, hoặc tâm lý chấp nhận “ma cũ bắt nạt ma mới” trong chiến sĩ,... Từ đó, gây dư luận trái chiều trong xã hội về bản chất của Quân đội ta, kích động thanh niên trốn tránh nghĩa vụ quân sự, làm giảm

¹ Lan Phuong (2020), *Việt Nam trong top 20 nước có số người sử dụng Internet cao nhất thế giới*, <https://ictvietnam.vn/viet-nam-trong-top-20-nuoc-co-so-nguoi-su-dung-internet-cao-nhat-the-gioi-20201215205939618.htm>

sức mạnh chiến đấu, gây chia rẽ, mất đoàn kết trong Quân đội. Qua các thông tin, hình ảnh, videoclip tán phát, sẽ gây nghi ngờ, làm mất đi hình ảnh cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, làm giảm niềm tin của nhân dân về môi trường Quân đội là một trường học lớn để cuối cùng là thực hiện mục tiêu “phi chính trị hóa” Quân đội.

Sử dụng “khoảng trống thông tin” để tấn công vào sự hiếu kỳ của công chúng. Đây là thủ đoạn chúng lợi dụng việc báo chí chính thống trong nước khi đưa tin đều phải qua quá trình tiếp cận thực tế, kiểm định nguồn tin, biên tập, thông qua mới cho đăng tin, bài (thậm chí, để bảo đảm tính chính xác của thông tin và tính toán lợi ích của việc đưa tin, một số vấn đề cụ thể nào đó, có thể bị chậm trễ khi đưa tin). Lợi dụng “khoảng trống thông tin” này, chúng phát tán ồ ạt, trực tiếp những tin, bài xuyên tạc, bóp méo sự thật bằng những tiêu đề “giật gân”, “câu khách” về những gì dư luận đang quan tâm, nhất là các vấn đề liên quan đến nội bộ Đảng, Nhà nước, tham nhũng, tiêu cực dưới các dạng, như: Thông tin sự việc, đặt câu hỏi, bỏ ngỏ vấn đề bạn đọc suy ngẫm,... với những thông tin trộn lẫn thật giả, kích thích tính hiếu kỳ, tò mò của cộng đồng mạng vào các trang Facebook, Blog và các tờ báo điện tử có nội dung phản động, gây tâm lý hoang mang, bán tín, bán nghi,...

Thực hiện Live stream trực tiếp để kêu gọi cộng đồng mạng can thiệp vào nội bộ hoặc tham gia bình luận trái chiều trên mạng xã hội. Đây là thủ đoạn dùng tài khoản Faceook với công cụ Live stream để phát videoclip trực tiếp về một sự việc do chúng dựng lên hoặc “lên sóng” trực tiếp trên mạng xã hội để tạo “diễn đàn” kêu gọi mọi người tham gia bình luận về một vấn đề “nóng” được dư luận xã hội quan tâm. Chúng xây dựng “kịch bản” khá công phu, nội dung được quay video phát trực tiếp thường là các vụ việc liên quan đến các cuộc tụ tập đông người, khiếu kiện tại trụ sở các cơ quan công quyền. Chủ đề chúng chọn bình luận thường là các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi thiết thực, vấn đề bức xúc của người dân, như: môi trường, dân sinh, giải phóng mặt bằng, quan hệ ứng xử của cán bộ công chức, lực lượng vũ trang, thực thi công vụ của các lực lượng chức năng,... hoặc chúng lồng ghép quan điểm cá nhân, bình luận xuyên tạc, thu hút sự quan tâm của cộng đồng mạng và kêu gọi sự “phụ họa” của các phần tử bất mãn, cơ hội chính trị cùng tham gia, chia sẻ. Mục đích của chúng nhằm “vẽ ra” trong mắt công chúng một đảng cầm quyền bất ổn, một Nhà nước bị chia rẽ cục bộ, một hình ảnh Quân đội yếu đuối, công an tham nhũng,... Từ đó, kêu gọi sự can thiệp của dư luận quốc tế và các tổ chức phản động vào chống phá Việt Nam.

Trước thực trạng đó, cần tạo sức đề kháng, “hệ miễn dịch” trong mỗi cá nhân trước những âm mưu, thủ đoạn mới của các thế lực thù địch, góp phần tạo sự thống nhất cao về chính trị, tư tưởng trong thế hệ trẻ nói chung, sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất nói riêng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Sinh

viên là lực lượng đông đảo, rất năng động, giàu hoài bão, dễ tiếp thu các luồng thông tin, nhất là thông tin trên internet và những tư tưởng mới lạ. Tuy nhiên, khả năng phân tích, nhận định, chọn lọc thông tin còn hạn chế, dễ bị dao động, lôi kéo, kích động dẫn đến những quyết định không chính xác, thậm chí sai lầm. Vì thế, cần định hướng cho sinh viên khi sử dụng internet, tham gia mạng xã hội là vấn đề cấp thiết hiện nay.

2.2. Một số giải pháp định hướng nhận thức cho sinh viên Trường Đại học Mô - Địa chất trước sự chống phá mới của các thế lực thù địch trên không gian mạng hiện nay

2.2.1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên; rèn luyện khả năng lý luận, lập luận trước những luận điệu xuyên tạc

Nâng cao nhận thức cho sinh viên tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bởi khi có niềm tin tuyệt đối thì các luận điệu sai trái mới không dễ dàng tác động. Là lứa tuổi sôi nổi, ham học hỏi, hiểu biết, sáng tạo, khám phá cái mới, mỗi sinh viên phải nỗ lực, tự giác tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao tầm hiểu biết về mục tiêu, lý tưởng, không ngừng trau dồi đạo đức, nếp sống văn minh, giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc, thái độ và hành vi ứng xử có văn hóa; xung kích, tích cực đấu tranh phê phán, loại bỏ những thói quen, hành vi thiếu văn hóa. Yêu cầu đó, đòi hỏi sinh viên có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước, tự giác học tập, cầu tiến bộ. Đồng thời, nêu cao cảnh giác cách mạng, biết phân biệt đúng - sai, ý thức tự phòng, chống các tác động xấu từ mặt trái kinh tế thị trường và âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” do các thế lực thù địch tiến hành chống phá cách mạng nước ta thông qua không gian mạng.

2.2.2. Sinh viên cần được trang bị “vũ khí phòng vệ và phản công” khi tham gia mạng xã hội

Nhà trường cần đẩy mạnh công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho sinh viên về mạng xã hội, cách sử dụng mạng xã hội hợp lý. Tăng cường các hoạt động phổ biến, giáo dục cho sinh viên tuân thủ Hiến pháp, pháp luật. Sinh viên cần nâng cao khả năng tự học, tự trang bị các kiến thức, kinh nghiệm sống để nhận diện thông tin xấu độc, hình thành khả năng phân tích trước các thông tin tràn lan trên mạng xã hội. Sinh viên cần rèn luyện cho mình thói quen, kỹ năng nhìn nhận đánh giá sự việc, hiện tượng một cách toàn diện, hạn chế việc chỉ nhìn và đánh giá vấn đề từ chủ quan một phía, một phương diện, rất dễ bị sa vào âm mưu kích xúi của các thế lực chống phá. Đồng thời, phải thông minh, cẩn trọng trong lựa chọn, tiếp nhận thông tin, đặc biệt là những thông tin của mạng xã hội, cần có sự xác minh vấn đề một cách chính xác trước khi chia sẻ, truyền tải thông tin đến người khác để không vô tình tiếp tay cho thông tin độc hại lan tràn trên không gian mạng. Mặt khác, tự bản thân mỗi sinh viên phải mạnh dạn

đấu tranh tự phê bình và phê bình, đấu tranh phản bác với cái xấu để hoàn thiện chính bản thân mình. Và quan trọng nữa, là không ngừng tự tu dưỡng, tự rèn luyện, học hỏi, tìm hiểu kiến thức trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết, trong đó có kiến thức và kỹ năng phản bác, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch góp phần giữ vững ổn định chính trị và phát triển đất nước.

Phát huy vai trò định hướng của cán bộ, giảng viên khoa Giáo dục quốc phòng khi giảng dạy nội dung bài “An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng” trong chương trình GDQP&AN. Tổ chức các diễn đàn, các hội thảo,... cho sinh viên tham gia đấu tranh chống “diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; đấu tranh trên không gian mạng,... Coi việc đấu tranh, phòng chống hiệu quả âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, tạo ra hệ “miễn dịch” đối với mọi thông tin sai trái, xấu độc của các thế lực thù địch là thước đo kết quả xây dựng bản lĩnh chính trị của sinh viên.

2.2.3. Chủ động, tích cực tuyên truyền làm cho mọi sinh viên thấy rõ tính hai mặt của mạng xã hội

Nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các khoa chuyên ngành và các phòng, ban chức năng thường xuyên quan tâm, chủ động trong việc giáo dục nâng cao nhận thức cho mọi sinh viên, chỉ đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục pháp luật, nhất là các quy định trong việc dùng và sử dụng mạng xã hội. Tăng cường công tác quản lý, sử dụng, khai thác mạng xã hội trong việc học tập, nghiên cứu, sử dụng phải đúng mục đích; nghiêm cấm đưa các hình ảnh phản cảm lên mạng xã hội để chia sẻ. Kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở, xử lý, ngăn chặn những hành vi tán phát các thông tin, hình ảnh có nội dung tiêu cực, phản cảm và các biểu hiện lơ là mất cảnh giác khi tham gia mạng xã hội, không để các thông tin tiêu cực trên mạng xã hội tác động xấu tới tư tưởng, nhận thức của sinh viên.

Việc tương tác trên không gian mạng để học tập các môn học của sinh viên là yêu cầu tất yếu, đòi hỏi giảng viên phải lồng ghép nội dung bài học với tuyên truyền về mặt trái của internet và mạng xã hội như: bệnh nghiện mạng xã hội, nghiện game online, nghiện truy cập internet đen, phản động, tác động tiêu cực của nó đến thể lực, ám thị về tinh thần, mất thời gian vô ích, bị dẫn dắt bởi trào lưu tư tưởng tiêu cực, thông tin sai trái trên không gian mạng,... xa rời thực tại cuộc sống, xa rời bản chất, nhu cầu, yêu cầu thực của xã hội, nhà trường, gia đình đang hằng ngày vận động, phát triển. Mặt khác, tuyên truyền về kỹ năng tổng hợp thông tin gia công thành tri thức, thói quen truy cập những địa chỉ mạng internet hữu ích; kỹ năng nhận diện thông tin tuyên truyền, kích động, chống phá, lừa đảo thông qua giáo dục nguồn gốc, bản chất, tính chất, phương thức, thủ đoạn phát tán thông tin sai trái trên không gian mạng.

3. KẾT LUẬN

Internet, mạng xã hội đã đem lại rất nhiều lợi ích cho sự phát triển của đời sống xã hội. Tuy nhiên, các thế lực thù địch cũng luôn lợi dụng không gian mạng để xuyên tạc thông tin, chống phá Đảng, Nhà nước ta. Sinh viên là thế hệ tương lai của đất nước cần được định hướng, nhận thức đúng sự chống phá mới của các thế lực thù địch trên không gian mạng hiện nay, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không ngừng tự tu dưỡng, rèn luyện, học hỏi, tìm hiểu kiến thức nhằm trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết, trong đó có kiến thức và kỹ năng phản bác, đấu tranh với âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch góp phần giữ vững ổn định chính trị và phát triển đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lan Phương (2020), *Việt Nam trong top 20 nước có số người sử dụng Internet cao nhất thế giới*, <https://ictvietnam.vn/viet-nam-trong-top-20-nuoc-co-so-nguoi-su-dung-internet-cao-nhat-the-gioi-20201215205939618.htm>
2. Quốc hội (2018), *Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14*.
3. TS. Phạm Thị Vui (2021), *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, thù địch trên không gian mạng – trách nhiệm không của riêng ai*, <http://dukqtw.dcs.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-dau-tranh-phan-bac-cac-luan-dieu-xuyen-tac-thu-dich-tren-khong-gian-mang-trach-nhiem-khong-cua-rieng-ai-duk15328.aspx>
4. Trung tá.ThS Hoàng Xuân Trường (2020), *Biện pháp giáo dục sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất phòng, chống tác động của thông tin sai trái trên không gian mạng hiện nay*, Tạp chí Dạy và học ngày nay, Số 03/2020.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁN BỘ, VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT VỀ LUẬT DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2019

Lê Thị Định*

Tóm tắt: Luật Dân quân tự vệ quy định về nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ; vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dân quân tự vệ¹. Bài viết đánh giá khái quát thực trạng nhận thức của cán bộ, viên chức Trường Đại học Mỏ - Địa chất về Luật Dân quân tự vệ và đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức cho cán bộ, viên chức về Luật Dân quân tự vệ năm 2019.

Từ khóa: Nhận thức; cán bộ, viên chức; Luật Dân quân tự vệ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dân quân tự vệ (DQTV) là lực lượng vũ trang quần chúng sinh ra và lớn lên trong phong trào cách mạng của nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, sống và chiến đấu vì nhân dân; được nhân dân dạy dỗ, chở che, đùm bọc. Đây chính là nhân tố tạo cơ sở vững chắc nhất của đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng thời đây là lực lượng chiến lược của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam trong đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tiến hành chiến tranh nhân dân và xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân.

Luật DQTV năm 2019 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 22/11/2019, thay thế Luật DQTV năm 2009 là cơ sở pháp lý quan trọng, bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng DQTV, góp phần thực hiện công tác quốc phòng, quân sự địa phương (QSĐP), đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đánh giá đúng vị trí, vai trò của DQTV, trong những năm qua, Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn quan tâm xây dựng, duy trì hoạt động của lực lượng tự vệ (LLTV) và đạt được những kết quả tích cực. Đặc biệt, sau khi Luật DQTV được ban hành, nhận thức, trách nhiệm đối với công tác lực lượng DQTV của lãnh đạo các đơn vị và của cán bộ, viên chức (CBVC) của nhà trường được nâng lên một bước mới, tổ chức biên chế được kiện toàn, chất lượng của LLTV tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, nhận thức của một số CBVC về các nội dung của Luật DQTV còn chưa đúng; chưa nắm vững và chưa thống nhất về quyền, nghĩa vụ khi tham gia DQTV, về trách nhiệm

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

¹ Quốc hội, (2019), Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14.

cá nhân đối với công tác DQTV,... một phần do công tác tuyên truyền, phổ biến Luật chưa cụ thể, chưa có chiều sâu và một phần do ý thức của CBVC chưa cao. Chính vì vậy, việc nghiên cứu những giải pháp nhằm nâng cao nhận thức cho CBVC về Luật DQTV năm 2019 có ý nghĩa hết sức quan trọng.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số điểm mới của Luật Dân quân tự vệ năm 2019

2.1.1. Khái quát về Luật Dân quân tự vệ năm 2019

Luật DQTV số 48/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2020 và thay thế Luật DQTV số 43/2009/QH12; Luật gồm 8 chương, 50 điều (giảm 01 chương, 16 điều so với Luật DQTV năm 2009), cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 14 điều (từ Điều 1 đến Điều 14).

Chương II. Tổ chức, biên chế, vũ khí, trang bị của DQTV, gồm 11 điều (từ Điều 15 đến Điều 25).

Chương III. Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự (CHQS) cấp xã; tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy, huấn luyện DQTV, gồm 03 điều (từ Điều 26 đến Điều 28).

Chương IV. Hoạt động của DQTV, gồm 04 điều (từ Điều 29 đến Điều 32).

Chương V. Chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi cho DQTV, gồm 07 điều (từ Điều 33 đến Điều 39).

Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về DQTV, gồm 06 điều (từ Điều 40 đến Điều 45).

Chương VII. Thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm, gồm 03 điều (từ Điều 46 đến Điều 48).

Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều (từ Điều 49 đến Điều 50).

2.1.2. Một số điểm mới của Luật Dân quân tự vệ năm 2019

Luật DQTV năm 2019 kế thừa nhiều nội dung của Luật DQTV năm 2009 và điều chỉnh, bổ sung một số quy định mới như sau:

- Giải thích từ ngữ: Bổ quy định về “DQTV nòng cốt”, “DQTV rộng rãi”, chỉ sử dụng khái niệm “DQTV” để phù hợp với Điều 66 Hiến pháp năm 2013, thống nhất với Luật Quốc phòng và các luật có liên quan khác; bổ sung giải thích các cụm từ về “Ban CHQS cơ quan, tổ chức”, “Công tác DQTV” để thống nhất cách hiểu các cụm từ này trong Luật.

- Vị trí, chức năng của DQTV: Bổ sung, hoàn chỉnh địa vị pháp lý về vị trí, chức năng của DQTV là thành phần của LLVT nhân dân; là lực lượng bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng, tài sản của nhân dân, tài sản của cơ quan, tổ chức ở địa phương, cơ sở; làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

- Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của DQTV: Bổ sung quy định về sự chỉ huy của Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam (QĐNDVN) và người chỉ huy đơn vị Quân đội vào trong nguyên tắc tổ chức, hoạt động của DQTV để đảm bảo chặt chẽ nguyên tắc lãnh đạo của Đảng đối với DQTV và phù hợp với thực tế.

- Nhiệm vụ của DQTV: Kế thừa Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 quy định 07 nhiệm vụ của DQTV; đồng thời, bổ sung nhiệm vụ “Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền” để thống nhất với Luật Quốc phòng và đáp ứng yêu cầu hoạt động của DQTV trong tình hình mới, nhất là các loại hình chiến tranh mới trong tương lai.

- Thành phần của DQTV: Quy định DQTV thường trực là một trong những thành phần của DQTV, không luân phiên trong dân quân cơ động để khẳng định địa vị pháp lý của DQTV thường trực, phù hợp với thực tế hiện nay các địa phương đã và đang thực hiện.

- Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình: Kế thừa Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 quy định thời hạn tham gia dân quân thường trực là 02 năm; đồng thời, quy định đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị DQTV được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ nhằm khắc phục tình trạng một số địa phương, cơ quan, tổ chức thiếu người để tổ chức DQTV.

- Đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV: Bổ sung quy định lồng ghép đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV với đăng ký nghĩa vụ quân sự (NVQS) nhằm cải cách hành chính, tiết kiệm thời gian, nguồn lực của công dân và cơ quan, tổ chức theo tinh thần cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước.

- Tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trong thời bình: Mở rộng đối tượng được tạm hoãn, miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV để tương thích với Luật NVQS, phù hợp với thực tế và bảo đảm bình đẳng giới.

- Thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trước thời hạn, đưa ra khỏi danh sách DQTV: Bổ sung quy định thôi thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV trước thời hạn. Đồng thời, quy định đưa ra khỏi danh sách DQTV để khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật DQTV năm 2009, nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng SSCĐ của lực lượng DQTV.

- Tổ chức DQTV: Bổ sung quy định thôn đội trưởng kiêm tiêu đội trưởng hoặc trung đội trưởng dân quân tại chỗ ở thôn để thể chế Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XII) nhằm tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của dân quân ở thôn. Quy định này sẽ giảm trên 130.000 dân quân ở thôn.

- Điều kiện tổ chức tự vệ trong doanh nghiệp: Luật DQTV năm 2019 quy định doanh nghiệp có đủ 04 điều kiện thì được xem xét thành lập tự vệ. Quy định này có tính chất mở và linh hoạt, chỉ thành lập tự vệ trong các doanh nghiệp khi có yêu cầu của nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong khu vực phòng thủ của địa phương và phù hợp với tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hệ thống chỉ huy DQTV: Bổ sung quy định hệ thống chỉ huy DQTV để phù hợp với Luật Quốc phòng và tạo cơ sở pháp lý để chỉ huy DQTV bảo đảm thống nhất, hiệu quả.

- Chức vụ chỉ huy DQTV: Luật DQTV năm 2019 bổ sung đầy đủ các chức vụ chỉ huy DQTV (cả cấp phó) để thực hiện thống nhất, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ huy DQTV; đồng thời, làm cơ sở để quy định chế độ, chính sách đối với các chức vụ chỉ huy DQTV.

- Ban CHQS cấp xã, thôn đội trưởng: Quy định Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã là ủy viên Ủy ban nhân dân cấp xã, sĩ quan dự bị; trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã được gọi vào phục vụ tại ngũ và tiếp tục đảm nhiệm chức vụ Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã. Quy định Chính trị viên do Bí thư cấp ủy cấp xã đảm nhiệm; Phó Chỉ huy trưởng là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Chính trị viên phó do Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đảm nhiệm để thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Đào tạo Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã, tập huấn, bồi dưỡng các chức vụ chỉ huy; huấn luyện DQTV; hoạt động của DQTV: Luật DQTV năm 2019 quy định khái quát nội dung cơ bản; đồng thời quy định cụ thể về thời gian huấn luyện; giao Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết đúng với thẩm quyền, bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh.

- Chế độ, chính sách của DQTV: Kế thừa Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 chỉ quy định chế độ, chính sách được hưởng, giao Chính phủ quy định chi tiết định mức DQTV được hưởng để phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ và bảo đảm tính linh hoạt. Bổ sung chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với dân quân thường trực, phụ cấp đặc thù đi biển, bảo đảm tiền ăn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của DQTV trong tình hình mới, phù hợp với thực tế các địa phương đã và đang thực hiện.

- Nguồn kinh phí: Luật DQTV năm 2019 quy định ngân sách Nhà nước bảo đảm cho DQTV của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và địa phương. Kinh phí của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập bảo đảm cho tự vệ của cơ quan, đơn vị mình.

- Nhiệm vụ chi cho DQTV: Kế thừa Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 điều chỉnh, bổ sung một số nội dung để khắc phục quy định chồng chéo nhiệm vụ chi của Bộ Quốc phòng, địa phương, cơ quan, tổ chức. Quy định đào tạo Chỉ huy trưởng Ban CHQS cấp xã ngành quân sự cơ sở thuộc nhiệm vụ chi của Bộ Quốc phòng.

- Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về DQTV: Kế thừa Luật DQTV năm 2009, Luật DQTV năm 2019 điều chỉnh, bổ sung một số quy định mới để thống nhất với các luật có liên quan, bảo đảm tính minh bạch, quy định rõ trách nhiệm của từng bộ, ngành, cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương.

- Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến DQTV: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NVQS năm 2015, Luật Sĩ quan QĐNDVN nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật về quốc phòng.

2.2. Thực trạng nhận thức của cán bộ, viên chức Trường Đại học Mở - Địa chất về Luật Dân quân tự vệ năm 2019

Tổng số cán bộ, viên chức hiện nay của nhà trường là 711 người, trong đó CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV là: 381 người = 53,6 % (nam: 268, nữ: 113). Đây là nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng chính trị cao, sẵn sàng bổ sung, mở rộng LLTV trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, góp phần đảm bảo an toàn cơ quan và địa bàn.

Trong những năm qua, nhà trường đã tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương, trong đó có công tác DQTV, cụ thể trên các mặt: đăng ký, quản lý về số lượng, chất lượng và tình hình biến động của CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV; cử cán bộ tự vệ tham gia tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức huấn luyện cho lực lượng tự vệ tại chỗ, trong đó có nội dung giáo dục chính trị, pháp luật và cập nhật các kiến thức mới. Thông qua đó, tuyên truyền cho CBVC của nhà trường về Luật DQTV năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác DQTV, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm cho CBVC và lực lượng tự vệ tại chỗ về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của DQTV; công tác đăng ký, quản lý và duy trì hoạt động của lực lượng DQTV theo đúng quy định của pháp luật, phối hợp cùng các lực lượng bảo vệ an toàn cơ quan, đơn vị, an toàn địa bàn.

Đa số CBVC có nhận thức sâu sắc về nghĩa vụ tham gia DQTV; nhận thức đúng vị trí, chức năng và nhiệm vụ của DQTV; tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với DQTV trong thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân đối với công tác DQTV, có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, tích cực tham gia huấn luyện, giữ nghiêm kỷ luật, SSCĐ cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, vẫn còn một số CBVC nhận thức chưa đúng, chưa thật rõ và chưa thống nhất về về nghĩa vụ tham gia DQTV; về vị trí, chức năng và nhiệm vụ của DQTV; về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách đối với DQTV trong thực hiện nhiệm vụ; về trách nhiệm của cá nhân đối với công tác DQTV, chưa tích cực tham gia huấn luyện, chấp hành kỷ luật chưa nghiêm, vẫn còn tình trạng trốn tránh.

Một số lãnh đạo đơn vị còn chưa tạo điều kiện thuận lợi cho CBVC trong đơn vị tham gia tập huấn, huấn luyện, hội thao lực lượng DQTV; còn coi đó là việc riêng của Ban CHQS Trường và khoa Giáo dục quốc phòng,...

Nguyên nhân của những hiện tượng trên là do trong quá trình học tập chính trị một số CBVC còn lơ là, chưa tập trung, nghiên cứu Luật DQTV năm 2019 chưa nghiêm túc, đầy đủ. Đa số CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV là giảng viên, phải thường xuyên đi học tập, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học trên phạm vi rộng lớn trên cả nước và ngoài nước; CBVC trẻ mới xây dựng gia đình, có con nhỏ; một số CBVC có tâm lý ngại đi tập trung huấn luyện, ngại khó khăn, gò bó,...

Tình hình trên cho thấy cần tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa các nội dung cơ bản của Luật DQTV năm 2019 cho đội ngũ CBVC nhà trường, nhất là đối với những CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV.

2.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức cho cán bộ, viên chức Trường Đại học Mở - Địa chất về Luật Dân quân tự vệ năm 2019

Từ những đánh giá về thực trạng nhận thức của CBVC nhà trường về Luật DQTV năm 2019, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

2.3.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường về công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, viên chức về Luật Dân quân tự vệ

Đây là giải pháp quan trọng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ủy, sự chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám hiệu và Ban CHQS quận Bắc Từ Liêm đối với công tác quốc phòng, QSDP của nhà trường nói chung và công tác DQTV nói riêng.

Hàng năm, Đảng ủy, Ban Giám hiệu ra Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác quốc phòng, QSDP; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác DQTV; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của CBVC các văn bản pháp luật về DQTV, ý thức trách nhiệm xã

hội hiện nay. Thực tế cho thấy, ở đâu, khi nào cấp ủy, chính quyền quan tâm và ban CHQS cơ sở thực hiện tốt chức năng và trách nhiệm đối với lực lượng DQTV thì ở đó, khi đó DQTV vững mạnh, hoạt động có hiệu quả và ngược lại. Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban CHQS quận về công tác DQTV, Ban CHQS Trường tổ chức triển khai công tác đăng ký, quản lý CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV; tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật cho LLTV tại chỗ; xây dựng và duy trì hoạt động của lực lượng tự vệ theo quy định.

2.3.2. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về dân quân tự vệ cho cán bộ, viên chức nhằm nâng cao nhận thức, tầm quan trọng của Luật Dân quân tự vệ năm 2019

Đây là giải pháp có vai trò hết sức quan trọng, bởi công tác tuyên truyền, giáo dục chỉ đạt được hiệu quả tích cực khi CBVC đã nhận thức đầy đủ, đúng và tự giác chấp hành pháp luật về DQTV. Nội dung tuyên truyền, giáo dục cần tập trung vào CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện Luật DQTV năm 2019, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt khác, cần tiếp tục đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục Luật DQTV năm 2019, nhà trường cần kết hợp giữa tuyên truyền, giáo dục thường xuyên với tuyên truyền, giáo dục có trọng tâm, trọng điểm, nhất là trong đợt đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia DQTV (tháng 4 hằng năm); kỷ niệm ngày truyền thống của DQTV (28/3 hằng năm); các đợt tập huấn, huấn luyện, hội thao DQTV; ngày Hội QPTD,... Trong công tác tuyên truyền, giáo dục, cần vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của nhà trường; trong đó, coi trọng tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo chí, phát thanh, truyền hình,...); lồng ghép nội dung tuyên truyền, giáo dục Luật DQTV năm 2019 vào trong chương trình huấn luyện LLTV tại chỗ, các lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò, trách nhiệm của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị nhằm thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về DQTV cho CBVC; từ đó nâng cao nhận thức trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, định hướng hành động tích cực, xây dựng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, sẵn sàng tham gia lực lượng DQTV, tích cực tham gia huấn luyện và hội thao LLTV đóng góp công sức vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới.

2.3.3. Tập trung nâng cao chất lượng huấn luyện và hiệu quả hoạt động của lực lượng tự vệ nhà trường

Cùng với công tác xây dựng LLTV vững mạnh, rộng khắp, chất lượng cao, Ban CHQS Trường cần tiếp tục đổi mới công tác huấn luyện cho LLTV tại chỗ; kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục chính trị, pháp luật, công tác vận động quần chúng với huấn luyện quân sự, chú trọng tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, huấn luyện nâng cao trình độ, khả năng SSCĐ cho LLTV, nhất là trong các đợt trực cao điểm, các dịp diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng trên địa bàn. Bên cạnh đó, chú trọng huấn luyện phối hợp giữa LLTV với các lực lượng khác trên địa bàn trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, xử lý các tình huống bảo vệ trật tự an ninh xã hội ở địa phương, cơ sở.

Mặt khác, cần chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của LLTV. Trong đó, cần quán triệt, thực hiện nghiêm Luật DQTV năm 2019; Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về hoạt động phối hợp của DQTV. Mọi hoạt động của LLTV phải theo đúng chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và quy định của pháp luật, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng ủy, điều hành của Ban Giám hiệu, sự chỉ huy thống nhất của Chỉ huy trưởng Ban CHQS Trường.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của LLTV, Ban CHQS Trường cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh hệ thống kế hoạch hoạt động của LLTV; làm tốt công tác bảo đảm vũ khí, trang bị cho LLTV theo yêu cầu nhiệm vụ, phù hợp với hình thức hoạt động, đặc điểm địa bàn, theo đúng quy định về trang bị vũ khí cho LLTV của Ban CHQS quận. Nhà trường cần quan tâm, chủ động mua sắm công cụ hỗ trợ theo quy định để trang bị cho LLTV trong nhiệm vụ trực SSCĐ các đợt cao điểm, đồng thời thực hiện nghiêm quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ.

2.3.4. Tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức, hoạt động thi đua, khen thưởng trong lực lượng tự vệ

Ban CHQS Trường chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng ủy, Giám hiệu về việc thực hiện lồng ghép các phong trào thi đua cấp trên phát động gắn với các hoạt động phong trào của Nhà trường và của LLTV; lồng ghép các phong trào thi đua ngắn hạn, dài hạn gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, gắn với hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, gắn với các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn như: Kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2 hằng năm), ngày truyền thống của lực lượng DQTV (28/3 hằng năm), kỷ niệm giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước (30/4 hằng năm),... trong toàn Trường nói chung và trong LLTV nói riêng. Xây dựng và gắn từng

tiêu chí để các tập thể và cá nhân tự phấn đấu theo kế hoạch đã đăng ký. Thông qua đó giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống Quân đội, tuyên truyền pháp luật về DQTV tới toàn thể cán bộ viên chức nói chung và LLTV nói riêng, làm cho mọi người thấy rõ được nghĩa vụ, trách nhiệm trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân trong tình hình mới.

Nhà trường cần tăng cường việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra kịp thời uốn nắn những sai sót trong công tác DQTV. Định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phát huy những mặt tích cực, tiến bộ, khắc phục hạn chế, tồn tại nhằm xây dựng LLTV thực sự tin cậy, chất lượng, hiệu quả theo đúng phương châm xây dựng LLTV “Vững mạnh, rộng khắp”, có chất lượng ngày càng cao, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần giữ vững an ninh chính trị, xây dựng cơ quan an toàn, địa bàn an toàn.

3. Kết luận

Trên cơ sở đánh giá thực trạng nhận thức của CBVC về các nội dung cơ bản của Luật DQTV, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao nhận thức cho CBVC về Luật DQTV năm 2019; giúp CBVC nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện các nội dung của Luật DQTV, nắm vững về quyền, nghĩa vụ khi tham gia DQTV, qua đó nâng cao trách nhiệm cá nhân đối với công tác DQTV, sẵn sàng tham gia các hoạt động của lực lượng DQTV, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng, QSDP nhà trường trong tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng, (2020), *Thông tư số 43/2020/TT-BQP, ngày 23/04/2020 quy định chế độ sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch về dân quân tự vệ.*
2. Chính phủ, (2020), *Nghị định số 02/2020/NĐ-CP, ngày 30/08/2020 quy định về hoạt động phối hợp của dân quân tự vệ.*
3. Chính phủ, (2020), *Nghị định số 72/2020/NĐ-CP, ngày 30/06/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ.*
4. Quốc hội, (2009), *Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12.*
5. Quốc hội, (2019), *Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14.*

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO LỰC LƯỢNG TỰ VỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT VỀ ĐỐI TÁC, ĐỐI TƯỢNG CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

*ThS. Phạm Công Tú**

Tóm tắt: Quán triệt cho lực lượng dân quân tự vệ những kiến thức chung, cơ bản nhất của Đảng và Nhà nước ta trong việc xác định đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam theo Nghị quyết 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới nhằm nâng cao nhận thức về đối tác, đối tượng theo quan điểm của Đảng cho lực lượng dân quân tự vệ góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả quán triệt, tuyên truyền, thực hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước. Bài viết đề xuất một số biện pháp giáo dục nâng cao nhận thức cho lực lượng tự vệ Trường Đại học Mỏ - Địa chất về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

Từ khóa: Đối tác, đối tượng, giáo dục, lực lượng tự vệ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị quyết 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) trong tình hình mới xác định: “Vận dụng đúng đắn quan điểm về đối tác, đối tượng: Những ai tôn trọng độc lập chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam đều là đối tác; bất kỳ thế lực nào có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều là đối tượng của chúng ta”¹. Mặt khác, khi đề cập đến mối quan hệ biện chứng giữa đối tác và đối tượng, Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) khẳng định tính hai mặt tồn tại, đan xen một cách phổ biến trong “mỗi đối tác” và “mỗi đối tượng”, đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn biện chứng khoa học để trong từng thời điểm cụ thể nhận biết rõ đâu là đối tác để tranh thủ hợp tác và đâu là đối tượng để đấu tranh. Đây là sự phát triển mới, nhìn nhận vấn đề linh hoạt hơn, tạo tiền đề, nền tảng để các cấp, các ngành, các lực lượng, các địa phương và toàn dân nêu cao tinh thần cảnh giác, vừa hợp tác, vừa đấu tranh trên tất cả các lĩnh vực.

Nhận thức đúng về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới, trong những năm qua, Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn quan tâm đến công tác giáo dục, tuyên truyền cho lực lượng tự vệ (LLTV) của nhà trường quan điểm của Đảng về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

¹ Nghị quyết 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đa số cán bộ, chiến sĩ tự vệ nhận thức đúng bản chất ĐTĐT, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Tuy nhiên, một số cán bộ, chiến sĩ tự vệ nhận thức chưa đúng, chưa thống nhất về ĐTĐT của cách mạng, đối tượng tác chiến của Quân đội trong tình hình mới. Tình hình trên cho thấy cần quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm của Đảng về ĐTĐT của cách mạng Việt Nam cho LLTV của nhà trường.

2. NỘI DUNG

2.1. Nội dung quan điểm của Đảng về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới

2.1.1. Quan điểm về đối tác

Đối tác là thuật ngữ chỉ mối quan hệ cộng tác - hợp tác nhưng ở mức độ cao hơn và cụ thể hơn. Đối tác bao gồm hai hay nhiều bên hành động cùng nhau để thực hiện những mục tiêu chung, vì lợi ích chung hay lợi ích tương đồng của mỗi bên.

Đối tác của Việt Nam trong tình hình mới là những ai tôn trọng độc lập, chủ quyền, thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với Việt Nam. Trong đó, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Hiện nay, trong quan hệ đối ngoại có thể phân loại một số đối tác theo mức độ quan hệ như: đối tác truyền thống, đối tác tin cậy, đối tác toàn diện, đối tác chiến lược toàn diện.

2.1.2. Quan niệm về đối tượng

Đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới là những thế lực có âm mưu và hành động chống phá mục tiêu của nước ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là âm mưu, hành động gây chiến tranh xâm lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ chế độ; xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích quốc gia, dân tộc bằng phương thức vũ trang hoặc phi vũ trang, cả từ bên ngoài và bên trong. Trong đó có 3 dạng đối tượng:

- Đối tượng đối lập về ý thức hệ có âm mưu và hành động tập trung xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta là chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Với bản chất độc lập về ý thức hệ, đối tượng này cầm đầu liên kết với một số nước đồng minh dùng nhiều thủ đoạn, biện pháp thâm độc hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ kết hợp với nhiều loại hình can thiệp khác (bao gồm cả can thiệp vũ trang) nhằm mục tiêu lật đổ chính quyền, dựng lên một chính quyền mới chịu sự chi phối về lợi ích chiến lược của chúng. Mục đích chủ yếu, trước hết của đối tượng này là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không phải là chiến tranh đánh chiếm đất đai, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, nhưng nếu ta sai lầm trong

xử lý các vấn đề chiến lược, đưa nước ta vào thế đối đầu có thể chúng sẽ tạo có tập hợp đồng minh, tiến hành chiến tranh lật đổ, can thiệp xâm lược. Đây là đối tượng đã được xác định rõ ràng, ta luôn cảnh giác phòng, chống.

- Đối tượng vì lợi ích dân tộc hẹp hòi, có ý đồ tranh đoạt chủ quyền lãnh thổ nước ta.

Đây là đối tượng có thể tương đồng về ý thức hệ, cùng thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, cùng đấu tranh để bảo vệ sự tồn tại của chủ nghĩa xã hội, nhưng vì lợi ích dân tộc hẹp hòi, đã có biểu hiện xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ của nước ta, ở cấp độ cao hơn có thể dẫn đến xung đột vũ trang và chiến tranh. Tuy nhiên, đây là đối tượng “nhạy cảm” trong quan hệ ngoại giao, gắn liền, đan xen với mặt đối tác cần tranh thủ để hợp tác, phát triển. Với loại đối tượng này, về mặt mục tiêu chiến lược, ta phải kiên định giữ vững nguyên tắc độc lập dân tộc và bảo đảm toàn vẹn chủ quyền, quyền chủ quyền lãnh thổ. Về biện pháp chiến lược, phải khôn khéo, mềm dẻo, kiên trì xây dựng lòng tin chiến lược, phát huy những mặt tương đồng, tranh thủ tối đa mặt đối tác cùng tồn tại, phát triển hòa bình; từng bước thu hẹp những bất đồng trên cơ sở luật pháp quốc tế, bình đẳng, tôn trọng lợi ích của nhau. Mặt khác, ta cũng cần nghiên cứu kỹ đối tượng, có những biện pháp phòng ngừa để tránh sai lầm trong xử lý một số tình huống ở cấp chiến lược, không để bị động, bất ngờ.

- Đối tượng có thể bị các nước lớn thao túng, có âm mưu và hành động chống phá ta.

Đây là một số nước vốn có quan hệ hữu nghị truyền thống với Việt Nam nhưng có thể bị các nước lớn thao túng về lợi ích. Trong điều kiện bình thường họ là những đối tác tốt, tương đồng về lợi ích, tuy có thể còn có một số khác biệt về chế độ chính trị, về lợi ích đối ngoại. Nhưng trong những vấn đề phức tạp, họ có thể bị lôi kéo, thao túng, can thiệp, chống lại ta. Với nhóm đối tượng này, cần có sự phân tích, đánh giá chính xác, sâu sắc, cụ thể để chủ trương, biện pháp chiến lược đúng đắn nhằm xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị bền vững giữa các dân tộc, phát huy tối đa mặt đối tác để tăng cường hợp tác, phát triển, phòng, chống sự chuyển hóa đối tác thành đối tượng, gây bất lợi cho ta.

Như vậy, các loại đối tượng nêu trên đều là những đối tượng phải thường xuyên, liên tục đấu tranh, phòng ngừa. Tuy nhiên, không thể đánh đồng tất cả các đối tượng mà tùy từng đối tượng để có chủ trương, giải pháp đối ngoại phù hợp.

2.1.3. Môi quan hệ biện chứng giữa đối tác và đối tượng

- Trong mỗi đối tượng vẫn có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong mỗi đối tác có thể có mặt mâu thuẫn với lợi ích của ta cần phải đấu tranh.

- Một mặt cần phải nhận thức đúng đối tác, đối tượng (ĐTĐT), mặt khác cần thấy rõ sự đan xen và chuyển hóa lẫn nhau rất linh hoạt giữa đối tác và đối tượng trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

Trong khi mở rộng quan hệ hợp tác với đối tác cần nêu cao tinh thần cảnh giác phát hiện các mâu thuẫn có thể nảy sinh để kịp thời đấu tranh. Đồng thời, trong đấu tranh với đối tượng không có nghĩa là phân tuyến đối đầu mà cần tranh thủ mọi cơ hội tìm hiểu, tạo lòng tin để đi đến “tôn trọng độc lập, chủ quyền” của nhau mà mở rộng hợp tác bình đẳng cùng có lợi. Tuyệt đối tránh cách nhìn nhận, đánh giá phiến diện về ĐTĐT. Đấu tranh phê phán, bác bỏ quan điểm, tư tưởng nhận thức máy móc, khi xem đối tác chỉ là để hợp tác và coi đối tượng chỉ là để cô lập, đấu tranh.

2.2. Thực trạng nhận thức của lực lượng tự vệ Trường Đại học Mở - Địa chất về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới

Trong những năm qua, nhà trường đã tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt công tác đăng ký, quản lý CBVC trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia DQTV; cử cán bộ, chiến sĩ tự vệ tham gia tập huấn chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức huấn luyện cho LLTV tại chỗ. Bên cạnh các nội dung huấn luyện các kiến thức, kỹ năng về quân sự, nhà trường đã tập trung vào các nội dung giáo dục chính trị, pháp luật và cập nhật kiến thức mới nhằm tuyên truyền, giáo dục cho LLTV các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác DQTV, những kiến thức chung, cơ bản nhất của Đảng và Nhà nước ta trong việc xác định đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

Đa số cán bộ, chiến sĩ LLTV có nhận thức sâu sắc quan điểm, chủ trương, giải pháp thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, nhận thức đúng bản chất ĐTĐT, có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, nhận rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, tích cực tham gia huấn luyện, giữ nghiêm kỷ luật, sẵn sàng chiến đấu cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, một số cán bộ, chiến sĩ LLTV nhận thức còn chưa đúng, chưa thật rõ và chưa thống nhất về ĐTĐT của cách mạng, đối tượng tác chiến của Quân đội trong tình hình mới. Trong đó, nổi lên các khuynh hướng sai lệch chủ yếu như:

- Đề cao đối tác, mơ hồ, mất cảnh giác trước những đối tượng phức tạp, tiềm ẩn, không nhận thức đúng sự đan xen, tác động, chuyển hóa giữa ĐTĐT.

- Một số ít cán bộ, chiến sĩ LLTV cho rằng cần chỉ rõ kẻ thù cơ bản, lâu dài, kẻ thù trực tiếp, nguy hiểm hiện nay. Thậm chí có người cho rằng trước những diễn biến phức tạp trên biển Đông ta phải xác định cụ thể đối tượng tác chiến của Quân đội ta.

Tình hình trên cho thấy cần quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm của Đảng về ĐTĐT của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới cho LLTV của nhà trường.

2.3. Một số biện pháp giáo dục nâng cao nhận thức cho lực lượng tự vệ Trường Đại học Mở - Địa chất về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới

Từ những đánh giá về thực trạng nhận thức của LLTV Trường Đại học Mở - Địa chất về ĐĐT của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới và qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, công tác QSDP, tác giả đề xuất một số biện pháp sau:

2.3.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho lực lượng tự vệ nắm chắc nội dung quan điểm của Đảng ta về đối tác, đối tượng của cách mạng trong tình hình mới

Thông qua các chuyên đề giáo dục chính trị, pháp luật trong các đợt huấn luyện tự vệ hàng năm, nhà trường tổ chức quán triệt sâu sắc cho LLTV các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin; tổ chức có hiệu quả cuộc vận động học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Giáo dục, tuyên truyền cho LLTV nắm chắc tình hình, nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quốc phòng, công tác QSDP, nhiệm vụ của LLTV nhà trường; làm cho LLTV nhận thức rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, SSCĐ và chiến thắng trong mọi tình huống; đồng thời nắm chắc nội dung quan điểm của Đảng ta về xác định ĐĐT của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

Kết hợp chặt chẽ giữa huấn luyện với rèn luyện kỷ luật, xây dựng cho LLTV có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống trong sạch, lành mạnh; chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật công tác, chỉ thị của cấp trên; tích cực tham gia xây dựng Ban chỉ huy quân sự Trường và đơn vị vững mạnh toàn diện, làm điểm tựa vững chắc đấu tranh chống các phần tử cơ hội chính trị, thoái hóa, biến chất tuyên truyền xuyên tạc quan điểm, chủ trương của Đảng về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2.3.2. Tích cực tuyên truyền cho lực lượng tự vệ hiểu đúng quan điểm của Đảng ta về đối tác, đối tượng

Chủ động tuyên truyền để LLTV hiểu đúng quan điểm của Đảng về đối tác, đối tượng, không mắc mưu khiêu khích của các phần tử xấu tuyên truyền kích động gây mất đoàn kết quốc tế, nhất là quan hệ láng giềng thân thiện với các nước xung quanh; không tự ý tuyên truyền nói và làm trái với nội dung quan điểm của Đảng về ĐĐT của cách mạng Việt Nam.

Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền vận động LLTV theo đúng quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới; kịp thời định hướng tư tưởng, dư luận trong nhà trường, đơn vị, không để kẻ xấu lợi dụng xuyên tạc kích động phá hoại tư tưởng. Chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn, không để lộ lọt thông tin, bí mật Nhà nước.

2.3.3. Lực lượng tự vệ nhà trường phải kiên quyết đấu tranh phê phán những quan điểm, nhận thức sai trái về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam

Chủ động phát hiện và kiên quyết đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; đấu tranh phản bác những quan điểm, tư tưởng sai trái, ngăn chặn kịp thời mọi biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” về tư tưởng, chính trị; trực tiếp góp phần xây dựng Ban chỉ huy quân sự Trường và đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Tích cực đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, nói, viết và làm trái quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phê phán những tư tưởng sai trái, những nhận thức lệch lạc, góp phần giữ vững ổn định về chính trị, tư tưởng trong nhà trường, trong đơn vị và trên địa bàn.

Khi phát hiện những biểu hiện nhận thức sai trái trong nhà trường và trong đơn vị phải kịp thời báo cáo cấp trên, đồng thời tích cực đấu tranh, phân tích làm rõ để thống nhất cách hiểu đúng quan điểm của Đảng về ĐTĐT của cách mạng Việt Nam.

Trước những sự kiện phức tạp, nhạy cảm, nhất là diễn biến tình hình trên biển Đông, tình hình biên giới đất liền, phải bình tĩnh, tỉnh táo quán triệt theo thông báo, định hướng của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và Ban chỉ huy quân sự Trường. Không tự ý tuyên truyền nội dung sai trái, kích động hận thù dân tộc.

2.3.4. Nâng cao trách nhiệm của lực lượng tự vệ trong học tập, rèn luyện nâng cao nhận thức về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới

Quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm của Đảng, tình hình nhiệm vụ quốc phòng, QSDP; đặc biệt là các nội dung cơ bản về ĐTĐT theo quan điểm của Đảng, đồng thời nắm vững tình hình, hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Thực hiện đầy đủ, có kết quả các nội dung chương trình huấn luyện LLTV tại chỗ hằng năm, thuần thục các động tác kỹ, chiến thuật cá nhân, phân đội, sử dụng tốt các loại vũ khí, khí tài được giao, đối phó hiệu quả với các tình huống có thể xảy ra. Tích cực tham gia xây dựng khu vực phòng thủ, củng cố hệ thống công sự, trận địa, các công trình quốc phòng; bảo vệ các kho tàng không để cháy nổ, mất mát góp phần xây dựng nhà trường vững mạnh toàn diện, xây dựng địa bàn trong sạch.

Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; xung kích trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học; tích cực tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xóa đói, giảm nghèo, phòng chống thiên tai, bài trừ hủ tục mê tín, tiêu cực và tệ nạn xã hội, góp phần xây dựng nhà trường và địa phương vững mạnh.

3. KẾT LUẬN

Trên cơ sở đánh giá thực trạng nhận thức của LLTV nhà trường về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới, tác giả đề xuất một số biện pháp giáo dục nâng cao nhận thức cho LLTV về đối tác, đối tượng của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới, làm cho LLTV nhận thức rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, SSCĐ và chiến thắng trong mọi tình huống, nắm chắc nội dung quan điểm của Đảng ta về xác định ĐTĐT của cách mạng Việt Nam trong tình hình mới góp phần tăng cường, củng cố hơn nữa vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, phục vụ thiết thực và có hiệu quả sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Nghị quyết 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.*
2. *Tài liệu Giáo dục chính trị cho lực lượng Dân quân tự vệ năm 2019, Nxb. Quân đội nhân dân.*

PHÒNG CHỐNG “TỰ DIỄN BIẾN”, “TỰ CHUYỂN HÓA” TRONG SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT HIỆN NAY

Đại tá Phạm Quốc Đảm*

Tóm tắt: “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” được thể hiện trước hết là ở sự dao động về chính trị, mất định hướng, khủng hoảng niềm tin, đường lối chiến lược và lý luận. Ở Việt Nam, trước sự tấn công của kẻ thù bằng “diễn biến hòa bình” đã làm xuất hiện ở một bộ phận cán bộ, đảng viên bệnh cơ hội, thực dụng, thiếu trung thực, thái độ thờ ơ, giảm sút lòng tin, phai nhạt lý tưởng, kỷ cương, kỷ luật không nghiêm, nói và làm trái với quan điểm, đường lối của Đảng, trong đó sinh viên là một trong những đối tượng dễ bị ảnh hưởng bởi các căn bệnh nói trên. Vì vậy, để chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong sinh viên có hiệu quả trước hết cần chỉ ra những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa để có các giải pháp giáo dục sinh viên phù hợp.

Từ khóa: Diễn biến hòa bình, tự diễn biến, tự chuyển hóa, sinh viên

1. MỞ ĐẦU

“Tự diễn biến” tức là sự yếu kém của mỗi người không có khả năng để tự bảo vệ chân lý, lẽ phải, những vấn đề lý luận quan trọng nằm trong ý thức hệ của dân tộc, của Đảng. Nói cụ thể hơn là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng như thế nào trong công cuộc đổi mới, hay dao động về lập trường tư tưởng, vào hòa một cách vô ý thức, thậm chí có những suy tính cá nhân, cơ hội, vụ lợi. Vô hình chung tiếp tay cho kẻ thù và các thế lực thù địch, phản động. Nguy hại hơn là làm mất đoàn kết, gây nên tình trạng không thống nhất về tư tưởng, quan điểm, dẫn đến không thống nhất về hành động, làm suy yếu tổ chức.

“Tự chuyển hóa” là tự từ bỏ vị trí, chỗ đứng của mình là một người chân chính để trở thành kẻ đồng lõa với cái xấu, cái ác trong xã hội. Sự chuyển hóa này làm cho họ đánh mất phẩm chất, nhân cách, đánh mất ý thức chính trị và bản lĩnh chính trị của mình. Tự chuyển hóa làm cho họ đánh mất lý tưởng và mục tiêu, chệch khỏi con đường xã hội chủ nghĩa hoặc tán thành tự giác hoặc không tự giác với âm mưu thủ đoạn phá hoại của kẻ địch.

“Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là sự tự thay đổi theo hướng tiêu cực, suy thoái trong tư tưởng chính trị, đạo đức và lối sống. Từ “tự diễn biến”, đến một mức độ nào đó sẽ chuyển sang “tự chuyển hóa”; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đang diễn ra ngày một mạnh mẽ trong sinh viên; nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do sự suy thoái

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống theo chiều hướng tiêu cực. Sự thiếu tu dưỡng, học tập, rèn luyện hoặc tôn sùng lối sống thực dụng, thích hưởng thụ hơn là cống hiến,... trong một bộ phận sinh viên. “Tự chuyển hóa” là hậu quả tất yếu của quá trình “tự diễn biến”, nếu không được phát hiện và ngăn chặn kịp thời. Đó là thời điểm đã có sự thay đổi về bản chất. “Tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là một loại kẻ thù giấu mặt, một thứ “giặc nội xâm” rất khó nhận diện và vô cùng nguy hiểm. Vì thế, phòng chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” đang là nhiệm vụ cấp bách, hàng đầu của Đảng, Nhà nước và của nhà trường hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Xuất thân từ những gia đình có hoàn cảnh khác nhau, nhưng sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất nói riêng đều có những hoài bão lớn, tập trung về các khu vực thành phố và trung tâm kinh tế để học tập và sinh sống. Họ là lực lượng trẻ, tiên phong, đang trong giai đoạn phát triển mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần; được thừa hưởng những thành quả của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, được cống hiến và trưởng thành trong sự ổn định về chính trị, sự phát triển vững chắc của kinh tế - xã hội, được gia đình và xã hội dành cho nhiều cơ hội học tập để có trình độ văn hóa, chuyên môn cao hơn các lớp sinh viên đi trước. Hầu hết sinh viên say mê học tập nâng cao trình độ, nắm bắt các tri thức của nhân loại và luôn khát khao hoàn thiện mình về mọi mặt,...

Tuy có thể mạnh là nhanh nhạy trong việc tiếp thu các thông tin mới trong khoa học cũng như những luồng tư tưởng mới trong xã hội, nhưng hầu hết sinh viên trong nhà trường còn hạn chế trong khả năng phân tích và chọn lọc thông tin. Chính vì vậy, lực lượng này dễ bị kích động, lôi cuốn vào những hoạt động không lành mạnh,... Đây chính là điểm yếu của sinh viên mà các thế lực thù địch đã chọn làm đối tượng để thực hiện lôi kéo, tạo dựng lực lượng chống phá cách mạng nước ta.

Một số sinh viên có nhận thức mơ hồ về chính trị - xã hội, phai nhạt về mục tiêu lý tưởng, thiếu lòng tin vào con đường quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Theo báo cáo của Vụ Công tác Học sinh - Sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay đang xuất hiện “làn sóng ngầm” trong sinh viên khi họ thể hiện thái độ đòi bỏ các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong chương trình đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp. Nguy hiểm hơn, có nơi, một bộ phận sinh viên đang mơ hồ về những âm mưu, hoạt động chống phá Nhà nước Việt Nam của các thế lực phản động, họ bị kích động, lôi kéo, tiếp tay, tạo cơ hội cho các thế lực này thực hiện âm mưu chống phá trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

Một bộ phận sinh viên chưa ý thức cao về trau dồi tri thức, thiếu trung thực trong học tập, thi cử và trong cuộc sống. Bên cạnh số đông sinh viên luôn ý thức cao, siêng năng trau dồi kiến thức, kiên trì phấn đấu để đạt thành tích cao trong học tập và tích lũy kinh nghiệm thì còn một bộ phận sinh viên xác định sai mục đích học tập, lười nghiên cứu khoa học. Đáng phê phán hơn, còn một bộ phận sinh viên thiếu trung thực trong học tập và thi cử. Họ xem việc sao chép (photo) tài liệu, ăn cắp ý tưởng của người khác trong thi cử, làm tiểu luận và luận văn tốt nghiệp là một việc bình thường.

Đời sống văn hóa của sinh viên diễn biến theo chiều hướng phức tạp, xa rời những giá trị tốt đẹp của dân tộc, xu hướng sính ngoại, đua đòi. Ngoài ra, họ còn coi trọng giá trị vật chất hơn giá trị tinh thần, quan tâm những lợi ích trước mắt hơn những lợi ích lâu dài, một bộ phận sinh viên đang có lối sống vị kỷ, thờ ơ với các phong trào thanh niên, phong trào sinh viên. Bên cạnh những thay đổi theo hướng tích cực, thì có một số vấn đề tiêu cực đã, đang và ngày càng thịnh hành trong đời sống của chúng ta, đặc biệt là đối với sinh viên - thế hệ trẻ của đất nước mà chúng ta cần phải quan tâm, đó là chủ nghĩa thực dụng. Chủ nghĩa này đã làm cho sinh viên chạy theo lối sống hưởng thụ vì họ cho là hợp mốt, sành điệu. Là tầng lớp trí thức, là những chủ nhân tương lai của đất nước nhưng họ lại có số sống thờ ơ, vô cảm trước những cái xấu, cái ác trong xã hội. Họ sống vội, sống gấp, chạy theo lối sống thực dụng, lối sống ích kỷ, trong nhiều tình huống, sinh viên ngày càng thoái hóa với những biểu hiện, hành động thực dụng, thiếu suy nghĩ.

Có thể nói, nhận biết “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong sinh viên không đơn giản chỉ dựa trên một vài biểu hiện bề ngoài. Vì thực tế, hiện tượng bề ngoài không phải lúc nào cũng phản ánh bản chất bên trong. Vì thế, việc kết luận một sinh viên nào đó có vấn đề “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” cần phải thận trọng, khách quan trên cơ sở phân tích, tổng hợp các dấu hiệu diễn ra mang tính hệ thống trong một quá trình nhất định.

2.3. Một số giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất trước nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” hiện nay

Để chống lại nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất có hiệu quả, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các phòng chức năng và các khoa chuyên môn cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên trong nhà trường. Về tổ chức, phải xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo Đoàn có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có

trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức và lối sống trong sạch lành mạnh, giản dị, có ý chí vươn lên trong cuộc sống cũng như trong học tập, nghiên cứu khoa học, có uy tín và gần gũi với quần chúng. Về nội dung hoạt động của tổ chức Đoàn phải phong phú, thiết thực, sinh động với mục tiêu là giáo dục cho sinh viên sống và làm việc theo pháp luật, có ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; làm cho học sinh, sinh viên nhận rõ mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, kiên định với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã vạch ra,...

Thứ hai, tăng cường giáo dục cho sinh viên về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quán triệt chủ trương đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Muốn công tác này đạt kết quả tốt, phòng Công tác Chính trị - Sinh viên phối hợp chặt chẽ với các khoa, các bộ môn nhất là khoa Lý luận chính trị, khoa Giáo dục quốc phòng thông qua các bài giảng, các giờ lên lớp để giáo dục nhân sinh quan, thế giới quan theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các chuẩn mực đạo đức cách mạng, các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, đồng thời đấu tranh, phê phán những quan điểm, biểu hiện sa sút về tư tưởng chính trị, lệch lạc, vi phạm những chuẩn mực đạo đức, lối sống. Làm rõ âm mưu thủ đoạn trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch để sinh viên chủ động đấu tranh, ngăn chặn, phòng ngừa.

Thứ ba, tăng cường đầu tư trang thiết bị, từng bước cải thiện nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho sinh viên. Phòng Cơ sở vật chất, phòng Kế hoạch Tài chính cần tập trung cải thiện điều kiện cơ sở vật chất sinh hoạt trong ký túc xá của nhà trường, xây dựng ký túc xá thành môi trường trong sạch, lành mạnh, xây dựng các sân thể thao phục vụ cho các hoạt động ngoại khóa, giảm tới mức tối thiểu những vụ vi phạm. Chú trọng đầu tư tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm, bãi thực hành, thư viện nhất là thư viện điện tử để thu hút sinh viên vào hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, đổi mới trang thiết bị kỹ thuật thông tin theo hướng hiện đại, đồng bộ để hòa nhập với trình độ khoa học - kỹ thuật thông tin quốc tế, phát huy tính hiệu quả cao của các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ tư, nhà trường cần tiếp tục triển khai cuộc vận động “*Học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*” gắn với thực hiện cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*” để xây dựng nền tảng đạo đức trong sinh viên; bồi dưỡng lòng yêu thương con người, lối sống trung thực, giản dị, cần, kiệm, liêm, chính; giữ gìn bản sắc dân tộc, nhân rộng các tấm gương “*Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại*”. Có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, năng lực đội ngũ cán bộ phòng Quan hệ Công chúng và Doanh nghiệp, phòng Công

tác Chính trị - Sinh viên và những cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa, truyền thông, trong đó đặc biệt chú trọng đến các lực lượng xung kích trên mặt trận đấu tranh phòng chống “diễn biến hòa bình”. Kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và sinh viên.

Thứ năm, cần tiếp tục thực hiện tốt 08 nhiệm vụ trong công tác xây dựng Đảng mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã đề ra, coi đó là những nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa lâu dài và phải thực hiện thường xuyên có hiệu quả, cần tập trung vào một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay mà Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XI đã đề ra: “*Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng*”¹. Để thực hiện tốt vấn đề này, Đảng ủy nhà trường cần làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ nhà trường. Chấp hành nghiêm túc các quy định về bảo vệ bí mật quốc gia, quy chế phát ngôn, quy chế cung cấp thông tin, tài liệu trong nhà trường. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình; nâng cao chất lượng sinh hoạt học tập của các chi bộ trong nhà trường, tăng cường tính chiến đấu của các cấp ủy đảng cơ sở, nhất là chi bộ sinh viên và các đảng viên trong chi bộ. Trong sinh hoạt cần truyền đạt sao cho ngắn gọn và súc tích về lý luận, đồng thời tăng cường thời lượng thảo luận, tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên là sinh viên trao đổi, thảo luận để nâng cao nhận thức cả về lý luận và thực tiễn. Bên cạnh đó, tập trung giữ vững kỷ luật phát ngôn, đi đôi với mở rộng dân chủ, phát huy tư tưởng độc lập, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm trong sinh viên.

Thứ sáu, khoa Giáo dục quốc phòng tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên làm công tác giáo dục quốc phòng, trước hết là đổi mới phương thức, phương tiện, tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng theo phân cấp cho các đối tượng cán bộ của nhà trường nhất là các bộ làm công tác quản lý và đội ngũ giảng viên. Đối với sinh viên, cần nâng cao chất lượng bài giảng, bổ sung điều chỉnh giáo trình, tài liệu Giáo dục quốc phòng và an ninh cho phù hợp, sát với điều kiện thực tiễn. Nội dung giáo dục phải toàn diện, phù hợp với từng đối tượng sinh viên. Mục tiêu giáo dục không chỉ nhằm nâng cao quan điểm, nhận thức, ý thức trách nhiệm của sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, mà còn phải chú trọng rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về lý luận chính trị, nội dung, phương pháp, kinh nghiệm thực tiễn trong chiến đấu phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Cần giáo dục làm cho sinh viên nhận thức sâu sắc đặc điểm, tình hình, yêu cầu mới về quốc phòng, an ninh, nâng cao ý thức cảnh giác trước những âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trong giai

¹ Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa XI; Nxb. Chính trị Quốc gia.

đoạn hiện nay, xây dựng lòng tin vào bản lĩnh con người Việt Nam, tin tưởng vào Đảng, xây dựng lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tự hào về truyền thống dân tộc, ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cho mọi sinh viên,...

Thứ bảy, phòng Quan hệ Công chúng và Doanh nghiệp, phòng Công tác Chính trị - Sinh viên cần phối hợp chặt chẽ với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên để tổ chức các buổi tuyên truyền, giáo dục mục tiêu lý tưởng, đạo đức, lối sống cho sinh viên, phát động các phong trào thi đua, nêu gương những người tốt, việc tốt; lấy nhân tố tích cực đẩy lùi tiêu cực để bản thân mỗi sinh viên có ý thức tự giác rèn luyện, tu dưỡng, không ngừng trau dồi đạo đức cách mạng thì chúng ta sẽ có một thế hệ chủ nhân tương lai vừa có tri thức khoa học, vừa vững vàng về ý chí, lý tưởng. Đến lúc đó, các thế lực thù địch dù có nham hiểm và thâm độc đến đâu cũng sẽ thất bại trong âm mưu chống phá cách mạng nước ta.

3. KẾT LUẬN

Để chủ động kịp thời ngăn chặn “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong sinh viên có hiệu quả, chúng ta cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho sinh viên. Nâng cao nhận thức cho sinh viên về lập trường, mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kịp thời thông tin, tuyên truyền cung cấp thông tin chính thống, định hướng nhận thức đúng đắn cho sinh viên về những vấn đề được dư luận quan tâm, không để các thế lực xấu lợi dụng xuyên tạc, kích động, chống phá. Tích cực đấu tranh phòng, chống các biểu hiện tiêu cực, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những sai phạm theo quy định của pháp luật, đặc biệt là các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức trong nhà trường.

Mặc dù, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là vấn đề hết sức nguy hại, nhưng nó có xâm nhập được vào cán bộ, sinh viên nhà trường hay không, điều đó phụ thuộc vào chính những sinh viên, vào khả năng đề kháng, tự vệ và sức mạnh của các tổ chức trong nhà trường. Đấu tranh phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” là yêu cầu, nhiệm vụ và trách nhiệm của mọi sinh viên trong nhà trường hiện nay, góp phần xây dựng Trường Đại học Mở - Địa chất ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; luôn luôn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thì không một thế lực thù địch nào có thể làm cho chúng ta “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” theo ý đồ thâm hiểm của chúng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phòng chống “diễn biến hòa bình” ở Việt Nam. Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.14.
2. Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.303.
3. Tạp chí Quốc phòng toàn dân, số 12/2016, Cơ quan lý luận quân sự và chính trị của Đảng ủy quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, tr.51.
4. Tạp chí Cộng sản, số 825-7/2011, Cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. tr.71.
5. Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương khóa XI; Nxb. Chính trị Quốc gia.

PHÒNG, CHỐNG VÀ NGĂN CHẶN ÂM MƯU DIỄN BIẾN HÒA BÌNH CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI Ở NƯỚC TA THỜI GIAN QUA

*Thượng tá Nguyễn Văn Phong**

Tóm tắt: Chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch hòng xóa bỏ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) đã và đang diễn ra, trong đó có Việt Nam bằng các thủ đoạn. Các đối tượng phản động luôn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo nhất là lợi dụng địa bàn vùng núi cao, nơi cư trú và sinh sống của các dân tộc thiểu số (DTTS), đời sống còn nhiều khó khăn, kinh tế, văn hóa xã hội còn thấp, phong tục tập quán còn lạc hậu, ... để hoạt động chống phá làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đến công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam. Tác giả đưa ra các giải pháp đồng bộ để đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, nâng cao nhận biết cho đồng bào DTTS và miền núi nước ta, cùng với các cấp, các ngành và hệ thống chính trị xây dựng Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN) bền vững.

Từ khóa: Chiến lược; diễn biến hòa bình; dân tộc, tôn giáo; dân tộc thiểu số.

1. MỞ ĐẦU

Trong mấy thập kỷ qua, xung đột sắc tộc, tôn giáo đã và đang nổ ra gây mất ổn định ở nhiều quốc gia, khu vực trên phạm vi và quy mô toàn cầu. Các thế lực thù địch đã lợi dụng, cấu kết với một số phần tử và tổ chức phản động nhằm thực hiện âm mưu phá hoại, xóa bỏ quá trình xây dựng CNXH ở các nước Đông Âu, Liên Xô cũ. Cho đến ngày nay các thế lực thù địch vẫn đang tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” đối với 05 nước đang xây dựng CNXH còn lại, trong đó Việt Nam là một trong những mục tiêu trọng điểm, quan trọng mà chúng đang hướng tới.

Đối với Việt Nam, trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, các đối tượng phản động luôn chú ý lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, nhất là lợi dụng địa bàn vùng núi cao, là nơi cư trú và sinh sống chủ yếu của đồng bào các DTTS, đời sống còn gặp nhiều khó khăn, so với mặt bằng chung đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của đồng bào DTTS còn thấp; trình độ dân trí chưa cao, nhiều phong tục, tập quán lạc hậu vẫn còn tồn tại, ... để hoạt động chống phá, kích động xu hướng ly khai, tự trị gây phức tạp đến an ninh trật tự, làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết toàn dân.

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, các thế lực thù địch có sự điều chỉnh về thủ đoạn “diễn biến hòa bình” rất nguy hiểm, do đó việc đấu tranh phòng, chống âm mưu diễn biến hòa bình luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, coi đó là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên, liên tục để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đối với lực lượng vũ trang nhân dân phải luôn tỉnh táo, tuyệt đối không được lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, nhận diện đúng để từ đó xem xét, phân tích, để vạch trần bản chất và có biện pháp phòng, chống hiệu quả âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

2. NỘI DUNG

2.1. Mục tiêu, biểu hiện âm mưu diễn biến hòa bình của thế lực thù địch

“Diễn biến hòa bình” là một khái niệm bắt đầu xuất hiện vào những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, khi chủ nghĩa đế quốc sử dụng “diễn biến hòa bình” để chống phá các nước đối địch, nhất là đối với nước Nga, sau cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại đã hình thành nên Nhà nước Xô viết đầu tiên trên thế giới của giai cấp công nông. Trong giai đoạn hiện nay, khái niệm “diễn biến hòa bình” còn được biết đến với nhiều tên gọi khác nhau như “chuyển hóa hòa bình”, “biến đổi hòa bình”, “cạnh tranh hòa bình”, “vượt trên hòa bình”, “chính sách giải phóng”, “chiến tranh không có tiếng súng”, “chiến thắng không cần chiến tranh”, hay “phương pháp phi vũ trang”,... Mục đích của “diễn biến hòa bình” mà các thế lực thù địch đưa ra chính là hình thành nên một cuộc đấu tranh về hệ tư tưởng, về thể chế chính trị, dùng biện pháp “phi vũ trang” là chủ yếu nhằm chống phá, tiến tới lật đổ chế độ chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa, là nhằm xóa bỏ CNXH trên phạm vi toàn cầu.

Để đạt được mục đích xóa bỏ CNXH trên phạm vi toàn cầu, các thế lực thù địch đặt ra các mục tiêu và phương thức hành động cụ thể, đồng thời sử dụng, thực hiện các phương thức đó ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Chúng đã (i) Tuyên truyền, xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, thay thế bằng hệ tư tưởng tư sản; (ii) Âm mưu thực hiện “đa nguyên chính trị”, “đa đảng đối lập” đối với các nước xã hội chủ nghĩa; (iii) Gây mâu thuẫn nội bộ, phá vỡ sự đồng thuận xã hội và khi có thời cơ thì lôi kéo, tiến hành bạo loạn chính trị bằng nhiều thủ đoạn và chiêu trò khác nhau; (iv) Làm suy yếu, chệch hướng phát triển của nền kinh tế, tiến tới chi phối, lũng đoạn, khống chế kinh tế trong các nước XHCN; (v) Chuyển hoá văn hoá, đạo đức, lối sống XHCN theo “giá trị Mỹ”, phương Tây; (vi) Thực hiện âm mưu “phi chính trị hoá” để “vô hiệu hoá” Quân đội trong các nước XHCN.

Đối với Việt Nam, để thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” các thế lực thù địch, đặc biệt là Mỹ đã được đẩy mạnh từ nhiều năm qua với mục tiêu nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ mục tiêu xây dựng Nhà nước

Việt Nam XHCN vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và khối đại đoàn kết toàn dân mà Đảng, Nhà nước, Hồ Chủ tịch và nhân dân ta đã và đang vun đắp, xây dựng.

Những năm qua, các thế lực thù địch đã dùng nhiều phương thức, biện pháp khác nhau, trong đó chúng đặc biệt coi trọng, tập trung mũi nhọn vào việc phá hoại tư tưởng, qua đó tạo ra sự xói mòn về niềm tin của nhân dân với Đảng, với chế độ XHCN bằng cách tuyên truyền, xuyên tạc nhằm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; đẩy mạnh hoạt động xuyên tạc lịch sử; thực hiện âm mưu “phi chính trị hóa” Quân đội và Công an,... Các thế lực thù địch luôn thay đổi phương thức, chiêu trò để kích động và xúi giục người dân chống phá cách mạng, chống phá Đảng và Nhà nước. Đáng chú ý, thời gian gần đây, Mỹ và các thế lực thù địch tích cực đẩy mạnh, đẩy nhanh quá trình “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, đưa ra những luận điệu lập lờ, lẫn lộn giữa hai mặt tích cực và tiêu cực, giữa tư tưởng xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đến đảng viên và quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó, ngoài việc công kích trực diện vào nền tảng tư tưởng, các thế lực thù địch trà trộn vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo ở các cấp, cách ngành, trà trộn vào các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức tôn giáo, vào vùng đồng bào DTTS và miền núi,... để từng bước thực hiện tuyên truyền kích động gây mâu thuẫn, chia rẽ trong nội bộ. Với mưu đồ gây chia rẽ nội bộ, từng bước làm cho Đảng ta “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” từ bên trong, các thế lực thù địch ra sức tuyên truyền, bịa đặt về các phe phái trong Đảng, nhất là lợi dụng việc đấu tranh chống tham nhũng để xuyên tạc là thanh trừng nội bộ, thậm chí thường xuyên dựng chuyện, thổi phồng những sai lầm, thiếu sót của một số cán bộ, đảng viên, qua đó gây hoang mang, tạo bức xúc trong dư luận xã hội, kích động người dân gây mất an ninh, trật tự,... Bằng nhiều cách thức tác động tinh vi, xảo quyệt đối với từng đối tượng cụ thể, trong đó đối với các tầng lớp nhân dân, các thế lực thù địch đã lợi dụng việc tiếp cận thông tin còn hạn chế, đưa những thông tin sai lệch, nhằm tạo khoảng trống trong tư tưởng nhân dân, làm cho nhân dân hoài nghi, mất niềm tin với chế độ, với Đảng, với Nhà nước, từ đó chúng kích động các hoạt động gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Không dừng lại đó, thời gian qua thông qua các kênh thông tin truyền hình, phát thanh ở nước ngoài, mạng xã hội và các phần tử cực đoan, chống đối Đảng và Nhà nước ở Việt Nam.

2.2. Thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Việt Nam thời gian qua

Thực hiện âm mưu, chiến lược "diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam, thời gian qua cũng như hiện nay, Mỹ cùng các thế lực thù địch, phản động đã và đang triệt để lợi dụng các vấn đề về DTTS, vấn đề "dân tộc bản địa" để chống phá Việt Nam trên

mặt trận dân chủ, nhân quyền, gia tăng hoạt động với nhiều thủ đoạn, phương thức khác nhau, tập trung tại các địa bàn chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và tại địa bàn ngoại biên. Để thực hiện nhanh, hiệu quả chiến lược "diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam, các thế lực thù địch coi đây là mũi nhọn, ngòi nổ tiến công để phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc, tiến tới mục tiêu xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và lật đổ chế độ XHCN ở Việt Nam. Hoạt động chính của các thế lực thù địch, phản động là tập trung tuyên truyền xuyên tạc, đả kích chính sách, pháp luật về dân tộc của Nhà nước ta; xuyên tạc, vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền, "chèn ép", "phân biệt đối xử", đàn áp người DTTS. Chúng còn triệt để lợi dụng, khai thác những vấn đề phức tạp do lịch sử để lại ở các vùng dân tộc để kích động xuyên tạc sự thật, vu cáo Đảng, Nhà nước ta ngược đãi, phân biệt, đối xử bất bình đẳng với DTTS. Lợi dụng khó khăn về đời sống, chênh lệch giàu nghèo giữa người DTTS với người Kinh; khuyết điểm trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo ở vùng đồng bào DTTS, chúng ra sức tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo Đảng, Nhà nước ta. Thời gian qua, số cực đoan tại các nước Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), các nước thuộc EU đã tổ chức nhiều cuộc điều trần, hội thảo, họp báo, ra tuyên bố, ban hành nghị quyết xuyên tạc, bóp méo tình hình nhân quyền ở các vùng DTTS Việt Nam, trong đó tập trung vu cáo, xuyên tạc vùng đất của người DTTS và việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý đồ là quốc tế hóa vấn đề như "Vương quốc Khmer Krôm", "Vương quốc Chăm", "Nhà nước Mông", "Nhà nước Tin lành Đêga" hướng tới ly khai, tự trị, độc lập. Các cơ quan, tổ chức như Bộ Ngoại giao, Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Mỹ, Nghị viện châu Âu, Tổ chức theo dõi Nhân quyền (HRW), Ân xá Quốc tế (AI) đã tổ chức nhiều đoàn lâm thời, thường trú vào Việt Nam đi các vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ,...

Trong bài viết này, chúng tôi đưa ra một biểu hiện cụ thể để minh chứng cho quá trình thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, mà cụ thể là Sự hình thành "Nhà nước Đêga độc lập" ở các tỉnh Tây Nguyên, hình thành Tin lành Đê Ga ở Tây Nguyên,... Vấn đề tôn giáo ở Tây Nguyên trong quá khứ cũng như hiện tại gắn với vấn đề dân tộc, đó là điều mà các thế lực phản động vẫn lợi dụng vấn đề này nhằm chia rẽ tôn giáo, chia rẽ Kinh - Thượng, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc, các yếu tố chính trị lợi dụng tín ngưỡng của quần chúng vẫn tồn tại và tiếp tục là một trong những vấn đề chính trị - tôn giáo hết sức gay gắt và nhạy cảm. Đặc biệt là, "vấn đề Tin lành" qua 02 cuộc bạo loạn chính trị năm 2001 và 2004 càng để lại những mặc cảm sâu sắc trong cán bộ và chính quyền địa phương khi mà vấn đề an ninh quốc gia, đại đoàn kết dân tộc, quan hệ Kinh - Thượng đã được đặt ra trực tiếp, không để cán bộ đảng viên, quần chúng nhân dân ở địa phương có thể phân biệt rạch ròi giữa "tự do tôn giáo" và "lợi dụng chính trị qua tôn giáo."

Vấn đề dân tộc ở Tây Nguyên đã bị nhiều thế lực thù địch lợi dụng bằng cách kích động đồng bào các DTTS tại chỗ đòi tự trị, với mục tiêu đấu tranh giành cho các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên một quốc gia riêng, một Quân đội riêng; chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm âm mưu “đồng hóa”, “diệt chủng người Đêga”; bài trừ người Kinh, đã có manh nha xuất hiện vào năm 1957 và hoạt động ở mức độ cầm chừng, bị Chính quyền Ngô Đình Diệm đánh đuổi phải chạy sang Campuchia.

Ngày 25/06/1965, tại Hội nghị nhân dân Đông Dương lần thứ nhất ở Phnôm Pênh, Campuchia, có 02 tổ chức khác cùng giương khẩu hiệu đấu tranh cho quyền tự trị của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là Mặt trận giải phóng Chămpa (Front de Liberation du Châm - Viết tắt là FLC), Mặt trận giải phóng dân tộc Khome Krôm (Front de Liberation du Kampuchia Krom - Viết tắt là FLKK) cùng với tổ chức “Mặt trận giải phóng dân tộc cao nguyên” (Front de Liberation des Hauts Plateaux Montagnards - Viết tắt là FLHPM) đã sáp nhập thành “Mặt trận thống nhất giải phóng các dân tộc bị áp bức” (Front Unifié de Libération des Races Opprimées - Viết tắt là FULRO. Đây là tổ chức chính trị có vũ trang, với mục tiêu thành lập một Nhà nước tự trị ở Tây Nguyên.

Ngay sau khi chiến tranh giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước vào năm 1975, tổ chức FULRO đã nổ súng tấn công vào nhiều buôn làng ở khu vực Tây Nguyên và ra nhiều thảm họa, chết chóc, tang thương. Khoảng năm 1985, tổ chức FULRO ở các tỉnh Tây Nguyên cơ bản bị đánh bại và tan rã, số còn lại chạy sang Campuchia, đến năm 1992 còn lại 407 tên hàng UNTAC (cơ quan chuyển tiếp của Liên Hợp Quốc tại Campuchia) đã nộp vũ khí sau đó được đi định cư ở Colorado - Mỹ. Lúc này FULRO tuyên bố giải tán cả về chính trị và quân sự; sau đó tiếp tục hoạt động với hình thức tuyên truyền, vận động thành lập tổ chức mới của người Thượng ở nước ngoài. Cuối năm 1999, Ksor Kok - đứng đầu Hội những người miền núi (MFI) thành lập năm 1992 tại hải ngoại đã tuyên bố thành lập “Nhà nước Đêga”, tự xưng là “Tổng thống Nhà nước Đêga độc lập” và bắt đầu kế hoạch gây dựng lực lượng trong nước, chúng đặt ra cơ cấu tổ chức gồm: Tổng thống tự phong là Ksor Kok; Thủ tướng tự phong là Y Bhi Kbuar; 05 bộ (Quốc phòng, Ngoại giao, Tư pháp, Kinh tế và Y tế). Toàn bộ khung tổ chức trung ương đều nằm bên ngoài, còn hệ thống tổ chức chân rết ở trong nước thì lôi kéo giao cho các đối tượng FULRO cũ nắm giữ. Những kẻ cầm đầu “Nhà nước Đêga” đề ra mục tiêu đòi lại “đất nước Đêga” ở Tây Nguyên. Chúng dùng thủ đoạn bắt bạo động, ôn hòa, thông qua vấn đề dân chủ, nhân quyền để đấu tranh chính trị bên ngoài, kêu gọi quốc tế thừa nhận, giúp đỡ. Kết hợp tuyên truyền tác động vào trong nước, lôi kéo tập hợp đông người tham gia, khi có điều kiện thì đấu tranh, gây sức ép với chính quyền, chuyển hóa từng bước thành đấu tranh vũ trang để công khai hóa các hoạt động của “Nhà nước Đêga độc lập” tại Tây Nguyên.

Tin lành được truyền bá vào Việt Nam, trong đó có các tỉnh Tây Nguyên từ lâu, tuy nhiên vào những năm 1954 - 1975, lợi dụng cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ, Hội Liên hiệp phúc âm và truyền giáo (CMA) đẩy mạnh hơn bao giờ hết việc đầu tư tiền của, phương tiện giúp Tổng liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) xây dựng hệ thống tổ chức, mở rộng các cơ sở tôn giáo, kinh tế, văn hóa, xã hội ở nhiều nơi, trong đó có thành lập 02 Trường kinh thánh hệ trung cấp được xây dựng ở Đà Lạt và Buôn Mê Thuột đào tạo giáo sĩ cho vùng Tây Nguyên.

Theo thống kê năm 1975, Tin Lành có khoảng 15.000 tín đồ tại khu vực Nam Trường Sơn - Tây Nguyên trên tổng cộng hơn 60.000 tín đồ cả nước. Tuy nhiên, những năm gần đây, Tin Lành phát triển nhanh đột biến trong vùng đồng bào DTTS, tăng gấp vài ba lần, thậm chí cả chục lần so với năm 1975.

Sau ngày giải phóng miền Nam năm 1975, do mất chỗ dựa ở chính quyền Mỹ - Ngụy, một số mục sư, truyền đạo và tín đồ Tin lành bị tổ chức phản động FULRO lôi kéo, mua chuộc, tỏ ra bất hợp tác với chính quyền. Một số nhà thờ Tin lành ở Tây Nguyên là cơ sở hỗ trợ cho FULRO, gây mất ổn định chính trị.

Tháng 6/1999, Ksor Koh (người dân tộc Ja Rai, sinh năm 1945, nguyên lính ngụy Sài Gòn, định cư tại Mỹ) cùng với một số tên cầm đầu khác sang Pháp gặp những người nghiên cứu về lịch sử Việt Nam để tìm kiếm những "sắc lệnh" trước đây có liên quan đến người Thượng. Cuối năm 1999, Ksor Koh chính thức thành lập "Nhà nước Đêga tự trị" lưu vong tại Mỹ để đấu tranh đòi lại đất nước Đêga ở Tây Nguyên và hoạt động công khai tại Mỹ.

Trong hai cuộc biểu tình bạo loạn (tháng 2/2001 và tháng 4/2004) chúng đã kích động, lôi kéo trên 20.000 người DTTS tham gia, trong đó phần lớn là người theo đạo Tin lành. Tuy các tỉnh đã tập trung đấu tranh xóa bỏ, nhưng chúng vẫn lén lút kích động đồng bào tham gia "Tin lành Đêga" phục hồi trở lại 15 làng, trong đó 05 làng đã hình thành bộ khung, hầu hết số cầm đầu đều do các đối tượng FULRO trốn ngoài rừng và lưu vong chỉ đạo. Để tránh phát hiện "Tin lành Đêga" chỉ đọc kinh cầu nguyện tại gia hoặc nhóm họp nhỏ lẻ ở một vài gia đình. Khi có sự lôi kéo của số FULRO ngoài rừng, chúng sẽ tham gia hoạt động nuôi dẫu, tiếp tế và nhận nhiệm vụ đi tuyên truyền, vận động quần chúng biểu tình bạo loạn phục hồi "Tin lành Đêga".

Hay như thời gian gần đây, các thế lực thù địch, phản động đã núp bóng danh nghĩa tôn giáo để lập ra một số tổ chức nhằm kích động, lôi kéo, tập hợp một bộ phận người DTTS nhẹ dạ, cả tin tham gia các hoạt động chống phá Đảng và chính quyền nhân dân, trong đó có cuộc bạo loạn đòi thành lập Vương quốc Mông ở huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên năm 2011 đã lôi kéo được 7.000 người tham gia, do Vàng A Ía, Thào A Lù đã cùng một số người Mông đi tuyên truyền, lôi kéo đồng bào người Mông

từ các nơi về để tụ tập tại bản Huổi Khon xã Nậm Kè, Mường Nhé với mục đích "Xung vua, lập Vương quốc Mông", đòi quyền tự do tôn giáo, quyền tự trị cho người Mông. Hay như gần đây nhất đối tượng Vừ Thị Dợ - sinh năm 1978, người Mông, sinh sống tại Mỹ thường xuyên tuyên truyền đạo với cái tên "Bà cô Dợ" qua mạng xã hội với các nội dung chủ yếu các đối tượng tuyên truyền mê tín dị đoan, xuyên tạc Kinh thánh, đã kích các tôn giáo chính thống, chê bai phong tục truyền thống của người dân tộc Mông; tuyên truyền về ngày tận thế, việc vua Mông ra đời,... Ngoài việc truyền đạo, "Bà Cô Dợ" còn xuyên tạc, lôi kéo người dân thực hiện mục đích chính trị, thành lập "Nhà nước Mông"; thực hiện nhiều hoạt động tuyên truyền gây hoang mang trong đồng bào dân tộc Mông,... Đặc biệt gần đây, trong bối cảnh cả nước đang gồng mình chống dịch Covid-19 số đối tượng cầm đầu "Bà Cô Dợ" vẫn tìm cách móc nối, lôi kéo quần chúng bằng các phần mềm, ứng dụng trên internet để tổ chức các buổi sinh hoạt, tuyên truyền và chỉ đạo các hoạt động ở trong nước lại có những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, phản khoa học. "Không được tiêm vaccine phòng dịch bệnh Covid-19 vì sẽ làm giảm trí nhớ, gây hại sức khoẻ cho con người". Đồng thời, hướng dẫn cách thức đối phó với cơ quan y tế để không tiêm vaccine phòng Covid-19.

2.3. Nhận diện đúng và thực hiện quyết liệt, thường xuyên các giải pháp phòng, chống "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch

Trước những âm mưu, thủ đoạn nguy hiểm của các thế lực thù địch, trong thời gian tới đòi hỏi chúng ta phải luôn chủ động, kiên quyết trong nhận diện, đấu tranh phòng, chống "diễn biến hoà bình". Cụ thể:

Thứ nhất, cần xác định công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, phải được triển khai tích cực, thường xuyên và lâu dài. Tuyên truyền giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao cảnh giác, tạo sức đề kháng trước những thông tin, quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ hai, cấp uỷ, chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, củng cố và giữ vững lập trường tư tưởng, chính trị cho cán bộ, đảng viên. Đối với tổ chức đảng, phải thường xuyên chăm lo xây dựng nội bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện, chủ động nắm bắt tình hình, định hướng dư luận không để bị động, bất ngờ khi có tình huống xảy ra, coi đây là yếu tố then chốt trong công tác phòng chống "diễn biến hoà bình".

Thứ ba, tập trung xây dựng lực lượng Quân đội và Công an vững mạnh về chính trị trong tình hình mới, bởi đây là lực lượng chủ công, nòng cốt trong việc đảm bảo an ninh trật tự và an ninh quốc gia, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và nhân dân.

Thứ tư, xây dựng tổ chức lực lượng nòng cốt trong công tác đấu tranh phòng chống “diễn biến hòa bình” bao gồm nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân, xây dựng được các lực lượng chủ công trên từng lĩnh vực tư tưởng, chính trị, văn hóa, văn học, nghệ thuật, kết hợp giữa tin bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, kể cả mạng xã hội, báo cáo viên, thông tin chuyên đề thời sự trong sinh hoạt đảng, đoàn thể.

Thứ năm, phát huy tối đa vai trò của báo chí, truyền thông đối với công cuộc đấu tranh phòng, chống “diễn biến hoà bình” và đổi mới phương pháp tiếp cận.

3. KẾT LUẬN

Trong đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trong vùng đồng bào DTTS và miền núi ở nước ta cần có sự đổi mới cách tiếp cận mục tiêu, tập trung, kiên quyết vạch trần những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị, đồng thời tập trung sâu hơn vào việc hình thành khả năng “miễn nhiễm”, nâng cao “sức đề kháng” của xã hội trước những thông tin xấu độc. Trong đó, mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là thế hệ trẻ cần trang bị những có kiến thức, kỹ năng để làm tốt công tác tham mưu, công tác đấu tranh chống “diễn biến hòa bình”. Điều đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ, đảng viên phải không ngừng tự nghiên cứu, học tập, trau rèn nhận thức, bản lĩnh chính trị, trước những tư tưởng sai trái, lệch lạc, không để mình bị “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Bên cạnh đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn phát huy vai trò "hạt nhân" tại cơ sở để đưa những thông tin chính thống, tích cực, trở thành tấm gương sáng góp phần tạo niềm tin của đồng bào đối với Đảng, để từ đó khiến các thế lực thù địch không còn "đất" để xuyên tạc, chống phá.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2002), *Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 26/08/2002 về “Đẩy mạnh công tác phát động quần chúng và đấu tranh ngăn chặn, chống biểu tình, bạo loạn, vượt biên”*.
2. Quang Minh (2002), *Các thế lực thù địch muốn gì ở Tây Nguyên Việt Nam*, Tạp chí Những vấn đề quốc tế, số 12.
3. Lê Hồng Phong (2010), *Đạo tin lành trong đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, số 12.
4. Thảo Xuân Sùng (2000), *Vấn đề dân tộc trong chiến lược an ninh quốc phòng*, Tạp chí Nghệ thuật quân sự, số 03.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HIỆN NAY

*ThS. Trần Văn Tùng**

Tóm tắt: Trong những năm qua công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) đã được các bộ, ngành Trung ương, cấp ủy chính quyền địa phương và Hội đồng GDQP&AN các cấp quan tâm lãnh đạo chỉ đạo đạt kết quả khá tốt, từng bước nâng cao về chất lượng, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và toàn dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong bài viết tác giả phân tích thực trạng công tác GDQP&AN và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GDQP&AN ở các trường đại học. Các giải pháp này cũng giúp nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ khóa: Chất lượng, giảng dạy, Giáo dục quốc phòng và an ninh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhằm phát triển GDQP&AN, những năm qua Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách đề cập trên tất cả các mặt (giảng viên, cơ sở hạ tầng, đổi mới nội dung, chương trình,...) và bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định: GDQP&AN đi vào nề nếp, chất lượng, hiệu quả được nâng lên,... Tuy nhiên, so với yêu cầu xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh (QP&AN), bảo vệ Tổ quốc hiện nay thì công tác GDQP&AN cho sinh viên đòi hỏi phải cần tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác này.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, tiềm ẩn những yếu tố khó lường. Đối với nước ta, các thế lực thù địch vẫn luôn tìm mọi cách chống phá, chủ yếu bằng chiến lược “diễn biến hoà bình”, nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở Việt Nam, xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Nhằm xây dựng và bảo vệ vững chắc nước Việt Nam XHCN, chúng ta cần xây dựng một thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trong đó học sinh, sinh viên (SV) trên cả nước là một lực lượng đông đảo, có đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, có tiềm năng sáng tạo, có khả năng tiếp cận và làm chủ khoa học kỹ thuật hiện đại và là chủ nhân tương lai của đất nước. Do đó, nâng cao chất lượng giảng dạy môn

* Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

GDQP&AN là “...nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương”¹. GDQP&AN được tiến hành “bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng”².

Quan điểm của Đảng, Nhà nước ta, GDQP&AN là tổng thể các hoạt động giáo dục xây dựng, nâng cao phẩm chất, năng lực về QP&AN cho công dân Việt Nam trong các hoạt động nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/02/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới đã xác định: “GDQP&AN là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân”³. Vì vậy, đội ngũ giảng viên giảng dạy môn GDQP&AN phải có những giải pháp phù hợp với từng đối tượng người học, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong những năm qua

Trong những năm qua, công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh đã được các bộ, ngành Trung ương, cấp ủy chính quyền địa phương và Hội đồng GDQP&AN các cấp quan tâm lãnh đạo chỉ đạo đạt kết quả khá tốt, từng bước nâng cao về chất lượng, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên và toàn dân với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Công tác GDQP&AN cho học sinh, sinh viên ở các cấp học từ trung học phổ thông đến đại học trên cả nước đi vào nề nếp, chất lượng, hiệu quả được nâng cao. Hệ thống trung tâm GDQP&AN cho sinh viên đang hoạt động đã phát huy tốt vai trò, chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức GDQP&AN cho sinh viên đạt kết quả tốt, trang bị cho thế hệ trẻ lòng yêu nước, nâng cao nhận thức, xác định rõ hơn nghĩa vụ, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác GDQP&AN vẫn còn một số hạn chế như: Việc cập nhật một số văn bản, hướng dẫn còn chậm, thiếu đồng bộ, hiệu quả và khả năng thực thi chưa cao; chương trình, nội dung môn học GDQP&AN có mặt còn chưa theo kịp sự phát triển của tình hình thế giới, khu vực, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện đầy mạnh

¹ Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

² Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

³ Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng trên các lĩnh vực; đội ngũ giảng viên, giáo viên ở các cơ sở giáo dục và đào tạo, trung tâm GDQP&AN trên phạm vi cả nước còn thiếu về số lượng, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu đề ra về chất lượng; cơ sở vật chất, kinh phí bảo đảm còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng hiệu quả công tác GDQP&AN cho học sinh, sinh viên; việc triển khai các đề án của Thủ tướng Chính phủ chưa bảo đảm tiến độ như Đề án theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 20/05/2015 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động GDQP&AN; một số thông tư hướng dẫn thực hiện có những nội dung đã không còn phù hợp với điều kiện tình hình hiện nay như: Thông tư liên tịch số 123/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐTĐTBXH, ngày 05/11/2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Giáo dục và Đào tạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tổ chức, hoạt động của trung tâm GDQP&AN, liên kết GDQP&AN của các trường cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học; Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐTBXH, ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học GDQP&AN thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng,...

Mặt khác, trong bối cảnh tình hình thế giới luôn có sự biến đổi, đã và đang tác động mạnh mẽ về mọi mặt tới mỗi quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng. Đối với lĩnh vực QP&AN, là các lĩnh vực chịu sự ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ, trực tiếp nhất bởi tình hình và các xu hướng phát triển của thế giới cũng như ở trong nước.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục đại học hiện nay

2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, Ban Giám hiệu các trường đối với môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quán triệt nhiệm vụ chính trị của từng trường và chức trách, nhiệm vụ, vị trí vai trò của giảng viên GDQP&AN. Đây là yếu tố trực tiếp chi phối đến quá trình nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên phục vụ cho việc giảng dạy môn học. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học hiện nay đúng hướng và đạt hiệu quả thiết thực đòi hỏi các cấp ủy đảng, Ban Giám hiệu các trường, đội ngũ cán bộ quản lý phòng, khoa, bộ môn cần nhận thức đúng đắn nhiệm vụ chính trị của nhà trường và chức trách của đội ngũ giảng viên GDQP&AN.

Tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức, lối sống đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Bản thân mỗi cán bộ giảng viên là đảng viên phải nhận thức đúng đắn việc xây dựng phẩm chất, đạo đức lối sống, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức

cách mạng, đề cao tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, tính kỉ luật, dân chủ trong tập thể. Trong công việc, cán bộ, đảng viên phải nêu gương, thể hiện rõ thái độ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước tập thể. Đồng thời, tăng cường công tác quản lí, kiểm tra, giám sát các hoạt động của đội ngũ giảng viên GDQP&AN thường xuyên sẽ đảm bảo cho đội ngũ giảng viên GDQP-AN thực hiện đúng nhiệm vụ giảng dạy.

Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị xác định: “GDQP&AN là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, việc phổ cập và tăng cường giáo dục quốc phòng là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội; phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương”¹. Đây là giải pháp cơ bản, là cơ sở, tiền đề, có ý nghĩa quyết định đối với nâng cao chất lượng GDQP&AN. Bởi vì, trong mọi hoạt động của con người, nhận thức đúng bao giờ cũng là cơ sở, tiền đề, hướng dẫn chỉ đạo hành động, phát huy trách nhiệm, động cơ thái độ, nâng cao ý chí quyết tâm của chủ thể và lực lượng trong quá trình nâng cao chất lượng giảng dạy môn học có tính đặc thù như môn học GDQP&AN trong giai đoạn hiện nay.

2.2.2. Xây dựng đội ngũ giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh đảm bảo về số lượng và chất lượng

Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo nói chung, GDQP&AN nói riêng, đội ngũ giảng viên là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN. Do đó, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo nhằm chuẩn hóa đội ngũ giảng viên GDQP&AN là vấn đề cấp thiết hiện nay. Căn cứ vào tình hình thực tế đội ngũ giảng viên GDQP&AN của từng trường, từng địa phương mà có những kế hoạch, lộ trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cho phù hợp. Theo Quyết định số 607/QĐ-TTg, ngày 24/04/2014 của Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo giảng viên, giáo viên GDQP&AN cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020”². Tập trung xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu giảng dạy. Vì vậy, phát triển đội ngũ giảng viên GDQP&AN là một yêu cầu tất yếu, khách quan, là yếu tố cơ bản trong hoạt động dạy - học, quyết định đến chất lượng, hiệu quả việc thực hiện chương trình môn học.

Luật GDQP&AN quy định tiêu chuẩn giảng viên, giáo viên giảng dạy GDQP&AN: “Giảng viên, giáo viên GDQP&AN phải có trình độ cử nhân GDQP&AN trở lên; đối với người đã có trình độ cử nhân trở lên ở chuyên ngành khác thì phải có

¹ Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

² Thủ tướng Chính phủ (2014), *Đề án đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020.*

chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP-AN”¹. Luật đã thể hiện rõ những quy định về trách nhiệm của các chủ thể trong nhiệm vụ GDQP&AN, đặc biệt yêu cầu về nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy môn học GDQP&AN ở các trường. Qua đó, trang bị cho SV những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, Quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đội ngũ giảng viên GDQP&AN là lực lượng nòng cốt của các trường cao đẳng, đại học, số lượng, chất lượng giảng viên đóng vai trò quyết định chất lượng GDQP&AN. Chất lượng đội ngũ giảng viên ở các trường là tổng hòa những giá trị được tạo ra từ số lượng cơ cấu tổ chức đội ngũ, phẩm chất chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm và trình độ năng lực của đội ngũ. Bảo đảm cho đội ngũ giảng viên thực hiện chức trách nhiệm vụ, đáp ứng mục tiêu yêu cầu nhiệm vụ GDQP&AN. Song song với việc tăng số lượng, việc chú trọng chất lượng của đội ngũ giảng viên là vô cùng quan trọng vì đây là yếu tố quyết định đến chất lượng của giáo dục nói chung và bộ môn GDQP&AN nói riêng.

2.2.3. Đổi mới tư duy, phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển toàn diện năng lực cho sinh viên giai đoạn hiện nay

GDQP&AN là môn học đặc thù nên có lý thuyết và có thực hành, vừa giáo dục tư tưởng, vừa rèn luyện thể chất. Vì vậy, SV sau khi tiếp cận với kiến thức đòi hỏi phải biết vận dụng những kiến thức đó vào thực tế. Theo quan điểm giáo dục hiện đại, lý thuyết phát triển năng lực thể hiện được ưu thế trước những yêu cầu đổi mới giáo dục Việt Nam. Việc dạy học theo định hướng phát triển toàn diện năng lực thực hiện không chỉ chú ý đến việc tích cực hoá người học về mặt trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện cho họ những năng lực giải quyết các vấn đề gắn với thực tiễn, những tình huống nghề nghiệp, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương đề ra.

Hiện nay, giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển toàn diện năng lực đang trở thành xu thế phổ biến trên thế giới. Nên đội ngũ giảng viên GDQP&AN cần quan tâm đến việc đào tạo con người biết vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ vào giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn, cung cấp cho họ những năng lực cần thiết, phù hợp. Do đó, bản thân giảng viên trước hết là phải gương mẫu, thực hiện đúng giờ giấc lên lớp, trang phục đúng quy định, ngôn phong, động tác phải đúng và chuẩn mực. Đặt công

¹ Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*. Nxb. Hồng Đức.

tác giáo dục về ý thức, nề nếp là ưu tiên hàng đầu trong giảng dạy môn học này. Mặt khác, đối với giảng viên GDQP&AN, công việc giảng dạy phải gắn liền với nghiên cứu khoa học, để không ngừng tích lũy kiến thức, trau dồi tư duy, nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần tìm ra những hình thức, biện pháp thích hợp để truyền đạt tri thức tới người học. Tổ chức các hoạt động giảng dạy phải luôn luôn đổi mới, phong phú, đa dạng tạo kích thích hứng thú cho SV như: Trong quá trình học tập, giảng viên đưa ra một số quy định buộc SV phải tham khảo giáo trình, tài liệu để SV chủ động nắm bắt nội dung môn học, nhằm hiểu sâu hơn nữa kiến thức. Đồng thời, cần hướng dẫn cải tiến phương pháp học tập cho SV, bởi hoạt động của giảng viên trên lớp đã bao hàm hoạt động của sinh viên. Như vậy, hoạt động học của SV luôn chứa đựng vai trò giảng dạy của giảng viên. Để dự báo năng lực học tập, tự giáo dục của SV, năng lực giảng dạy của giảng viên, từ đó điều chỉnh, đổi mới phương pháp học tập cho SV, phương pháp giảng dạy của giảng viên; Tạo hứng thú cho SV thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin vào từng nội dung bài giảng của môn học GDQP&AN; việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy trở nên vô cùng phong phú và đa dạng, có hiệu quả rất nhiều trong việc tạo hứng thú cho học sinh khi tiếp cận môn học. Song song với sử dụng công nghệ thông tin, thì giảng viên nên kết hợp trình chiếu các thước phim tư liệu có liên quan đến bài học và các loại tranh, ảnh được trang bị ngay tại phòng truyền thống (hay phòng học chức năng), điều này nhằm kích thích tính tò mò, thích thú, tìm hiểu của các em đối với môn học. Ngoài ra, giảng viên tạo hứng thú cho SV thông qua các hình thức khác như: cho SV tham gia đi thực tế, tổ chức các buổi hội thao quốc phòng, tổ chức trò chơi để các em có điều kiện giải trí, rèn luyện thể lực tăng cường sức khỏe, thể hiện tốt năng lực của mình; Đồng thời, giảng viên cần đổi mới mạnh mẽ phương pháp kiểm tra, đánh giá, việc phải đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hoá quá trình học tập của SV, giảng viên phải tạo ra được cơ chế buộc SV phải tham gia tích cực học tập, chủ động tham khảo tài liệu, chủ động nắm bắt nội dung môn học, từ đó SV hiểu sâu hơn nữa kiến thức đã được trang bị. Việc kiểm tra, đánh giá đối với SV phải đa dạng, hài hòa, toàn diện mới kích thích được sự tự kiểm tra và tự đánh giá mình qua quá trình học tập cũng như rèn luyện.

2.2.4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy

Một trong những vấn đề góp phần quan trọng, ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy môn học GDQP&AN là cơ sở vật chất, các phương tiện hỗ trợ cho quá trình dạy và học. Hiện nay, những điều kiện nêu trên mới chỉ dừng lại ở mức độ đáp ứng được một phần yêu cầu với môn học. Để có sự đồng bộ thống nhất thì các trường đại học, cao đẳng nên trang bị phòng truyền thống (hay phòng học chức năng), trưng bày những hình

ảnh tư liệu, mô hình có tính mô phạm tiếp nối những tư liệu mà các em đã được trang bị ở trung học. Ngoài ra, hệ thống sân tập, trang phục, trang bị đầy đủ các loại vũ khí, lựu đạn mô hình để phục vụ giảng dạy đối với môn học có tính đặc thù như GDQP&AN. Đồng thời, trang bị thêm những phương tiện cần thiết nhất, bổ sung các loại giáo trình, sách báo, tài liệu tham khảo trong hệ thống thư viện là vô cùng cần thiết; đặc biệt là các loại tài liệu tham khảo phải được cập nhật thường xuyên, đảm bảo việc khai thác thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng. Cùng với đó, tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào giảng dạy, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy để tăng tính hấp dẫn của môn học.

2.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm đối với công tác Giáo dục quốc phòng an ninh.

Kiểm tra, thanh tra là những nội dung quản lý Nhà nước về GDQP&AN, được quy định cụ thể trong Luật GDQP&AN. Thông qua kiểm tra, thanh tra kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương "người tốt, việc tốt", nhân rộng những điển hình tiên tiến, có biện pháp khắc phục những hạn chế, giải quyết dứt điểm vướng mắc, bất cập nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

Thường xuyên làm tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm. Qua đó chỉ ra được hạn chế, vướng mắc, thiếu sót của cơ chế, quy định hiện hành, từ đó kịp thời tham mưu, tư vấn cho Đảng, Chính phủ và các ban, bộ, ngành chức năng bổ sung, hoàn thiện, chuẩn hóa các quy định của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh.

3. KẾT LUẬN

Để nâng cao chất lượng GDQP&AN tại trường đại học và cao đẳng cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp; trong đó, xây dựng, kiện toàn đội ngũ giảng viên GDQP&AN đủ về số lượng, đảm bảo về trình độ, có chất lượng chuyên môn nghiệp vụ được coi là trọng tâm. Thực tế cho thấy, nghiên cứu về giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học môn GDQP&AN là một vấn đề lớn, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, trí tuệ tập thể. Nên có thể khẳng định, môn học GDQP&AN có vai trò, ý nghĩa rất to lớn trong việc giáo dục nâng cao ý thức, phẩm chất đạo đức cách mạng của mỗi SV trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt, trong điều kiện đất nước hội nhập và phát triển hiện nay, việc nâng cao ý thức, trách nhiệm và hiểu biết về kiến thức QP&AN là một nhiệm vụ thiết thực hơn bao giờ hết. Vì vậy, việc giảng dạy môn học GDQP&AN là một nhiệm vụ quan trọng và rất có ý nghĩa, giúp SV ý thức đoàn kết dân tộc và không ngừng phấn đấu học tập vươn lên, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
2. Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục quốc phòng - an ninh năm học 2017 - 2018* (ban hành kèm theo Công văn số 4888/BGDĐT-GDQPAN ngày 18/10/2017).
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
5. Quốc hội (2013), *Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh*, Nxb. Hồng Đức.
6. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Đề án đào tạo giáo viên, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020.*

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

TS. Phạm Đình Tâm*

Tóm tắt: Quản lý Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) không chỉ giúp cho hoạt động GDQP&AN theo quy trình chuẩn mực mà còn đáp ứng được nhiệm vụ và theo định hướng của Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP&AN trong tình hình mới; Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong thời gian qua, đã có nhiều văn bản chỉ đạo của các bộ, ngành về đổi mới trong quản lý môn học GDQP&AN về nội dung, chương trình và chất lượng đào tạo, kiểm tra đánh giá, tăng cường cơ sở vật chất. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý môn học GDQP&AN của các trường cũng còn một số bất cập. Trên cơ sở điều tra khảo sát về thực trạng quá trình quản lý hoạt động GDQP&AN của một số trường đại học hiện nay, tác giả đã đưa ra một số giải pháp cơ bản về quản lý GDQP&AN cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Quản lý, Giáo dục quốc phòng và an ninh, sinh viên, trường đại học

1. MỞ ĐẦU

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCHN) là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của hoạt động GDQP&AN, vì vậy cần phải nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDQP&AN trong hệ thống giáo dục quốc dân đặc biệt trong các cơ sở giáo dục đại học hiện nay. Thực tế chỉ ra rằng, cùng với việc chuẩn hóa chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học GDQP&AN là việc xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng giảng viên GDQP&AN có trình độ đại học có đạo đức, có sức khỏe và kiến thức quốc phòng và an ninh, kỹ năng quân sự cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

GDQP&AN cho sinh viên là một nội dung, nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học. Trong bối cảnh phát triển của đất nước hiện nay, để nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý hoạt động GDQP&AN ở các trường đại học cần phải coi trọng công tác quản lý. Để quản lý có hiệu quả, cần phải phân cấp quản lý và xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm cho từng cấp quản lý. Phải tạo ra cơ chế phát huy cao độ trách nhiệm chủ thể của các lực lượng quản lý.

* Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng quản lý Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học hiện nay

Qua việc sử dụng các phương pháp điều tra khảo sát khác nhau (điều tra bằng phiếu điều tra, sử dụng phương pháp chuyên gia, phương pháp thu thập số liệu thống kê,...) về quá trình quản lý GDQP&AN cho sinh viên các trường đại học, chúng tôi đã xác định được một số hạn chế về quản lý chương trình, phương pháp giảng dạy, phát triển và quản lý giảng viên, cán bộ quản lý, quy mô đào tạo, cơ cấu ngành học, điều kiện học tập, phương pháp tổ chức hoạt động đào tạo, công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng như sau:

Mục tiêu, chương trình, tổ chức dạy học GDQP&AN đã được áp dụng theo văn bản mới, tuy nhiên chưa thống nhất được nội dung, còn nhiều nội dung chưa cập nhật thông tin mới.

Mặc dù về cơ bản, đội ngũ giảng viên GDQP&AN ở các trường đã có đủ về số lượng, nhưng chưa thật sự đáp ứng tốt yêu cầu về chất lượng.

Bộ máy quản lý nhiều bộ phận chồng chéo nên hiệu lực quản lý chưa cao; tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa được phát huy đầy đủ.

Việc quản lý hoạt động dạy của giảng viên và học tập của sinh viên còn chưa đi vào nề nếp.

Việc quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng, dạy GDQP&AN chưa đáp ứng yêu cầu của việc nâng cao chất lượng dạy học.

Từ công tác GDQP&AN ở các trường đại học, những kết quả đạt được cũng như những tồn tại trong thời gian qua đã khẳng định môn học GDQP&AN ngày càng được Đảng, Nhà nước và toàn dân đặc biệt quan tâm, đã từng bước thay đổi từ giảng dạy không tập trung đến tổ chức giảng dạy tập trung và quản lý theo môi trường giáo dục Quân đội, đã góp phần hình thành nhân cách người học và thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

2.2. Một số giải pháp tăng cường quản lý Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học

2.2.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của đổi mới quản lý Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường đại học

Nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp và toàn thể cán bộ giảng viên của nhà trường về sự cần thiết phải đổi mới quản lý GDQP&AN, qua đó tạo sự thống nhất, đồng thuận, tạo động lực cũng như quyết tâm đổi mới. Không có đổi

mới trong nhận thức chắc chắn không có đổi mới trong hành động, sự đồng thuận trong đổi mới càng cao thì động lực và sức mạnh đổi mới càng lớn.

Nâng cao nhận thức về cơ hội và thách thức của các nhà trường trong bối cảnh mới của toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, những thuận lợi khó khăn, điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường từ đó nhận thức rõ về sự cần thiết phải đổi mới và định hướng đổi mới của nhà trường trong thời gian tới.

Quá trình đổi mới trước hết và quan trọng nhất phải được bắt đầu từ đội ngũ lãnh đạo, đặc biệt từ đội ngũ lãnh đạo trong Ban Giám hiệu nhà trường.

Chuyển từ tư duy quản lý truyền thống theo cơ chế tập trung bao cấp và cơ chế xin cho sang tư duy quản lý mới theo hướng quản trị đại học.

Phải xác định đúng vị trí môn học GDQP&AN trong nhà trường là một trong những động lực của đổi mới quản lý đào tạo và nâng cao chất lượng môn học GDQP&AN của trường. Lấy người học làm trung tâm, không nên quan niệm người học là đối tượng quản lý của nhà trường mà phải xem họ là khách hàng, là trung tâm của quá trình giáo dục, là đối tượng được chăm sóc, phục vụ của nhà trường.

Triển khai các văn bản nghị quyết của các cấp về nhiệm vụ GDQP&AN trong trường học nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý. Trong đó, quy định rõ các công việc phải thực hiện, thời gian, địa điểm thực hiện, người chỉ đạo, người chịu trách nhiệm thực hiện, thời gian hoàn thành.

Xác định các nguồn lực và điều kiện để đảm bảo thực hiện kế hoạch nâng cao nhận thức, trong đó có điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng, các hội thảo khoa học, các chương trình nghiên cứu về lĩnh vực quốc phòng và an ninh trong thời gian tới.

Thực hiện kiểm tra, giám sát quá trình GDQP&AN, định kỳ đánh giá kết quả trên cơ sở đã có sự điều chỉnh thích hợp.

Có chính sách khen thưởng thỏa đáng nhằm động viên các cá nhân, tập thể có thành tích trong quá trình thực hiện kế hoạch.

2.2.2. Đổi mới công tác quản lý nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh mới

Nội dung chương trình là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định đến chất lượng giáo dục và đào tạo. Quản lý nội dung chương trình là quản lý các khâu, các bước xây dựng, thiết kế nội dung chương trình và tổ chức, điều khiển quá trình triển khai thực hiện chương trình đó trong thực tiễn. Đổi mới quản lý nội dung chương trình môn học GDQP&AN trong các nhà trường nhằm mục đích chuẩn hoá để thống nhất nội dung

chương trình đáp ứng nhiệm vụ trước mắt cũng như yêu cầu lâu dài của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện tốt Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 về việc ban hành chương trình GDQP&AN trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; biên soạn và xuất bản giáo trình GDQP&AN để thống nhất với văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phấn đấu tất cả các học phần đều có giáo trình và tài liệu dạy, học bảo đảm yêu cầu liên thông và theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Tổ chức chỉ đạo, tập huấn quán triệt chương trình mới; tạo điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện chương trình mới; thường xuyên kiểm tra, đánh giá; gắn việc đổi mới nội dung chương trình với đổi mới phương pháp giảng dạy. Phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của sinh viên trong học tập. Bảo đảm tốt yêu cầu về các nội dung thực hành; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

Đổi mới nội dung chương trình phải được tiến hành đồng bộ với đổi mới các thành tố khác trong hệ thống giáo dục và đào tạo và phải được tiến hành thống nhất trong tổng thể nội dung chương trình đào tạo của nhà trường.

2.2.3. Hoàn thiện cơ chế tổ chức phối hợp giữa các đơn vị trong nhà trường về công tác quản lý Giáo dục quốc phòng và an ninh

Đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo và điều phối một cách thống nhất các hoạt động GDQP&AN trong toàn trường

Tiến hành phân cấp rõ hơn chức năng quản lý điều hành giữa các phòng, ban chức năng và khoa, bộ môn, khắc phục tình trạng cùng một nội dung có nhiều đơn vị cùng tham gia hoặc có những công việc trách nhiệm chưa rõ không có đầu mối quản lý.

Thực hiện triệt để hơn cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong nhà trường nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và tăng cường sự phối kết hợp giữa các đơn vị trong nhà trường.

Cần thực hiện sự phân cấp hợp lý, phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa bộ phận quản lý đào tạo với khoa, bộ môn và các bộ phận quản lý khác trong nhà trường.

Về cơ chế quản lý, cần tiến hành đổi mới đồng bộ tất cả các khâu từ lập kế hoạch đến tổ chức quá trình đào tạo, điều hành chỉ đạo và cuối cùng là kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh hoạt động GDQP&AN.

Hoàn thiện kế hoạch đào tạo môn học GDQP&AN, đây là một trong những khâu quan trọng của quản lý Nhà nước về công tác đào tạo môn học, nhằm xác định mục tiêu, dự báo nhu cầu, nội dung phương hướng và giải pháp thực hiện nhiệm vụ.

Tăng cường công tác chỉ đạo, công tác quản lý hoạt động GDQP&AN trước hết cần tập trung vào khâu chỉ đạo, quản lý nội dung, chương trình, cần bám sát những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chấn chỉnh lại các quy chế thi, kiểm tra theo hướng chặt chẽ cả đầu vào và đầu ra.

2.2.4. Tăng cường cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh

Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP&AN là cách thức phối hợp hoạt động dạy của giảng viên và hoạt động học của sinh viên, đồng thời là cách thức tổ chức tiến hành các buổi học. Đây là khâu quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc chuyển tải nội dung môn học đến với sinh viên nhằm thực hiện các mục tiêu dạy học.

Cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP&AN nhằm mục đích chuẩn hóa, hiện đại hóa phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, tạo ra sự đồng bộ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kích thích tính tích cực hoạt động nhận thức của sinh viên, nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả dạy học đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Cải tiến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học GDQP&AN là quá trình bổ sung, phát triển làm cho phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ngày càng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong tình hình mới.

Nội dung cải tiến phương pháp giảng dạy luôn bị biến động theo sự biến động của mục tiêu GDQP&AN của quốc gia trong từng giai đoạn, theo sự phát triển của lí luận và thực tiễn, theo điều kiện sự phạm cụ thể. Trong bối cảnh hiện nay, các chính sách về quốc phòng, an ninh trên nhiều khu vực đang là vấn đề có tính thời sự, vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật, chiến lược, sách lược thường xuyên biến động khó lường. Điều đó đã tác động trực tiếp đến quá trình giảng dạy môn học GDQP&AN cho sinh viên.

Sinh viên học tập GDQP&AN chỉ trong khoảng thời gian ngắn, việc cải tiến phương pháp học chỉ đặt ra ở mức độ nhất định. Mục đích của cải tiến là làm cho người học biết cách học và hứng thú học tập bộ môn này. Đồng thời, với quá trình giảng dạy các nội dung của môn học, đòi hỏi giảng viên phải dạy cho sinh viên phương pháp học tập đặc thù của môn học này. Có thể tổ chức nói chuyện phương pháp hoặc phổ biến phương pháp học cho sinh viên ngay từ trước khi bước vào học nội dung môn học. Cũng có thể xen kẽ quá trình học tập phải rút kinh nghiệm về phương pháp học.

Đặc biệt, cải tiến hình thức tổ chức dạy học cho sinh viên là phải thiết kế được các hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp tương lai của sinh viên. Chương trình đào tạo ở các trường đại học là đào tạo chuyên môn theo một

ngành nghề cụ thể. Mỗi ngành nghề có những đặc điểm riêng, có yêu cầu riêng. Nếu các hình thức tổ chức dạy học phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp tương lai của sinh viên thì sẽ tạo cho người học biết ứng dụng kiến thức quốc phòng, an ninh vào lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

Nghiên cứu xây dựng phương pháp và hình thức tổ chức dạy, học môn GDQP&AN mang tính đặc trưng có những yêu cầu riêng, không giống với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở các môn học chuyên môn khác mà sinh viên đã biết. Thiết kế các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phải bám sát tính chất, đặc điểm của môn học, bám sát thực tiễn tình hình, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của quốc gia trong thời kỳ mới.

Tổ chức tập huấn nâng cao trình độ phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giảng viên giảng dạy GDQP&AN. Đặc điểm chung của đội ngũ giảng viên là thường được tuyển chọn từ những ngành nghề khác nhau, trình độ sử dụng phương pháp giảng dạy không đồng đều và có nhiều giảng viên chưa đạt chuẩn theo quy định. Vì vậy, việc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học là một yêu cầu tất yếu. Các cơ quan quản lý cần phải có kế hoạch mang tính tổng thể, dài hạn cho việc tập huấn, bồi dưỡng, hoàn thiện kỹ năng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Kết hợp tập huấn, bồi dưỡng với đào tạo chuẩn hóa đội ngũ giảng viên.

2.2.5. Tăng cường quản lý cơ sở vật chất, phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Một trong những yếu tố hết sức quan trọng cùng với việc đổi mới quy trình, chương trình nội dung GDQP&AN là cần phải đầu tư, phát triển phương tiện kỹ thuật dạy học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Mục đích phát triển thiết bị dạy học là hỗ trợ cho đổi mới mục tiêu, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. Phương hướng chung là đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong điều kiện ngân sách Nhà nước còn hạn hẹp; kết hợp giữa hiện đại và truyền thống; giữa kế thừa và phát triển để lựa chọn công nghệ hiện đại phù hợp, đạt hiệu quả đầu tư để thật sự góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Kiện toàn, phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý, khai thác, sử dụng thiết bị dạy học đầy đủ, quản lý thống nhất đạt hiệu quả cao.

Nâng cao nhận thức cho các chủ thể quản lý về vai trò, tầm quan trọng của thiết bị dạy học hiện đại đối với quá trình dạy học GDQP&AN. Tạo sự thống nhất cao nhận thức về vị trí, vai trò của thiết bị dạy học đối với việc nâng cao chất lượng dạy học. Trên cơ sở nhận thức đúng vị trí, vai trò và nội dung yêu cầu công tác phát triển thiết bị dạy học, cấp ủy Đảng các cấp, người chỉ huy và các cơ quan chức năng ở các trường đại học phải không ngừng phát huy trách nhiệm của mình trong việc đầu tư, phát triển

thiết bị dạy học. Các cấp uỷ Đảng phải có nghị quyết chuyên đề về đầu tư, trang bị thiết bị dạy học phục vụ cho quá trình dạy học, cần đánh giá khách quan việc quản lý, khai thác, sử dụng các thiết bị dạy học hiện có, chỉ ra những điểm đạt được và những hạn chế thiếu sót, khuyết điểm còn tồn tại, tìm ra những nguyên nhân khách quan, chủ quan, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác đầu tư phát triển và quản lý thiết bị dạy học của nhà trường. Trên cơ sở đó, đề ra các chủ trương, biện pháp phát triển thiết bị dạy học những năm tiếp theo được hợp lý và hiệu quả.

Đối với các cơ quan chức năng, phải không ngừng nâng cao năng lực tham mưu cho Đảng uỷ, Ban Giám hiệu nhà trường về tổ chức triển khai kế hoạch phát triển thiết bị dạy học. Từ việc quy hoạch, xây dựng, đầu tư, quản lý và công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên trong bảo quản, khai thác, sử dụng.

Về phương diện quản lý, bố trí nhân lực, phân công trách nhiệm của các thành viên vào các vị trí chức năng, nhằm tổ chức thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra. Phải xây dựng các tiêu chí, chuẩn phương tiện và chuẩn danh mục phương tiện để định hướng cho nội dung đầu tư, xây dựng các thiết bị dạy học phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của các nhà trường.

Các nhà trường cần thường xuyên làm tốt công tác bồi dưỡng năng lực khai thác, sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học vào quá trình dạy học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên. Có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng định kỳ các kỹ năng khai thác và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp với điều kiện cụ thể. Phối kết hợp chặt chẽ với việc gửi cán bộ, giảng viên đi đào tạo bồi dưỡng tại các cơ sở chính quy.

Tăng cường công tác thanh, kiểm tra và đánh giá công tác đầu tư, phát triển, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học, đây là hoạt động xuyên suốt trong cả quá trình quản lý tổng thể, bao gồm việc xác định các tiêu chí đánh giá quá trình phát triển, quản lý và sử dụng thiết bị dạy học một cách khoa học, toàn diện; xây dựng quy chế hoạt động thanh, kiểm tra; giám sát việc chi tiêu tài chính và đấu thầu trong xây dựng, mua sắm và sửa chữa, thanh lý phương tiện; giám sát việc thực hiện các biện pháp phát triển; đồng thời tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát triển thiết bị dạy học.

Yêu cầu phát triển thiết bị dạy học hiện đại trong dạy học GDQP&AN phải đảm tính đồng bộ, có kế hoạch khoa học, hợp lý, phù hợp các quy định của Nhà nước và các bộ, ngành liên quan. Phát triển thiết bị dạy học phải đảm tính hiện đại, tiên tiến thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá trong đổi mới giáo dục, đảm bảo tính cơ bản, lâu dài, bền vững, tính kế thừa và đi trước đón đầu, tính kết hợp trên dưới cùng thực hiện.

Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp chặt chẽ xây dựng và kiện toàn danh mục vật chất trang bị đối với từng nhà trường bổ sung vào danh mục thiết bị

dạy học tối thiểu của các cơ sở GDQP&AN. Đồng thời, phối hợp chỉ đạo công tác bảo đảm, hướng dẫn các nhà trường triển khai thực hiện.

Vũ khí luyện tập phải bảo đảm đầy đủ, đúng chủng loại và có chất lượng, tránh tình trạng giờ tập bắn súng và học chiến thuật như những buổi tham quan.

Bộ Quốc phòng hỗ trợ cho các nhà trường súng cấp 5 và cắt bỏ với chi phí thấp để các nhà trường có thể mua làm mô hình, học cụ trong giảng dạy, trong phòng học chuyên dùng hoặc có thể làm súng huấn luyện để tăng thêm thời gian luyện tập cho sinh viên.

Hiện nay, tỷ lệ sinh viên được bắn đạn thật rất ít, để tăng tính sinh động và sát với thực tế, cần nghiên cứu đầu tư cải tiến và cung cấp các thiết bị kiểm tra chất lượng hiện đại như: máy bắn tập MBT-03, máy bắn tập laser,...

Những điều kiện trên đây nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDQP&AN cho sinh viên tại các trường đại học.

3. KẾT LUẬN

GDQP&AN cho sinh viên là một nội dung, nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học. Trong bối cảnh phát triển của đất nước hiện nay, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động GDQP&AN ở các trường đại học cần phải coi trọng công tác quản lý, tích cực đổi mới các biện pháp quản lý gắn với tăng cường các nguồn lực cho công tác quản lý. Xã hội càng phát triển, khoa học về lĩnh vực quốc phòng, an ninh càng mở rộng thì càng phải tăng cường công tác quản lý.

Để thực hiện thành công việc quản lý hoạt động GDQP&AN nhằm nâng cao chất lượng học tập, cần phải có sự chỉ đạo thống nhất của hiệu trưởng, sự cố gắng, nỗ lực của các tổ chức, lực lượng, trước hết là đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên. Cần thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý hoạt động GDQP&AN. Tuy nhiên, việc thực hiện các giải pháp này cần linh hoạt đối với từng điều kiện thời điểm cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2007), *Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 03/05/2007 về sự tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.*

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020 ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.*

3. Nguyễn Cảnh Toàn (2004), *Học và dạy cách học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

*Thượng tá Hoàng Xuân Trường**

Tóm tắt: *Đổi mới phương pháp dạy học hiện nay được xem là giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục. Đổi mới phương pháp dạy học là phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động và sáng tạo của sinh viên trong học tập. Phương pháp dạy học là yếu tố quyết định hiệu quả của hoạt động dạy, học Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN). Để đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi giảng viên phải có những biện pháp lôi cuốn sinh viên, phát huy tính tích cực của người học nhằm đạt hiệu quả cao. Xuất phát từ tầm quan trọng của GDQP&AN, tác giả không có tham vọng giải quyết mọi vấn đề đổi mới phương pháp dạy học mà chỉ đề xuất một số giải pháp viên góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy môn học và khẳng định tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp dạy học môn học GDQP&AN hiện nay.*

Từ khóa: Đổi mới phương pháp, Giáo dục quốc phòng và an ninh .

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đổi mới phương pháp dạy học là vấn đề đang được xã hội quan tâm, là yếu tố trọng tâm của ngành giáo dục hiện nay. Phương pháp dạy học đang thực sự là yếu tố quyết định hiệu quả của giờ dạy, nhưng thực hiện được điều đó không mấy dễ dàng trong việc dạy học GDQP&AN, đây là môn học đặc biệt, có tính đặc thù cao, có sử dụng đến vũ khí trang bị liên quan đến quốc phòng, an ninh, ít tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất không đồng bộ.

Phương pháp dạy học GDQP&AN là tổng hợp các cách thức hoạt động, phối hợp thống nhất giữa người dạy và sinh viên nhằm thực hiện mục đích, nhiệm vụ dạy học đặt ra. Phương pháp dạy học GDQP&AN là hình thức, cách thức được khái quát hóa hệ thống, trình tự dựa trên cơ sở lý luận, thực tiễn, đúc rút thành kinh nghiệm, trở thành những vấn đề, nguyên tắc, yếu tố, yêu cầu không thể thiếu được để giới thiệu cho người học. Thông qua hình thức, cách tổ chức giảng dạy, người học nắm chắc, hiểu sâu bài giảng, vận dụng thành thạo trong thực tiễn.

Từ tính chất nội dung và việc tổ chức GDQP&AN, các phương pháp dạy học môn học này rất phong phú và đa dạng. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành, giữa các phương pháp mang tính chất

* Khoa Giáo dục quốc phòng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

trừu tượng và cụ thể,... nhằm làm cho sinh viên vừa có nhận thức sâu sắc về đường lối nghệ thuật quân sự, nắm chắc kỹ - chiến thuật, vừa rèn luyện, phát triển các kỹ năng công tác quốc phòng, thuần thục các thao tác hoạt động quân sự. Phương pháp dạy học GDQP&AN ngày nay không ngừng được đổi mới, phát triển theo hướng tăng cường vận dụng các phương pháp dạy học tiên tiến kết hợp với các phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học GDQP&AN.

2. NỘI DUNG

2.1. Thực trạng việc đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Trong những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo việc đổi mới phương pháp dạy học các môn học nói chung cũng như đổi mới phương pháp dạy học môn học GDQP&AN nói riêng nhằm tạo sự chuyển biến căn bản và toàn diện chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, đại bộ phận giảng viên đã nắm được yêu cầu, nội dung của việc đổi mới phương pháp giảng dạy và vận dụng vào hoạt động GDQP&AN.

Phương pháp dạy học mới đã góp phần làm giảm đi cách dạy học truyền thống, truyền thụ kiến thức một chiều “thầy đọc, trò chép” qua đó đã phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong quá trình học tập của sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành và luyện tập nhiều hơn. Nhiều sinh viên đã tham gia vào quá trình học tập, chủ động phát hiện kiến thức dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên bước đầu nắm được phương pháp tự học, cách phối hợp làm việc nhóm, tự tin, chủ động và có hứng thú học tập; nhiều kỹ năng học tập được hình thành và rèn luyện đặc biệt là kỹ năng trình bày thực hành trước tập thể, kỹ năng liên hệ kiến thức đã học với các vấn đề thực tiễn của cuộc sống. Đây cũng chính là các yêu cầu của quá trình đào tạo.

Thực tế quá trình giảng dạy môn học GDQP&AN ở Trường Đại học Mở - Địa chất, chúng ta dễ dàng nhận thấy về cơ bản sinh viên vẫn mang tiêu chí học môn học với phương pháp học thuộc và làm theo hướng dẫn của giảng viên. Phần lớn giảng viên sử dụng phương pháp dạy học mang tính “thầy đọc trò chép” hay “thầy chiếu trò chép, trò chụp lại”. Có thể nói, với phương pháp học này sẽ dẫn đến sinh viên thụ động trong hoạt động học tập và không phát huy được tính tích cực, chủ động của người học. Mặt khác, phương pháp dạy học của đội ngũ giảng viên hiện nay vẫn cơ bản sử dụng phương pháp thuyết trình, đội ngũ giảng viên chưa thực sự quan tâm đầu tư đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, nội dung giảng dạy chưa hướng

tới việc sinh viên hiểu bài, trình bày bài theo cách hiểu của mình hoặc định hướng cho sinh viên giải quyết vấn đề và vận dụng kiến thức giải quyết tình huống thực tiễn. Việc sử dụng các phương tiện dạy học tuy đã được đầu tư nhưng chất lượng khai thác sử dụng chưa thực sự đem lại hiệu quả, hệ thống giáo án, bài giảng chưa được quan tâm cập nhật thường xuyên.

Trên thực tế vẫn còn một số giảng viên có quan niệm chưa đúng về đổi mới phương pháp dạy học. Đó là khuynh hướng phủ nhận gần như hoàn toàn những ưu điểm của phương pháp dạy học truyền thống hoặc đề cao quá mức một phương pháp dạy học nào đó. Có một số giảng viên lên lớp vẫn giảng bài theo kiểu truyền thụ kiến thức một chiều. Giảng viên thuyết trình, cung cấp kiến thức, áp dụng sự hiểu biết của mình tới sinh viên,... hoặc có giảng viên quan niệm đổi mới phương pháp dạy học là phải có hoạt động nhóm nhưng lại lúng túng trong việc tổ chức điều khiển, phối hợp hoạt động của sinh viên trong nhóm để tạo nên kết quả tổng hợp của cả nhóm.

Bên cạnh đó, không ít giảng viên còn phụ thuộc vào giáo án mẫu mà chưa chủ động xây dựng tổ chức hoạt động dạy học, lựa chọn phương pháp và cách đánh giá theo định hướng tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên, một số giảng viên có lúc còn giảng chay, hạn chế trong việc vũ khí trang bị để dạy học hoặc sử dụng không hiệu quả. Giảng viên sử dụng phương pháp dạy học môn học GDQP&AN còn lạc hậu, chưa áp dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại. Một số ít giảng viên chỉ quan tâm đến nội dung bài giảng mà chưa phát huy vai trò tích cực, chủ động của người học, sử dụng nhiều thông tin dữ liệu cũ mà chưa cập nhật những thông tin dữ liệu mới để làm cho bài giảng thêm sinh động; không vận dụng công nghệ hiện đại vào quá trình soạn thảo bài giảng. Đặc biệt, vẫn còn có giảng viên quá coi trọng kinh nghiệm, không bám vào quy định, nguyên tắc và chưa tạo được hứng thú cho người học, chưa quan tâm chia sẻ với sinh viên thậm chí còn máy móc, áp đặt, dập khuôn trong quá trình quản lý và giảng dạy.

Việc sử dụng giáo trình, tài liệu tham khảo phụ thuộc vào Bộ Giáo dục và Đào tạo để biên soạn giáo án, những giáo trình này đã cũ, chưa được cập nhật thường xuyên, nhiều nội dung mới chưa có giáo trình chuẩn nên toàn bộ giảng viên phải tự tìm kiếm, chất lọc các tài liệu ở các nguồn khác nhau và thiết kế bài giảng cho phù hợp với đối tượng sinh viên của nhà trường. Khoa cũng đã lên kế hoạch biên soạn giáo trình phục vụ cho giảng dạy cho phù hợp với đối tượng sinh viên trong nhà trường nhưng không được phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do yêu cầu chuyên môn của việc biên soạn giáo trình chặt chẽ phải là giảng viên chính và có một số công trình khoa học nhất định, mà đội ngũ giảng viên của khoa chưa đáp ứng được nên kế hoạch trên vẫn chưa thực thi được.

Ngoài ra, việc sử dụng không gian lớp học cũng hạn chế cho việc đổi mới phương pháp dạy học, lớp học lý thuyết hiện nay quá đông, nhiều phòng không đủ chỗ ngồi nên việc thiết kế bài giảng phải bảo đảm phù hợp cho tất cả sinh viên nên giảng viên gặp rất nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ sinh viên đã và đang bị tác động to lớn bởi cơ chế thị trường, có những biểu hiện xuống cấp về lối sống, dễ bị kẻ xấu kích động, lôi kéo. Thái độ trách nhiệm của sinh viên khi tham gia học tập môn học này còn bị xem nhẹ và coi là môn phụ, chưa thấy được những giá trị thiết thực từ môn học đem lại nên chỉ học để đối phó.

2.2. Một số giải pháp đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục quốc phòng và an ninh ở Trường Đại học Mở - Địa chất hiện nay

Thứ nhất, đối với mỗi bài giảng cần lồng ghép nội dung và được thiết kế dựa trên bài học của các môn học khác nhau, thông qua đó, sinh viên có được khái niệm sơ lược về quốc phòng và an ninh, tình yêu quê hương đất nước, truyền thống chống giặc ngoại xâm của dân tộc,... kèm theo nội dung chính gắn với chủ đề của bài. Để thiết kế được bài giảng lồng ghép, giảng viên phải nghiên cứu kỹ, có lượng kiến thức phong phú về quốc phòng và an ninh để đưa vào bài giảng cho nhuần nhuyễn, phù hợp, sử dụng các hình ảnh minh chứng, lời nói, phim ảnh, các giản đồ, sơ đồ,... giúp việc truyền thụ kiến thức diễn ra tự nhiên, không gượng ép thông qua đó sinh viên dễ hiểu, dễ nhớ.

Thứ hai, khi giảng dạy các nội dung thực hành, như: điều lệnh đội ngũ, kỹ thuật, chiến thuật, bắn súng, ném lựu đạn,... là những nội dung đặc thù có yêu cầu cao về chuẩn hóa kỹ năng các động tác kỹ, chiến thuật chiến đấu bộ binh từng người, tổ, tiểu đội và phân đội. Do đó, giảng viên nên kết hợp giữa phương pháp giáo dục truyền thống (độc thoại, chủ động truyền đạt kỹ năng, làm mẫu, sinh viên làm theo) với khích lệ, động viên tinh thần học tập, cố gắng của từng cá nhân, tổ, tiểu đội và tổ chức hội thi, hội thao đánh giá chất lượng thực hành của sinh viên. Cùng với đó, trong quá trình giảng dạy, giảng viên kết hợp nêu những kinh nghiệm hay, tình huống sáng tạo, vận dụng kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu, huấn luyện, diễn tập; kết hợp giữa học chính khóa với hoạt động ngoại khóa, như: giao lưu, kể chuyện truyền thống, các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử để bồi đắp thêm kiến thức từ thực tiễn.

Thứ ba, trong kết cấu chương trình giáo dục, môn học GDQP&AN cần được phân ra thành hai loại bài giảng là lý thuyết (lý luận) và thực hành. Để giảng dạy đạt hiệu quả, đòi hỏi giảng viên phải có sự nghiên cứu cặn kẽ cả lý luận và thực tiễn, gắn

kết chặt chẽ giữa lý thuyết với thực hành. Theo đó, với bài giảng lý thuyết cần được thiết kế chi tiết, xác định rõ phương pháp nghiên cứu và hướng dẫn nghiên cứu cho sinh viên, kết hợp các phương pháp hiện đại, tích cực gợi ý câu hỏi và khung thông tin cho trước hoặc học phối hợp trong tổ, nhóm. Bên cạnh đó, giảng viên chú trọng hướng dẫn cho sinh viên chủ động nghiên cứu để từng bước hình thành phương pháp học tích cực, tự học, tự nghiên cứu theo cách riêng, sáng tạo. Đồng thời giảng viên cần sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực; là người thiết kế, tổ chức cùng người học đối thoại tìm phương pháp nghiên cứu, nắm nội dung cốt lõi, khẳng định kết luận của người học để đánh giá kết quả.

Thứ tư, tiếp tục nâng cao chất lượng toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho môn học. Khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Đổi mới chương trình giảng dạy, tài liệu giảng dạy và học tập. Sớm khắc phục tình trạng quá tải, nặng về lý thuyết, nhẹ về thực hành, chưa khuyến khích đúng mức tính sáng tạo của người học. Tập trung xây dựng chương trình bộ môn, sách giáo khoa và các tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập của các cấp học, các ngành học theo hướng cập nhật với tiến bộ khoa học - công nghệ; tăng cường năng lực thực hành, kỹ năng; tăng cường giáo dục công dân về tư tưởng đạo đức, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ năm, nâng cao chất lượng toàn diện cho đội ngũ giảng viên GDQP&AN. Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực nhằm trang bị cho giảng viên những phương pháp dạy học để giảng viên có nhiều cơ hội lựa chọn phù hợp. Chú ý nội dung, hình thức bồi dưỡng, thời gian để thu hút nhiều giảng viên và cán bộ quản lý tham dự. Bồi dưỡng giảng viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và bồi dưỡng dạy học theo phương pháp dạy học theo dự án, để đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học hiện nay. Mời chuyên viên về phương pháp dạy học mới để tập huấn sâu rộng cho giảng viên. Tạo điều kiện cho giảng viên nghiên cứu học tập sách báo, rèn luyện tay nghề.

3. KẾT LUẬN

Đổi mới phương pháp dạy học là một vấn đề rất quan trọng của nền giáo dục tiên tiến. Việc đổi mới phương pháp dạy học là một bước đột phá trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục. Phương pháp dạy học là một thành tố thuộc cấu trúc hoạt động dạy học. Đổi mới phương pháp dạy học góp phần trực tiếp, thiết thực nâng cao chất lượng dạy học. Tuy nhiên, việc đổi mới phương pháp dạy học cần đi đúng hướng,

rộng khắp và liên tục trong hoạt động dạy học của nhà trường. Để việc đổi mới phương pháp dạy học thành công cần kế hoạch hóa việc đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức chỉ đạo việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá và hiệu chỉnh kịp thời những sai lệch trong việc quản lý đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường là một bộ phận của xã hội, giáo dục là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân. Mỗi giảng viên và khoa chuyên môn cần khéo léo phối hợp các lực lượng giáo dục, phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ ngoại lực nhằm nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2004), *Chỉ thị số 40-CT/TW về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*.
2. Đặng Quốc Bảo (2007), *Phát triển giáo dục và quản lý nhà trường, tài liệu tập hợp các bài báo từ 2005 - 2007*.
3. Chính Phủ (2011), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Phạm Hồng Kỳ (2012), “*Một số biện pháp nâng cao chất lượng Giáo dục quốc phòng-An ninh cho học sinh, sinh viên*”, *Tạp chí Dân quân tự vệ*.
5. Phạm Vĩnh Thống, Lê Doãn Thuật (2009), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh, tập 1, dùng cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Hoàng Văn Tòng (2013), “*Quản lý Giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh mới*”, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Hà Nội.

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

80B - Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024.39426744 * Fax: 024.38224784

Website: ww.nxbgtvt.vn * Email: nxbgtvt@fpt.vn

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN, NỘI DUNG:

Giám đốc - Tổng biên tập: Nguyễn Minh Nhật

BIÊN TẬP: Dương Hồng Hạnh

THIẾT KẾ: Trịnh Trọng An

Đối tác liên kết xuất bản:

Trường Đại học Mở - Địa chất

In 220 cuốn khổ 20,5 x 29,5cm, tại Công ty TNHH Sản xuất, TM và Dịch vụ Đức Hải.

Địa chỉ: 264 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 4051-2022/CXBIPH/1-69/GTVT.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-76-2636-5.

Quyết định xuất bản số: 45 LK/QĐ-XBGT ngày 16 tháng 12 năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022.